

895.922 803

ĐC

CH 305 KH

ÔNG VĂN NHỎ

CHIẾN KHU RỪNG SẮT



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

CHIẾN KHU RỪNG SÁT

CHIẾN KHU RỪNG SÁT

Lương Văn Nho — chỉ đạo thực hiện
Trần Phấn Chấn — viết

Nhà xuất bản Đồng Nai — 1983.

*** * ***

Số lượng in : 15.000. Khổ : 13 × 19
Số xuất bản : 13/SĐN-83. In tại Nhà in.
Thanh Niên (Thành Đoàn Tp. Hồ Chí
Minh), 62 Trương Tấn Bửu Phú Nhuận.
In xong tháng 12 năm 1983, Gửi lưu
chiều tháng 12 năm 1983.

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Biên tập :
Sửa bản in :
Chịu trách nhiệm Mỹ thuật :
Bìa của Họa sĩ :

NGUYỄN THỊ THANH THẢO
PHẠM MINH HÀ
THỤY VŨ
PHAN NGUYỄN
ĐÌNH TRĂNG

LƯƠNG VĂN NHỎ

CHIẾN KHU RỪNG SẮT

**NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
1983**

LỜI GIỚI THIỆU

Rừng Sát ở Miền Đông Nam Bộ là tên gọi một vùng rừng cây nước mặn nằm trên địa bàn chiến lược quan trọng án ngữ cửa ngõ phía Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, nơi đây là một trong những chiến khu nổi tiếng, nơi xuất phát của những trận đánh thẳng vào sào huyệt và khu vực kho tàng lớn nhất của địch làm cho chúng nhiều phen khiếp sợ.

Trên vùng sinh lầy nước mặn, người dân Rừng Sát vốn mang đậm tính cách lam lũ làm ăn, khoét rừng vớt nước, thích tự do phóng túng, yêu nước, căm thù giặc sâu sắc. Do đặc điểm về địa lý, Rừng Sát trở thành nơi độ sức quyết liệt giữa ta với quân thù. Vượt lên những khó khăn của một vùng đất thiếu gạo và nước ngọt, bị quân thù vây tỏa ngặt nghèo, quân và dân Rừng Sát với tinh thần « không có gì quý hơn độc lập tự do » đã chiến đấu cực kỳ dũng cảm, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của dân tộc. Trải bao biến động lớn lao trong lịch sử, Rừng Sát như người linh tiên tiên canh giữ một

vùng đất nước, son sắt thủy chung, bất khuất thành đồng.

Việc ghi lại truyền thống đấu tranh kiên cường của quân và dân Rừng Sắt có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Được sự giúp đỡ của Phòng Lịch sử quân sự Quân Khu 7 cùng với nhiều cán bộ chiến sĩ từng tham gia chiến đấu ở Rừng Sắt, đồng chí Lương Văn Nho (người chỉ đạo thực hiện) và đồng chí Trần Phấn Chấn (người viết) đã tiến hành biên soạn cuốn « Chiến khu Rừng Sắt » dưới dạng tập hợp giới thiệu tư liệu lịch sử. Cuốn sách đã được Nhà xuất bản Đồng Nai biên tập và xuất bản.

Thông qua việc giới thiệu mảnh đất con người, quá trình đấu tranh và truyền thống cách mạng của quân và dân Rừng Sắt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cuốn sách nhằm ca ngợi đức linh chịu đựng hy sinh, một lòng một dạ với cách mạng và những cống hiến vô bờ của nhân dân Rừng Sắt; ca ngợi phẩm chất cách mạng trong sáng, tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí sáng tạo, lập được nhiều thành tích xuất sắc của tập thể cán bộ chiến sĩ chiến đấu ở Rừng Sắt; ca ngợi mối tình gắn bó máu thịt giữa nhân dân và bộ đội, giữa tiền tuyến và hậu phương, những người lính từ khắp mọi miền Tổ quốc về đây chiến đấu trong tình thương, chở che đùm bọc của toàn thể nhân dân Rừng Sắt.

Mặc dù đã được cơ quan chuyên môn và các nhân chứng Rừng Sắt đọc bản thảo, góp ý kiến sửa chữa nhiều lần nhưng do việc sưu tầm chỉnh lý tư liệu gặp khó khăn nên cuốn sách chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót, dù sao « Chiến khu Rừng Sắt »

ra mắt bạn đọc là một đáp ứng cần thiết và kịp thời phần nào thỏa mãn nhu cầu tình cảm của quân và dân Rừng Sát, góp phần giáo dục truyền thống và giới thiệu tư liệu, những nét lịch sử độc đáo riêng biệt của một chiến khu ở Miền Đông Nam Bộ.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

PHÒNG LỊCH SỬ QUÂN SỰ QUÂN KIỂM 7

RỪNG SẮT — ĐỊA LÝ — LỊCH SỬ — CON NGƯỜI

*Nhà Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.*

Đứng ở chỗ dòng nước chia hai đó, nơi gặp nhau của ba con sông : Nhà Bè, Lòng Tàu và Soài Rạp, nhìn xa bên hướng Đông Bắc : xứ « Cọp Biên Hòa », nhìn xuống phía Đông Nam : xứ « Ma Rừng Sắt ». Có ai ngờ ở ngay ven thành phố « Hòn ngọc Viễn đông » này lại có một khu rừng mà trước khi quân Mỹ giẫm chân lên đất Việt Nam, người ta còn liệt vào loại rừng chưa khai phá trên thế giới. « Cọp Biên Hòa » đã một « thời vang bóng », « Ma Rừng Sắt » là đề tài hấp dẫn trên những trang báo Sài Gòn xưa kia.

Từ Sài Gòn đi về hướng Đông Nam theo đường chim bay, khoảng bảy tám cây số thôi, ta thấy đất tự nhiên thấp dần, khi nước lớn ở đây chỉ còn lại những gò nổi giữa vòng vây trùng điệp là dừa nước : đó là nơi Rừng Sắt đặt chân lên đất liền. Càng đi dần về hướng Nam, Đông Nam, sinh lầy; sông rạch càng nhiều. Từ trên máy bay nhìn xuống ta thấy cả một tập hợp cù lao mà người ta gọi là những « đảo triều », chỉ chút đảo lớn, đảo nhỏ chen nhau giữa đường lĩ (ở phía Đông) và sông Soài Rạp (ở phía Tây), được tạo nên bằng những dòng sông và hàng ngàn nhánh rẽ.

Nếu « đất liền » là đất có độ cao nhất định và định hình thì Rừng Sát là cái « gạch nối » giữa đất liền với biển, cái gạch nối ở đây không chỉ giữa đất với biển mà còn giữa nước mặn với nước ngọt. Như vậy Rừng Sát là rừng sinh sống trên vùng đất thấp ven biển.

Tại sao gọi là Rừng Sát ? Cũng có sách vở ghi là « Rừng Sác », « Sác » là tiếng nôm chỉ rừng nước mặn trên bãi biển sinh lầy. Sự không thống nhất giữa « Sát » và « Sác » đã nói lên khó khăn trong việc tìm ý nghĩa, lai lịch của nó.

Về sự hình thành của Rừng Sát ở Đồng Nam thành phố Hồ Chí Minh thì chính hình dáng « bàn tay xòe » của sông rạch trên tấm bản đồ Miền Đông đã phần nào giải thích. Sông Vàm Cỏ Tây, sông Vàm Cỏ Đông, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai... là những ngón tay xòe từ lòng bàn tay là Rừng Sát, vươn dài tận biên giới Việt Nam Campuchia. Bốn con sông lớn châu về một hướng với tốc độ giảm dần đã tạo nên sự hội tụ phù sa vùng cửa biển. Trong khi đó dòng thủy triều lại bồi cát thành gờ cao ven biển chặn các luồng lạch tạo thành vùng sinh lầy ứ nước bên trong. Quá trình vận động này đã diễn ra trong khung cảnh của miền khí hậu nhiệt đới. Đó là những điều kiện để cho một thảm thực vật đặc biệt nảy sinh. Nó chỉ gồm vài loại cây bần rễ được vào đất bở, chịu đựng được những thay đổi xoay chiều của trời đất : ngập nước — cạn khô, nước ngọt — nước mặn, nước chua — kiềm, nóng... tất cả phần sinh vật sống phối hợp với phần « không sống » đất, khoáng, nước — thành một hệ sinh thái, ở thể quán tính luôn luôn trẻ nhờ chuyển động nhịp nhàng với thủy triều.

Qua tài liệu của Pháp, của Mỹ rồi của ta ngày nay, người ta thấy đất đai Rừng Sài mỗi năm đều có thay

đồi, chỉ nói riêng hai thứ đất và nước, chỉ một năm thôi, nhưng khoảng khắc ba trăm sáu mươi lăm ngày ấy đủ cho khoa học địa lý chứng minh sự thay đổi hàng bao nhiêu mét trên thực địa, có nghĩa là sự chênh lệch không thể xem thường được giữa thực địa và bản đồ: bản đồ từng năm !

Theo các nhà nghiên cứu, vào khoảng cuối kỷ thứ 3 đầu kỷ thứ 1 thuộc tân sinh đại của lịch sử vỏ trái đất, đại bộ phận đất đai Campuchia và cả Nam Bộ Việt Nam ngày nay còn là một cái vịnh lớn ăn thông với đại dương. Sông biển Đông còn vỏ bờ dưới chân núi Hăng-réc. Từ ấy, các địa tầng đã trải qua nhiều cuộc biến dạng, các lớp trên vỏ trái đất bồi thêm lấp lại và lở mất do các đại dương chuyển động. Đất địa Rừng Sắt là đất đã chứng lại được qua các quá trình biến dạng đó. Nếu như không có sự chịu đựng của những vùng đất như vậy thì mảng bèn trong lục địa còn có thể bị biến cả nhận chìm hoặc phôi sặc chứa biết đến tận đâu.

Mặt đất Rừng Sắt có cao trình từ 2,5 đến 3,7 mét so với độ không hải đồ. Mặt Tây sông Lòng Tàu đồ qua sông Soài Rạp đất tự nhiên có cao so với mặt nước trung bình. Sắt biển Cần Giuộc có nổi lên những giồng cát : Giồng Ao, Giồng Cháy... Phía Đông lưu vực sông Thị Vải là triền núi. Ở đây có nhiều núi thấp, đất nhiều sỏi đá. Hàng trăm gò lớn nhỏ của Rừng Sắt bị nhận chìm khi nước lớn. Xen kẽ và bao quanh cả khu rừng ngập mặn hoang vu như vậy người ta lại thấy những khu ruộng lúa, nương rẫy và cây ăn trái, ruộng muối, rừng giồng.

Có thể nói đây là một vùng hội tụ của sông rạch. Sông rạch lớn nhỏ không phải hàng trăm mà hàng ngàn, chẳng chịt như một « trận đồ bát quái ». Nào sông,

rạch, tắt, ngọn, bún, lạch luông... (chính vì vậy mà hội đánh Pháp cũng như hội đánh Mỹ đã có bao nhiêu chiến sĩ ta lạc trong cái « trận đồ bát quái » này). Chỉ trên một đoạn bờ biển dài khoảng hai mươi kilômét đã có bốn cửa sông lớn : sông Soài Rạp, sông Đồng Tranh, sông Ngã Bảy, sông Lạch Ta Chen. Sông rạch cắt ngang, cắt dọc chia bãi triều lớn thành các « đảo triều » và có luồng lạch bao bọc những « lạch triều » chạy vào bãi. Cộng diện tích bề mặt sông chiếm tới một phần tư diện tích Rừng Sắt.

Bãi bùn ở miền Rừng Sắt này thì hầu như con sông nào cũng có những bãi lan ra xa cửa biển, cho nên lòng sông thường bị cạn, nhất là ở mạn doi gành Rái.

Biển Cần Giờ lại có những bãi cát kéo dài rất xa. Xa đến ba cây số.

Cửa sông Đồng Tranh cũng có hai mũi — Mũi Nai (hoặc mũi Đồng Tranh), bên kia là Mũi Lý Nhơn. Tất cả các mũi ở cửa biển Rừng Sắt đều có cát bồi. Tất cả các dãy cát bồi ấy đều bồi theo hướng Nam Đông Nam. Sở dĩ có hiện tượng này vì dòng nước ở cửa sông Soài Rạp rất mạnh. Cửa sông Soài Rạp là cửa rộng nhất trong các cửa sông ở Rừng Sắt. mở ra từ năm đến tám cây số theo đường chim bay cắt ngang. Cắt xuôi theo dòng nước ra cửa biển, về phía Thừa Đức, hướng Nam — Đông Nam, cửa sông này rộng đến mười lăm hai mươi cây số.

Về độ sâu, các sông rạch của Rừng Sắt, như sông Cái Giáp, sông Thị Vải, sông Gò Gia thì sâu từ mười đến mười lăm, hai mươi mét, nhưng chỉ ở đoạn ngoài gần cửa biển thôi, vô trong cạn dần, vì những con sông vừa kể trên đều bắt nguồn từ chân núi Thị Vải, núi Tóc Tiên và khu lòng chảo Nhơn Trạch, Long Thành.

Sông Lạch Ta Chen sâu từ bảy đến mười mét. Riêng sông Ngã Bảy nối liền với sông Lòng Tàu là sâu nhất. Đoạn vịnh gành Rái có chỗ sâu tới 29 mét. Nhờ thế mà tàu hàng chục ngàn tấn có thể vào cảng được.

Đồ về phía Tây Rừng Sắt thì có sông Đồng Tranh, mũi Nai, Cát Lái, Soài Rạp, ở giữa sông cũng chỉ sâu từ ba, bốn đến mười mét mà thôi.

Bãi triều ngập mặn hoang vu ấy đối với giới Nho sĩ Gia Định xưa lại là chốn rừng xanh nước biếc đầy nguy hiểm dành cho khách du lịch hiếu kỳ : « Vững nước sâu rộng, có nhiều rạch, lớn đồ vào. Khi ánh mặt trời sớm chiều với bóng mây rơi xuống lẫn vào bóng cây xanh mát, sông nước lảo xao thì từ xa nhìn đến quả là cảnh tượng tươi thắm... Trong vũng nước này nhiều cá sấu nưong nấu thường rình bắt người... » (theo sách Gia Định Thành Thông Chí).

Vũng Gấm là một vũng nước mặt sông sánh như gấm. Đó là một thắng cảnh mà Trịnh Hoài Đức đã xếp ngang với những thắng cảnh Nhà Bè, Gò Cây Mai, rừng Trảng Bàng, sông Mỹ Tho, bến Cà Biên Hòa xưa.

Đứng trên sông Ngã Bảy nổi sông giữa Rừng Sắt mà nhìn, thấy núi giăng ba mặt : Bắc, Đông, Đông Nam. « Trông về phương Bắc thấy núi Dinh ở chân trời thì lòng người dân Việt cảm thông với công lao dựng nước và giữ nước của tổ tiên hơn ở đâu hết » (Bến Nghé xưa -- Sơn Nam).

[Có ý kiến cho rằng, hai tiếng Rừng Sắt chính là từ chữ « Rừng Sặc » mà ra. Rừng ở đây hoa nhiều sắc, lá nhiều màu, cây từng từng lớp lớp... Về hình dáng, nó có cái âm u của rừng xứ nóng với những đám lá tối trời dày leo chằng chịt, nhưng cũng có dáng dấp của rừng xứ lạnh với những tập đoàn cây

riêng lẻ ngự trị trên những lớp đất khác nhau về độ mặn : những « bãi chà » mằm san sát trên mặt nước, những ống đũa được mọc mà từ muôn ngàn « chiếc nơm » vọt lên cao, những rừng grom dừa nước trùng trùng điệp điệp... Bên những dòng sông bao la chân trời và ánh nắng lại có những hang động chà là bịt bùng thế giới riêng một cõi, những « mái nhà rân » menh mông chỉ có đất mà không có trời...

Về mặt khoa học, đây là một tổ hợp thảo mộc nhiệt đới rất đặc biệt gồm 60 loài. Cây ở đây không cao bằng ở Năm Căn, Cà Mau, nhưng thịt chắc và bền hơn. « Người chiến sĩ tiên phong » trong cuộc chiến tranh biển và đất là cây mằm. Với bộ rễ « vĩ đại » chiếm tám chục phần trăm toàn phần của cây, mằm đứng ngay đầu sóng, sẵn sàng thách thức với biển cả. Đứng sau cây mằm là cây bần có bộ rễ dương đầu nổi với mồn xoáy. Sau cây mằm, cây bần, các cây đước, dù, dá, chà là, rân lần lượt xuất hiện theo độ mặn. Đước chỉ cho phép dá, hồi, chỉ, cùng song song tồn tại. Chà là thì « độc quyền » từng khoảng đất. Sau cùng nơi Rừng Sắt dật chân lên đất liền là cây dừa nước.

Hết gạo đã có Đồng Nai

Hết củi đã có Tân Sài chở vó

Tân Sài chỉ tên đất Sài Tân ở Rừng Sắt. Nơi đây xưa kia đồng bào chuyên nghề đốn củi hợp thành vạn gọi là « vạn Sài Tân ». Sách Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức coi Rừng Sắt là « Đất sinh ra để nuôi dưỡng người dân Gia Định » (Gia Định ở đây là « Gia Định Thành » cai quản 5 trấn Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên) : « Có cây dá, cây đước, cây su và những cây tạp cạnh lá giao nhau rừng cây xanh rậm che kín ánh mặt trời. Người ta kéo vào đốn những cây ấy làm nhà cửa, rào giậu,

than củi không ngày nào ngớt. Còn những hải sản như tôm, cá, cua, sấm, ốc thì bắt không hết, mà không có ai ngăn cấm. Ấy là món lợi rất lớn, vất công bằng của trời đất, sinh ra để nuôi dưỡng người dân Gia Định. »

Mỗi loài cây chiếm một vị trí trong cuộc chiến tranh với biển, nhưng về khoản « tiền rừng » thì trước tiên người ta nói đến cây đước. Đước giữ vai trò củng cố trập địa: nó giữ lại những gì cần thiết mà nước đã đem lại cho đất. Nó đứng hàng đầu cả về số lượng (40.000 ha), lẫn chất lượng gỗ trong các loài cây ở Rừng Sát. Người ta tính một hecta đước khai thác luân kỳ trong hai mươi năm sẽ đem lại 130 xtc củi, 2500 cây cột. Nếu áp dụng kỹ thuật khai thác tốt, vận xuất vận chuyển thì sau khi trừ vốn trồng, chi phí khai thác, tỉ lệ cây chết... bình quân mỗi năm thu vào ngân sách nhà nước là 8.000 đến 9.000 đồng (thời giá đầu năm 1981).

Khi chưa bị tàn phá, hầu hết các loài thú rừng nhiệt đới đều có mặt ở Rừng Sát : heo rừng, khỉ đen, khỉ đột, rái nước, trăn, kỳ đà, sóc bông, nai, tê tê, chồn hương, chồn đất, beo, mèo rừng, dơi quạ... và không loại trừ « chúa rừng », « chúa nước ».

Xưa kia, đêm đêm dân chài lưới thường nghe cộp cộp văng vẳng ở phía sông Tiền, Rạch Lá, Thiềng Liềng, Giồng Chùa, rạch Su... Dấu vết rừng rợn của cộp còn để lại là một tên xóm : « Xóm An Thịt ». Đó là một xóm của xã Tam Thôn Hiệp, một củ lao hình tam giác gồm « ba thôn hiệp lại ». Gốc tích của nó từ chữ ăn thịt mà ra. Hồi xưa vùng này nổi tiếng « sàu rạch Lá, hạm An Thịt » (hạm là tiếng nhân dân Rừng Sát gọi con hổ). Nơi đây có một lần hạm nhảy xuống ghe lật chết người chông chủ ghe rồi lôi xệch người vợ lên

bờ xé xác ăn hết thịt, chỉ để lại cái đầu, bộ lông và xương. Không xa đó, thôn Khánh Do, cứ chiều chiều chó săn cũng cuồng cuồng chui vào xó trốn vì nghe mùi hạm... Nhưng tác hại hơn cả hạm chính là con beo. Beo Rừng Sát xưa kia thường phục kích trên chằng hai, chằng ba cây tại các khúc quanh âm u, xuống ghe đến, nó bắt thần nhào xuống móc họng người ta chết tại chỗ. Những chuyện này thường xảy ra ở cây bần qui khô khúc queo, gần khúc của Rạch Tràm nối với Kinh Ngang (đi Bà Bông), ở cây mắm có chằng hai ở «tắt Tư Huỳnh»...

Con nưa chín mũi, có người gọi là trăn nước là một con vật có thật và có thể coi là «con thuồng luồng» của Rừng Sát. Cho đến thời chín năm, chiến sĩ Vệ quốc còn được chứng kiến những đêm giao chiến heo rừng — trăn nước. Con vật hiếm hoi này (ngày nay ít thấy) chỉ xuất hiện từng cặp vào những ngày đông lũ, nước ngập lâu ngày. Khi nó lên thì dày cả rừng, heo nai nhón nháo, nai thì chỉ có chạy, heo rừng thì nghênh chiến. Các trận đánh heo nưa thường xảy ra vào ban đêm trên các gò cao. Heo nanh xông lên phía trước, heo mẹ, heo con phía sau kêu la ầm ĩ, sáng ra trên bãi chiến trường cây cối tơi tả, xác vật còn lại có khi là heo, có khi là nưa. Hồi đó, đại đội Nhà Bè từng lượm xác heo một lúc 3 con từ 10 kí lò trở lên, một lần khác nhặt được xác nưa dài trên 15 mét. Họ hàng đông đúc ở Rừng Sát còn có rái nước, mỗi năm đều có những ngày hội của rái mà nhân dân ở đây gọi là ngày giỗ rái. Ngày này hàng trăm con rái tụ tập sắp hàng trên các gò nổi.

Chim muông Rừng Sát cũng nhiều dạng, có giống xuất hiện theo từng mùa, có giống lấy nơi đây làm quê hương : bồ nông, cò quắm, sếu, diệc, ó, hải âu, ưng,

vet, chàng bè, bìm bịp, cú quạ, hồng hộc, le le... Bìm bịp là giống chim đã đi vào cả đời sống và chiến đấu ở Rừng Sát. Bìm bịp kêu báo hiệu con nước đang sắp chuyển động. Nếu là nước đang ròng thì khi nghe bìm bịp kêu xuống ghe chuân bị ra đi. Nếu là nước đang lớn, nghe bìm bịp kêu người đi ghe xuống phải liệu sức mà chèo chống để khỏi mắc lầy. Chiến sĩ Vệ quốc có câu «đánh giặc theo tiếng chim bìm bịp» bởi vì tiếng chim bìm bịp có quan hệ đến giờ giấc tâu giặc vào, tâu giặc ra..

Cho đến khoảng năm 1948, chiến tranh đã làm tàn mạt ruộng thú ở Rừng Sát, và khi chất độc hóa học, bom đạn Mỹ ném xuống đây thì các giống beo, hạm, trăn nước đã dần đi vào «chuyện cổ tích». Ngày nay, ở Rừng Sát vẫn còn nhiều khỉ, heo rừng, các giống chim thú khác còn rải rác đó đây như nai ở Thạnh An giáp tỉnh Đồng Nai, chim còn tụ tập ở các vùng từ Vàm Chùa (xã Thạnh An) qua khu Thiềng Liềng, Đền Xanh, Vàm Sát (xã Lý Nhơn).

Nói đến khoảng «bạc biển» thì cá và tôm là một trong hai thể mạnh của Rừng Sát, (dước và cá tôm). Trong hàng trăm giống cá tôm ở đây thì có trên 15 loài đông đúc nhất: cá chẻm, mập, nhám, đuối, bóng mú, dổi, kèo, sủ, sấu, chột, thu, tráp... tôm thẻ, tôm dất, tôm càng xanh, tôm sú. Cá, tôm, cua, chẻm chếp, ốc ngựa, ốc len, nha, còng, thòi lòi, bóng cát... tấp nập rộn ràng bò trên mặt sinh lầy, leo lên thân cây, thả theo dòng nước... hàng hà sa số. Bên cạnh từng đàn dổi bay, dổi kèn đang tung tăng mừng nước lớn, rộn ràng hội họp trong các chùm rễ dước, mằm... Hàng vạn vạn tôm tép âm thầm, lặng lẽ quơ quơ râu, giương mắt tìm, dò không vội vàng mà nước tới đâu là có mặt tới đó. Cá, tôm, cua, ốc hàng năm sống ở Rừng Sát lên đến vài tấn/hecta.

Ở đây, 10 tấn hecta cánh khô lá rụng hàng năm là nguồn mùn cho lất và thức ăn cho chúng nó. Nguồn thức ăn này cùng với chế độ thủy triều độ mặn, độ PH... trên bãi triều hoang vu, mềm mòng với hàng ngàn sông rạch, tắt, bùn, luồng, bãi... đã biến Rừng Sát thành một cái nôi của 50% các loài tôm cá biển (theo tiến sĩ Bùi Thị Lạng). Tôm thẻ vừa đẻ ra ở ngoài khơi Vũng Tàu, Hòn Khoai đồng loạt theo dòng hải triều dâng tràn qua sông, len qua mạng lưới kinh rạch, đến bám vào các «lân» bùn của Rừng Sát. Khi triều rút, tôm non quanh quẩn ăn nàu ở các vùng nước sông, vừa thoảng vừa có nhiều thức ăn, lại vừa thoát khỏi vòng cua biển vừa tránh được cá chêm to là thứ chỉ chọn mỗi tôm. Tôm càng (*macrobrachium rosenbergi*) từ các ngọn sông rạch của Đồng Nai, Sài Gòn, Vàm Cỏ cũng di chuyển đến ven Rừng Sát để đẻ trứng, nuôi con.

(Ở các nước ôn đới, muốn bắt tôm, người ta phải ra biển sâu với những phương tiện tốn kém, trong khi đó, Rừng Sát là cái nôi tự nhiên của tôm thẻ (*peneus merguensis*, *P. indicus*) rộ phát đồng dục, có thể bắt bằng tay không).

Cá sấu là loài «chùa nước» ở khu rừng ngập mặn này. «Dĩ như cá sấu Vũng Gấm» đã trở thành một ngạn ngữ. Đến thời đánh Pháp, Vệ quốc đoàn Rừng Sát ngâm nga câu ca dao :

*Rừng sâu nước mặn phèn chua
Trăm ngàn cá sấu thi đua vầy vùng.*

Cá sấu sống từng bầy ở sông Vàm Sát, sông Bà Nghĩa, Rạch Lá, sông Kèo... Thời đánh Mỹ, con thú dữ trong lòng nước này là một đối thủ đáng gờm và là một đối tượng chiến đấu. Ngày nay chúng nó vẫn nhe nanh múa vuốt ở ngã ba Đồng Tranh, Rạch Tràm, Rạch Lá, sông Bà Nghĩa, sông Ông Kèo...

Dưới lớp nước Rừng Sát, người ta lại tìm thấy loại đất sét có thể làm gạch hay hóa chất công nghiệp, chất vôi lấy từ vỏ hàu, nghêu, sò, phốt phát và thạch cao ở thể kết tủa. Đó là chưa kể các loại hóa chất khác chỉ đòi hỏi qui trình kỹ thuật khai thác đơn giản.

Đứng giữa thành phố công nghiệp đông dân và biển, Rừng Sát trở nên một cái máy điều hòa khổng lồ được gió biển phát huy sức mạnh. Gió chuyển chở các nguồn dưỡng khí và cái tươi mát, trong lành của biển cả, rừng xanh đi vào thành phố. Cho nên, vào những ngày hè nắng gắt, đi trên đường phố bụi và khói của Sài Gòn, người ta vẫn cảm thấy được cái mát từ phương nam tràn về. Nhưng lớn lao hơn cả cái mát là tác dụng cải thiện môi trường sống. Đó là cái qui không gì đánh đổi được của bất kỳ một khu rừng nào đứng cạnh một thành phố lớn.

Nhìn lại tất cả những con sông Rừng Sát, sông Lòng Tàu nổi bật hẳn lên về độ sâu và hoạt động ổn định của nước, của đất quanh năm không có sương mù, nó lại có chiều rộng (không có chỗ nào hẹp dưới 300 mét). Tất cả những điều kiện đó đảm bảo cho sông Lòng Tàu trở thành một cửa ngõ quốc tế quan trọng trên một miền của đất nước. Lòng Tàu là tên gộp của nhiều đoạn, dài 15 cây số. Tự vị Huỳnh Tịnh Của định nghĩa Lòng Tàu : « chính đường tàu chạy ở giữa sông ». Tàu đại dương đi vào cảng Sài Gòn phải qua cửa vịnh gành Rải bên sông Ngã Bảy, ngang qua Mũi nước vắn, ngược lên một đoạn dài, đoạn sông Lòng Tàu, qua khỏi ngã ba Đồng Tranh thì đi vào sông Nhà Bè để lên cảng Sài Gòn.

Nhìn vào bản đồ, ta thấy sông Soài Rạp có vẻ « vận trù học » hơn nhiều : cửa mở ra đến 15 -- 20 cây số, lòng sông rộng, chiều dài từ biển vào Sài Gòn ngắn gấp rưỡi sông Lòng Tàu. Tuy vậy, cửa ngõ quốc tế không

chuyến về đây được chỉ vì một lý do duy nhất : cạn ! Đã cạn lại có những cồn cát ngầm rất bất ngờ. Chỉ một vài con nước đã thấy bồi cao chỗ này, xoáy sâu chỗ kia. Sông này chỉ cho phép tàu năm, bảy ngàn tấn đi qua theo con nước. Trái lại, với độ sâu từ 9 đến 12 mét, có nơi đến 20—29 mét, sông Lòng Tàu cho phép những chiếc tàu hàng chục ngàn tấn đi qua. Trước đây Mỹ và bọn hải quân, hải thuyền Mỹ cùng với bọn nguy Sài Gòn định chuyển con đường tàu bè hải ngoại vào cảng Sài Gòn bằng đường sông Soài Rạp. Đi được con đường này ngoài mấy cái lợi sông ngắn và rộng còn ít quanh co, đối phương khó tấn công các tàu hàng quân sự. Thế nhưng chỉ một điều không giải quyết được, đó là tốc độ lấp cạn. Con, nếu chỉ vậy thôi thì phương pháp nạo vét hiện đại và sức vóc Mỹ thời đó nào có chịu thua. Vậy mà theo các tài liệu khai thác được về con sông này, chỉ riêng cái khoảng tốc độ lấp cạn dòng sông, Mỹ đành phải bỏ tay.

Thông thường, tàu trên dưới 20 ngàn tấn đều có thể vào sông Lòng Tàu. Năm 1964, chiếc tàu sân bay Card mười lăm ngàn tấn đã qua đây (theo tài liệu Mỹ đó là chiến hạm vào loại lớn nhất của Mỹ hồi chiến tranh thế giới lần thứ hai). Nhưng đó là chuyến đi có vào mà không có ra (ngày 2 tháng 5 năm 1964 ngay tại cảng Sài Gòn chiếc tàu đã bị min biệt động Sài Gòn đánh đắm, kéo theo cả 19 máy bay lên thẳng). Từ đó không thấy tàu Mỹ 15 ngàn tấn trở lên dám dấn xác vào Sài Gòn nữa. Năm 1980, hoa tiêu Việt Nam đã dẫn một chiếc tàu lớn nhất trong số tàu của sông Lòng Tàu xưa nay : chiếc tàu Liên Xô 50 ngàn tấn đã vào cảng Sài Gòn.

Quá trình hình thành trung tâm dân cư, kinh tế, văn hóa, giao dịch trong ngoài nước của đất Bến Nghé

xưa cho đến Sài Gòn thành phố Hồ Chí Minh ngày nay gắn liền với vị trí, điều kiện địa lý của bản thân vùng đất này, trong đó có vai trò lớn lao của những con sông Rừng Sát.

Nhìn cửa bể Cần Giờ, người ta hiểu tại sao Bến Nghé xưa đã được khách nước ngoài ca ngợi là bảo lơn của Thái Bình Dương, tại sao Nhà Bè đã được coi là vị trí chiến lược từ thế kỷ 17, tại sao những kho tàng lớn nhất của quân xâm lược Mỹ sau này lại tập trung ở đầu sông Lòng Tàu...

Về mặt lưu thông đường sông trong nước thì Rừng Sát không chỉ có sông Lòng Tàu. Sông Soài Rạp không đón tàu vận tải nhưng thật là thuận tiện cho những tàu năm bảy ngàn tấn, những chiếc ghe chài đầy hàng, be ngấp nghé mặt nước, những đoàn tàu kéo dài dằng dặc, những cánh buồm no gió... nổi lên trung tâm kinh tế dân cư hàng đầu của đất nước với vựa thóc đồng bằng Nam Bộ, với kho hải sản miền Trung, Côn Đảo và tất cả vùng biển bao la.

Với số đường bộ ít ỏi — đường Cần Giờ — Đồng Hòa, đường 19, 325, 327 chạy cặp triển đồi lòng chảo Nhơn Trạch bao quanh thành Tuy Hạ, ra Long Thành, quốc lộ 15, sông rạch Rừng Sát cho phép xuống ghe đến bất cứ nơi nào trong vùng.

Một cửa ngõ đại dương đặc biệt như vậy đòi hỏi bức thiết những điều kiện đảm bảo cho việc phòng thủ. Chỉ riêng việc đó thôi, Rừng Sát đã trở thành một món quà tặng quý giá của thiên nhiên đối với đất nước chúng ta. Rừng Sát đủ sâu để bao trùm cả sông Lòng Tàu và đủ rộng để làm cái gạch nối giữa sông Soài Rạp và quốc lộ 15. Và thiên nhiên cũng không chỉ cho ta một khu rừng như mọi khu rừng mà lại là một trận đồ bát quái của mạng nhện luồng lạch, một pháo đài tự nhiên của trùng điệp đảo triều...

Hàng trăm đảo triều dân thế trận bao vây quân thù xâm lăng từ cửa ngõ đại dương. Đồng thời, với hình thế chiến thuật đó, cộng vào «thế dân» và sự giàu có từ lòng nước. Rừng Sắt có đủ điều kiện trở thành một căn cứ địa kháng chiến. Đó là điều giải thích cho sự hình thành và tồn tại chiến khu Rừng Sắt trong cuộc chiến đấu 30 năm dài, một chiến khu ở sát sào huyết và trong vòng vây quân thù mà vẫn đứng vững suốt hai mùa kháng chiến, một trận địa mà chính tên tướng Westmoreland phải ngạc nhiên về điều mà những tên lính Mỹ đã gặp phải : «một cuộc chiến đấu kỳ lạ trong một cuộc chiến tranh kỳ lạ» («Trình trình người lính» của Westmoreland –đoạn nói về Rừng Sắt).

Có thể nói rằng : nếu Sài Gòn là dạ dày thì sông Lòng Tàu là cổ họng, Soài Rạp, Thị Vải là hai mạch chủ ; nếu Vũng Tàu, Cần Giuộc, Đồng Hòa, Vàm Láng là hồn còn mắt nhìn ra đại dương thì Rừng Sắt là tay chân. Nói khác đi, Rừng Sắt là pháo đài giáp chiến quân thù từ phát súng xâm lăng đầu tiên trên cửa biển này.

Tầm nhìn chiến lược của các nhà quân sự Việt Nam về sông Lòng Tàu đã thể hiện ngay từ khi Nguyễn Huệ kéo đoàn thuyền chiến vòng xuống biển Nam rồi ngược sông Lòng Tàu để chiếm thành Gia Định của Nguyễn Ánh, Rừng Sắt trở thành một nhân chứng lịch sử.

Năm Canh Tý (1780), Nguyễn Ánh xưng vương ở thành Gia Định chuẩn bị lực lượng đánh ra Qui Nhơn. Mùa Xuân năm Nhâm Dần (1782) Nguyễn Huệ dẫn mấy trăm chiến thuyền vào cửa Cần Giuộc. Lực lượng của thủy quân Nguyễn Ánh tại cửa sông lúc bấy giờ có 400 thuyền, 70 ghe lớn và chiếc tàu Bồ Đào Nha do Manuel chỉ huy có mười đại bác (Manuel là chuyên viên thủy quân Pháp mà Bá Đa Lộc đã tuyển cho Nguyễn Ánh để làm

làm cổ văn huấn luyện thủy quân). Trận đánh trên cửa sông diễn ra quyết liệt. Nội bộ Nguyễn Ánh đang lục đục lại đứng trước thế nước vỡ bờ của quân Tây Sơn, một tướng của Nguyễn Ánh và một phần lớn ghe thuyền phải chạy sang hàng. Biết nguy, Nguyễn Ánh rút chạy về Ba Giồng (Định Tường), Thất kỳ giang. Tây Sơn đuổi theo ráo riết, cố treo lên tàu Manuel mặc dù bị lựu đạn ném đánh lại dữ dội. Manuel dốc sức cầm cự nhưng không nổi, phải chèo lửa đốt thuyền và y cũng chết cháy luôn. Sông Ngã Bảy ghi nhận trận tiêu diệt chiến hạm quân xâm lược phương tây đầu tiên ở nước ta. Sau trận thua đau đó, Ánh còn một thân và một số hộ vệ chạy về An Giang rồi cho người đi lạy lục xin Xiêm cứu viện.

Tháng 8 năm Nhâm Dần, Châu Văn Tiếp lại vào chiếm Gia Định, và đưa Ánh về Sài Gòn (lúc này Nguyễn Huệ không có mặt ở đây). Tháng 2 năm Quý Mão (1783) Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lại xuất hiện trên cửa bể Cần Giờ, biết nguy hiểm, Nguyễn Ánh và Châu Văn Tiếp xuất toàn lực ra nghênh chiến. Quân Tây Sơn tiến như nước vỡ bờ theo sông Lòng Tàu. Bền bỉ ngao, tư khấu Nguyễn Văn Kim dẫn đầu, bên nam ngạn có đó đốc Lê Văn Kế. Khi hỏa công của quân Ánh phóng ra, gió đông bắc thổi ngược lại khiến lửa đốt cháy hạm đội của y. Sau khi quân Tây Sơn hạ đồn Cá Trê và Rạch Bàng (vùng cầu Tân Thuận ngày nay) án ngữ Bến Nghé. Binh tướng Ánh tan vỡ hết. Châu Văn Tiếp chạy thoát thân qua Xiêm lại xin cầu viện (ở Gia Định Châu Văn Tiếp được Ánh giao chức « Khâm sai đô đốc chương cơ quân an toàn dinh lệnh tại tư nông » « điều phát tướng sĩ chư sự vụ quân công »). Sau trận này, Ánh chạy về Tam Phú còn được một tướng đi theo là Nguyễn Kim Phàm cùng năm sáu thân tín và ngót khoảng một trăm lính tráng. Quân Tây Sơn thì lại vào Sài Gòn.

Trên cửa bể Cần Giờ và ngã ba sông Lòng Tàu, ngày nay những người đánh cá đôi khi kéo lên được những mũi giáo đồng, những dấu tích của đồ binh khí, phải chăng đây là dấu tích của cuộc hành quân Tây Sơn. Trên sông Lòng Tàu còn một lảng đá mà đêm đêm ở đây người ta thường nghe tiếng nước reo như mưa gào như gió thổi. Có truyền thuyết cho rằng đá hàn là công trình do ông cha ta làm để ngăn cản tàu Pháp nhưng cũng có thuyết cho rằng đá hàn là một cản mà Nguyễn Ánh bắt nhân dân làm để ngăn cản quân Tây Sơn.

Hàng trăm năm nay, kể từ khi mảnh đất phương nam Tổ quốc được xác định, đứng ở đầu sông ngọn gió, Rừng Sát đã trở thành người chiến sĩ tiên tiên ở một miền đất nước.

Thời Thiệu Trị (1847) khi quân Pháp muốn gây hấn chiếm lấy nước ta, vua Thiệu Trị đã nói : « Gia Định là cửa lớn nhất của Nam Kỳ, cửa Cần Giờ lại rất quan yếu... » Sau vụ khiến khếch của chiếc tàu La Victorieuse ở Đà Nẵng (ngày 15 tháng 5 năm 1847), lệnh chiếu cho xuất kho 3200 cân đồng để đúc thêm đại bác đặt ở nơi quan yếu như Cần Giờ, Thị Nại. Cần Giờ là cửa đông của Rừng Sát về phía giáp biển. Những ông già xưa nói rằng : xưa kia nơi đây là chỗ cần giờ; tàu ghe ngoài biển đi qua đây thì định giờ lại, hai tiếng cần giờ biển ra Cần Giờ.

Trong lúc nước ta đang có nguy cơ bị xâm lăng, vua Thiệu Trị còn xuống dụ : « Cửa Cần Giờ, Phú Mỹ, Tam Kỳ lại rất quan yếu, tỉnh thần phải xét rõ tình thế, lập thêm đồn lũy, đề nghiêm việc phòng bị... » (tỉnh thần là tiếng vua gọi các quan hàng tỉnh thời đó).

Và lịch sử còn ghi lại rằng : mười giờ sáng, ngày 10 tháng 2 năm 1859, tàu Pháp và Tây Ban Nha đánh vào pháo đài phòng thủ Vũng Tàu. Đến 5 giờ chiều thì

pháo đài này tan hoang xơ xác (lúc bấy giờ vào thời Tự Đức). Ngày 11 tháng 2 tiếp theo, quân Pháp chuyển sang tấn công cửa Cần Giờ để thọc sâu vào nước ta. Lúc đó tại Cần Giờ quân ta thiết lập rất nhiều pháo đài và cần đề chặn tàu giặc. Với vũ khí tối tân hơn, suốt dọc tuyến phòng thủ của ta trên bờ biển Cần Giờ quân Pháp pháo kích gây thiệt hại nặng nề các pháo đài ngay trong ngày hôm đó. Mặc dầu ta bắn trả cũng rất quyết liệt, các đội chiến thuyền cũng xua ra biển để tấn công các tàu địch, có đến hàng trăm xuống ghe... nhưng do súng ống của ta bắn không được xa, đạn bắn tãn mát lớn nên kết quả cuối cùng là các thuyền của ta lần lượt bị bắn chìm hết, các pháo đài của ta hầu hết bị đạn đại bác Pháp làm vỡ tung và hốc chày. Vị chỉ huy mặt trận này tử trận. Quân ta chết có hàng ngàn người. Trận địa trên bộ, dưới sông, cửa biển thế là bị chọc thủng hoàn toàn. Thế nhưng quân Pháp không đồ bộ, có lẽ vì rừng rú âm u, nhiều sông con rạch nhỏ và sinh lầy cản trở, chúng chỉ cố sức phá banh các cần đề chuẩn bị vượt sông vào Sài Gòn. Những trận đánh dọc theo con sông này cũng khá ác liệt. Tuy vậy không được bất ngờ đối với chúng bởi vì đã có một số tay sai được chúng tạo ra. Số là trước cuộc tấn công xâm lược vào nước ta, bọn Pháp đã tổ chức được hai đội « phụ lực quân » bọn này gồm một số tên trong đạo thiên chúa và những tên phản quốc. Chúng trở thành thám báo dẫn đường, làm ám hiệu đánh dấu những đồn và rào, cần của ta bố trí dọc theo sông Lòng Tàu, trên khu vực Rừng Sát. Do đó, các đồn Tam Kỳ, Xóm Rẫy, Ân Thít, Chà Là, Ông Nghĩa, Bến Tranh... lần lượt rơi rụng khi đoàn tàu chiến của Rigault de Genouilly tràn đến.

Ba ngày đêm của năm 1859 ấy, những trận đánh diễn ra trên sông rạch, đất đai Rừng Sát của quân ta chống quân Pháp đã để lại cho muôn đời những trang

sử bi hùng. Phương tiện chiến tranh của ta lúc ấy thua kém hẳn quân thù một trời một vực. Chúng nó lại có tay trong tay ngoài. Các cu tiền bối của chúng ta chỉ có trái tim và lòng trung thành quả cảm cộng với súng ống thô sơ, giáo mác, gậy gộc... cuối cùng đành chịu hy sinh trong tình thần tử thủ bất diệt.

Những sự tích về cuộc chiến đấu trên các pháo đài phòng thủ Cần Giờ cho đến ngày nay hãy còn truyền tụng trong dân gian. Tại sao kêu là Giồng Cháy? Giặc Pháp đã nã pháo vào đấy, khói lửa ngút trời, có bao nhiêu người tử thủ đề rôi nằm xuống luôn tại chỗ. Tại sao lại có những vị thần, những vị thần ở các đình chùa, miếu mạo ở rải rác trên khắp Rừng Sát. Đó là những vị chỉ huy, những chiến sĩ đã trải mặt phơi gan, lăn xả vào quân thù một mất một còn với quân xâm lược trên mặt trận phòng thủ Cần Giờ năm 1859 ấy.

Cho đến ngày 15 tháng 2 năm 1859 thì chiến thuyền quân Pháp đã tới được Nhà Bè. Nơi đây chiến thuyền của ta cũng ra nghênh chiến. Tiếng súng rền vang khu rừng, tiếng reo hò giết giặc vang dậy trên sông. Nhưng rồi chiến thuyền của ta bị đánh tan.

Theo một số sách vở để lại thì viên giám mục thiên chúa giáo người Pháp Lefevre đã bị truy nã từ trước vì những hoạt động gián điệp của y, và nhờ những giáo dân Việt Nam phản quốc, Lefevre đã trốn thoát được ngay trong dịp quân Pháp vào đến Nhà Bè. Y đã cùng một số giáo dân phản quốc nữa nhò ra được chiến thuyền của quân Pháp (cũng có thể y lên được tàu Pháp từ khi quân Pháp vừa phá vỡ tuyến phòng thủ Cần Giờ kia). Bọn này liền báo cho Rigault de Genouilly biết tình hình phòng thủ của quân ta và chính chúng nó đã dẫn dắt quân Pháp lần công trùng địch. Tài liệu cũ

còn nói rõ cuộc tấn công của quân Pháp thắng lợi lớn ở Sài Gòn chính là nhờ bọn Lefevre đã chỉ dùng hai đồn bắc nam Tân Thuận, chỉ cả cách bố phòng, vũ khí trang bị và tổ chức nữa. Cuộc chiến đấu tại Tân Thuận, bên này sông và Thủ Thiêm bên kia sông đã diễn ra rất ác liệt. Những dấu tích ngày nay còn để lại ở các đền thờ sắc các vị thần tử thủ chống quân xâm lược ở mặt trận Thủ Thiêm — Tân Thuận. Các sách vở Histoire de L'Indochine — Française thì nói « chẳng có một tàu Pháp nào trúng đạn cả » và « kết quả là hai tiền đồn quân Việt Nam tan tành »... Tàu Pháp có trúng đạn không ? Chưa ai biết, nhưng lịch sử đã xác minh : quyết liều thân chống trả lực lượng xâm lăng hùng mạnh, quân ta chết rất nhiều.

Ngày 17 tháng 2 năm 1859, quân Pháp tấn công thành Gia Định sau khi đã hoàn toàn ra khỏi Rừng Sát..

Nước mất nhà tan !

*Bến Nghé, cửa liên tan bọt nước,
Đồng Nai, tranh ngôi nhuộm màu mây.*

Cụ Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước và chiến đấu đã thốt lên nỗi uất hận đau buồn khi thành Gia Định đã rơi vào tay quân xâm lược :

*Hỡi trang đẹp loạn còn đau là ?
Nữ đề dân đen chịu cảnh này !*

Nhưng gây gộc, giáo mác không đủ hàng tàu chiến, đại bác. Năm 1859 Pháp chiếm Sài Gòn-Gia Định thì năm 1860 đã nổi lên khởi nghĩa Trương Định, Nguyễn Thông, Nguyễn Thành Ý, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Đạt, Lưu Tấn Thiêm, Đỗ Đình Toại... Các cụ tự đứng lên chiêu tập binh mã dựng cờ « bình Tây », « tự vệ »... chống Pháp, thanh thế lừng vang ở Rừng Sát, Gò Công, Đồng Tháp... Rừng Sát trở thành một vùng căn cứ hội tụ nghĩa quân quan trọng. (Lý

Nhơn được cụ Đồ Chiểu ca ngợi như căn cứ hiểm yếu của Trương Định với « Năm Căn, Ba Trại » dành cho nghĩa quân nương náu giữa sông Soài Rạp và Đồng Tranh). Cuộc kháng chiến của các cụ kéo dài được mười lăm năm ròng và lan đi khắp cả lục tỉnh Nam Kỳ.

Suốt thời gian nói trên, ở Rừng Sắt đã diễn ra nhiều trận đánh oanh liệt. Trận tập kích nổi tiếng nhất là trận Cần Giuộc — Cần Giuộc hồi bấy giờ cũng thuộc phạm vi của Rừng Sắt, tuy không phải chính gốc trung tâm, Rừng Sắt là nơi luyện binh, chuẩn bị cho trận đánh lịch sử này.

Cuộc kháng chiến mười lăm năm ấy của các cụ còn để lại ở Rừng Sắt nhiều sự tích nửa truyền thuyết nửa thật, có liên quan đến những nhân vật có thật trong lịch sử và qua đó ta thấy phần lớn những gì đã làm nên giá trị tinh thần của người Rừng Sắt.

Cư dân Rừng Sắt có từ bao giờ ? Đó là điều chưa được xác định rõ. Phải chăng Rừng Sắt đã có người ở từ thời bộ lạc ? Ở gần ngã ba Thiềng Liềng giữa một vùng phù sa bùn lầy, lá mục, lại có hàng trăm gò đất màu vàng cháy, những gò đất đỏ bazan. Người ta đã đào thử một số gò. Năm 1980, ở gò Cái Trăm, người ta khai quật được 4 bộ xương người, nhiều vỏ ốc, sò, các tảng đá dài, trên đầu bộ xương, có hoa tai đồng... Ở xã Long Hòa, người ta còn đào được mười bộ xương, xét nghiệm cho thấy có thể là xương người thế kỷ XIII... Từ xóm người Tiều Châu ở bắc xã Lý Nhơn đi vào 8 đến 10 cây số đến Tắc Từ Miếu cạnh Rạch Lá nhỏ có 3 cái giếng bề ngang hai đến ba chục mét, bề dài từ ba đến năm chục mét, nằm gối lưng nhau. « Thời chín năm » đây là căn cứ của tiểu đoàn Nguyễn Văn Tiếp (gốc là bộ đội Cần Giuộc).

Sau này cư dân của Rừng Sát không phải là người chính gốc ở đây. Họ là người tứ xứ, họ đến Rừng Sát làm ăn, sinh cơ lập nghiệp, lánh né... và mưu đồ « đại sự » cũng có. Trừ những vùng ven Rừng Sát như Cần Đước, Cần Giuộc, Nhơn Trạch, Long Thành, Nhà Bè, có phần căn cơ cội gốc. Còn ngay các điểm tụ tập dân cư ở phía bên trong Rừng Sát thì là dân bốn phương qui tụ, coi như là trên đầu không có kẻ quyền lực, dưới chân là đất riêng một cõi, chim trời cá nước không thuộc của ai... Vì vậy, dân Rừng Sát có một đời sống xã hội dữ dội hơn thiên hạ.

Xưa kia, đây là nơi tụ tập « anh hùng hảo hớn », « hào kiệt phi nhân » mà suốt thời cai trị của thực dân Pháp, coi như chúng bất lực. Vì lẽ đó, bộ máy hành chánh của xứ này cũng chỉ là tượng trưng cho lấy có. Khi thì Rừng Sát thuộc về tỉnh Gia Định, lúc thì lại nằm trong tỉnh Chợ Lớn. Có thời lại dính với Biên Hòa, Bà Rịa... Thời kháng chiến chống Pháp, Rừng Sát thuộc về ba huyện Nhà Bè (Gia Định), Long Thành (Biên Hòa), Vũng Tàu (Bà Rịa). Nói chung, Rừng Sát là một vùng đất trôi qua giạt lại trông sự cai quản hành chính qua các thời kỳ. Nhưng dân Rừng Sát vẫn là dân Rừng Sát.

Từ đặc điểm dân cư này, xã hội Rừng Sát thời xa xưa là một xã hội xưng hùng xưng bá, xã hội của những « anh chị ». Cho đến những người dân lam lũ, bình thường, ở Rừng Sát này cũng mang một sắc thái có nhiều góc cạnh khác thường hơn thiên hạ. Họ chia ra từng nhóm nhỏ, từng khúc sông, ngọn rạch, tròng rừng. Có khi cả một gia đình ở trên một chiếc ghe với một con sào. Sào cắm ở đâu họ làm chủ khúc sông đó. Có những người thọc thẳng vào rừng sâu rồi khoét rừng rồi moi đất vớt nước để sống không màng đến thế giới bên ngoài. Họ tự tạo lấy cuộc sống rừng rú bằng chim trời,

củ nước, những cái mà «bà», «cậu» đã biết dãi cho xứ này. Những ai bỏ thế giới bên ngoài đến đây chỉ cần hai bàn tay, mọi thứ đã có «bà», «cậu» lo rồi. Cuộc đời của họ chỉ tồn cái «bà», «cậu» đó thôi, tức là tên cái sức mạnh huyền bí mà người xưa chưa giải thích được...

Tuy phải đương đầu với mọi thứ khắc nghiệt, hiểm nguy của Rừng Sắt như nước mặn, rắn, cộp, cá sấu, nhưng cuộc đời đã quen vật lộn, nào có ~~đ~~ chi.

Nhiều người từng sống ở Rừng Sắt đã phát hiện ra rằng : Ở đây con gái thì có giọng thanh của dây đàn lư, dễ phân biệt với các thứ tiếng khác, đàn ông thì có giọng ồm ồm mà vang dễ nổi bật trong tiếng gió rừng và sóng biển... phải chăng đó là những dấu hiệu về sự thích nghi của con người trước thiên nhiên vui dáp. Ở đây người ta tôn sùng sức mạnh của con người theo kiểu «Thạch Sanh chém chằng». Tiếng đồn về một người đàn bà đi rừng kiếm củi, tay cầm búa rượt nai chà, ~~vay~~ ~~đ~~ bắt sống nó ngay trên một bãi bừa dưới rạch, không biết có từ bao giờ, nhưng đến ngày nay vẫn còn. Trên đường Bà Rịa — Vũng Tàu có một chỗ gọi là «Éo Ông Từ». Theo chuyện kể địa phương, cách đây năm sáu chục năm ở vùng này nổi tiếng nhiều cộp, có một người tên là Lê Văn Từ làm nghề đốn củi, mức dầu rái, võ nghệ cao cường giết chết nhiều cộp dữ, nhưng cuối cùng chúng nó phục kích hạ được ông, từ đó, người ta đặt tên cho một cái eo đất là Éo Ông Từ để tưởng nhớ tới người giết cộp. Ở Rừng Sắt có một kiểu săn sấu nguy hiểm không kém săn hổ. Săn sấu bằng đèn và chĩa thì chỉ bắt được những con năm mười kilô. Nếu cầu bằng chó, vịt thì không đánh lừa nổi những con sấu ta. Muốn bắt thứ này người ta phải «lấy thân mình làm mồi», «Người mồi», trước hết phải có gun còn phải lão luyện, và chính đó là người thợ săn cá sấu, còn gọi

là người Traomun. Đầu tiên, họ thả thử một con mồi thử với «lưỡi câu» là hai thanh sắt nhọn hàn chéo hình chữ thập (nó không móc họng mà chổng ngang mang cá sấu). Cá sấu chỉ lớn vờn mà không đến thì đó là con lớn. Lúc ấy «người mồi» ra trận. «Người mồi» vẽ lên mình những đường rắn ri dữ tợn, trước ngực một bó phao tre, sau lưng một bó phao tre, tay cầm một cây lao bằng mun đầu bịt sắt, có buộc một sợi dây dài hàng trăm mét, «người mồi» lao ra giữa sông. Xung quanh, các xuồng ghe đã phục kích sẵn sàng tiếp ứng. «Người mồi» đập nước rầm rầm cho cá sấu «nghe» mà tới. Cá sấu ra đi từ lúc nào không ai biết, nhưng khi xuất hiện thì nó đã sát bên người mồi. Và như vậy là cuộc giao chiến bắt đầu. Sấu nhào tới tấp, cồ họng hả ra thì nước tràn thành sóng nước. Nước đang ra, người và phao càng sát tới. Sấu không chịu thua, người thì lừa thế dầm vào mang. Khi đã dầm được, người mồi thả dây rồi bơi vào bờ. Thường cá sấu về hang, về bùn. Xuồng ghe phục kích lao ra. Sấu không đưa hẳn lên mặt nước được, phải dùng ghe lườn cặp hai bên, kéo về bến. Những người săn sấu lập thành từng gánh (cho đến «thời chín năm» vẫn còn những gánh săn sấu như gánh ông Tư Xe hoạt động vùng Lý Nhơn, họ thường chỉ lấy da, còn thịt cho bộ đội).

Dân Rừng Sắt, theo giới cai trị của người Pháp — dân «cứng đầu», «dân bất trị». Tinh thần kháng hầu như đã nằm trong máu thịt của bất cứ con người nào, dầu trai hay gái, già hay trẻ, lưng thiếu hay dư dả, không phải là bà con ruột thịt, họ hàng, nhưng đã kết nghĩa giao thề, họ sẵn sàng sống chết với nhau. Sức mạnh tinh thần của họ là ở chỗ phục thù một con người này hoặc một con người khác. Con người đó thường đã trải qua thử thách «sinh tử» để làm xuất

hiện một bản lĩnh mà họ nề phục. Có thể đó là con người đã từng đánh với cọp, vật lộn với cá sấu, có thể đó là một tay cự phách hoặc đã từng đối đầu với cường quyền, hoặc là loại Hòn Minh, Tử Trục thấy việc « bất bình chẳng tha »... thông thường hững con người ấy đã hạ thủ tất cả các đối thủ của mình mà xưng danh một cõi. Chung qui lại, họ có sức uyết phục của tinh thần hào hiệp, của chí khí trọng nghĩa khinh tài. Sự nề phục ấy tạo ra một cái luật gọi là « luật giang hồ », một thứ luật có tính chất song phẳng. Anh tha tôi, tôi tha anh, anh tốt với tôi, tôi tốt với anh, và nếu ngược lại, tức thời trị ngay. Đã ăn thời phải trả, thua thời phải chung. Điều tối của luật giang hồ là bội tín. Bội tín là sống chết, lìa theo tôi cùng, là rớt tôi ò.

« Luật giang hồ » có chỗ mạnh mà cũng có chỗ yếu. Nó vốn mang cái phản kháng đối với rừng quyền áp bức, là cái không đầu phục xã hội đương thời, thời Tây, thời Mỹ, nhưng rồi nó dễ đi để phá phách tất cả, rồi trở thành cái họa. Chúng ta từng thấy ở đây những đảng trộm cướp nổi tiếng như « dân dao găm », « đảng dao quắm », « đảng búa danh »... những « anh chị bự » của thời Tây, thời Mỹ ở Sài Gòn, Chợ Lớn đã về đây. Ban ngày chúng ăn náu trong rừng Sát đêm đêm chúng chia nhau về các ngã sông, ở Sài Gòn, Chợ Lớn, đón cướp tàu thuyền, cướp liệ bạc, của cải, bắt cóc con gái...

Nhưng điều cuối cùng sâu xa nhất, chính hoàn cảnh địa lý lịch sử đặc biệt đã để lại cho con người Rừng Sát một giá trị tinh thần quý báu. Địa lý để lại cái căn cù của những cuộc đời khoét rừng vượt ải, cái chịu đựng và phóng khoáng của những con người trước thiên nhiên vui đập nhưng có nhiều ưu đã, và

cái ngang tàng, dữ dội của những cuộc đời « cá nước chim trời riêng một cõi... ». Lịch sử để lại cái hào khí « ông cha ta còn ở đất Đồng Nai... ». Ta có thể nhìn thấy những giá trị tinh thần ấy, hào khí ấy ở ngay trong những sự tích, truyền thuyết của địa phương có dính liến đến những sự kiện và con người có thật trong lịch sử, trong lý tưởng « sinh vi quân, tử vi thần » của những ông già xưa — quân ở đây không hẳn là vua, mà là những người đứng ra tập hợp « bốn phương mạnh mẽ » để mưu việc đại sự, đứng đầu một cõi, những ông như Trương Định, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Đạt... đều là « quân ». Những giá trị tinh thần ấy bắt gặp lý tưởng cách mạng chẳng khác nào những dòng suối, những con sông bắt gặp biển cả.

Một thời kỳ đen tối và đầy bi kịch của lịch sử đã để lại cho Rừng Sắt những vị thần, những sự tích, những truyền thuyết và cả những đạo, những đảng mà qua đó ta thấy một phần giá trị tinh thần của người Rừng Sắt và cả hình ảnh của « xã hội Rừng Sắt ».

- Sự tích Ông Thần Không Đầu

Ở xã Lý Nhơn ngày nay vẫn còn một ngôi đình thờ một vị thần gọi là « Thần Không Đầu ». Theo ông Lê Văn Kiên (Năm Kiên), ông từ của đình và các vị bô lão xã Lý Nhơn kể lại thì ông Thần Không Đầu lúc còn sống tên là Dương Văn Hạnh (Sáu Hạnh). Xã Lý Nhơn xưa là một khu rừng hoang vu chưa có tên. Theo truyền thuyết, có một người họ Lý tên Nhơn đến đây khai phá, qui tụ cư dân. Ông này đến lúc chết vẫn không có con nên dân lấy tên ông đặt tên làng để tưởng nhớ « người khai thiên lập địa ». Ông Trương Định rút quân về chiến khu Lý Nhơn lúc ở đây đã có nhiều dân cư, có chính quyền tự quản. Ông Trương Thế Đường làm xã trưởng, ông Dương Văn Hạnh là

pho xã trưởng và ông Cả Hành là người đứng ra căng đáng việc chung của xã. Ông Dương Văn Hạnh trở thành « đệ tử » của nguyên soái Trương Định, chuyên lo việc hậu cần trong thời gian ngài còn ở đây. Khi giặc Pháp tràn về, chúng bắt cả ba ông vì tội có liên quan đến nghĩa quân. Về sau ông Cả Hành bị đẩy ra Côn Đảo, ông Trương Thế Đường mất tích. Còn ông Dương Văn Hạnh, bọn Pháp đưa về Sài Gòn một thời gian ngắn hứa phong quan chức nếu chịu chỉ chỗ Trương Định. Ông Sáu quyết không chỉ Hai cần trủ lời đây khi phách của ông vẫn còn truyền lại trong dân gian ngày nay :

— Ta thà chết chứ không để giặc bắt ông Định.

— Sinh vì quân, tử vì thần.

Thuyết phục mãi không được, giặc Pháp đưa ông Sáu về Lý Nhơn, tập trung dân ra bờ sông, chỗ mà lúc bấy giờ là bến chính của làng. Chúng dùng thuyền chèo dôi kẹp vào cổ ông Sáu, chêm dút đầu, quăng xác xuống sông. Ngày tháng nào không còn ai nhớ rõ. Dân tìm vớt xác ông đem về chôn tại một khoảng đất phía bên trong chỗ ông bị chêm. Ngôi mộ bằng đá. Ông Sáu không có con, nhưng cho đến ngày nay vẫn có người trông coi mồ mả, hương đèn tử tế. Sau khi đập tắt được cuộc khởi nghĩa Trương Định, giặc Pháp rút đi, dân tỉnh xã Lý Nhơn không ổn định. Người già đi tìm thầy xem đất. Một thầy địa lý không hiểu vì mê tin hay vì cảm thương người vì nước quên thân, đã ~~phản~~ rằng : « Đất Lý Nhơn đã có chủ, nhưng hiện nay chưa ổn định vì người chủ mất đầu, còn đi lang thang, chưa có nơi yên nghỉ. Người già cần xây dinh thờ ông Sáu Hạnh ». Nhân dân Lý Nhơn góp tiền xây đền thờ, phải giấu tên ông Sáu Hạnh mà gọi là « Ông Thần Không Đầu ». Ngôi đình đặt ngay chỗ ông Sáu bị chêm, ngày nay gọi là Bến Đình là do vậy. Lần

ngày đất lở, ngôi đình có nguy cơ lở theo, nên phải dời đi nơi khác. Thời đánh Mỹ, ngôi đình này chính là nơi cách mạng hội họp nên bị đánh phá tan nát. Một lần nữa, ngôi đình lại phải dời đến vị trí mà ngày nay là khu vực trụ sở xã.

Tinh thần bất tử của ông Thần Không Đầu có ảnh hưởng đến truyền thống của nhân dân trong vùng. Họ hàng của ông còn lại đến ngày nay có ông Dương Tấn Phát tính đến năm tám mươi là 75 tuổi, chủ tịch mặt trận, là một trong 3 người đảng viên đầu tiên của xã Lý Nhơn. Hai đảng viên khác cùng thời là Trương Lương Bửu, Phạm Hồng Thái. Hai ông Trương Lương Bửu và Phạm Hồng Thái đều đã hy sinh trong thời đánh Pháp. Ngày nay đến xã Lý Nhơn, ta thấy một trong hai ấp có tên là Lý Thái Bửu. Lý là tên chữ đầu của xã, Thái là tên của Phạm Hồng Thái, Bửu là tên ông Trương Lương Bửu. Nơi gương ông Thần Không Đầu, từ bao nhiêu cuộc khởi nghĩa xưa kia cho đến thời chín năm, rồi đến thời đánh Mỹ, những người dân xã Lý Nhơn luôn luôn là những « người lính hậu cần » của chiến khu Rừng Sắt. Nay toàn xã có gần 400 hộ với 2200 khẩu, trong đó có 82% là gia đình liệt sĩ.

— Đạo Ông Trần :

Từ thị xã Vũng Tàu, ngồi xuồng đi về phía bắc độ 5 hải lý, qua một cái vịnh nhỏ, ta sẽ đến cù lao « giang sơn đạo Ông Trần ».

Đạo Ông Trần là một hiện tượng xã hội vừa có « sắc thái Rừng Sắt » vừa có dáng dấp của những vùng đạo giáo Bửu Núi, Hòa Hảo, đất chùa Tây An... ở miền Long Xuyên, Châu Đốc (An Giang ngày nay).

Cho đến bây giờ đến đây người ta vẫn cảm thấy như lạc vào một xứ sở xa xưa nào : những đền đài, miếu mạo trang nghiêm, những người dân ông áo dài đen,

đầu tóc củ hành, những nếp da bà đứng tuổi đi lạy buổi sáng, nhà nhà bàn thờ nhiều hơn giường tủ...

Cù lao này rộng bằng một xã lớn, ở giữa có núi lượn hình rồng xanh tươi tề nửa (xưa kia) nên nó đã mang tên là xã Sơn Long, làng Núi Nửa, từ năm 1962 đổi là xã Long Sơn.

Biển Long Sơn rất giàu, nhưng rừng Long Sơn xưa kia lắm cát và nhiều cộp dũ. Cuối thế kỷ thứ 19 đã có hai người đến đây « lập lân » (lập hội mùa lân để chiêu mộ người đến khai hoang), nhưng đều chịu không nổi phải bỏ đi. Tuy nhiên, cũng có một người dám trụ lại là Bà Trao, nên sau này có một ấp gọi là ấp Bà Trao (chỗ đền đài, trụ sở xã bây giờ). Sau đó có một người tên là Lê Văn Mưu đến đây trên một chiếc xuồng với một đứa con trai và cái « Túi đựng bầu trời đất » chính thức xin « lập lân » (1900), chiêu mộ bốn phương đến lập « giang sơn đạo Ông Trần ».

« Đạo Ông Trần » chỉ gói gọn trong một cù lao. Lịch sử của nó gắn liền với quá trình khai hoang ở đây và hoạt động kỳ quặc của một con người — ông Lê Văn Mưu.

Ở vùng Bảy Núi (tỉnh An Giang) xưa kia (cuối thế kỷ 19 ?) đã xuất hiện một « giáo phái » gọi là Bửu Sơn Kỳ Hương, giáo phái này lại đẻ ra những chi phái, trong đó có chi « Thi ân hiến nghĩa » có « giang sơn » riêng trên vùng Bảy Núi. Ông Lê Văn Mưu sinh năm 1856 (ở làng Thiện Khánh, huyện Giang Thành, tỉnh Hà Tiên, nay thuộc Kiên Giang), đi học thầy đạo Hiếu Nghĩa năm 30 tuổi rồi được thầy giao một cái « túi bầu trời đất » để đi về phía đông « lập giang sơn, sửa đạo pháp ». Ông không biết chữ nhưng thuộc nhiều « sấm », nhiều văn về bí hiểm. Ra đi, ngoài cái « túi

bầu trời đất», những câu sấm, về bi hiểm, ông còn những « vốn liếng » bi hiểm khác như cái tật đặc biệt của cơ thể — chân trái ngắn hơn chân phải, và nghề bốc thuốc với các vị tam hoàng ngũ đế (ba cây nhang bẻ làm năm) cộng với lá bùa... Nhưng đặc biệt, ông là người « xấn tay áo », biết tổ chức, tự xưng « bề trên » nhưng cách xử sự khiêm nhường ». Ông nhân danh là « Tướng Điều » người trời sai xuống và giải thích cái tật đặc biệt của mình : « Bị Phật hành, bắt dầm mình dưới nước ba ngày, lấy cây đập nát chân trái ». Từ đó ở lại trần luôn, không tắm, mũi đến năm Mậu Thìn (1927) mới tắm lại một lần. Vì vậy mà người ta gọi « Ông Trần ». Ông Trần lại chỉ ăn bốn thứ là và trái dơi : đậu xanh (« xúi đậu thành binh »), cua (đi ngang), tôm (đi thụt lùi) ốc (ăn miệng tiêu ra miệng).

Đầu tiên ông đến Vũng Tàu (Bà Rịa) sinh sống với nghề bốc thuốc, làm muối hàn muối, đổi muối, chở muối lên tận Phnompenh (ông biết tiếng Khmer), làm ăn phát đạt, kéo thêm cả họ hàng dưới quê lên. Sau bị Pháp truy thuế, phải giạt về Rạch Dừa (đông nam Rừng Sát). Ở đây lại bị truy thuế và mang tiếng « gian đạo », lại giạt về Long Sơn. Từ 1900 mới làm ăn có phép tắc của chính quyền đô hộ.

Ở đây ông Trần làm ăn bằng sự kết hợp cả tin ngưỡng, hàn tay lao động (buổi đầu) và óc tổ chức của mình. Trước khi « lập làn » ông đã dựng chòi tranh (chỗ dền dài ấp Bà Trao bây giờ) khai hoang ở Bến Diệp. Năm Giáp Thìn (1904) bão lụt lớn « nước tràn lên cả núi non » bao nhiêu người dân nhà cửa tan hoang, cây cối tiêu điều nhất là ở miệt Gò Công, Mỹ Tho... Ông Trần xuất « 7 thiên lúa » (7 ngàn gạ lúa) cho người thân tin về Gò Công, Cái Bè, Cai Lậy... đón người bị nạn lên Long Sơn, đưa tiền bạc, cơm gạo, dao cuốc cho họ dựng chòi, khai hoang. Thêm

vào những lời phán truyền bí hiểm, thương « bá tánh »... Tiếng lành đồn xa về một người Trời phái xuống cứu khổ đang ở Long Sơn lan ra lục tỉnh. Ông Trần lại cho sắm ba ghe « Long », « Sấm », « Sét » đi đón người xa đến (nay còn ghe « Sấm » được dân bảo tồn cẩn thận). Dựng bốn dãy nhà (ở chỗ chợ bây giờ) để cho họ tạm ở buổi đầu. Bốn phương qui tụ, ngày càng đông. Có những người giàu bán nhà, bán đất đến gởi tiền bạc cho ông Trần, xin cấp đất ở nơi « có người trời ». Ông Trần khoan đất khai hoang cho bất cứ ai đến, không phân biệt giàu, nghèo, giang hồ, hảo hớn, miễn chịu theo những điều ông đặt ra.

Ông nói : « Ngũ hành sanh vạn vật, đất cũng là của ngũ hành, không ai được bán, của làm ra ăn chung... ». Người mới đến đã có sẵn nhà, khai hoang phần đất mình, khi đã đủ sống thì trả nhà, ra riêng. Nhưng kẻ từ đó nửa phần thu nhập hàng năm phải gộp vào « ăn chung ». Ông Trần chịu thuế và quản lý phần « ăn chung » này. Ngoài ra còn « tiền nhân ngũ », tiền nhang đèn... Hàng năm, mười lăm ngày cuối, ai có đạo dù ở xa cũng phải gởi « tiền nhân ngũ » về. Phần « ăn chung » đem ra xây đền đài, cúng bái, một số phúc lợi công cộng, ngoài ra nó đi về đâu ít ai biết. Hồi ấy chỉ có cô Ba Tùng là người hầu hạ ông Trần, được giữ chìa khóa tủ tiền của.

Đất khai phá ngày càng rộng, kéo dài từ Đồng Bà Cúc, xóm Đất Sét phía bắc xuống xóm Gò Xu, xóm Chín Mẫu. Riêng phần đất ông Trần đứng tên trong sổ địa bạ Bà Rịa cũ là 56 mẫu 99 sào, 98 cao. Ông lại cho xây « ngũ hồ » chứa nước ngọt, đào kênh, đắp đập ngăn mặn, xây chợ, dựng nhà máy xay...

Từ năm 1910 đến 1928, lập đền đài : lầu trời, lầu tiên, lầu phật, lầu thánh, lầu cầu, nhà dài, nhà hội, thờ cả ông Trần lẫn Khổng Tử... của qui bốn phương

qui tụ. Bị cướp lớn năm 1931, nhưng đến nay, bề thế, của cải, đền đài vẫn vượt quá tầm cỡ của một đạo chỉ gói gọn trong một củ lao, khiến ai đến xem cũng phải ngạc nhiên.

Dần dần ông Trần chỉ lo việc tổ chức, giảng đạo. Đêm đêm dân làng tụ tập nghe đọc truyện Tàu rồi nghe ông Trần giảng giải từ những chuyện vừa nghe. Thái độ « bề trên » mà « khiêm nhường » của ông Trần biểu hiện trong cách xử sự. Mỗi khi có xích mích trong đạo, ông gọi « người lớn » (ông Trần gọi những người đã thành niên là « người lớn », người chưa thành niên là « người nhỏ ») đến nói : « Người này (tiếng tự xưng) không biết dạy, cho người này xin lỗi... » Ông cũng nói được lời hay : « Tu đây không thành tiên, thành phật mà thành người, đạo đây là đạo làm người... » Khi có lời ra tiếng vào thì :

*« Đau lòng tôi lắm bỏ trời,
Linh đình đây chèo một, chịu lời thị phi ».*

Bên cạnh phần « ăn chung », « việc chung » cũng hết sức phiền phức nhưng lại là việc đệ tử tự nguyện nhất : nào vô phiên, nào hầu phiên, nào hương chức, nào ông lớn... kết quả là luôn luôn ít nhất có 5 người chỉ chuyên việc quét dọn, lau chùi, cơm bánh, lễ tự... có ngày lên đến hàng trăm người lo việc trong đền đài, một số người ăn ở luôn với con cháu ông Trần trong nhà lớn. Hàng sáng lại từng tốp người đến lạy. Ngày trùng cửu (9 tháng 9 Âm lịch), « ngày bá tánh », cấm sát sinh súc vật trên đất, cúng bái bằng vật dưới nước, coi như cả làng hội họp, cúng bái, lễ lộc. Cái tục ma chay, chôn cất cũng trái đời, khác thiên hạ. Ông Trần không cho gánh hát nào ở ngoài xâm nhập.

Dân làng Long Sơn tăng ngày càng nhanh (đến 1982 đã lên 3500 hộ với 8 ngàn người, gần bốn phần

năm theo đạo Ông Trần), nhưng làm ăn vẫn phát đạt nhờ biển hơn nhờ đất. Đây cũng là điều làm người ta càng tin vào sự che chở của « người trời ».

Năm 1934, ông Trần tập hợp « người lớn » đến nghe lời tiên tri quan trọng: « Đại Hồng hỷ »; « Người lớn » hỏi: « Tới đâu ». Ông chỉ lên mây: Thế là làng xóm hi hục vác lúa gạo lên núi, dựng nhà, xây kho. Nhưng rồi nước chỉ « lé dé » hơn bình thường một chút. Tiếng « thị phi » lại đến tai ông Trần: « Người trời hết linh rồi ! » ông Trần buồn sin bệnh mà chết (1935).

Năm này qua năm khác, mùa này qua mùa khác, phần « ăn chung » (bằng nửa thu nhập) của người dân đạo Ông Trần vẫn chônchôn chất vào « kho chung » mà chi tiêu không rõ ràng. Rồi cũng có tiếng « thị phi » nhưng cái lệ tự giác ấy vẫn tiếp tục duy trì không chút thức sau ngày giải phóng. Và dù sao đi nữa, người tin đạo ở Long Sơn cho đến bây giờ vẫn tôn thờ ông Trần như thờ người đã đưa mình về miền « đất lành », biển bạc.

Có một điều tưởng chừng như không hợp vì « lẽ thường » là những con người bận việc đạo ấy lại không thờ ơ với việc « đại sự » của dân tộc. Những tiến Long Sơn, Bà Trao, Bến Diệp, Núi Nứa... đã đi vào tin cảm của các chiến sĩ Rừng Sắt, Bà Rịa, Long Thành... không chỉ vì nước biển non xanh của một vùng đất giàu có. Họ nhớ những ông già đầu tóc củ hành, những bà mẹ tưởng chỉ biết lạy trời, lạy đất, những ngôi nhà chật nít bàn thờ ở xứ đạo Ông Trần ấy đã cứu mang mình qua bao tháng năm gian khổ, suốt hai mùa kháng chiến.

Xã Long Sơn không có hương nào đình vì đất liền, nhưng ở vị trí như một cái « rốn », nó trở thành

nơi gặp gỡ của các vùng giải phóng Rừng Sắt, Bà Rịa, Vũng Tàu trong chiến tranh. Từ quốc lộ 15 có thể mở một nhánh rẽ ngắn, xây một cái cầu là Long Sơn dính luôn vào Bà Rịa. Điều này rất nghĩa cho sự gắn bó giữa Long Sơn với chiến khu Rừng Sắt, vùng giải phóng Bà Rịa — Biên Hòa và nơi đây là chỗ dựa của nhiều cơ quan kháng chiến Vũng Tàu (trong đó có huyện ủy), dù nó có trôi qua giặt lại về mặt quản lý hành chính (thời đánh Pháp Long Sơn thuộc Bà Rịa, thời đánh Mỹ thuộc đặc khu Rừng Sắt, nay thuộc đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo). Đền đài trang nghiêm nhưng khi kháng chiến cần người ta vẫn lấy chuồng đồng từ đền đài gởi ra chiến khu. Đế quốc Pháp trước kia và Mỹ sau này triệt để khai thác yếu tố tín ngưỡng, phong kiến trong đạo Ông Trần, cộng vào cái phù phiếm xa hoa, đã biến một bộ phận giới trẻ đi vào con đường ăn chơi, đàng điếm, nhưng lòng yêu nước của dân đạo Ông Trần không bao giờ thay đổi. Từ năm 1945 đến năm 1959 xã Long Sơn đã có ba chi bộ, gần một trăm đảng viên với số dân lúc đó dưới 3.000 người. Du kích Long Sơn từng tiêu diệt một trung đội lính Pháp (năm 1947) tại thôn Hai Cần Đà, đánh thiệt hại nặng một đại đội di căn (năm 1948). Thời đánh Mỹ, chi bộ Long Sơn vẫn đứng vững trong lòng dân qua bao nhiêu chà xát, đào bới của địch. Phía ngoài chúng nó đóng, phía trong vẫn là nơi ươm quân của các đơn vị quân giải phóng nhờ cả thể dân thể đất. Đội du kích Long Sơn là đội du kích mạnh của đặc khu Rừng Sắt, được xây dựng và hoạt động đúng phương hướng của Đảng bộ đặc khu : « không chiến đấu không thành du kích ». Họ đã vít cổ tại trận máy bay lên thẳng võ trang Mỹ giữa những ngày chúng nó đánh phá quyết liệt nhất. Long Sơn trở thành « điểm hậu cần » của đặc công Rừng Sắt.

Ngày nay, đến xã Long Sơn ta vẫn thấy như ông già đầu tóc củ hành là đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam, trong đó có ông Chín Gầu trên tám mươi tuổi, người đảng viên đầu tiên của dân đạo Ông Trờ.

MỘT CĂN CỨ ĐỊA NỖI TIẾNG THỜI CHỐNG PHÁP

Thuở đất nước còn trong cơn mưa gió bão bùng, sông Lòng Tàu đã tiễn đưa biết bao chiến sĩ cách mạng Việt Nam ra đi. Có người ra đi tay khoá chặt trong gòng cùm của đế quốc mà lòng vẫn hướng tới một chân trời của ngày mai tự do độc lập. Có người ra đi vài khoắc áo kẻ làm thuê, mượn sóng gió trùng dương đưa đường đề lo toan việc lớn. Trong số này có con người vĩ đại của chúng ta : Bác Hồ. Năm 1911, chiếc tàu dò dốc La Tu-sơ Tơ-rè-vil-lơ đã qua đây ! Ai ngờ rằng, Bác đã bắt đầu một cuộc hành trình 64 năm đầy gian lao mà làm nên chiến công thời đại. Hơn một trăm năm, bao nhiêu sự kiện lịch sử cũng giống như những lần tập trận đề cho Rừng Sắt cùng cả nước đi vào một trận đánh lớn nhất của dân tộc.

Những biến cố đầu tiên tại Sài Gòn khi quân Pháp trở lại Việt Nam đã biến Rừng Sắt thành một trong năm lôm du kích vùng ven đầu tiên : Gò Vấp, Hố Mòn, Thủ Đức, Rừng Sắt, Bến Cát.

Tháng 10 năm 1945, theo hội nghị Chợ Đệm (do đồng chí Trần Văn Giàu đại diện Ủy ban kháng chiến Nam Bộ triệu tập); Sài Gòn, Chợ Lớn được chia thành 5 mặt trận. Lúc đó ở phía nam, lực lượng Dương Văn Dương và các đơn vị Tàn Thuận, Tàn Qui, Nhà Bè đã

rải từ nam Thủ Đức, vát ngang Nhà Bè vào in cầu Hiệp Ân. Trận tuyến dần hình thành dọc theo bờ bắc bờ kênh Tẻ từ vàm phía đông qua cầu Chữ Y và Bình Đông. Dịch phòng thủ từ trụ sở chính của cảng Annexe (Port de commerce) phía đông kênh Tẻ chạy dọc vào cảng Sà lan (Port de Chalande) nhà máy xây Nguyễn Thanh Liêm, nhà máy điện Chợ Quách thuộc quận 4 bảy giờ. Ta dàn trận từ nam bờ ngã 1 kênh Tẻ sông Sài Gòn đến bến đò Tân Qui, từ nam cầu Chữ Y đến tận cầu Hiệp Ân thuộc bắc đông bắc huyện Nhà Bè và bắc quận 8 bảy giờ. Đó là chính diện (mặt trận số 4 Sài Gòn — Chợ Lớn).

Theo quyết định của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, đồng chí Nguyễn Văn Trân (nguyên bí thư tỉnh ủy Chợ Lớn) là chính ủy, Dương Văn Dương (lúc đó là trưởng ban sưu tầm vũ khí miền Đông Nam Bộ) là π lệnh mặt trận số 4, bao gồm cả các đơn vị Nhà Bè, Tân Thuận, Tân Qui (đã được hợp nhất với lực lượng Dương Văn Dương) và lực lượng Mai Văn Vĩnh (nhân danh bộ đội số 2 Độc Lập, lực lượng được lập nên tại làng Chánh Hưng sau 23/9), lực lượng Nguyễn Văn Hoanh đóng ở Cần Giuộc (Nguyễn Văn Hoanh là một giang hồ đã được cách mạng thu phục). Dương Văn Dương lập tổng hành dinh Rạch Giá, lần đầu tiên trưng cờ « hải quân Bình Xuyên » trên chiếc tàu vỏ trắng chạy dọc mặt trận số 4, kiểm soát từ cầu Rạch Giá lên bến đò Thủ Thiêm. Lực lượng Dương Văn Dương đứng vào hàng đầu về trang bị lúc bấy giờ: Có đủ các loại trung liên, hóc-kiss, brenn, « bầu dầu », hơn nửa chục trọng liên 13,2 ly, đại bác 24 ly (nhờ mua sắm lấy của giặc, trục vớt, tháo gỡ trên máy bay của Nhật và của đồng minh...)

Sau một tháng ròng rã bị quân và dân ta bao vây nội thành, nhận được viện binh, lại được quân Anh

tiếp tay, Pháp lần ra chiếm ngoại ô. Trên mặt trận số 4 những cuộc chạm súng quyết liệt nổ ra ở Cầu Đồn, Cầu Gạch (nam bến dò Tân Qui), nam cầu Chữ Y. Địch lần lượt kiểm soát các đầu mối giao thông đất liền phía nam, đông nam Sài Gòn.

Tháng 11-1945 từ mặt trận số 4 lực lượng Dương Văn Dương lui về xã Phước An (xã ven Rừng Sát thuộc huyện Long Thành). Từ đây hành quân chi viện mặt trận Biên Hòa rồi trở lại thành lập chi đội 2, 3 theo quyết định của khu bộ trưởng Nguyễn Bình. Dương Văn Dương nhận chức khu bộ phó, lập tổng hành dinh Rạch Xu đề tên « Tư lệnh vệ quốc đoàn liên khu Bình Xuyên, chi đội 2, 3, khu bộ phó ». Các lực lượng Mai Văn Vĩnh và Nguyễn Văn Hoành về Long Sơn, Bà Trao. Lúc này mặt trận Cần Giuộc đã thất thủ, bộ đội cách mạng Cần Giuộc do đồng chí Trương Văn Bang (nguyên bí thư xứ ủy Nam Kỳ từ 1933 đến 1936) chỉ huy lui về Giồng Nổi, Rạch Dọt và bắt đầu ngay việc xây dựng các cơ sở hậu cần (lúc ấy gọi là quân nhu).

Cuối năm 1945 đầu năm 1946, (theo yêu cầu của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, Dương Văn Dương hành quân chi viện mặt trận An Hòa, Gia Hòa (tỉnh Bến Tre), nơi đang bị giặc uy hiếp mạnh. Hai phần ba chi đội 2, 3 lên đường. Ông giao lực lượng chiến đấu còn lại cho Đinh Văn Nhi, chỉ đội trưởng chi đội 2 về Phước An. Súng lớn, các cơ sở nặng (công binh xưởng, kho tàng, lương thực, xuồng ghe...) giao cho Dương Văn Hà, Đặng Bá Lầu vào sâu Rừng Sát, Dương Văn Dương đích thân chọn 5 địa điểm xây căn cứ ở Rạch Xu, Vàm Trượng, Rạch Lá và chỉ thị tỉ mỉ cho cấp dưới việc xây dựng cơ sở đánh lâu dài. Vùng căn cứ Rừng Sát đã

hình thành. Sau chiến khu D, lúc này cũng là lúc ra đời các chiến khu Tân Long, Khu 5 (Lạc Môn), Rừng Nhum, Giồng Dinh, Đồng Tháp...

Không phải ngẫu nhiên mà một bãi riều ngập mặn hoang vu trở thành nơi hội tụ của gần trăm cơ quan kháng chiến. (Theo thống kê của đội chỉ Đổ Tầm Chương, một cán bộ quân đội đã chìm đắm ở Rừng Sát, nay công tác ở Tổng cục cao su, cơ số này là 97). Chỉ nhỏ hơn một phần mười của Đồng Tháp thôi, nhưng bề thế của nó vượt hẳn bề rộng với Rừng Sát vốn là một « trận đồ bát quái » chặn ngang cổ họng quân thù, và cũng từ nơi đây, bước một bước đã đụng ngay sào huyệt chúng nó.

Đối với sức vóc thực dân Pháp hồi ấy, những con đường độc đạo dẫn đến những củ lao tù có thể coi là bất khả xâm phạm. Có những gò nổi nhím hần, khi nước lớn, nhưng cũng có những củ lao ở thể « đứng chào cờ cả đại đội » cao hơn mặt thị trấn. Dưới những vòm rần menh mông, người ta có thể phóng tầm mắt ra xa hàng trăm mét, như đứng trước những chùm rễ chông chát, những « hang động » chà là bịt bùng thì chỉ cách nhau vài thước người ta đã không thấy nhau. Điều này rất nguy hiểm cho kẻ thù, nhưng cũng rất lợi hại cho chúng nó trong hoạt động « commando ». Có những cái thông thường ở lại cho ta hình dung những điều kỳ lạ về chiến thuật: « Đánh giặc theo tiếng chim bìm bịp », « Đánh một ngày gỡ gai ba ngày... » Tiếng chim bìm bịp với có quan hệ đến con nước. Đánh giặc, hành quân ở đây mà không quan tâm đến con nước thì có thể bất ngờ bị sa lầy, không gỡ được. Về phía giặc cũng vậy. Múng ta làm chủ rừng. Những ngôi nhà sàn kháng chiến nối nhau qua cầu khỉ, thúp thoáng trong rừng cây róc rạc. Nhà sàn Rừng Sát đi vào lịch sử kháng chiến như chòi

đứng ở Tháp Mười, nhà tá trung quân ở miền Đông Nam Bộ. Những đường cầu chà là dài dằng dặc lao qua những đám lá tối trời, nối liền từ gò nổi này sang củ lao kia giống như những lối mòn của chiến khu đất liền.

Cùng với sự hình thành các tổng hành dinh, các cơ sở quân nhu, nơi đây lần lượt có mặt gần một trăm bộ phận từ cấp Nam Bộ đến cấp xã thoát ly, hậu cứ của các cơ quan lãnh đạo các tỉnh Gò Công, Chợ Lớn, Bà Rịa, thị xã Vũng Tàu, các cơ quan kháng chiến Sài Gòn (liên hiệp công đoàn, biệt động, công an xung phong...) các cơ quan dân chính, đảng các quận Nhà Bè, Cần Giuộc, Cần Đước, Hòa Tân (Gò Công), các xã đất liền ven tây sông Soài Rạp... Những cơ quan này thường có 2 « chân », một « chân » đứng ở Rừng Sát, một « chân » duỗi vào đất liền. Từ năm 1947 các đơn vị quân giải phóng miền Đông vẫn tiếp tục tăng cường xuống Rừng Sát : trung đoàn 300 Dương Văn Dương, trường lý luận Mác-Lênin của khu ủy, các khóa huấn luyện Phan Đăng Lưu của khu 7, lực lượng liên huyện Nhà Bè, Cần Giuộc...

Lịch sử đã qua rồi cái thời xung hung xung bá của những giang hồ, hảo hớn, những con người đã bị chế độ thực dân dồn đến chân tường, sống ngoài vòng pháp luật muốn đứng lên đập đổ tất cả. Nhưng nói đến sự hình thành của chiến khu Rừng Sát không thể không nói đến lực lượng Bình Xuyên. người chủ đầu tiên ở Rừng Sát. lực lượng từng chiếm đến 7 trong 25 chi đội ở miền Đông lúc bấy giờ. Nhắc đến những tháng năm đó là nhắc lại những thiên chuyện bi kịch của thời kỳ lịch sử mà những anh chị hảo hớn, những nhóm võ trang giang hồ đã trở thành những cán bộ của Đảng và lực lượng cách mạng như thế nào.

Đó là một con đường không đơn giản. Dòng xoáy của cách mạng mùa thu năm 1945 ở cuốn hút lực lượng Bình Xuyên giang hồ cái cũ ấy vốn đã mang dòng máu chống cường quyền áp bức, lồng thục dân đề chuyên hóa, phát triển thành như đơn vị quân đội nhân dân Việt Nam, nhưng lịch sử không tự nhiên thành mà đó là một quá trình, một cuộc đấu tranh gian khổ và hy sinh của những chiến sĩ cán mạng trước âm mưu của thực dân Pháp : muốn bằng chiến tranh gián điệp để chiếm lực lượng Bình Xuyên mà không tốn một viên đạn và biến Rừng Sắt thành « Chiến khu ma ».

Nguyên ở vùng Tổng Thông Hạ (Chanh Hưng, Bình Đăng, An Phú, Đa Phước — ở phía nam Chợ Lớn) từ trước năm 1940 có một nhóm giang hồ võ trang, đứng đầu là Nguyễn Văn Mạnh (Tám Mạnh). Tiệt Tám Mạnh là một anh chị hảo hớn, có đức, có uy tín, gốc Thiên địa hội, đồng chí Nguyễn Văn Tràn (trước là đảng viên Đảng Cộng Sản Pháp, qua trường Đồn Phương Mát-xơ-va, về nước cùng thời với đồng chí Hồ Hồng Phong, hoạt động vùng Cần Giuộc — Chợ Lớn) đã qua ông mà tập hợp anh em giang hồ, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng hành động khi có lệnh Nam Kỳ khởi nghĩa. Nam Kỳ khởi nghĩa không thành, bộ phận này tìm giải thể chờ thời. Năm 1944, Nguyễn Văn Mạnh trở thành một đảng viên trong số những giang hồ nổi tiếng vùng Tổng Thông Hạ, được đồng chí Nguyễn Văn Tràn giao nhiệm vụ tập hợp anh em giang hồ « làm lại trận lớn hơn ». Nhưng cũng vào thời đó, ngoài hàng cướp lớn Bảy Viễn — Mười Trí (Lê Văn Viễn — uyển Văn Trí) và hàng chục nhóm võ trang giang hồ khác vùng Chợ Lớn, Cần Giuộc, Tổng Thông Hạ, lực lượng giang hồ Dương Văn Dương ở Tổng Thông II có thành thế hàng đầu, tập hợp đủ mặt giang hồ, hảo hớn, nông dân, công nhân, dân nghèo, học sinh...

Vốn là một nông dân nghèo mang dòng máu Thiên địa hội của cha, một giang hồ có bản lĩnh, hảo hiệp, Dương Văn Dương sớm nắm bắt được chủ trương cách mạng, thành lập lực lượng lấy tên Bình Xuyên, một tên ấp của làng Chánh Hưng (quận 8 bây giờ) lực lượng bao gồm tất cả các nhóm võ trang giang hồ trong vùng « Bình Xuyên ». Thanh thế của nó vang dội Sài Gòn, Chợ Lớn lan ra lục tỉnh. Tháng 8 năm 1945, Sài Gòn cướp chính quyền, lực lượng Bình Xuyên rất hăm hở, tự hào đứng vào đội ngũ « Mặt trận Việt Minh ». Mỗi thủ lĩnh Bình Xuyên được cách mạng giao một cương vị chỉ huy.

Dương Văn Dương kêu gọi binh sĩ Bình Xuyên « Hãy tỏ rõ mình là chiến sĩ cách mạng ». Ông tuyên bố trước khí giới những nhóm giang hồ nào chưa chịu từ bỏ giang hồ và ăn cướp, bắt trói những người rượu chè, la cà hàng quán, đặt hình phạt nặng nề không loại trừ tử hình tại chỗ... về tội ức hiếp dân chúng.

Trước thế giặc hùng hổ và thái độ ngang ngược, chiến sĩ Bình Xuyên :

Quyết tử đồng sinh quyết tử thù

Chỉ khi giang hồ không quý lụy

(Thơ trong lực lượng Bình Xuyên)

Từ cuối năm 1946, lực lượng Bình Xuyên được biên chế thành 7 chi đội, theo biên chế thống nhất của vệ quốc đoàn : các chi đội 2, 3, 7, 9, 21, 25 không chỉ gồm các đơn vị giang hồ cũ mà gồm cả các đơn vị xuất thân từ Nhà Bè, Cần Đước, Tân Thuận, Tân Qui, Thủ Thiêm, Phú Nhuận, Gò Công, Bình Chánh, Cần Giuộc, An Điền (Thủ Đức), Trảng Bàng (Tây Ninh) và có cả hàng trăm lính Nhật, Lê dương đầu hàng (ở lực lượng chi đội 7 của Mai Văn Vĩnh). Hệ thống chính trị viên và tổ chức Đảng lần lượt hình thành từ các đại đội. Sau đồng chí

Bảy Trần, đồng chí Ba Bang (Trương Văn Bang chỉ huy lực lượng xã trang Cần Giuộc) là một cán bộ cấp cao của Đảng tiếp tục nhiệm vụ xây dựng chính trị ở lực lượng này. Sau đồng chí Tâm Mạnh, các chiến sĩ Từ Văn Ri, Nguyễn Văn Tư (Tư Ca-rê), Huỳnh Đình Hai (Hai Râu)... là những người đặt những viên đá đầu tiên của tổ chức Đảng trong lực lượng Binh Xuyên.

Cuộc hành quân về Bến Tre của lực lượng Dương Văn Dương đúng vào những ngày tết. Vượt sông Soài Rạp, đánh sáu trận mới đến được bên này cù lao Tân Phú. Hai đêm vượt cửa Tiểu, cửa Đại về xã Châu Bình (Giồng Trôm). Hoàn quân đánh thắng hai trận trên sông Ba Lai, chìm hai tàu giặc, bắt tù binh Pháp (thuộc đơn vị đã từng vượt sông Rhin), nhưng lực lượng Trương Văn Giàu không liên lạc được, Bến Tre thất thủ. Chiều 16 tháng 1 âm lịch (vào đầu 1946) Dương Văn Dương hy sinh ở xóm Cỏ Cò (Châu Bình) sau trận oanh kích của 3 máy bay pic-phai. Cuộc hành quân tới đây dừng lại.

Đồng chí tham mưu trưởng Từ Văn Ri và phó chỉ huy Sáu Đồi đưa lực lượng trở lại Rừng Sắt, có thêm bộ đội Cần Đước, Phú Nhuận tự nguyện gia nhập. Hai chi đội đứng trên 4 xã : Tam Thôn Hiệp, Bình Khánh, An Thới Đông, Lý Nhơn. Sau đó một bộ phận lực lượng Gò Công do Lê Văn Lung chỉ huy từ Bình Đại — Tân Thuận vượt biển, về Rừng Sắt, nhập vào chi đội 3.

Cùng với quá trình chuyển hóa, phát triển nhiều cán bộ chiến sĩ lực lượng Binh Xuyên lần lượt đứng vào hàng ngũ của Đảng có những người đã trở thành cán bộ cao cấp của quân đội nhân dân Việt Nam như các đồng chí Huỳnh Văn Trí, Dương Văn Hà, Mai Văn Vĩnh...

Dương Văn Dương, người thủ lĩnh có uy tín của lực lượng Binh Xuyên đã có công xây dựng một lực lượng giang hồ đi theo cách mạng và chiến đấu anh dũng ngay từ khi quân Pháp trở lại Sài Gòn. Sau khi hy sinh trong cuộc hành quân Bến Tre (lúc ở cương vị khu bộ phó khu 7, chỉ huy trưởng cuộc hành quân), Dương Văn Dương được chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa truy phong hàm thiếu tướng.

Vấn đề lực lượng Binh Xuyên từ đó coi như đã qua theo một giai đoạn lịch sử, nhưng thực dân Pháp lại dùng Bảy Viễn lập lại « Lực lượng Binh Xuyên » lay sai, làm mưa làm gió cả Sài Gòn — Chợ Lớn, gây lộn lộn trắng đen trong nhận thức của nhiều người đối với anh em Binh Xuyên trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

Cùng với lực lượng Binh Xuyên, có nhiều đơn vị cách mạng địa phương và vệ quốc đoàn mà lịch sử của nó gắn liền với lịch sử chiến khu Rừng Sắt suốt cả thời kỳ chống Pháp. Trước hết đó là lực lượng Cần Giuộc.

Lực lượng này thành lập vào tháng 8 năm 1945 do đồng chí Trương Văn Bang nguyên bí thư xứ ủy Nam Kỳ từ năm 1933 đến 1936, tỉnh ủy viên Chợ Lớn, thường vụ huyện ủy Cần Giuộc chỉ huy, đồng chí Lưu Quang Tuyến là chính trị viên. Số quân đông nhưng súng quí ít, lúc đầu phải đánh phục kích đường số 5 bằng cả giáo mác. Từ những khẩu súng ban đầu mà nhân lên bằng những trận đánh. Cuối năm 1946, bộ đội này lấy tên là tiểu đoàn Nguyễn An Ninh, đủ ba đại đội bộ binh (các đại đội 2765, 2766, 2767) và các bộ phận trinh sát, quân bảo (lúc này đã có một khẩu 13,2 ly, 3 khẩu brenn, 1 thompson, vài tiểu liên và trên 40 müt-ca-tông). Hoạt động quân sự kết hợp công

tác tuyên truyền đã trở thành chủ trương mà tự tiểu đoàn đã đề ra. Các cơ sở quân nhu được xây dựng ngay từ đầu : công xưởng (trên 60 đồng chí), các cơ sở làm ruộng, đóng dây, nuôi vịt, đóng xưởng tập trung ở Lý Nhơn. Người ta gọi đây là « Bộ đội đồ » vì lực lượng do Đảng tổ chức, có tiểu đoàn ủy, cấp ủy, chi bộ đại đội. Đơn vị được xây dựng toàn diện, nổi bật về công tác dân vận, phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng chính quyền địa phương...

Đầu năm 1947 theo chỉ đạo về tăng cường lực lượng cho Nam Bộ và công tác Bình Xuyên của trung ương, một trong những tiểu đoàn Nam tiến mang tên thủ lĩnh đầu tiên của Bình Xuyên Dương Văn Dương đã lên đường. Bài hát « Hường về Nam » lúc ấy thời thúc lòng người : « Nước non xa ngàn dặm, chúng ta đi ngàn dặm, sông núi vẫn vương dưới làn khói lam... » Mười tháng xẽ dọc Trường Sơn theo tiếng gọi « để cho miền Nam mãi mãi là của đất nước Việt Nam dù hy sinh tất cả vẫn không sờn lòng » (lời căn dặn của Ủy ban kháng chiến miền Nam, lúc đoàn từ xe lửa xuống bộ tại Ngàn Sơn, Chi Thạnh), đoàn quân ấy lúc ở ga Hàng Cỏ (Hà Nội) 1000 người, khi đến Giồng Dinh, Tháp Mười còn 400. Tại đây tiểu đoàn chuẩn bị cùng chi đội 13 (một bộ phận bộ đội hải ngoại liên quân), trung đội Giồng Dinh — Giồng Dứa thành lập trung đoàn 300. Trung đoàn này sẽ về Rừng Sắt với hai nhiệm vụ lớn : tăng cường lực lượng cách mạng, xây dựng chiến khu Rừng Sắt góp phần xây dựng lực lượng Bình Xuyên, hoạt động quân sự đặc biệt là đánh giao thông vùng nam đông nam Sài Gòn, phát triển phong trào cách mạng địa phương Nhà Bè, Cần Giuộc, Cần Đức, Bình Khánh, Phú Xuân, Đồng Hòa, Long Thạnh, Cần Giờ... tiến lên xây dựng cơ sở nội thành và mạng lưới quân báo nối tiếp Sài Gòn và vùng căn

cư. Việc đánh giao thông ở đây được xác định trước hết là đánh tàu trên sông Lòng Tàu, tức là đánh vào cổ họng tiếp tế của địch. Đánh tàu nhỏ trong sông nhỏ là tập trận để đánh tàu lớn trên sông lớn.

Từ già Tháp Mười « muối kêu như sáo thổi », vừa bộ vừa xuống đêm nghỉ ngày đi, đoàn quân qua vùng Mỹ Tho vượt quốc lộ 4 băng qua Tân Qui, Nhà Bè, Cần Giuộc. Qua sông Soài Rạp, đoàn quân đặt chân lên xã Lý Nhơn thì coi như đất liền đã hết, rừng cây bịt bùng, sông nước bao vây. Chiến sĩ về quốc hội ấy đang buổi rất nghèo, phần đông mỗi người một bộ quần áo hay ít hơn, nếu thêm nữa là cái quần xà lỏn, đêm ngủ dèm ràn, không màn... Lý Nhơn, An Thới Đông, Bình Khánh lúc ấy dân còn thưa thớt.

Ngày 21-2-1948 lễ thành lập trung đoàn 300 Dương Văn Dương, trung đoàn đầu tiên của miền Đông Nam Bộ được tổ chức tại ấp Gia Thuận, xã Lý Nhơn. Trung đoàn có đầy đủ 3 cơ quan tác chiến, chính trị, quân nhu. Ban chỉ huy gồm : đồng chí Mười Thìn trung đoàn trưởng, đồng chí Tư Việt Hồng, chính trị viên đồng thời là bí thư Đảng ủy trung đoàn. Hai đơn vị tác chiến : tiểu đoàn Lý Chính Thắng do đồng chí Võ Văn Thạnh làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Sơn Tiên làm tiểu đoàn phó, tiểu đoàn Lê Hồng Phong do đồng chí Tư Thiện làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Sơn làm tiểu đoàn phó (đồng chí Võ Văn Thạnh đã chuyển ngành lúc mang cấp hàm thiếu tướng, nay là tổng cục phó Tổng cục cao su, đồng chí Tư Thiện đã hy sinh trong trận đánh bót Xoài Ninh Long Thành năm 1951, đồng chí Sơn hy sinh trong thời kỳ đánh Mỹ tại Long Thành).

Các đơn vị trung đoàn 300 hoạt động vùng Nhà Bè, Cần Giuộc dài xuống Cần Giở, Đồng Hòa. Không phải chỉ hoạt động quân sự mà việc xây dựng cơ sở

dàng, lực lượng du kích địa phương coi là công tác song song. Xây dựng căn cứ Rừng Sát ở đây cũng có nghĩa là kết hợp các đơn vị phía sau của các quận để tạo bàn đạp, đồng thời, xây dựng các cơ sở hậu cần (thời ấy dùng chữ «quần nhu»). Trung đoàn ủy trung đoàn 300 gắn liền với các cấp ủy Núi Bè, Cần Đước, Cần Giuộc. Đến giữa năm 1948, chân duỗi trên đất liền của trung đoàn 300 đã bắt đầu hoạt động, các cơ sở quân báo nội thành đã cung cấp được tin tức hoạt động, tình hình địch trên sông Lòng Tàu và Rừng Sát. «Chân sau» cắm rễ sâu, chắc khắp Rừng Sát: trung đoàn có trường huấn luyện Mũi Bần, trường thiếu sinh quân Lý Nhơn, khu thương binh Long Thành, trại xuồng ghe Phước Thải, trường văn hóa Đồng Hòn, ngoài ra có trạm xá, ban tiếp liệu... Xưởng quân giới là cơ sở hàng đầu trong các cơ sở hậu cần, được xây dựng ở An Thới Đông, Ba Giồng, phía sau có phòng quân giới, có đủ máy tiện, gò, hàn, rèn, nguội, hóa chất, từ sửa chữa vũ khí tiến lên sản xuất đúc đạn, làm trôn bom UB, thủy lôi, thủ pháo, bazomine.

Ngày 15 tháng 8 năm 1948 liên đoàn Nguyễn An Ninh Cần Giuộc sát nhập chi đội 15 (hoạt động vùng Chợ Lớn) thành trung đoàn 308 và đổi tên là tiền đoàn 922 Nguyễn Văn Tiếp. Trung đoàn 308 hoạt động vùng cận Rừng Sát, Cần Giuộc, Cần Đước, một phần trong huyện, mở rộng sang vùng nam Chợ Lớn, Núi Bè, Bà Rịa, Long Thành, Đất Đỏ.

Qua củng cố tổ chức, các đơn vị phân khu miền Duyên Hải, trung đoàn 300 Dương Văn Dương, trung đoàn 309 và các lực lượng địa phương làm thành thế quân sự vững chắc của chiến khu Rừng Sát. Vùng tranh chấp địch ta áp sát Sài Gòn — Chợ Lớn.

Năm 1948 đồng chí Nguyễn Văn Bứa (tức Nguyễn Hồng Lâm sau này là thiếu tướng phó tư lệnh quân

khu 7) được điều về thay đồng chí Mười Thìn (đi công tác dân tộc ít người).

Tháng 3-1950, xảy ra vụ hai chiến hạm Mỹ vào Sài Gòn. Lần đầu tiên, chúng ta bắn vào chiến hạm của tên cướp đầu sỏ thế giới. Lúc ấy, trước tình thế khốn quẫn trong cuộc chiến Đông Dương, thực dân Pháp phải qui lụy đế quốc Mỹ để xin viện trợ. Đế quốc Mỹ vốn đã có âm mưu lâu dài về Đông Dương, quyết định mở màn cho sự có mặt ở đây bằng một cuộc phô trương sức mạnh. Ngày 17-3-1950, chúng cho hai chiến hạm diệt ngư lôi là Stik-ken và An-dốc-xơn cập bến Sài Gòn và theo kế hoạch thì có 70 máy bay chiến đấu từ chiếc hàng không mẫu hạm ngoài khơi sẽ mở cuộc thao diễn lớn theo tuyến sông Lòng Tàu vào vùng trời Sài Gòn. Quân chúng Sài Gòn sục sôi trước sự có mặt của tên xâm lược mới. Đặc khu ủy Sài Gòn — Gia Định quyết định phải phủ đầu tên giặc kiêu căng này bằng một đòn chính trị có quân sự phối hợp. Đồng chí Hoàng Duy Khương, bí thư đặc khu ủy triệu tập hội nghị gồm có luật sư Nguyễn Hữu Thọ (lúc bấy giờ đang công tác bí mật), đồng chí Chin Ích, đại diện ban chỉ huy thành đội, đồng chí Nguyễn Văn Bứa trung đoàn trưởng trung đoàn 300, đề phổ biến chủ trương về đợt hoạt động quân sự cần huy động nhiều bộ phận biệt động và một số khẩu đội pháo trung đoàn 300.

Bắn vào chiến hạm Mỹ, đó là phát súng đầu của người Việt Nam mà cũng là của người Đông Nam Á nổ vào tên đế quốc đầu sỏ. Thách thức này không làm cán bộ chiến sĩ ta đắn đo, do dự, cái khó bấy giờ là ta chưa có cối đủ sức bắn cầu vồng từ Thủ Thiêm sang cảng Sài Gòn. Nhưng cũng thật may mắn: đồng chí Nguyễn Văn Bứa phát hiện ở xưởng công binh 312 của đồng chí Năm có cối 82 ly tự chế. Nguyên là

trước đây anh em có lên vào sân bay Tân Sơn Nhứt trộm được ống tuýp máy bay Dakota, về đo lại thấy đường kính 82 ly chứ không phải 81 ly như cỡ cối lớn của Pháp lúc bấy giờ. Làm cối 82 có nghĩa là phải tự đúc đạn luôn. Thế là những khẩu cối 82 ra đời từ xưởng đồng chi Năm; có hình sao 5 cánh, có 2 chân, máy tầm, chỉ thiếu máy ngắm. Súng không dùng cò chết mà dùng cò bật, mỗi lần bắn giát cò...

Tại xóm Tiều Rừng Sắt, anh em can bản đồ tỷ lệ 1/25000, căng dây đo cự ly bắn thử. Ba khẩu đội cối của đội trợ chiến thuộc tiểu đoàn 300 do đồng chí Hoa chỉ huy xuất trận, có đội biệt động 2 yểm trợ. Đồng chí Sơn Tiều đã trình sát và tổ chức trận địa Thủ Thiêm. Đúng như phương án, 10 giờ đêm 18-3-1950 tại đây 3 khẩu súng đồng loạt nổ 20 phút. Hai chiến hạm Mỹ và thành thủy quân Francis Garnier (Bạch Đằng) bị trúng đạn. Pháo thủ nhìn rõ ánh chớp đạn nổ. Theo tin của quân báo: 10 tên Mỹ trên hai hạm ngư lôi và một sĩ quan Pháp trong thành thủy quân chết. Các đội biệt động phối hợp tập kích nhiều đồn bót nội thành, đồn cảnh sát quận 4. Ngày 19-3-1950, tại Sài Gòn bùng nổ cuộc mít tinh biểu tình lớn, trên 30 ngàn dân rầm rộ xuống đường với khẩu hiệu: «Đả đảo đế quốc Pháp và bè lũ tay sai», «Đế quốc Mỹ cút đi». Cờ Pháp, cờ Mỹ, cờ ba que bị hạ xuống và bị xé nát, nhiều xe nhà binh bị đốt. Nhiều lính Mỹ bị giết mũ, lột quần hiệu ném xuống đường, chúng nó hoảng hốt chạy tán loạn. Bị đòn cảnh cáo này lửa, chương trình không diễn của Mỹ phải cấp tốc hủy bỏ, ngay tối 19-3-1950 hai chiến hạm Mỹ nhục nhã tháo chạy khỏi Sài Gòn.

Tháng 9-1950 Trung ương cục có chủ trương giải thể các trung đoàn địa phương, thành lập các trung

đoàn chủ lực và củng cố các đơn vị độc lập hoạt động ở các địa phương.

Đồng chí Trần Văn Trà, tư lệnh đặc khu Sài Gòn ... Gia Định lúc đó đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho ban chỉ huy và Đảng ủy trung đoàn 300 (đồng chí Nguyễn Văn Bứa là trung đoàn trưởng, đồng chí Tư Việt Hồng là bí thư Đảng ủy trung đoàn) :

— Ra sức huấn luyện bộ đội để tổ chức thành từng đại đội độc lập, đội võ trang tuyên truyền, đội biệt động, phát triển chiến tranh du kích. Hoạt động phải bám sát các huyện Nhà Bè, Cần Giuộc, Cần Đước, quận 7, quận 4, khu vực cảng và kho xăng Nhà Bè. Vừa hoạt động vừa xây dựng xã chiến đấu.

— Tổ chức đội binh chủng chuyên môn đánh thủy lôi trên sông rạch Rừng Sát. Đặc biệt là nhiệm vụ bám sông Lòng Tàu, nắm chắc tình hình vận chuyển quốc tế của địch ra vào cảng Sài Gòn. Chuẩn bị để đánh diệt tàu lớn của địch vận chuyển đặc biệt trong thời cơ quan trọng. Đồng thời hoạt động thường xuyên trên sông Soài Rạp để bảo đảm hành lang Rừng Sát và đất liền sát thành phố. Các nhiệm vụ này có tầm quan trọng chiến lược.

— Xây dựng căn cứ Rừng Sát để làm bàn đạp hoạt động, giữ vững căn cứ Cần Giuộc, các xã giải phóng như Đồng Hòa, Long Thạnh.

— Trợ lực, bám sát các huyện xã ven thành phố để giải quyết lực lượng tại chỗ.

— Quan hệ chặt chẽ với các cấp ủy Sài Gòn, Chợ Lớn, Bà Rịa, Biên Hòa, Gò Công.

Theo chủ trương mới, một bộ phận trung đoàn 300 chia thành 3 đại đội hoạt động 3 khu vực : đại đội 2696 hoạt động vùng Cần Đước, Cần Giuộc ; đại đội

2697 hoạt động khu vực Tân Qui Phước Long, đường 17, 18, Nhà Bè ; đại đội 2694 cơ động vừa chi viện đất liền vừa bảo vệ căn cứ vùng An Thới Đông, Bình Khánh, Lý Nhơn, Đồng Hòa, Long Thành.

Cũng từ trung đoàn 300 lại hình thành 3 đội biệt động. Biệt đội 1, Nguyễn Văn Tiến chỉ huy trưởng, Nguyễn Hồng Sơn chính trị viên (đồng chí Sơn sau hy sinh trong tổng công kích Mậu Thân 1968) có nhiệm vụ công tác quần chúng ở các kho xăng Sô-cô-ni (lêso sau này), Shell, Texaco và hoạt động tuyên truyền võ trang trên đất liền Nhà Bè. Biệt đội 2, đồng chí Ba Hoàng chỉ huy trưởng (đồng chí Ba Hoàng chết ở nhà tù Côn Đảo), đồng chí Tư Lâm chính trị viên, hoạt động võ trang tuyên truyền khu vực làng Chánh Hưng (quận 8 bây giờ), Khánh Hội, Xóm Chiếu (quận 4 bây giờ), khu vực cảng Sài Gòn và cả bên kia Thủ Thiêm, sau này được gọi là « Quyết tử 2 ». Biệt đội 3 do đồng chí Đào Quyết phụ trách, hoạt động ở Bình Dăng, khu vực quận 6 và một phần quận 8 bây giờ, sau đổi thành đội võ trang tuyên truyền Bình Dăng. Phần lớn lực lượng còn lại của trung đoàn 300 được tổ chức thành tiểu đoàn 300. Lúc bấy giờ tỉnh Bà Rịa-Chợ Lớn vừa hình thành theo yêu cầu mới, gồm cả Rừng Sắt, Vũng Tàu, Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, có các con đường giao thông chiến lược quốc lộ 15, đường số 2, sông Lòng Tàu. Ta làm chủ đường 15. Khu vực Phú Mỹ có các cơ quan tỉnh, phòng quân giới Nam Bộ. Bảo vệ khu vực Phú Mỹ, nối liền căn cứ Hắc Dịch-Phú Mỹ với Long Thành, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, nối liền rừng một dãy từ Rừng Sắt lên chiến khu Đ là một yêu cầu chiến lược lâu dài. Tiểu đoàn 300 do đồng chí Nguyễn Văn Bira lúc này là tỉnh đội phó, làm chỉ huy trưởng, đồng chí Đặng Quang Long chính trị viên, các đồng chí Trần Kim Ba, Bùi Xuân Cường là tiểu đoàn phó. Vùng hoạt

động của tiểu đoàn từ phía Đất Đỏ sang đến sông Soài Rạp, từ Nhà Bè xuống Cần Giuộc.

Trước ngày giải thể, trung đoàn 300 nhận được tin quân báo từ trên : Có một ổ gián điệp lớn của giặc Pháp tại Rừng Sát. Bọn này đã len vào được trung đoàn bộ E300, đầu mối có cả ở tham mưu, chính trị, quân nhu : tên Tư Sơn, trưởng văn phòng trung đoàn, tên Bảy Nghiệp trưởng ban thanh tra trung đoàn, tên Lá trưởng đài VTH (gốc chi đội 21 bổ sung sang), tên Paul trưởng ban quân y, tên Hai Điều ban quân nhu một tổ quân báo và tổ trưởng tổ dịch vụ. Bảy Nghiệp là người dầy vào tội lỗi vì vợ. A này là dân Cần Giuộc lên làm ăn ở Sài Gòn, đã bị Bảy Viễn mua chuộc và tổ chức móc nối, lời kéo chông. Nhờ nắm được VTH, địch nắm được tin tức của ta. Chúng đã có kế hoạch đánh một cú quyết định tiêu diệt trung đoàn bộ và 3 cơ quan huyện đội, nắm lại lực lượng Bình Xuyên. Nhưng toàn bộ đã bị bắt trước khi hành động. Trước tòa án quân sự mở tại Long Thành bọn này phải cúi đầu nhận tội và chịu xử án tội phản quốc.

Từ những trận đánh sau ngày Nam Bộ kháng chiến, với lực lượng tại chỗ dẫn đến sự hình thành chiến khu, Rừng Sát trở thành bàn đạp tấn công của bộ đội chủ lực. Đại đội Nhà Bè do đồng chí Trần Minh Tâm huyện đội phó liên huyện Nhà Bè, Cần Đước, Cần Giuộc chỉ huy, nổi tiếng về đánh công kiên, từng lấy bốt Tân Qui trong 10 phút. Các đơn vị chủ lực làm chủ quốc lộ 15, đánh mạnh hệ thống chốt chặn của địch từ Rừng Sát lên đất liền và phòng thủ đường sông Lòng Tàu, Soài Rạp : lần lượt tiêu diệt chốt Bà Nghia, chốt Lòng Tàu, đồn Mương Lẻ... Đồn Phú Xuân, chốt đường lên sông Sài Gòn bị đánh thiệt hại nặng. Đồn Bà Nghia là một chốt ban đầu do một đại đội Âu Phi đóng giữ sau giao lại cho quân ngụy, chỉ huy Pháp,

vừa bảo vệ đường sông vừa đối đầu các lực lượng địa phương và chủ lực, cản đường liên lạc của ta. Đồn bị đánh đi rồi đánh lại, từ tiêu hao đến tiêu diệt.

Các đội biệt động có hai chân đứng, một chân ở Rừng Sát, một chân là cơ sở nhân dân dất liền từ khu vực kho tàng Nhà Bè đến những đường phố nam Sài Gòn, Chợ Lớn, vòng lên Thủ Thiêm. Riêng ở các hũng đầu Nhà Bè hơn 1300 công nhân viên đã trở thành quần chúng cách mạng, là lực lượng « phá trong » kết hợp đánh ngoài. Chiến sĩ biệt động dũng cảm, táo bạo, được nhân dân tặng danh hiệu « cạm tử quân ». Bót AK Chợ Lớn bị đánh giữa ban ngày, trong lúc phố xá đang tấp nập. Bọn ác ôn bị trừng trị tại hang ổ. Lúc ấy có tên Tây lai François phòng nhì, chỉ huy lưới gián điệp hũng Texaco là một ác ôn đã được anh em tính sổ (đã hại hơn 100 người). Tên cáo già rất ranh mãnh và cảnh giác, không thể « điệu hồ ly sơn » được. Anh em biệt động hóa trang thành 1 lính Cao Đài có súng, tay xách gà đón nó ngay ngã ba hũng Shell. Tên ác ôn vừa re: tới trên chiếc xe mô-tô, một loạt đạn bay vút qua đầu, không trúng, nhưng nó té sắp xuống. Loạt thứ hai không trật vì hắn đã nằm trên mặt đất. Tên cô Phú Xuân có một « cánh tay » đặc lực là Móc, vốn là một cán bộ kháng chiến phản bội, tên này biết rõ những gia đình kháng chiến xung quanh lại hay đón đường Nhà Bè, Rừng Sát và Sài Gòn nhìn mặt cán bộ hoạt động bí mật. Đồng chí Ba Hồ, biệt đội 1 bám theo hắn ở gần cầu Phú Xuân, bắn chết tên ác ôn ngay trước chợ, nhưng đồng chí lại bị trúng đạn bọn cảnh sát rồi bị bắt. Nghe tên Móc bị trừng trị ai cũng hả dạ, nhưng việc đồng chí Hồ bị bắt làm nhiều người dân rưng rưng nước mắt. Bà

con bi mật chung 5000 đồng Đông Dương cho việc cứu chiến sĩ này. Ba tháng sau, bác sĩ và thông ngôn nhận được tiền dân đưa, báo lên trên : « Cảm tử Việt Minh bị bắt điên rồi ! », đồng chí Hồ trốn ra, cơ sở mật đã chờ sẵn.

Đối tượng hàng đầu của biệt đội 1 lúc bấy giờ là khu vực kho tàng Nhà Bè. Kho xăng Nhà Bè có qui mô lớn với hàng nghìn công nhân viên, gồm có kho Socon, Shell và Texaco. Hoạt động của quần chúng trong tổ chức ở đây là tạo quá trình « rỉ máu xăng » từ bên trong, một quá trình rỉ máu không lớn nhưng dịch rất sợ vì không chấm dứt được. Những trận đốt xe chở dầu thường xảy ra trên đoạn Phú Mỹ, cầu Phú Xuân, cầu Đồi. Tại khu Đền Đỏ, biệt động vác búa, xà beng nhảy lên tàu chở xăng Đềnai đập chết 4 tên lính, đốt cháy tàu.

Dịch ở kho xăng Nhà Bè gồm 3 đại đội trong đó có đại đội Âu Phi đóng ở lầu 84 (kho Shell bây giờ). Xung quanh có 5 lớp rào thép gai, ban đêm đèn pha sáng rực, 15 phút có một toán lính tuần tra. Giữa năm 1951, trận đánh 5 người do đồng chí Tiên chỉ huy theo phương án « ôm chặt nổ vào tận bồn » chẳng khác gì cách « xem tận mắt sờ tận tay » của đặc công bây giờ, Nhưng lúc ấy chưa có mìn định giờ nên chất nổ vẫn phải có cái « đuôi dài » — sợi dây điện rải ra ngoài, cắt qua vòng tuần tra của bọn lính. Quá trình chuẩn bị công phu. Đêm đêm anh em yò nằm sát vách dịch, ngày thì xuống hầm bí mật ở nhà cơ sở quanh kho. Dịch phát hiện hầm đồng chí Lâm, khai lên bắt hai người. Từ nhà giam phòng nhì hãng Socôni hai đồng chí vượt ngục, nhưng dịch phát hiện, một đồng chí hy sinh. Phương án tác chiến vẫn không thay đổi, hướng từ đất liền đánh ra. Để vượt rào phải đem theo kéo và mã tấu. Kéo để cắt rào, mã tấu thì đào ngạch khi qua

loại hàng rào kéo không cắt được. Khởi nổ là loại mìn chàm điện do xưởng quân giới Nam Bộ sản xuất. Gần 11 giờ đêm mìn đã áp vào 2 bồn xăng máy bay, vài phút sau bĩm công tắc điện, 2 bồn xăng bùng cháy. Anh em nằm bên hàng rào chờ cho ngớt đạn địch bắn mới bỏ ra. Xe nhả binh, xe chữa cháy ầm ầm chạy trên đường 15, nhưng xăng vẫn cháy đến 1 giờ chiều hôm sau chúng nó mới dập tắt được.

Cuộc chiến đấu của những chiến sĩ biệt động là cuộc chiến đấu cảm tử. Chỉ riêng biệt đội 1, số quân lúc đầu là 40, người này ngã xuống, người khác vào thay, mấy năm trời đã hơn một trăm chiến sĩ đã ra đi không trở lại.

Trên mặt trận đường sông, chiến sĩ biệt động vẫn đánh theo kiểu của mình. Lúc bấy giờ lương thực và máy móc, nguyên liệu cho công xưởng cũng cần như súng đạn. Từ lâu anh em đã phát hiện và theo dõi chiếc tàu Klataken chở lương thực, máy móc, xe đạp... thường kéo cả một đoàn ghe dài trên sông Soài Rạp đi Phnompenh. Biệt đội 1 và biệt đội 2 góp người lập thành một « tiểu đội xung kích » trên mặt nước chuẩn bị hành động. Chiếc tàu đến gần Rạch Lá, xung kích ôm súng lặn ra bắt thằn nhẩy lên tàu, chốt chốt. Tài công và những tên giặc bị giết súng vào lưng, buộc phải lái tàu vào Rạch Lá. Hôm đó Rạch Lá đèn đuốc sáng đêm Rừng Sắt lại được một kho bột mì lớn. Trên tàu còn có đủ các máy phay, gò, tiện, nguội... hàng trăm xe đạp cho công xưởng.

Trên vùng núi Thị Vải, tiểu đoàn 300 gấp rút luyện tập đánh công kiên kết hợp đặc công kỳ tập, đồng thời đưa từng đại đội về Đồng Hòa Long Thành tập đánh thủy. Lúc này đơn vị có đồng chí Xuân Cương là một cán bộ mới 23 tuổi rất hăng hái giàu kinh nghiệm đánh

công kiên (năm 1950 đồng chí Cường đã hy sinh trong khi đang giữ chức huyện đội trưởng). Tháng 3 năm 1951 tiểu đoàn 300 ra quân đánh chi khu Cần Giơ.

Trên thực tế, cho đến cuối 1945 trừ một số địa điểm dân cư nằm trên trục sông Lòng Tàu có quan hệ trực tiếp đến việc bảo vệ cơ sở kinh tế, quân sự ở đất liền như Lấp Vò (xã Bình Khánh) ngã ba sông Lòng Tàu và Rạch Mương xã Phước Khánh và mũi gành Rái ở phía tây Cần Giơ, chúng đã thiết lập đồng bộ một hệ thống chính quyền với đồn bót trú phòng như đồn Bình Khánh, đồn Phước Khánh và chi khu Cần Giơ, còn đại bộ phận rừng bao la chông chênh chưa có cách nào kiểm soát nổi.

Chi khu Cần Giơ (địch gọi là Sous quartier Mudec) là một căn cứ do 2 đại đội Partisan đóng giữ, tên quan 2 Pháp quận trưởng chỉ huy. Căn cứ này không chỉ là ách kèm kẹp đối với nhân dân địa phương mà còn là một trong những chốt phòng thủ chủ yếu của địch trong hệ thống phòng thủ con đường vận chuyển quốc tế. Chỉ huy toàn trận : đồng chí Nguyễn Văn Bứa, chỉ huy phó : đồng chí Kim Ba (thay thế cho đồng chí Xuân Cường đi công tác khác), lực lượng chủ công : hai đại đội thuộc tiểu đoàn 300, lực lượng căn hậu : đại đội Nhà Bè do đồng chí Trần Minh Tâm chỉ huy. Lễ xuất quân được tổ chức long trọng tại căn cứ Phú Mỹ, có đại biểu các cơ quan dân chính đảng và nhân dân đến dự. Các chiến sĩ ra đi hô vang lời thề quyết thắng. Hai ngày đêm băng rừng lội suối, lách địch vượt quốc lộ 15, đoàn quân đến xã Long Thạnh, Đồng Hòa, nơi trung đoàn 300 đã về khi mới đến Rừng Sát. Các má, các chị, các em tíu tít ra đón bộ đội. Ai nấy mừng rơi nước mắt. Đồng bào Long Thạnh, Đồng Hòa lũ lượt đem gạo, cá, mắm, nước cho bộ đội chuẩn bị ra

trận. Các đội nữ quân dân ngày đêm canh gác. Trinh sát đặc công bám sát chi khu. Trinh sát nhân dân các xã Long Thạnh, Đồng Hòa, Cần Thạnh nắm chắc tình hình hoạt động ra vào cửa địch. 11 giờ đêm ta bất ngờ đột kích từ phía biển. Cửa mở có nội ứng. Mũi xung kích thọc sâu, phát triển nhanh. Chi khu bị diệt gọn, ta làm chủ huyện lỵ ngay trong đêm mừng 3 tết. Tiếng súng chưa dứt, tiếng loa đã vang dội kêu gọi binh sĩ địch đầu hàng. Hai đại đội partisan bị tiêu diệt. Đây là trận tiêu diệt căn cứ cấp huyện đầu tiên của miền Đông Nam Bộ sau ngày Nam Bộ kháng chiến.

Chiến trường thu dọn xong lúc trời chưa sáng. Nhưng địch đã khẩn cấp tập trung lực lượng cứu nguy. 30 tàu chiến lớn nhỏ đã ập tới trong khi các phân đội chiến đấu đang tranh chấp với dòng nước ngược sông Đồng Tranh đang chảy xiết ra biển. Địch phát hiện và bủa vây tất cả các sông rạch. Mũi chủ công do đồng chí Hai Bữa chỉ huy ần lại phía Rừng Vũ theo đúng phương án. Một số chiến sĩ phía sau bị địch chặn ngang nhưng họ rất giỏi sông nước, mỗi người tự nhắm hướng mà thoát. Còn lại hai cánh quân của ta bị bao vây : cánh của đồng chí Ngô Quang Phiếu và Đặng Văn Thửu (chính trị viên đại đội), cánh quân « căn hậu » của đồng chí Trần Minh Tâm. Mười ngày đêm ròng rã không một giọt nước, không một hạt cơm, cánh quân của đồng chí Phiếu nhờ cua sống, bần chua mà vượt qua được những cơn đói khát hoành hành, nhưng ngày càng nguy ngập vì trong đoàn có 6 chiến thương, trong đó có đồng chí Trần Tấn Nhang đã bị hỏng mắt (đồng chí Nhang nay là giám đốc nông trường Cửu Long). Quyết tâm gặp địch là đánh nhưng tiến lui đều không ổn. Trong tình thế ngặt nghèo đó, bỗng xuất hiện hai cha con ông già bán dừa hấu. Chiếc ghe chở đầy dừa hấu từ bèn kia sông Đồng Tranh sang đây cũng

đang nằm trong vòng vây của giặc. Ông già và cô gái mười bảy tuổi gặp bộ đội mừng rỡ, cho hết cả ghe dừa. Hồi ra mới biết hai cha con cũng là những người đi theo kháng chiến, làm rập bắt cua bắt cá, bán dừa vừa nuôi gia đình vừa cho bộ đội. Nhờ có dừa hầu, nhiều đồng chí hôn mê đã tỉnh dậy. Ông già xin gặp chỉ huy đề bàn cách thoát vòng vây. Ông nói : « Tôi ở đây đã mấy năm làm rập cua, bắt ốc, sông rạch tôi thuộc như lòng bàn tay... con rạch nào chúng nó cũng đã chặn hết rồi, nhưng còn một ngã cua chắc chắn nó bỏ sót vì ngũ đó không có đường vô, đó là chỗ hờ... mình cho xuống xuống nước nhỏ giọt, từng tốp bộ đội sang sông ». Đồng chí Phiếu cử một tổ trinh sát theo ông già ra hiện trường. Lời ông già quả thật không sai, nhưng kẻ địch cũng có thể đã « chấm bản đồ » con rạch cut này. Chúng nó cho hai tàu lớn đậu ở hai đầu con rạch. Theo cách đã bàn, cô gái xung phong ôm bập dừa bơi sang bên kia sông Đồng Tranh để báo cho đồng bào lo liệu trước mọi việc đón bộ đội về. Trời vừa tối, xuống xuống nước cách địch không đầy 500 thước, đèn pha liên tục chiếu sáng đường đi qua, tàu tuần chạy lên chạy xuống 15 phút một lần. Tàu tuần vừa vượt đuôi, xuống bộ đội đã lao ra, cứ như vậy từ đầu hôm đến sáng, xuống đi rồi xuống lại sau đuôi tàu tuần, bộ đội qua sông 25 chuyến thì vừa hết. Bên kia sông đồng bào rậm rục suốt đêm nào cơm, nào nước, nào hành. Bộ đội ăn no trở về căn cứ Phú Mỹ trong cảnh đón tiếp rộn ràng của nhân dân. Các mẹ, các chị, các em gặp lại những người ra đi rớt nước mắt vì mừng chiến thắng, vì đã trải qua hơn 10 ngày đầy lo âu trông chờ. Cảnh quân « căn hậu » của đồng chí Năm Tâm chạm súng quyết liệt với địch trên sông Lò Vôi, nhưng địch tập trung rất đông, phải phá vòng vây thoát ra biển. Đại đội 150 người lặn vào cánh lạc rừng giữa

bốn hể nước mặn xã Đồng Hòa. Chiến sĩ bắt sò đập vào báng súng vắt nước uống xong bỏ vào họng nuốt luôn. Cua sống thì bẻ từng càng nhai nuốt. Đợt chà là ăn lúc còn sức vì muốn ăn phải bứt bẹ. Đến ngày thứ 9, nhiều người mệt quá mê man, giặc vẫn bủa vây các sông rạch. Đêm thứ 9 coi trời coi nước, đoàn quân xuống sông long về hướng bắc đề tìm dân. Tàu địch lù lù ở giữa sông, pha đèn súng rục nhưng không phát hiện được 1 đại đội đối phương đang lẩn trong đám ô rô, cóc kèn. Khoảng 12 giờ trưa hôm sau có 1 ông già đi lấy củi lọt vào đội hình đại đội. Ông già hết sức mừng rỡ, biết ngay là bộ đội đang cần gì, ông xách lên một thùng nước giao cho đồng chí Năm Tâm :

— Qua có 20 lít nước bây giờ chú đứng ra chia...

Ông già còn đứng trước đại đội tập hợp dặn kỹ :

— Hai mươi lít chia hết cho 150 người, mỗi chú 1 ly, chú nào uống nhiều quá đứt mạch máu chết đó.

Ông già rót, đồng chí Năm Tâm chia. Có người khát quá, chỉ huy xiêu lòng quên lời dặn ông già cho uống hai ly, người này ngã vật xuống đất vì căng mạch máu. Nhưng nhờ mồ hôi ra nhanh người này tỉnh lại. Được ông già thuộc rừng chỉ đường, đoàn quân đã trở về, nhân dân ân cần đón tiếp. Kế hoạch bao vây bằng lực lượng, bủa cả nước mặn và rừng đề tiêu diệt lực lượng đánh chiếm Cần Giờ của Pháp đã hoàn toàn thất bại.

Trên sông Lòng Tàu, thủy lôi ra trận vào tháng 4 năm 1951. Thoạt đầu ở đây có đội thủy do đồng chí Đức chỉ huy gồm 2 tổ của các đồng chí Giáp và Sương, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Văn Bứa, về công tác tham mưu, đồng chí Sơn Tiên phụ trách.

Sau nhận được trái thủy lôi Curassier Nhật 80 ký do xưởng quân giới Nam Bộ lấy trên một hạm ngư lôi, công binh xưởng khu 7 lại phải xuống đồng chi Hạp, một cán bộ kỹ thuật đã có kinh nghiệm đánh trên sông Sở Thượng.

Theo cách ở sông Sở Thượng, thủy lôi đưa ra trận địa bằng cách quay lờ dây cáp. Hi hục suốt một đêm, trái thủy lôi 80 kg được đặt trên lạch lều Vàm Hà Nghĩa. Không ngờ ở đây khác ở Sở Thượng là lều ra của địch hoạt động rất mạnh. Sáng ra có hai chiếc tàu ra chạy theo hai mé sông, một chiếc cắt đứt dây cáp. Thủy lôi nổi lên, địch nhón nhào xả súng vào phần nổi (không có thuốc). Trái giạt theo dòng nước, lên Pháp la lên « coi chừng phần dưới », bắn một loạt nữa bỏ chạy luôn. Ta nhào ra kéo trái vò. Thủy lôi phải đưa về xưởng công binh để vá lại.

Trên khu lại đưa xuống hàng ngàn đồng giục đánh bằng được. Đồng chí Hai Búa đề xuất việc dò đo độ sâu chôn trận địa, đồng chí Sơn Tiêu ra xem xét sông Lòng Tàu. Rất nhiều phương án đã được đề nghị: chôn dây điện, chôn dây cáp, đánh mìn tự động, điều khiển bằng VTD... nhưng đều thấy không ổn. Trước hết phương án tôi đã loại bỏ, thay vào phương án « con cóc »: dùng một khối sắt đá và một mỏ neo để giữ thủy lôi với một độ chìm theo ý muốn. Còn lại « cái đuôi dài » là dây điện, muốn tránh được tàu ra phải rải vào lúc tàu ra vừa qua, tàu địch đánh chưa tới. Khoảng cách đó chỉ khoảng 15 phút, có nghĩa là công việc phải làm xong chậm nhất trong 7 phút.

Ròng rã gần một tuần lễ, đêm nào xuống ghe cũng ra sông thao tác thử, các đồng chí Hai Búa, Sơn Tiêu, Hạp đều có mặt. Điều rút ra được là phải dùng ghe tám chèo. Chiếc xuống chỉ huy hai chèo lao ra trước, chỉ điểm rồi đến lượt chiếc ghe tám chèo chở thủy lôi. Ban đầu thủy lôi cặp lườn ghe,

neo buộc trước ghe bằng 2 sợi dây lớn, đến trận địa thì chặt dôi rồi thả dây điện. Cách này vẫn còn chặm. Đồng chí Nghĩu, thợ máy hải quân, người đã thiết kế mỏ neo lại nghĩ ra cái móc an toàn để khỏi chặt dây, chỉ cần khi có lệnh, giật một cái là thủy lôi rơi. Đội thủy lôi thành thực, đạt chỉ tiêu thời gian không chế.

Trận địa đã chuyển về Rạch Lá, nhưng một lần nữa lại thất bại do sơ xuất của tổ cảnh giới. Tàu địch đã lọt vào « khu cấm » lúc ghe chỉ huy của đồng chí Sơn Tiều đang còn cách bờ 150 mét, ghe kẻ thủy lôi mới ra khỏi bờ 100 mét. Địch nhìn thấy, ta phải nhanh chóng tháo thân vô bờ.

Sau thất bại thứ hai, tiểu đoàn 300 tăng cường lực lượng cho đội thủy lôi, củng cố đội trình sát, quân báo, rút kinh nghiệm về cấu tạo trái, quyết tâm làm trận lớn trên sông để kỷ niệm sinh nhật Bác lần thứ 61. Trận địa trở lại Vàm Bã Nghĩa. Hôm ấy là 26-5 năm 1951, bờ sông có đủ mặt : Chỉ huy (Nguyễn Văn Bửu), tham mưu trưởng (đồng chí Sơn Tiều), kỹ thuật viên (đồng chí Hạp), Đức (trực tiếp phụ trách đội thủy). Năm phút sau khi tàu ra vừa đi qua, 2 trái mìn Curas-sier Nhật (đã được phòng quân giới Nam Bộ cải tiến thành trái đánh bằng chàm điện trực tiếp) đã nằm trên lạch tàu theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Ở phía Cần Giờ một chiếc tàu lớn lù lù xuất hiện. Mấy phút sau chiến sĩ thủy lôi đọc được dòng chữ trên thân tàu : Saint Louberbier. Đồng chí Sơn Tiều đứng ở bụi lá với ý định đã sắp xếp, mắt không rời mục tiêu : giữa tàu và hầm máy, ngăn trước, ngăn sau là chỗ chứa hàng, phải đánh vào chỗ tiếp giáp hầm máy và hầm này... Con tàu không đi chệch trận địa.

— Ngân nóp !

Đó là tín hiệu bấm nút điện của tham mưu trưởng Sơn Tiều sau khi đã được lệnh chỉ huy, một tiếng nổ,

người ta nghe rõ cả tiếng đồ đạc trên tàu đổ vỡ. Chiếc tàu giạt vào phía bên kia, mũi cắm phập vào bờ. Trên chiếc tàu hàng quân sự này chỉ có hơn 1 trung đội lính. Chúng nó dồn về phía lái bắn ra như mưa. Ta chỉ có 1 cây FM là loại súng lớn nhất. Đồng chí Sơn Tiêu hô lệnh xung phong. Cả xuống chỉ huy và xuống xung kích lao tới, nhưng không vượt nổi lưới lửa dày đặc.

Sau này, theo thợ lặn báo lại đó là chiếc tàu 7000 tấn. Tàu thủng một lỗ có đường kính 8m ở cách bánh lái khoảng 2/3 thân. Chúng nó cho sửa sơ bộ rồi kéo về xưởng Ba Son, nhưng ở đây không sửa được, phải đưa sang Phi-líp-pin.

Đó là trận đánh chìm chiếc tàu lớn nhất từ trước đến bây giờ trên sông Lòng Tàu, một chiến thắng của tinh thần dám nghĩ dám làm. Tiếng nổ dồn vào lúc chiến sự đang sôi động trên chiến trường biên giới phía bắc.

Từ đó trên sông này có hẳn một đại đội binh chủng do đồng chí Đức chỉ huy. Kỹ thuật neo thả phát triển. Thủy lôi trên dưới 10kg đánh tàu đồ bộ sông rạch Rừng Sắt. Trận địa thủy lôi trên sông được SZW, SZE (loại vũ khí đạn lõm do phòng quân giới chế tạo giống như ĐKZ nhưng bắn phụt sắt ra phía sau) trên bờ hỗ trợ. Ta làm chủ khu vực Thị Vải. Có lúc đội thủy được đưa lên tận Bến Súc. Sau này đội thủy lôi được tăng cường cho Bà Rịa, nhưng còn lại một đội thủy gồm 10 anh em có thể bơi hàng 5 — 7 km mà không mệt, do đồng chí Quý chỉ huy, biên chế thành đơn vị công pháo.

Từ tháng 6-1951 đến tháng 7-1951 có 32 tàu địch đã bị đánh chìm và cháy trên các sông rạch Rừng Sắt, 8 trung đội, 13 tiểu đội, 1 trung tá, 1 thiếu tá, 4 đại úy, 5 trung úy, 5 thiếu úy bị giết.

Giữa năm 1952, một tổ biệt động 6 đồng chí từ xã Tân Thành (Bà Rịa) đóng giả dân làm củi, dùng ghe qua sông tiến về xã Thạnh An (lúc đó thuộc huyện Vũng Tàu) đánh một đồn nguy Cao Đài. Đồn có 4 lô cốt chiến đấu và 1 lô cốt ở cổng ru vào ngay cầu tàu và cù lao. Khi ghe vừa cập cầu tàu, cả tổ bất ngờ tập kích ngay vào đồn. Địch hoàn toàn bị động, ta làm chủ đồn từ 20 giờ đến 3 giờ sáng, bắt sống 10 tên lính, trong đó có tên đồn trưởng, thu 50 súng, hàng tấn đạn dược và lương thực.

TRẬN ĐẠ PHÍA SAU CỦA CHIẾN KHU TRÊN MẶT NƯỚC MẶN

Nói đến những vấn đề trên mặt trận phía sau, người ta nghĩ ngay đến những công xưởng, bởi vì đó là thứ mà nếu tính về tuổi hình thành thì nó cùng lứa với tuổi hình thành của chiến khu trên mặt nước này. Xây dựng xưởng quân giới mạnh trở thành một đặc điểm của các đơn vị đã xây dựng chiến khu Rừng Sắt. Lực lượng Binh Xuyên, bộ đội Cần Giuộc, trung đoàn 300, không đơn vị nào không có công xưởng. Tiểu đoàn 105 Gò Công cũng xây dựng công xưởng ở chi đội 7 Mui Văn Vĩnh đã bắt đầu thu góp một công xưởng đủ lệ bộ trên một chiếc ghe lớn từ khi còn là trung đội độc lập số 2...

Bên cạnh xưởng quân giới lại có đội sưu tầm nguyên liệu. Đội sưu tầm nguyên liệu có « chân duỗi » nội thành lại có đội mò vớt trên sông. Có lần đội sưu tầm trung đoàn 300 mò được một trái đạn lớn dài hơn một mét, đem về xưởng cưa lấy thuốc. Lưỡi cưa vừa ăn hết phần sắt bống một làn khói xanh bốc lên, anh em vội vàng xô trái đạn xuống nước, thấy hết khói liền vớt

lên, lại có khối. Thế là trái đạn được cưa dưới nước. Ai này chưa biết nó là thứ gì ở trong trái đạn, nhưng đã nghĩ ngay làm sao nhốt nó lại, cách biệt với không khí, khi cần thì xả nó ra... mọi thao tác đều làm trong nước. Một trái tromblon ém chặt thuốc này đem bắn bót Bà Nghĩa, bót cháy. Phần thuốc còn lại anh em cho vào chai, dưới thuốc trên nước, khi cần chỉ cần đập chai. Đó là thứ vũ khí đã đi vào một trong những trận đánh kho súng Nhà Bè. Sau này anh em mới biết đó là phốt pho trắng, một chất hóa học cháy trong không khí.

« Không hẹn mà gặp » mỗi cán bộ chỉ huy của chúng ta đều nghĩ đến « cơ sở quần nhu » trước hết là công xưởng ngay từ khi bước ra khỏi thành phố. Đơn vị nào cũng muốn có riêng một xưởng. Điều đó được ghi vào lịch sử, không phải chỉ riêng lịch sử Rừng Sắt, như đặc điểm truyền thống của những người con nhà nghèo đi đánh giặc.

Hồi đầu kháng chiến, nhiều bờ sông Rừng Sắt san sát nhà sàn của dân làm củi làm cá. Chợ búa cũng tập nập : Bến Diệp, Chợ Cá, Chợ Củi, có cả ngàn dân, Chợ Tiều cả ngàn hộ, Tiều Tư, Tiều Năm rộn ràng quán xá, chợ Bà Bông lấp nập. Dân vùng ven đất liền sống nghề ruộng : An Thới Đông, Bình Khánh, Phước Khánh, Phú Hữu... Dân ở rừng thì bắt cá, lấy củi, đi săn, làm than, lấy mật ong... Dân lưng lún mất theo đà ác liệt của kháng chiến. Tuy nhiên họ không chạy mà luôn lách, vừa lo cuộc sống vừa lo việc nước. Nhiều gia đình bốn năm người đi kháng chiến, còn mẹ, còn vợ, còn con thì cũng xuống ghe đi luôn vào rừng. Bộ đội cơ quan ở đầu, họ cắm sào, dựng chòi ở đó. Họ chặt chẻ từng đồng bạc mà chia đôi, nửa phần nuôi thân, nửa phần cho việc nước. Bà má Tám An Thới Đông có nhà ở rừng bên cạnh bộ đội, ngày ngày đón lá dừa

nước lên bán ở Phú Xuân lấy tiền mua hàng chở về cho bộ đội. Ông Năm Phan Bà Bông có bày chõ sắn, sắn được con gì thì gọi anh em về. Những người ở trong rừng đều sống như vậy. Các chợ kháng chiến dần dần chuyển về đêm : Xã Phước An ven Rừng Sát có cơ quan huyện Long Thành, sở chỉ huy tiền đoàn Quang Trung (trung đoàn 310 chủ lực miền Đông), chợ Bà Bông vẫn họp dưới làn pháo của địch. Dân ở đây nói máy bay địch ném bom ở đâu, còn thừa thì về đây trút xuống để diệt cái « thủ dò của Long Thành kháng chiến ». Có nhà trong ba tháng phải dựng lại bốn lần... Chợ phải dời qua dời lại, địa đạo bao quanh, tỏa ra bốn phía, nhờ vậy mà họp ban ngày được. Hồi ấy ghe xuống ra vô Rừng Sát cũng nhiều. Hoạt động thám báo, gián điệp tâm lý của cả hai bên cũng theo dòng trôi nước chảy. Trước những trận càn lớn có không biết bao nhiêu là đòn tâm lý, hoạt động thám báo địch, nhưng về phía ta cũng qua dân, qua quân báo mà nắm chắc được địch đang tập trung ở đâu, bao nhiêu, sắp đánh vào đâu... Mỗi gia đình kháng chiến thường có hai nhà cách nhau một cánh đồng hay một khoảng rừng : một nhà ở đất giồng và một nhà ở bên cạnh bộ đội, cơ quan. Nói đúng hơn, đó là hai cái chòi vì cả hai đều tạm bợ. Đánh nhau ở giồng thì dân bà, người già, trẻ con tạm lánh vô rừng, đánh nhau ở rừng thì những người này lại dắt díu ra giồng. Chạy đi, chạy lại có nhà nghèo đến không còn một chiếc đũa con. Nhưng sống chết họ không rời kháng chiến. Bộ đội có ăn là dân có ăn, dân có ăn thì bộ đội cũng có ăn. Đầu những năm năm mươi, không lúc nào thiếu thốn hơn. Bộ đội, cơ quan, nhân dân cùng ăn củ mì, rau rừng, cua ốc thay cơm rỗng rã tháng này sang tháng khác.

Chỉ riêng việc mua bán, người Rừng Sát đã chịu một hy sinh rất lớn. Với con cua, con cá kiếm được

họ bán tại chỗ lấy đồng bạc Cu Hồ. Tiền này chỉ lưu hành được trong vùng giải phóng. Có những người như bà Đỗ Thị Trị chuyên việc đếm cua, xâu cá bằng tiền Cu Hồ đi ra thành bán lấy tiền « xanh » (tiền Đông Dương ngàn hàng) rồi mua hàng về cho kháng chiến. Người bán không đòi hỏi một « chứng chỉ » nào của đồng tiền ngoài chữ ký đại diện chính quyền kháng chiến địa phương, và sự trân trọng đồng tiền ở đây là hình Cu Hồ. Tiền rách đến đâu cũng được miễn còn hình Cu Hồ là « có bảo đảm ». Hàng bó tiền kháng chiến trong tay nhân dân Rừng Sắt, chờ đến ngày sau hiệp định Genève để tặng lại cho người tập kết, hoặc đốt đi để không rơi vào tay giặc, chỉ để lại vài tờ để giữ hình Cu Hồ trong nhà. Người ta nhìn đồng lửa đốt tiền mà khóc, không phải vì xót của mà vì nhớ kháng chiến, nhớ bộ đội...

Người chiến sĩ vệ quốc miền Đông lúc ra đi đầu đội trời, chân đạp đất, áo bà ba, quần xà lỏn, vai mang chiếc nóp buộc dây chuối khô, ăn cơm bưng gáo dừa, nấu cơm bằng nồi nước mắm. Họ về Rừng Sắt tưởng mình chỉ có việc đánh giặc, ăn cơm đốt rơm chấm tương, không có chén thì chỉ cần một chiếc lá... đi đâu nhờ dân ở đó... Dần dần họ mới hiểu thêm các công việc gọi là « hậu cần » lúc ấy gọi là quân nhu, vừa đánh giặc vừa lo ăn, lo mặc...

Ăn, uống, mặc... là tất cả những vấn đề phải lo của người lính nghèo bất kỳ ở đâu nhưng ở một chiến khu trên mặt nước mặn này nó trên những thử thách vô cùng gay gắt.

Chiến khu Rừng Sắt ăn gạo bốn phương trời : Bến Tre, Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Chợ Lớn... Gạo vào Rừng Sắt qua đường biển, qua sông Soài Rạp, Vàm Cỏ. Định có hệ thống căn cứ kiểm soát vận chuyển rất gắt

gạo : căn cứ hỗn hợp hải lực quân Vàm Láng (đóng trên mũi Dơi Bà Cai, xóm Vàm Láng, xã Kiềng Phước, tỉnh Gò Công), Rạch Cát (đồng Rạch Cát thuộc đất Cần Giuộc), ngũ tư Soài Rạp—Vàm Cỏ... Lúc đầu dịch còn cho xuống ghe vận chuyển có giấy phép. Sau chúng nó phát hiện ra số lớn các chuyến vận chuyển này đã tạt ngang Rừng Sát nên kiểm soát ngặt nghèo. Khi đó xuống gạo nhỏ lẻ vào Rừng Sát phải qua rạch tắt, ngõ hẻm nhưng năm ăn năm thua. Năm 1947, tiêu chuẩn gạo cơ quan bộ đội Rừng Sát rút xuống còn 2 lon mỗi đầu người một ngày. Đầu năm 1948 còn một lon rưỡi. Đến đầu những năm 50 kéo dài đến đầu 1953 thì hầu như chỉ có củ mì và rau rừng. Khi đó, nhân dân các xã còn làm ruộng, làm rẫy được như Bình Khánh, Phước Khánh, Hiệp Phước, An Thới Đông, Lý Nhơn... hầu như đã đưa hết gạo dư cho kháng chiến. Họ chỉ nhận một cái biên lai mà không có tiền mặt. Chỉ riêng xã Bình Khánh trong hai năm 1947 -- 1948, số « gạo biên lai » cho chi đội 2, 3 và trung đoàn 300 Dương Văn Dương đã lên đến 27 ngàn gạo (1 gạo 40 lít). Những cái biên lai như vậy hằng hai ba chục năm sau vẫn còn nguyên đó. Đủ biết nhân dân Rừng Sát đã chịu hy sinh như thế nào, và trở thành một giấy chứng nhận về sự đóng góp chứ không phải đề thanh toán.

Chiến sĩ về quốc quân mới về chưa biết kiếm ăn. Ngoài cái dân cho thì quanh đi quẩn lại « mắm đuôi », « mắm quết », « chồi quết » (tiếng anh em nói thì hồi đó : mắm đuôi là muối đằm, mắm quết là nước mắm cô trên mề sạnh, chồi quết là đọt rận, một thứ cây làm chồi). Ăn riết phát chán, những bàn tay quen kim húa, cuốc cày không quen dễ yên.

Về các thứ cho bữa ăn coi như đã chấm dứt cung cấp từ năm 1947. Người dân Rừng Sát chỉ về cho chiến sĩ về quốc cách khoét rừng vớt nước mà sống. Trên

mặt nước mẩn, từ đọt rần, họ phăng ra các thừ khác : đọt chà là, rau đắng, rau chiếc, cọng mái dầm, bần đi, bần sê, bần nếp... Rần và đọt chà là trở thành rau chủ lực chẳng khác nào rau tàu bay và măng tre ở rừng đất liền. « Kho tàng-bí mật » dưới mặt nước cũng không đòi hỏi quá nhiều công sức mới lấy lên được.

Vào những ngày nước ươn, trên những bãi bần đầy cỏ lúc những con cua vừa thay vỏ to kèn mập, mềm nhũn nắm la liệt. Lúc này chỉ cần tay lượm. Khi con cua đã cứng cáp, xuống nước bỏ vào hang sẽ gặp cái rập, cái cù nèo. Thế là cua nướng, cua xào, cua kho, cua xào dầm, cua nấu canh chua với bần chín và cọng mái dầm... đã dần dần thay thế cho « mấm đuôi », « mấm quết ».

Đi tát búng, xúc tôm, làm trúm... sẽ đem về cho bữa ăn những thứ của ngon vật lạ : tôm bạc, tôm thẻ, cá nàu, cá mang rô, cá bóng cát, bóng dừa, cá ngát, cá lẩn, cá lù dù. Một mẻ lưới chặn ngang rạch lúc nước ròng, kéo từ mặt bần đến mặt nước cho đến khi nước ròng có thể hứng được từ hai ba chục kí lô đến một tạ cá đối, cá chẻm, tôm thẻ. Trúm ở đây không giống trúm ở đồng bưng : lấy gai chài là kết là dừa nước thành hình ống ba mặt, phía đuôi là buộc túm lại, phía đầu là bẻ cúp vô thành hình cái bom, đó là trúm Rừng Sát. Đặt trúm cũng như « đi dạo ». Một người túm đuôi 40 cái trong tay đi dọc mép nước, đi đến đâu cá bóng ở đó rút vào hang, lấy ống trúm ghim trúm miệng hang. Năm bảy phút sau trở lại, mỗi ống trúm là 1 con cá bóng nằm gọn trong đó : bóng thùng, bóng sao, bóng xệ, bóng nào cũng ngon. Vào lúc trời mưa lớn, trong các luồng lạch cá đối từng bầy bơi ngược nước, ngược đầu « ăn nước ngọt ». Anh em đắp đập kín trên dòng, chặn lưới ở dưới, hai ba chục mét, xong dùng chà cây lùa từ trên xuống, cá dồn vào lưới

có khi đến năm sáu thùng hai mươi lít. Làm ăn phải coi chừng cá ngát, cá mặt quỷ và không loại trừ cá sấu. Rừng Sắt có một món ăn đặc biệt là món đuông chà lả. Đuông chà lả chỉ lớn xấp xỉ như đuông dừa nhưng hương vị thì đuông dừa không thể nào so sánh được. Một con đuông chà lả ở chợ có thể ngang giá vài kilô gạo. Mùa bắt đuông chà lả bắt đầu từ mùa mưa. Mỗi cây chà lả chỉ một hai con ở. Bắt một con phải chặt luôn cả ngọn, để nguyên con đuông trong củ hũ.

Một trong những vấn đề gay gắt nhất ở đây chính là nước. Bền cái « lon gạo » thì đây là một cuộc vật lộn giữa con người với trời đất, giữa ta và địch, là nỗi đau đầu của cả lãnh đạo và chỉ huy.

Người ta có thể tìm được vài mẻ nước ngọt phun lên giữa lòng nước mặn của sông Thị Vải, Rạch Gầm hoặc những vũng nước mưa đọng trên bãi cát ven biển. Với mẻ nước ngọt giữa lòng nước mặn thì phải đợi nước ròng, chụp một cái ống lên mẻ rồi chờ nước ngọt dâng trong ống mà múc. Ngoài ra nước mặn Rừng Sắt không chỉ từ biển tràn vào mà còn dâng lên từ dưới những lớp lá rụng.

Giữa vòng vây nước mặn, nguồn nước ăn của chiến khu là nước mưa, nước giếng ven đất liền, nước ròng của sông Đồng Nai vùng tiếp giáp đất liền phía bắc. Bộ phận lớn của chiến khu đổ về Vũng Gấm, Bà Bông để chờ nước, nơi gần phải năm bảy kilômét, vùng An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp,... phải đi vài chục kilômét, vượt sông Lòng Tàu, Đồng Tranh... Những chuyến đi lấy nước thường trở thành những trận đánh, bất kể là dân, cơ quan hay bộ đội. Cho nên đi lấy nước phải có trình sát, du kích bộ đội đánh phục kích. Bắt đầu mùa nắng chúng nó đổ bộ lên xóm ấp, đập phá lu hũ, bồn chứa, triệt nguồn nước dự trữ. Dọc bu xã Phước Khánh, Bình

Khánh, lấy xã An Thới Đông, dân, bộ đội, lực lượng công an xung phong Sài Gòn cũng tổ chức những trận lấy nước ban đêm trên sông Đồng Nai, Nhà Bè. Ở đây dịch tể máy tàu thả trôi phục kích.. Thế là chạm súng, những trận lấy nước trở nên quyết liệt. Ta phải trở lại « đánh » nhỏ lẻ : ban ngày cho xuống nhổ giả đi càn, lấy củi, múc nước ngọt đổ lên xuống. Mỗi năm, khi mùa mưa bắt đầu, « Cuộc chiến tranh nước » lại tạm ngừng rồi bùng trở lại khi mùa khô đến. Chín năm trời có hàng trăm chiến sĩ đã ngã xuống trong cuộc vật lộn này. Chiến sĩ Rừng Sắt ghi dòng chữ lên các bồn nước : « Giọt nước là giọt máu ». Có bao nhiêu câu chuyện về giọt nước đã đi vào lịch sử Rừng Sắt không phải chỉ là những bát nước nghĩa tình quân dân trên đường hành quân của người chiến sĩ, mà đây là vấn đề sống chết của những người dung chiến đấu giữa vòng vây trùng điệp của nước mặn.

Trong hoàn cảnh đó, chiến sĩ Rừng Sắt phát hiện ra một bất ngờ : hốt bùn non gọi đầu, hái bần chín giắt áo... xả nước mặn, tuy chưa sạch bằng xả phòng gập nước ngọt nhưng cũng đủ tẩy được mồ hôi. Cuối năm 1947, ở binh công xưởng thuộc bộ tư lệnh khu 7 (do đồng chí Năm Chắt tức Nhứt Lang làm giám đốc) nằm giữa sông Lòng Tàu và Đồng Tranh, cách Tam Thôn Hiệp gần 5 km, trong ngọn Vàm Rạch Tưng, anh em đã phát minh ra một cách chế nước ngọt tại chỗ : đắp lò đất, đặt thùng phuy, cất nước mặn như cất rượu. Hơi nước đọng chảy ra vòi rất tinh khiết, nhưng uống ngay không đã khát vì thiếu oxy. Để càng lâu nước càng ngọt, Ba người canh nước, một người quơ củi, trong một ngày có thể được gần 250 lít nước ngọt.

Tin này nhanh chóng lan truyền khắp Rừng Sắt, cả trung đoàn 300, các đơn vị, cơ quan ở Rừng Sắt đều làm như vậy. Rồi đến cái thùng dạn, cái xoong đều có thể trở thành « đồ nghề ».

Bộ đội địa phương liên huyện Nhà Bè, Cần Giuộc có cả kho chứa nước bằng thùng ván cây dầu giấu trong rừng, có người canh gác cẩn mật.

Chiến sĩ Rừng Sắt đã thắng trong cuộc chiến tranh nước.

Từ gia đình, từ Sài Gòn hoa lệ ra đi, chiến sĩ Rừng Sắt còn giàu một chút, có áo tay dài, quần dài, dần dần ống tay, ống quần đã rơi từ cùi chỏ, đầu gối, và cuối cùng còn một cái « quần xà lỏn », một áo ngắn. Đồng chí nào khá hơn còn thêm một quần xà lỏn, một khăn rằn vừa để lau vừa để đắp. Ngoài ra lấy nệm rán thay chiếu, lấy khói thay mùng. Ở đây người chiến sĩ nghèo trong cái nghèo chung của đoàn vệ quốc, nhưng về sức chịu đựng với hoàn cảnh thì là hơn. Muỗi Rừng Sắt bám từng cục, chộp tay cũng bắt được nó. Bù mắc nhỏ li ti, rộ lên lúc nước sắp lớn, bu vào người hút máu đến căng bụng mới buông. Quần xà lỏn, áo ngắn coi như phải trần ra mà chịu. Muỗi ba cánh lớn gấp đôi bù mắc nhưng không có mùng màn nào nó không lách qua được (mà chiến sĩ Rừng Sắt đâu có mùng màn).

Sự gan lì nhất về sức chịu đựng ở đây chính là chị em. Có người chỉ có quần tay ngắn và áo cộc tay, nhưng bước ra một bước là bùn và nước. Khoảng giữa 1946, mỗi cán bộ chiến sĩ Rừng Sắt được cấp một chiếc nóp thay cả chăn và màn. Mùa nắng nóp khô, muỗi, bù mắc vẫn lách vào được. Chiến sĩ phải ngấm nóp ướt cho cọng hàng nở ra, chui vô nằm. Giữa năm 1947, trên lại cấp từ cán bộ đại đội trở lên mỗi người một bộ quần áo vải đen, tay dài, quần đùi. Còn từ cấp trung đội trở xuống mỗi người một bộ đồ ngắn. Đó là hai lần cấp quần trang duy nhất. Ngoài ra ai xin nhà được cứ xin, bộ phận nào nhờ được chính quyền,

doàn thể cứ nhờ. Anh em còn mua sắm từ tôm cua, cá ốc bắt được.

Vậy mà, có thêm đồng nào anh em lại mua vở chép bài hát, học chính trị. Đêm đêm Rừng Sát vang lên tiếng hát từ những chiếc nóp lẩn trên nệm rân : « Mùa thu rồi ngày hai ba, ta ra đi... Nóp với giáo mang ngang vai nhưng thân trai nào kém oai hùng... ! ». Và những dòng thơ, tiếng hát của chiến sĩ miền Đông đã « chảy ra từ mạch máu ».

«...Anh em ơi chúng ta chiến sĩ miền Đông, chiến đấu đã từng, thêm lòng kiên quyết, chiến đấu chống đói, chiến đấu chống rét, chống muôn thú rừng, chống giặc ngoại xâm, biết bao hũn cãm, trong bao nhiêu năm... »

(Lời hát múa của chiến sĩ miền Đông vào những đêm lửa trại).

Không có gì ham muốn hơn là được đánh giặc. Ở đại đội Nhà Bè, có lần kiểm tra kỷ luật chiến lợi phẩm sau một trận đánh, gần 300 cái ba lô được xét kỹ chỉ phát hiện ra 20 trái lựu đạn, 7 và gần 300 viên đạn mứt-ca-tông ngoài trang bị.



Ngày lên đường lập kết trên bến Rạch Dừa, bến Gò Dầu, nhân dân, chiến sĩ nhìn nhau rơi nước mắt. Hai ngón tay giờ cao hẹn hai năm trở về. Ai cũng tin chắc như vậy. Trong ba lô chiến sĩ Rừng Sát có cả chai mật ong của đồng bào gửi theo. Họ mang ra tận miền Bắc.

Đồng bào kháng chiến ở lại được tin « Hợp pháp hóa » họ lại lẩn sâu hơn nữa vào rừng, y như một cuộc kháng chiến mới đã bắt đầu.

ĐẶC CÔNG RỪNG SÁT

Trước đông khởi 1960, Rừng Sát đã chuẩn bị tư thế để cùng cả nước đi vào trận đấu đầu lịch sử. Đây là một nhánh rẽ của con đường mòn trên biển, đồng thời là nơi dừng chân của hàng trăm đảng viên, của các lực lượng địa phương Cần Giờ, Cần Giuộc, Cần Đước, Nhà Bè, Thủ Đức, Nhơn Trạch, Long Thành... Một con đường bí mật qua rừng đất liền, xuyên đường 15, một con đường từ đồng bằng xuyên qua sông Soài Rạp và nhánh rẽ của đường mòn trên biển được sự tiếp nhận của các đơn vị thuộc đầu mối có danh hiệu đoàn 60B thuộc đoàn 84 và đội 702 thuộc đoàn 962. Dịch đã phát hiện những hành lang bí mật này và đánh hơi thấy các kho vũ khí của đối phương trên vùng bờ biển Cần Giờ đã cung cấp cho các lực lượng cách mạng ở phía nam, đông nam Sài Gòn. Ngay từ đầu nơi đây, nếu nói về huy động lực lượng chúng nó đã hành động trước. Trong khi đó các lực lượng cách mạng phần ai này chỉ huy: súng ống ít, có gì hơn là búa đồ, các-bin, tom-xông. Mầm mống của các lực lượng này đã có từ trước, chuỗi rẽ của nó đã ăn sâu từ các phong trào đấu tranh chính trị, các cuộc diệt ác trừ gian, phá thế kềm kẹp của giặc để làm chủ rừng, làm chủ sông nước. Chỉ huy của các lực lượng này là những con người đã được Đảng phân công ở lại bám trụ đấu tranh với địch

sau hiệp định Genève 1954. Lúc này những khẩu AK47, RVD, B50... vẫn còn là những loại « vũ khí bí mật ». Đơn vị võ trang mang danh hiệu « tiểu đoàn 508 » đã hình thành ở rạch Hốc Quê. Đây chính là một trong hai đơn vị võ trang tập trung của Long An có trước đồng khởi. Số quân lúc đầu là 60, phần lớn là những người Long An bị chế độ Ngô Đình Diệm bắt và vượt ngục trong vụ vượt ngục Biên Hòa của 600 tù. Mang danh hiệu là tiểu đoàn nhưng không có đại đội mà chỉ có 3 trung đội, mỗi trung đội 20 người. Trong số tù vượt ngục nói trên có đồng chí Tâm Chùa, tức Nguyễn Văn Tiến, nguyên là phó chính trị viên huyện đội liên huyện Cần Giuộc — Cần Đức — Nhà Bè thời đánh Pháp, bây giờ trở thành người chỉ huy đầu tiên của tiểu đoàn 508. Về trang bị, ban đầu tiểu đoàn có một trung liên mát và một số trường mát trong số 12 súng của anh em cướp được ở nhà tù Biên Hòa. Năm 1958, tiểu đoàn đánh một đồn nguy Khmer Trà Vinh ở Rừng Sát, lấy thêm 12 súng và sau đó tỉnh lại đưa về các loại súng thời đánh Pháp bị chôn từ 1954, nay lại moi lên. Cuối năm 1959, tiểu đoàn 508 thu thêm tân binh từ số « thanh niên cơ sở » (không lấy thanh niên chưa phải là cơ sở) các huyện Cần Đức, Cần Giuộc, xây dựng đầy đủ 3 trung đội, mỗi trung đội 35 đồng chí, một trung đội cơ động, hai trung đội phân tán đi xây dựng cơ sở. Tháng 12 năm 1959, từ Rừng Sát, đơn vị hành quân đánh đồn Hưng Lâm, đồn ngũ tư Đồng Thạnh (Cần Giuộc). Năm 1960 đồng khởi, tiểu đoàn 508 với số quân 108 thực sự hoạt động võ trang, vừa đánh càn vừa tấn công. Tháng 5 năm 1960, tiểu đoàn rời căn cứ Rừng Sát, hành quân về Đồng Tháp, một bộ phận cùng tiểu đoàn 506 (cũng là đơn vị tập trung của Long An trước đồng khởi, ra đời ở vùng biên giới Đức Huệ cùng thời với tiểu đoàn 508) thành lập đại

đội 1 của tiểu đoàn Long An, một bộ phận khác đi xây dựng lực lượng vũ trang các huyện.

Cùng với việc thành lập tiểu đoàn 508, năm 1956, tại Rạch Rào, Rạch Sốc thuộc Rừng Sát, một tổ quân y được thành lập do đồng chí Ba Lai làm tổ trưởng (đồng chí Ba Lai lúc ấy là cứu thương, bây giờ là bác sĩ) trình độ cứu thương trở xuống. Năm 1960, tổ này phát triển thành hai trung đội, có y sĩ, nuôi đến hàng trăm thương binh, bệnh binh, nằm sấp chài lã, mái lá dừa nước.

Năm 1957, cũng tại Rạch Rào, Rạch Sốc, Long An thành lập một xưởng quân giới. Ban đầu đây chỉ là một tổ sửa súng, thực nòng súng sét những khẩu súng chôn từ 1954, nay mới lên. Đến năm 1960, xưởng được gọi là công trường, có hai trung đội, có bộ phận làm ngụy, sản xuất súng lửa, súng ngựa trời, làm lựu đạn phục vụ đồng khởi. Năm 1963 công trường này phát triển lên đến 2 trung đội. Năm 1966, toàn bộ công trường hành quân về đất liền, nhưng qua sông Soài Rạp bị địch đánh, hy sinh mất một nửa (lúc ấy tàu phục kích thường xuyên có mặt ở nhiều nơi trên sông Soài Rạp, trên dưới mười phút có một tàu tuần đi qua).

Trong suốt những tháng năm chiến tranh đặc biệt của Mỹ, Rừng Sát vẫn là một vùng căn cứ kho tàng, vận chuyển và ém quân. Lực lượng chủ lực của ta xuất hiện ở đây từ chiến dịch Bình Giã. Hạt nhân đầu của nó là một tiểu đội đặc công nước đánh thủy lôi do cục tham mưu B2 cử về hoạt động hưởng ứng chiến dịch Bình Giã. Tiểu đội do đồng chí Cù Văn Điền (Cù Bạch Yến) chỉ huy, hoạt động từ Cần Giờ lên Tam Thôn Hiệp. Tiếp đến, trong khi một đại đội hỏa lực có huấn luyện đặc công của bộ tổng tham mưu quân đội nhân dân Việt Nam đang trên đường vượt Trường Sơn hướng về Rừng Sát thì đồng chí Cao Thanh Tao (Sáu

Tao) được cử tham mưu B2 giao nhiệm vụ về Rừng Sắt xây dựng một đại đội đánh tàu trên sông Lòng Tàu. Tháng 10 năm 1964, đại đội trên do đồng chí đại đội trưởng Bảy Mạch và chính trị viên Bảy Nở dẫn đầu đã gặp đồng chí Sáu Tao tại Rừng Sắt. Tiểu đội công binh cùng với một bộ phận số mới vào thành lập đại đội thứ hai do đồng chí Sáu Tao làm đại đội trưởng và đồng chí Hưng chính trị viên (đồng chí Hưng đã hy sinh năm 1970). Về số quân, tháng 5 năm 1965, đơn vị lại được bổ tư lệnh hải quân chi viện 2 trung đội công binh nước gồm 42 đồng chí. Số này đã được huấn luyện đánh thủy lôi dày trên sông nhỏ, sông lớn và được chọn lọc kỹ. Cuối năm 1965, hai đại đội Bảy Mạch và Sáu Tao hợp thành một tiểu đoàn thiếu mang số hiệu 125, danh hiệu công khai là « đoàn 5001 » đồng chí Nguyễn Văn Bảo (đặc công tập kết trở về) giữ chức tiểu đoàn trưởng. Tư Hải chính trị viên, đồng chí Sự chính trị viên phó, đồng chí Nguyễn Hoàng Sơn tiểu đoàn phó, kiêm tham mưu trưởng, đồng chí Tư Kỳ chính trị viên phó.

Đoàn 5001 xuất đầu lộ diện, dần dần trở thành đối tượng chủ ý của địch nên đổi tên là « đoàn 43 » và đồng chí Nguyễn Văn Mây (tức Chín Mây) về thay đồng chí Bảo đi công tác khác (đồng chí Bảo sau hy sinh ở Thủ Đức).

Đối với kẻ thù. Việc lấy sông Lòng Tàu để mở đường xâm lược và thực hiện cả quá trình dò họ, chiếm đóng có thể nói là đã trở thành qui luật. Nếu năm 1859, đoàn thuyền chiến xâm lược của thực dân Pháp lần đầu tiên xâm nhập sâu nhất vào lãnh thổ nước ta đã ngược sông Lòng Tàu thì năm 1945, chúng trở lại Việt Nam, chặng đường hành quân đầu tiên của chúng vẫn là sông Lòng Tàu và quốc lộ 15. Đối với đế quốc Mỹ, không ai có thể quên sự kiện hai chiến hạm Stik-ken và

An-dốc-xơn năm 1950 rồi đến vụ chiến hạm Card năm 1964. Hai chuyến ngược sông Lòng Tàu ấy trở thành hai đòn đau như đời đời với tên cướp đầu sỏ thế giới.

Từ khi Sài Gòn biến thành cái gọi là « thủ đô Việt Nam Cộng Hòa », sông Lòng Tàu trở thành yết hầu của cái dạ dày chiến tranh xâm lược với qui mô ngày càng lớn. Song song với việc đổi mới cảng Sài Gòn đã có từ trước, Mỹ đã xây dựng 6 cảng quân sự nữa trên vùng sông Sài Gòn, trong đó các quân cảng Nhà Bè, Cát Lái, Thành Tuy Hạ, Rạch Dừa ở đầu và cuối sông Lòng Tàu. Sáu cảng quân sự này đã hoàn toàn thay thế cảng Sài Gòn về việc tiếp nhận hàng quân sự. Theo nguồn tin của bộ tư lệnh Mỹ ở Sài Gòn, đến ngày 27 tháng 10 năm 1966, quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam đã lên tới 336.000 tên (trong 5 ngày từ 22 tháng 10 đến 27 tháng 10 tăng 5 ngàn quân Mỹ), quân chư hầu lên tới 55 ngàn tên (cùng trong 3 ngày trên tăng 3000 tên). Đó là cái đà của chiến tranh cục bộ. Theo đó, các đoàn tàu vận tải quân sự từ các cảng lớn của Mỹ, Nhật, Tây Đức... từ nhiều căn cứ quân sự Mỹ trên thế giới nối đuôi nhau vượt trùng dương vào miền Nam Việt Nam. Lúc này hơn lúc nào hết, sông Lòng Tàu trở thành con đường vận chuyển chiến lược sống còn của Mỹ mà chính Oet Molen gọi là « con đường thủy huyết mạch ». Cho đến cuối năm 1967 hàng tháng có đến trên một triệu tấn hàng tiếp tế được vận chuyển tới các cảng mới xây dựng trên toàn miền Nam (có nghĩa là nếu dùng tàu 10 ngàn tấn để chuyên chở thì hàng tháng phải đến hàng trăm chiếc). Trong hồi ký về chiến tranh Việt Nam, Oet Molen cho biết : « Trong chưa đầy hai năm rưỡi (tính từ 1965) Mỹ đã xây dựng một hệ thống hậu cần hiện đại tại một nước kém phát triển có khả năng chi viện cho trên một triệu rưỡi quân thuộc các nước khác nhau, đồng thời cung cấp những khối lượng hàng lớn

tiếp tế cho dân chúng địa phương ». Trong thời gian này, trên vùng hai đầu sông Lòng Tàu đã mọc lên những kho tàng chiến tranh lớn nhất : Long Bình, Nhà Bè, Cát Lái, Thành Tuy Hạ... Tổng khối lượng chiếm 60 phần trăm khối lượng dự trữ hàng chiến tranh ở miền Nam Việt Nam.

Với một nhịp độ hoạt động hậu cần như vậy, sông Lòng Tàu và Rừng Sát trở thành một mối lo cho Oét Molen : « Từ lâu tôi vẫn sợ Việt Cộng đánh chìm những chiếc tàu lớn dọc đoạn đường bốn mươi dặm của sông Sài Gòn nhằm chặn con đường thủy huyết mạch từ sông Sài Gòn ra biển. Con đường chính này chảy qua một vùng rộng 50 dặm vuông gồm toàn đầm hồ, cây sù, cây vẹt, và có hàng ngàn phụ lưu, một vùng gọi là Rừng Sát, được coi là căn cứ lý tưởng cho Việt Cộng sử dụng đánh tàu bè ...

Tất cả những điều nói trên cắt nghĩa cho những nỗ lực rất lớn về quân sự của Mỹ ở Rừng Sát. Ngay từ 1962, chúng đã đánh hơi « Việt Cộng nằm vùng » và sự xâm nhập của đối phương qua đường biển. Một tổ chức quân sự nguy gọi là « biệt khu Rừng Sát », trực thuộc khu 31 chiến thuật đã được thành lập để đương đầu với cuộc đổ sức sẽ diễn ra ngày càng quyết liệt ở đây. Năm 1963, để tăng cường sức mạnh, bộ tổng tham mưu Sài Gòn cho đổi « biệt khu Rừng Sát » thành « đặc khu Rừng Sát », chịu sự chỉ huy của tư lệnh quân khu 3 (ngụy) về mặt lãnh thổ và trực thuộc chỉ huy của bộ tư lệnh hải quân về mặt hành quân tác chiến. Bộ chỉ huy đặc khu có căn cứ qui mô theo hình thức một căn cứ hải quân nằm ngay cạnh quân cảng Nhà Bè do tên trung tá Nguyễn Việt Thanh, một tên ác ôn khét tiếng đã được lãnh thưởng gần hai mươi huân chương, làm chỉ huy trưởng. Tên thiếu tá Lương Văn Bê làm chỉ huy phó. Lực lượng đặc khu tương đương một trung

doàn chủ lực hợp thành từ các quân binh chủng hải quân, pháo binh, được tăng cường một phi đội máy bay lên thẳng võ trang, được trang bị tàu hô bo, tàu tuần, tàu há mồm đổ bộ LCM, tàu quét mìn. Về pháo binh, có trận địa 105 ly và 155 ly đặt tại các căn cứ Nhà Bè, Phước Khánh, Ấn Thệt. Lĩnh đặc khu mang phù hiệu con cá sấu hung hãn màu xám đang chồm lên cái nền xanh Rừng Sát, rừng nhe lồm nhồm... Cùng với đặc khu Rừng Sát, đặc khu Vũng Tàu, năm tiểu khu Gò Công, Long An, Gia Định, Biên Hòa, Phước Tuy, các chi khu Lý Nhơn, Ấn Thệt, Cần Giuộc, Quảng Xuyên, Nhơn Trạch và các đơn vị bảo an địa phương hình thành thế bao vây và chia cắt Rừng Sát một cách chặt chẽ. Bọn chủ lực nguy chiến đấu ở Rừng Sát có chế độ nghỉ phép và khen thưởng đặc biệt: lính trước khi nghỉ phép mà đã qua một trận càn ở đây thì được kéo dài hạn phép 10 đến 15 ngày, sĩ quan qua một tháng càn Rừng Sát được thưởng 100 đến 150 ngàn đồng. Cũng từ những tính toán về vị thế sông Lòng Tàu và Rừng Sát, Mỹ đã điều động về đây lực lượng thủy đánh bộ 199 đồng thời tru tiên cho mọi chi viện không loại trừ qui mô huy động nào để tiêu diệt hoặc ít nhất phải trục xuất đối phương ra khỏi Rừng Sát, kể cả không quân chiến lược, hải quân Mỹ, trong đó có cả pháo hạm đội 7.

Những hoạt động trên của Mỹ đã làm cho tầm vóc, ý nghĩa của sông Lòng Tàu và Rừng Sát trở nên hết sức đặc biệt, đòi hỏi cấp thiết sự thay đổi cả về qui mô, về tổ chức lẫn hoạt động của các lực lượng cách mạng ở đây.

Mùa xuân năm 1966, đồng chí Phan Hàm, phái viên bộ tổng tham mưu quân đội nhân dân Việt Nam mang ý định của quân ủy trung ương về việc thành lập một đặc khu quân sự ở phía đông nam Sài Gòn để không

chế sông Lòng Tàu, đưa vào tới quán ủy và lệnh huy B2. Theo ý định trên, tại chiến khu Đ, một dự án về tổ chức, nhiệm vụ cụ thể của đặc khu Rừng Sắt đã hình thành. Trong một buổi gặp mặt đặc biệt, ông chỉ Lương Văn Nhỏ, tức Hai Nhỏ, lúc ấy đang phụ trách tham mưu trưởng sư đoàn 5 (danh hiệu còn trưởng 5), đã được đồng chí Trần Văn Trà, tư lệnh B2, và đồng chí Trần Độ phó chính ủy B2, trực tiếp giao nhiệm vụ phụ trách công việc này.

Quyết định ngày 15 tháng 4 năm 1966 quy định đặc khu Rừng Sắt là một khu quân sự đặc biệt gồm một khu vực rộng 60.000 héc-ta, phía đông giáp quốc lộ 15 (không gồm quốc lộ 15), phía tây giáp sông Sài Gòn, (gồm sông Soài Rạp), phía bắc giáp lộ 19 (không gồm Nhơn Trạch), phía nam giáp biển. Đây là một tập hợp 10 xã thuộc nhiều tỉnh khác nhau: xã Phú Hữu, Phước Khánh (thuộc quận Nhơn Trạch tỉnh Biên Hòa), Long Sơn (Bà Trao, núi Nứa thuộc quận Châu Đức tỉnh Bà Rịa), xã Lý Nhơn, Bình An (quận Nhà Bè), xã Đông Hòa, Cần Thạnh, Tân Thạnh, Thạch An, xã Tam Tôn Hiệp (quận Cần Giờ). Quyết định này qui định 4 nhiệm vụ của đặc khu Rừng Sắt:

1) — Xây dựng thành một khu căn cứ bền vững chắc ngày càng củng cố, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang của khu đứng vững tại chỗ luôn luôn sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

2) — Chiến đấu bằng mọi cách trên các dòng sông chủ yếu là địch trên sông Lòng Tàu, kiên quyết tiêu diệt và phá hủy thật nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch.

3) — Kết hợp chặt chẽ các tổ chức Đảng, chính quyền, tiến hành công tác tranh thủ nhân dân, xây dựng cơ sở, phát động mạnh mẽ chiến tranh du kích trong toàn khu.

1) -- Bảo vệ an toàn hành lang vận chuyển của ta.

Quyết định số 110/TGK ngày 11-8-1936 của bộ giao nhiệm vụ công tác bảo quản, bảo vệ và vận chuyển hàng ghiền lợc của Miền trong phạm vi khu Rừng Sát, quản lý về mọi mặt cơ sở của đoàn 81 ở phía tây đường 15 và dợt 702 của đoàn 962.

Đứng trên mảnh đất vừa áp sát quân thù vừa là cửa ngõ quốc tế sống của chúng, nhiệm vụ của đặc khu luôn được điều chỉnh và bổ sung theo yêu cầu của toàn chiến trường và sự phát triển lực lượng. Các nhiệm vụ về sau được xác định là :

- 1) -- Đảm nhiệm một hướng tấn công vào cơ quan đầu não, sào huyệt cuối cùng của địch.
- 2) -- Tấn công liên tục vào các mục tiêu, bến cảng. Đánh chìm tàu chở hàng quân sự ở cảng Nhà Bè, cảng Rạch Dừa, cảng Cát Lái, Thành Tuy Hạ, phá hủy nhiều dụng cụ, phương tiện chiến tranh dành chìm tại chỗ, đánh trúng tàu chở bom đạn, xăng dầu.
- 3) -- Đánh phá các kho tàng có tính chất chiến lược của địch như Thành Tuy Hạ, Nhà Bè, Cát Lái... chủ yếu là kho xăng và bom đạn.
- 4) -- Cùng với các đơn vị B11, các đơn vị đặc công, thủy, dùng nhiều phương thức đánh chìm, cháy nhiều tàu vận tải hàng quân sự vận chuyển trên sông Lòng Tàu, chọn đúng đối tượng là tàu chở xăng, bom đạn và dụng cụ chiến tranh làm chủ yếu, nhằm ngăn chặn, cản trở, gián đoạn sông trong từng thời gian nhất định.
- 5) -- Tích cực hoạt động hỗ trợ phong trào cách mạng địa phương, diệt ác, phá kềm, phát

động quần chúng nổi dậy và xây dựng lực lượng bán vũ trang ở xã ấp.

- 6) — Xây dựng bàn đạp, hành lang, tạo thế đứng vững chắc để trong mọi điều kiện oanh liệt hoạt động được, có kế hoạch chống cản ánh địch chạy vào sông nhỏ bằng thủy lôi để bảo vệ bàn đạp của ta.

Trong các nhiệm vụ trên đây lấy nhiệm vụ đánh chìm tàu tại cảng và đánh các kho tàng lớn của địch làm chính.

Điện ngày 22 tháng 8 năm 1966 của quân ủy Miền chỉ định thành phần ban cán sự trong khi chờ đủ cán bộ để thành lập Đảng ủy và qui định như nhiệm vụ, quyền hạn ban cán sự tương đương như Đảng ủy một trung đoàn độc lập. Ban cán sự làm việc như Đảng ủy đặc khu.

Tên tổ chức đặc khu Rừng Sát là T10, u đổi lại là đoàn 10 để khỏi lẫn lộn với một tổ chủ mới của trung ương cục.

Điện số 370/TGK ngày 22-9-66, quân ủy Miền xác định tính chất của đặc khu Rừng Sát : là một khu quân sự chứ không phải quân khu, có một ủy phụ trách tức là Đảng ủy đặc khu trực thuộc quân ủy Miền, phụ trách cả công tác quân chính và phong trào cách mạng địa phương.



Theo quyết định của bộ chỉ huy Miền cơ quan chỉ huy đầu tiên đặc khu Rừng Sát gồm các đồng chí :

Lương Văn Nho (Hai Nhã) : Đặc khu trưởng kiêm chính ủy.

Nguyễn Văn Máy (Chín Máy) : Chỉ huy phó.

Sáu Tâm (lúc Sáu Diệc) : Chỉ huy phó (đã hy sinh năm trên sông Lòng Tàu)

Trần Việt Hon (Mười Thà) : Chỉ huy phó.

Trần Mân (Năm Mân) : Tham mưu trưởng.

Nguyễn Văn Quảng (Năm Phòng) : Chủ nhiệm chính trị.

Do yêu cầu cụ thể của chiến trường, đặc khu bổ nhiệm thêm một số đồng chí chỉ huy :

Cao Thanh Tao (Sáu Tao) : Chỉ huy trưởng khu B (lấy sông Lòng Tàu)

Trần Thành Lập (Tám Lập) : Chính trị viên khu A (dòng sông)

Nếu đồng chí Lê Bá Ước là người đứng mũi chịu sào qua những tháng năm quyết liệt nhất thì đồng chí Cao Thanh Tao là người giữ chức đoàn trưởng cuối cùng trước ngày giải phóng miền Nam.

Tháng 4 năm 1966 các đồng chí Hai Nhã và Năm Mân (cán bộ pháo sư đoàn 5 chỉ viện cho đồng chí Hai Nhã), cùng 4 chiến sĩ trình sát rời sư đoàn 5, xuôi Tầm Bó với số tiền «vốn» mà bộ chỉ huy B2 giao cho để thành lập đặc khu là 500.000 đồng tiền ngụy. Căn cứ chỉ huy của đoàn 43 lúc bấy giờ ở Rạch Tràm. Từ suối Tầm Bó, đoàn đồng chí Hai Nhã qua trận địa Bình Giã, qua suối Cã, vượt đường 15 rồi vào lòng chảo Long Thành gặp cơ quan huyện ủy Long Thành. Từ đây, đoàn móc nối với đoàn 43 để đi Rạch Tràm. Trên đường từ Bà Bông vào Rạch Tràm, một câu chuyện nhỏ đã xảy ra

Lúc đó trời mờ tối. Chiếc xuồng bi mật đang hướng về phía Rạch Tràm lao tới, bỗng nghe có tiếng khua quờc rất gấp từ phía sau : một chiếc xuồng khác đang

đuổi theo. Đồng chí Hai Nhũ nghe tiếng quen của một ông già : Có phải Hai Nho về đó không ? » Đồng chí giật mình quay lại : trời ơi, đó là ông Năm Phấn, một người thợ săn đốn củi ở Bà Bông có đầy chỗ săn vừa nuôi thân, vừa nuôi anh em kháng chiến hồi thời chín năm. Có gì vui hơn phút gặp lại cảnh ở người xưa sau 12 năm trời xa cách trong muôn vàn thử thách, gian lao. Nhưng nhiệm vụ đặc biệt đã đặt đồng chí Hai Nhũ trong một tình huống khó xử : nên quay lại hay đi luôn, nên nói thật hay phải giấu... dù đây chính là « những con người của lịch sử Rừng Sắt » ?

-- Tôi là Nhũ chứ không phải Nho ! (Nhũ là tên đồng chí Lương Văn Nho sau khi từ miền Bắc).

Ông Năm càng mừng càng căi quết :

— Nho chứ Nhũ gì !

Đồng chí Hai Nhũ không nỡ lòng được nữa :

— Phải Nho đây... Tôi về cùng đồng bào tiếp tục cuộc kháng chiến... nhưng anh khám nói với đồng bào !

Hai giọt nước mắt hồng đào ứa trên hai gò má nhỏ cao của ông Năm :

-- Thì nó ác lùn Hai ơi, ác hơn cả Tây nhiều, nó đào lặn gốc, bóc tận rễ...

Mười hai năm trước, chiến sĩ quốc quân rời Rừng Sắt, Long Thành, người ra đi lấy hai ngón tay bện ngày về thống nhất, người ở lại vẫy chào, rời nước mắt tiễn đưa. Giờ đây giặc Mỹ đã nhảy vào, thời gian quá hạn gấp sáu lần. Mười hai năm ấy, những gì đã xảy ra ở đây ?

Lời nói của một ông già Rừng Sắt không cần phải lấy đâu xa để chứng minh. Mạnh mẽ Bà Bông đã

hiện ra trước mắt : Một khoảng đất hoang tàn, xơ xác, đau thương hiện ra trong màn trời đang chùng vạng tối... Từng là một căn cứ lăm thời chín năm, nơi đóng trụ sở của tiểu đoàn Quang Trung thuộc trung đoàn 310 Nam Bộ, nơi đây từng nổi tiếng là « Thủ đô của Long Thành kháng chiến » với tập nập những quán xá, những chòm cây bời, măng cụt, chôm chôm, sầu riêng... xum xuê. Bà Bông bị lột da cũng như người Rừng Sắt bị lột da. Theo ông già kể lại, khi Bà Bông bị san bằng ở đây còn một địa đạo miệng ở gốc chuối. Dưới địa đạo có một tiểu đội du kích, trên địa đạo là cái chòi của bà Ba, một bà mẹ có con cũng là du kích đã hy sinh. Một năm trời, bà Ba vẫn ở đây canh giữ cho du kích hoạt động, vừa làm dấu một báo tình hình địch cho những người đến đây lấy nước ăn.

Lúc ấy vào tháng 4 năm 1966. Câu nói đầu tiên của anh em đoàn 13 khi gặp đồng chí Hai Nhũ : « Ở đây buồn lắm thủ trưởng ơi, nhưng nghe nói sắp thành lập đặc khu, ai cũng mừng». Dân Rừng Sắt, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ... có người đã ở đây từ trước 1954, có người mới đến sau đồng khởi, tất cả đã và đang trải qua những tháng năm đầy gian lao thử thách. Hình ảnh của chiến khu vẫn là những ngôi nhà sàn nối nhau qua cầu khỉ, những « đường mòn » cây chà lá dài hàng trăm thước thấp thoáng trong rừng cây nước mặn... nhưng một trận tàn phá ghê gớm đang từng ngày giết chết Rừng Sắt. Đúng như bác Năm Bà Bông đã nói, nếu trong nhân dân, Diêm, Nhu đã tìm mọi cách nhổ bật gốc rễ cách mạng thì với cây rừng, chúng không chỉ xua người ra chặt lá mà còn đào cả rễ cho cây đứng mọc lại. Lúc bấy giờ công việc gom dân của chúng nó coi như đã làm xong. Cột hàng rào ấp chiến lược đã bắt đầu mọc nát, nhưng hệ thống kèm kẹp bằng sức mạnh của đồn bót, của cảnh sát, lực lượng bảo an, dân

vệ và bằng cả sông nước thì rất chặt và ổn định. Tám chi bộ xã với 55 đảng viên trong số 10 chi bộ, 67 đảng viên đã bị đánh bật ra khỏi khối 20 ngàn dân bị gom trong ấp chiến lược. Một « vành đai đệm » nằm bao quanh ấp chiến lược. Đó là một « vành khăn » trắng còn lơ lửng những chòm cây sống sót sau những trận tàn phá bằng cả bom, pháo, dao, rựa trong quá trình gom dân. Dứng trên vành đai đệm có thể nhìn thấy được đồng bào lần kẻ địch đi lại trong « cù lao » ấp chiến lược. Bên ngoài vành đai đệm là các căn cứ chiến khu. Trên toàn bộ Rừng Sát, tổng cộng những người có quyền lợi dính với « chế độ quốc gia » và những người công giáo bị lừa mị di cư từ 1954 chiếm gần một phần tư của hai chục ngàn dân. Con số lớn nhất suýt soát gần một nửa, vẫn là những người tay lấm chân bùn, củi than sông nước, nghèo của mà giàu lòng yêu nước, nhưng thấy Mỹ nó giàu, nó mạnh sức vóc mình không vượt nổi... còn lại, hơn một phần tư cuối cùng. Đó là lớp người từ lâu có quan hệ máu thịt với cách mạng, thân ở trong ấp chiến lược mà lòng thì ở chiến khu !

Trong khi chờ đợi trung ương cục bổ sung đầy đủ cán bộ để thành lập Đảng ủy đặc khu, ban cán sự đặc khu (do quyết định ngày 2-8-1966 của quân ủy Miền) đề ra ngay chủ trương công tác quần chúng cho mùa khô 1966 — 1967. Đây là đề án trước mắt, nhưng nó đã nêu lên những nhận định về lực lượng, chất lượng nào là quyết định ở Rừng Sát, đề ra phương hướng, phương châm, phương thức cơ bản của công tác quần chúng trong suốt thời kỳ chiến tranh ở địa phương. Đề án xác định quyết định và mối quan hệ chặt chẽ giữa hoạt động của bộ đội tập trung và công tác phong trào của đặc khu trong đông xuân 1966 — 67 : « Song song với nhiệm vụ tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh

lực địch, đánh mạnh các đường giao thông chiến lược của địch nằm trong đặc khu, đấu tranh chính trị và công tác binh vận để phá âm mưu phản động chiến lược mùa khô của chúng... »

Trên cơ sở kiểm tra công việc triển khai đề án công tác phong trào đông xuân 1966 — 1967 ở hai xã Thạnh An và Ân Thít diễn hình về thể tranh chấp mà thể ta còn yếu, ban cán sự ra chỉ thị đầu tiên về công tác phong trào. Hình ảnh về thể tranh chấp mà thể ta còn yếu ở đây là áp chiến lược với đầy đủ lễ bộ của nó : đồn bót, tề địa phương đủ có lầu dơi, canh sát, dân vệ và một số những tên đội lột lương thiện để đánh phá cơ sở. Nhưng đi sâu vào bên trong ban cán sự phát hiện sức mạnh tiềm tàng ở ngay trong áp chiến lược và kết luận chính nơi đây quân thù đang tự tích tụ nguy hiểm. Chỉ thị do đồng chí Lương Văn Nhò ký ngày 25 tháng 11 năm 1966 nêu rõ : « Tiềm lực cách mạng, lực lượng chủ yếu có khả năng phá kèm kẹp thường xuyên liên tục và kịp thời nếu được sự chỉ đạo đúng của một cơ quan cách mạng nằm ngay trong áp chiến lược. Trong thể tranh chấp yếu, lực lượng hỗ trợ bên ngoài là quan trọng ». Hiện tượng ở xã Ân Thít đủ xác minh cho những nhận định này : khi có hướng dẫn quần chúng đấu tranh thì ở ngay trong áp chiến lược, những tên đầu nậu, chủ dựa cá lớn, làm giàu trên mồ hôi của người lao động và bằng sự dựa dẫm vào sức mạnh của kẻ thù lại phải ngoan ngoãn nộp thuế cho cách mạng. Mặt khác, mỗi lần có việc khó, quần chúng lại len qua mạng lưới kèm kẹp của địch mà đi tìm cách mạng. Rõ ràng cách mạng chưa có chính quyền, nhưng nhiều mặt cách mạng có quyền lực của chính quyền, tương lai tất thắng của cách mạng không chỉ có quần chúng tin mà ngay cả những người sống dựa dẫm vào kẻ thù cũng phải nghĩ tới.

Ở đây, trong khi quần chúng đang đòi hỏi sự lãnh đạo, hướng dẫn của cách mạng, thì hầu hết hững đảng viên đã qua nhiều tháng năm bám trụ, mờ mắt, căng thẳng lâu dài và phải đương đầu với những điều kiện cực kỳ khó khăn, đã dần dần thoát ra ngoài ở cách xa quần chúng bầy lặn cày sỏ, những gì xảy ra trong ấp chiến lược đều thành chuyện đã rồi. Cơ sở bên trong lại không được bồi dưỡng, không hoạt động, do đó ngày càng mai một.

Với những phát hiện trên, chỉ thị ngày 25 tháng 11 năm 1966 đề ra những chủ trương về việc ủng hộ bộ máy lãnh đạo nắm sát ấp chiến lược với phương châm nhẹ và không phát triển cán bộ thoát ly, trù lượng võ trang, đồng thời tăng cường cơ sở, dần dần đưa bộ máy lãnh đạo vào ngay trong ấp chiến lược.

Ngoài nhiệm vụ diệt ác, trừ gian, phá kềm, vận động binh lính địch, phối hợp chiến trường cầm chân địch trong công tác quần chúng ở đây, vẫn duy động nhân lực, vật lực có một tầm vóc vô cùng đặc biệt. Đó là công tác hậu cần tại chỗ của một chiến khu nằm trong vòng vây quân thù, một cuộc chiến đấu thầm lặng mà quyết liệt của nhân dân Bưng Sắt trong suốt cả thời kỳ chiến tranh.

Chiến khu Bưng Sắt thành lập có 13 chi đội của đơn vị 10 đảng số 258 trên 614, 10 chi bộ xã với 1 đảng viên trên 20 ngàn dân, trong số đó có 12 đảng viên sinh hoạt hợp pháp. Trừ chi bộ Phú Hữu và Long Sơn, các bộ máy lãnh đạo ở các xã khác đều nằm ở ngoài ấp chiến lược. Du kích mỗi xã có từ 5 đến 1, được xây dựng theo phương hướng « không chiến đấu không thành du kích », Phú Hữu, Phước Khánh, Đại Phước, Long Sơn là những xã có hoạt động du kích mạnh, có những thời gian đội viên lên đến hai mức người.

Ở một xã phức tạp như xã Long Sơn, nơi mà nếp sống phù phiếm đã xâm nhập vào một bộ phận thanh niên, nơi có đủ các thành phần lương, đạo, người cũ, người mới,... nhưng chỉ bộ đứng đờng trong lòng dân, xã này trở nên một xã có chiến tranh nhân dân mạnh : địch có vào có đánh, đánh cả địch trên không, hạ máy bay lên thẳng, du kích hy sinh lớp này có lớp khác thay, bộ đội về thì đứng chân được...

Địch đã lần lượt lột da Rừng Sát hòng trục xuất tất cả lực lượng đối lập ra khỏi nơi này để tiêu diệt. Nhưng rồi cuộc tất cả các lực lượng đối lập từ Bình Xuyên của Bảy Viễn đến các phe phái ẩn náu ở Rừng Sát đều bị trục ra khỏi ổ và bị đập nát, cái cuối cùng còn lại ở đây là nhân dân và cách mạng, lực lượng quyết định lịch sử.

Tháng 6 năm 1966, căn bộ thuộc đặc khu mới về đủ. Cùng lúc này, 125 chiến sĩ công binh thuộc đoàn 126 hải quân đang trên đường vượt Trường Sơn về Rừng Sát. Ngày 1 tháng 1 năm 1966, tổ chức đặc khu chính thức hình thành và có hiệu lực với số quân đầu tiên là 614 gồm 3 cơ quan, 6 đơn vị cấp đại đội : hai đại đội công binh nước đánh thủy lôi dây, một đại đội 82 và ĐK57, một đơn vị bộ binh, một đơn vị trinh sát, một đơn vị vận chuyển hàng chiến lược. Cuối năm 1967, đơn vị nhận thêm một đại đội công binh nước. Sau 1968, 100 đồng chí ở Rừng Sát lại được điều về đất liền. Thời kỳ 1969 — 1971 hơn nửa quân số còn lại đã ngã xuống trong cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt. Năm 1970 mỗi đại đội chỉ còn 10 đến 15 đồng chí, quân bổ sung không vượt qua được hành lang ngăn chặn của bọn Mỹ, Úc, Thái Lan, nguy ở dọc quốc lộ 15. Từ cuối năm 1971, hành lang này lại bị chọc thủng, Rừng Sát tiếp tục nhận được chi viện, số quân dần dần tăng lên gấp đôi ban đầu và được biên chế vào 13 cơ quan và 14

dại đội, gồm 4 đại đội công binh nước, một đại đội đặc công bộ, 1 đại đội B41, một đại đội cối, một trung đội trinh sát, 5 đại đội hậu cần (xưởng, quân y, tải, đội sản xuất) và một đại đội phục vụ chỉ huy. Từ hai cụm quân ở phía nam ngã ba Chàng Hảng và sông Ông Kèo, đoàn 10 phát triển rải quân trên dưới năm mươi cây số chiều dài từ Vũng Tàu lên hai bờ sông Lòng Tàu đến Nhà Bè, sang đường 15 lên Thành Tuy Hạ và 2 đơn vị đóng đường 15.

Nhìn lại, ngay từ trước đồng khởi, trên mảnh đất Rừng Sắt địch đã di trước một bước về tổ chức và huy động lực lượng. Đặc khu Rừng Sắt của ta hình thành khi chiến tranh cục bộ của Mỹ đã diễn ra ác liệt ở miền Nam Việt Nam. Một lực lượng tương đương một trung đoàn hoàn chỉnh về tổ chức, không đủ về số quân của ta đứng chân sát đầu não và trên cửa ngõ sống còn của địch đã đương đầu với những thử thách vô cùng khốc liệt từ việc ăn, ở, phương tiện hoạt động đến vấn đề lực lượng, cách tồn tại, cách đánh. Nhưng chúng ta không chỉ đứng được mà còn lớn lên và làm nên những đòn hiểm của một đối thủ áp sau lưng.

Trên những dòng sông Rừng Sắt, thủy lôi đường dây đã ra trận khi 2 tiểu đội công binh nước có mặt nơi đây.

Mùa xuân năm 1966, đồng chí Chin Mây đưa trái thủy lôi đầu tiên ra khu vực Bà Nghĩa. Trái nổ khi một chiếc tàu buôn của Anh vào trận địa, nhưng nó không chìm. Lần thứ hai, vẫn lại Vàm Bà Nghĩa, các đồng chí Tâm Sơn và Tư Bảo cho xuất trận cùng một lúc ba trái thủy lôi loại 100 kilô do xưởng công binh Long An chế tạo. Chiếc tàu Catina 10 ngàn tấn lọt vào trận địa. Hai trái nổ cùng một lúc nhưng tàu vẫn không chìm vì sức nổ chưa đủ mạnh.

Tháng 7 năm 1966, địch hành quân giải tỏa khu vực Nhà Bè với ý định lập vành đai trắng bảo vệ kho xăng và các quân cảng kho tàng đầu sông Lòng Tàu... Thủy lôi đường dây phễu dương đầu với tàu rà ngày càng nhiều. Máy bay lữ tưởng hoành hành trên không Rừng Sắt cả ban ngày lẫn ban đêm. Thời gian này, đồng chí Nguyễn Quý Chiến, xã đội trưởng và đồng chí Tư Thắng, xã đội phó xã Phú Hữu với sự yểm trợ của 3 chiến sĩ đại đội 1 đã hạ một chiếc máy bay lên thẳng võ trang Mỹ đầu tiên trên mảnh đất Rừng Sắt.

Cuối tháng 7 năm 1966, các đồng chí trong ban chỉ huy đặc khu vừa đi kho sát Rừng Sắt và sông Lòng Tàu trở về đã nhận được điện của quân ủy Miền giao nhiệm vụ đột xuất đầu tiên cho đoàn 10 : « Khắc phục mọi khó khăn, đánh minh giao thông và hậu cứ địch, phối hợp chiến trường bản Miền, làm cho địch đã thất bại càng thất bại nặng nề hơn ».

Ngày 2 tháng 8 năm 1966, lần đầu tiên đoàn 10 mở hội nghị cán bộ. Sau hai ngày làm việc, hội nghị hạ quyết tâm : « Lợi dụng sơ hở của địch, tập trung khả năng của đặc kh tạo thành một quả dấm bất ngờ, đánh một cú thọc sâu. Trận đầu đánh tập trung phối hợp tất cả các khu vực của đặc khu trên sông Lòng Tàu, đoạn từ Phước Khánh đến Ngã Bảy (35 cây số). Sau trận đầu, phân tán từng tổ, đội, liên tục tấn công trên sông, Lòng Tàu 7 ngày. »

Oét molen đã chuẩn bị cho mùa khô phản công chiến lược « đánh gẫy xương sống Việt Cộng » gần một năm trời. Vào những ngày mùa mưa 1966, hầu hết mọi buổi sáng, đứng ở bất cứ nơi nào trên mảnh đất miền Đông Nam Bộ đều có thể nghe mặt đất rung chuyển vì những loạt bom B52. Cũng chính vào lúc này, các đoàn tàu quân sự Mỹ lần lượt nối đuôi nhau

vượt trùng dương hướng về Đông Nam Á. Trên sông Lòng Tàu, bằng mắt thấy, chiến sĩ Rừng Sắt đếm được hàng ngàn có trên 30 chiếc tàu từ năm sáu đến mười ba ngàn tấn ra vào. Hơn lúc nào hết, chiến trường toàn Miền đang kêu gọi Rừng Sắt : « chặn cở sông Lòng Tàu ». Ở đoàn 10, có hàng chục chiếc đánh đã được đề nghị. Có những lá đơn tình nguyện xin cho khối chất nổ 500 kilô em sẵn, khi tàu giặc đến sẽ bị mìn kéo ra, áp vào mạn... nếu cần sẵn sàng lấy cả thân mình đánh đổi tàu vạn tấn. Trong khi thủy lôi đường dây chưa vượt nổi mạng lưới tàu rà trên sông lớn, còn ĐK, B40 B41 không đủ sức hạ tàu lớn trên dòng sông rộng trên dưới một ngàn mét thì đây là một đề nghị đáng chú ý. Nhưng Đảng ủy, chỉ huy đặc khu đã trả lời : chiếc tàu vạn tấn có cả bầy máy bay lên thẳng và tàu hộ tống đi theo thì liệu người chiến sĩ cầm tỉ có đến được mục tiêu hay đã hy sinh trước khi hành động ? Chúng ta sẵn sàng hy sinh vì chiến thắng, nhưng cần chiến thắng mà hao tổn ít nhất, Tổ quốc đang cần những người con dám lấy thân mình đánh đổi tàu vạn tấn để tiếp tục cuộc chiến đấu còn đầy thử thách. Sau nhiều đắn đo, Đảng ủy Rừng Sắt nhất trí : đã đến lúc cần cho « hàng dự trữ » ra trận. Đó là hai trong số bốn trái thủy lôi sừng chạm K-5 có duy nhất trong tay. Đây là thứ « hàng tối mật » do Ban giúp được các đồng chí đoàn vận tải đặc biệt 759 (sau đổi là đoàn 126) chuyển qua hàng ngàn cây số xuống miền Tây Nam Bộ rồi vòng trở lại Rừng Sắt. Chưa có tài liệu nào chứng tỏ kẻ thù đã đánh hơi thấy, nhưng từ ấy bốn trái thủy lôi hiện đại đã phải len lỏi qua hàng chục trận càn và trận bom.

Ban chỉ huy trận đánh được thành lập gồm :

Chỉ huy trưởng : đồng chí Lương Văn Nho

Phó chỉ huy phụ trách tham mưu trưởng : đồng chí Nguyễn Hồng Sơn.

Phó chỉ huy hai : đồng chí Cao Thanh Tao.

Trình sát và kỹ thuật : đồng chí Hồ Xuân Cảnh.

Những trái thủy lôi sừng chàm hiện đại đáng lẽ phải kèm theo những phương tiện đồng bộ nhưng nó lại xuất hiện một cách trần trụi, đầy thách thức. Công việc đưa trái thủy lôi 1.075 kilô (kể cả ghệt và khối nổ) vào trận hoàn toàn không giống công việc của người chiến sĩ đặc công nước kéo trái 100 kilô vào mục tiêu. Có bốn cái khó nổi bật : việc dịch chuyển thủy lôi, việc dò và đo lạch tàu trên sông Lòng Tàu rộng gần một ngàn thước, sâu gần ba mươi thước, vẫn dềnh dang tàu quét mìn và làm sao đánh đúng đối tượng trong cả một đoàn tàu đi qua.

Khô khản tưởng chừng sức vóc bản thân không vượt nổi, Hai tháng trước ngày hội nghị cán bộ, đồng chí Hồ Xuân Cảnh (Ba ảnh) cùng một tổ trình sát đặc công ra đi. Anh em đo hùm bí mật trên bờ sông Lòng Tàu. Cuộc tập trận trên sông kéo dài ròng rã một tháng. Cũng chính vào thời gian này bà Đỗ Thị Trị, anh em gọi là má hi. Trầu Vừng Tàu, lại xuất hiện ở Sài Gòn trong vai người đi buôn : má phải đưa bốn chuyến dây cáp, dẫn điện từ Sài Gòn về Vừng Tàu theo đường 15. Đây là ước lệ chỉ chít đồn bót nguy, các chốt Mỹ, Thái Lan, những ổ phục kích Úc. Chuyến này má đóng vai người đi buôn thùng phuy, thì chuyến sau lại phải đi buôn trứng, dưa, khoai... Thùng phuy rỗng thì cũng chất bên trên xe, thùng phuy có dây cáp nằm dưới. Dây điện cuộn từng cuộn tròn dưới những cần x dưa khoai... Trên sông Lòng Tàu gần ngã ba Vàm Cng đêm đêm các chiến sĩ trình

sút lao ra giữa dòng vừa dùng dây vừa lặn để thám dò và đo lạch, tàn dưới lòng nước. Về việc đo nước chẳng khác nào một trận đánh đặc công thực sự : anh em đột nhập quân cảng Nhà Bè, chọn dùng chiếc tàu cỡ mười ngàn tấn, đặt thước đo vào mạn. Những trái thủy lôi giả thả trên sông vừa làm cho địch dễ nhầm chán vừa trả lời được một số liệu trước nay chưa được biết : từ bảy đến 12 mét độ sâu, tàu quét lôi ở đây không quét được, nhưng từ 5 mét trở lại thì có thể. Mắt thấy cho biết trên sông Lòng Tàu hàng ngày có 7 tàu phun lên xuống, một chiếc L19, một chiếc L20 và 10 máy bay lên thẳng hàng sáng và thấp kiểm tra đường. Mỗi chiếc tàu hàng quân sự cỡ mười ngàn tấn trở lên đi thường kéo theo một đoàn tàu và máy bay hộ tống gồm : 5 tàu chiến trang bị pháo 72,6 milimét, pháo 40 milimét một nòng và hai nòng, pháo 20 milimét, máy bay lên thẳng thu tiếng động và vô tuyến trong khu vực. Cộng cả tàu rà, tàu tuần, tàu hộ lũng có đến chục chiếc. Những dấu hỏi cần giải đáp của trận đánh đã dần dần được trả lời, nhưng còn vấn đề đưa thủy lôi ra sông như thế nào vẫn là cái khó chưa gỡ được. Với ý định dùng xà lan có đường ray, đồng chí Ngô Hồng Thắng được phái đi Long An với số tiền 1,3 triệu đồng (tiền Sài Gòn) để đặt hàng.

Gần đến ngày ra trận, lại một tình huống bất ngờ đến : Mỏm doi hốc Rạch Rào bị đánh bom. Bốn phần lực F105 và 4, F4 với sự chỉ dẫn của một T28 đánh bom vào khu vực chứa K-5. Trong tình thế khẩn cấp này, các cơ quan đoàn bộ và một số đơn vị phục vụ đủ dốc toàn lực, trong vòng vài tiếng đồng hồ làm xong một chiếc cầu có sức chịu 6 tấn đi qua một bãi lầy dẫn đến một hầm nổi có thành dày một mét để dịch chuyển và cắt giấu thủy lôi. Làm sao nâng lên và hạ xuống một khối lượng 1075 kilô ? Lời giải cũng đơn

giản và đặt kết quả bất ngờ : 3 cây được cỡ 10 centimét đường kính và 8 mét chiều dài đã tạo nên một cần cầu có sức nâng trên một tấn. Ngày N sắp đến, việc chiếc xà lan có đường ray đã không thành. Một lần nữa chiếc cần cầu được lại ra trận cùng với hai chiếc ghe chài chở lúa cũ thay cho chiếc xà lan. Hai chiếc ghe này sẽ đưa hai thủy lôi ra trận địa và đục cho chìm lún:

Trận địa thủy lôi được chọn là một khúc quanh ở vàm Ngã Bảy gần ngã ba Vàm Cống. Ở Rừng Sắt mỗi trận đánh đều phải coi chừng địch ra tay trước. Một bộ phận chốt hành lang đã rải ra 10 cây số từ Rạch Tràm qua Giàn Xay, Mòng Năm, Ấn Chè ra Vàm Cống. Vào lúc này chị Bảy Nga, người giao liên trên sông Lòng Tàu mà chiến sĩ Rừng Sắt gọi là «chị Bảy phản lực» vì chị vừa hút thuốc vừa chèo thuyền «nhanh như phản lực», trở thành một chiến sĩ trinh sát trên tuyến đầu của trận đánh. Với một thuyền, một chèo, một cây bá đồ, chị đã cung cấp những tin tức quan trọng về tình hình địch trên sông Lòng Tàu (người chiến sĩ ấy sau này bị một trái pháo địch tiện vào chân, phải cưa bỏ, trong giờ phút bị giày vò chị vẫn cười để lấy cái vui xoa lấp nỗi đau, chị đã hy sinh trên vùng đất liềm Củ Chi).

Với ý đồ «Liên tục tấn công trên sông Lòng Tàu 7 ngày» hai khẩu ĐK75 chốt phía nam sông Giàn Xay để chặn ngã ba sông Lôi Giang do các đồng chí Sáu Tao và Mười Thà chỉ huy, một khẩu đội ĐK75 chốt phía bắc đồn Đèn Xanh nhằm ngăn ngã Nhà Bè xuống do đồng chí Năm Mãn chỉ huy. Một trận địa 12,7 milimét được bố trí gần trận địa chính để đánh địch trên không.

Đêm 21 tháng 8 năm 1966, một tin tình báo kèm theo một chỉ thị báo về cơ quan chỉ huy đặc khu Rừng Sắt : ba chiếc tàu hàng quân sự của Mỹ đang chuẩn bị

vào bến Ò Cáp (Vũng Tàu). Có khả năng sáng 23 tháng 8 sẽ vào sông Lòng Tàu. Mục tiêu: chiếc tàu mang tên Baton Rugby Victory đi sau cùng. Chỉ thị không giải thích rõ tại sao phải đánh Baton Rugby Victory, trọng tải của nó là bao nhiêu, nhưng đáng chú ý là con quái quái này đi sau cùng. Đây là một thách đố: chúng nó thường cho tàu lớn đi sau cùng, nhưng không phải lúc nào cũng như vậy, nếu không nắm chắc được điều này, không biết nó bao lớn thì có khi chỉ hạ được tốp riu mà để thoát cá kinh. Mọi người đều cho rằng: tại khúc sông Ngã Bảy, chỉ cần hai trái thủy lôi bố trí cách nhau 45 mét ở hai bên lạch tàu và ở một độ sâu thích hợp thì không một chiếc tàu cỡ trên dưới 10 ngàn tấn có thể thoát được. Nếu Baton Rugby Victory ở vào lạch cỡ đó thì thủy lôi phải ở độ sâu ít nhất 8 mét theo số liệu đã đo trong quần cảng Nhà Bè.

Đêm ra trận là đêm trăng mùng mười. Đoàn xuống ghe ra đi trước giờ trăng sáng. Thủy lôi, pháo, súng, cơm vắt, gạo rang, nước ngọt... cùng lên đường. Đường hành quân quanh co, khúc khuỷu, mây vần vũ, mưa rơi lắt rắc. Không có kèn giục quân mà sao nghe như có tiếng quân reo Bạch Đằng Giang, Bạch Đằng. Xuống chỉ huy của đồng chí Hai Nhã phải từng chập lao lên, rồi dừng lại ở các ngã ba nhìn anh em đi qua, nhắc dừng lại, nhưng rồi suýt nữa xuống này lại rơi vào áp chiến lược.

0 giờ ngày 23 tháng 8, hai trái K-5 đã vào vị trí. 2 khẩu ĐK cũng đã đến trận địa chính.

3 giờ ngày 23 tháng 8, tất cả đã sẵn sàng. Đồng chí Hai Nhã có mặt ở trận địa chính Ngã Bảy của đại đội 3. Đồng chí Tám Sơn có mặt tại trận địa của tổ thả trái Ba Cánh, Tấn, Tư, Hiếu.

Đêm đó trời không đông nhưng gió mùa thu lạnh khiến người chiến sĩ đang chờ giặc trực nhớ khu rừng

tĩnh mịch ngàn xưa đang bị bom đạn và chặt độc Mỹ dần mòn giết chết.

7 giờ 10 sáng 23 tháng 8, hai chiếc máy bay lên thẳng từ Nhà Bè bay xuống sà tháp mặt sông. Chúng nó xoi mói xả súng vào từng đám bọ bèo, từng khúc cây trôi. Một lát sau, chúng bay ngược dòng sông dắt theo 4 tàu quét mìn, quét cặp hai bên bờ. Trong lúc tiếng động cơ máy bay còn đang ỉ xèo đã thấy từ phía nam là cờ năm mươi sao từ từ xuất hiện chót vót trên cột cờ lớn. Lần này chúng đã đến sớm mà không đủ lễ bộ như thường lệ.

Hai chiếc đi đầu đã lướt qua vòng cua một cách yên ổn. Như vậy những phán đoán về tầm cỡ của chúng đã đúng. Nhưng còn chiếc thứ ba, liệu nó có với tới tầm sáu 8 mét không. Từ trên một cành cây được, Tám Sơn nhận được tin báo của Tư, người đang cầm ống dòm :

— Đằng sau có chằm đen lớn lắm anh Tám ơi ! Tám Sơn khắp khởi mừng, nhưng phần lo vẫn không giảm. Không lâu sau con quái quỷ đã xuất hiện. Bản thân cái thân hình đồ sộ của nó đã một phần giải đáp câu hỏi. Vừa đến vòng cua, đột nhiên nó chững lại. Một dòng chữ trắng hiện trên thân tàu khiến mọi người cảm thấy như từng mạch máu bỗng căng lên : Baton Rugby Victory ! Là cờ năm mươi sao ngạo nghễ bay trên chót thay vì phải là cờ ba que theo qui ước quốc tế để tỏ ra rằng « Việt Nam Cộng Hòa » cũng là một nước. Đuôi tàu lắc lư, nặng nề dịch sang bên trái đưa cả thân xác vào lòng lạch. Một luồng « tử khí » từ ống khói bốc lên dày đặc đen ngòm trên bầu trời. Chiếc tàu như có một sức hút mạnh. Hai tiếng nổ phát lên làm rung chuyển cả dòng sông. Hai bức tường nước làm thành hai cái hàm của một con quái vật khổng lồ nuốt

chúng, cả con tàu đang bị phủ dưới một luồng lửa lớn. Bức tường từ từ gục xuống, rồi mặt sông chỉ còn trơ lại cái dải chỉ huy trống toang và lá cờ năm mươi sao ngậm nước ỉn rữ. Lúc đó là 8 giờ 15 phút ngày 23 tháng 8 năm 1966.

Trong chốc lát, 16 chiếc tàn tuàn từ hai phía lao đến ồ ạt vãi đạn. Máy bay lên thẳng đổ quân 16 lượt chiếc trên cả hai bờ sông.

Bốn giờ chiều hôm sau, đoàn 10 đã nhận tin được tặng huân chương chiến công hạng nhất và một chiếc đồng hồ của hội phụ nữ Giải phóng Sài Gòn.

Trận đánh tiếp tục diễn ra bảy ngày đêm quyết liệt trên trận địa dài 30 km. Địch đến cả từ trên bộ, trên nước và trên không. Tám chiếc tàu lớn nhỏ lại bị trúng đạn. Vào ngày thứ bảy, trên ngã sông Lôi Giang, một chiếc tàu tám ngàn tấn lọt vào trận địa đại đội hai, nơi có mặt các đồng chí Mười Thà và Sáu Tao. Chiếc tàu bị trúng đạn, ĐKZ bốc cháy tại trận. Lửa khói ngùn ngụt suốt hai ngày đêm, địch tìm cách dập tắt nhưng không nổi.

Về sau, qua tài liệu Mỹ mới biết vì sao cấp trên đã chỉ thị đánh mục tiêu thứ ba. Đó là chiếc tàu chở hậu cần của sư đoàn 4 Mỹ. Trên tàu có 45 thủy thủ Mỹ, gần 100 thiết giáp M113 chưa bóc tem, 3 máy bay phản lực còn nguyên trong hộp, một khối lương thực, thực phẩm đủ cho một sư đoàn Mỹ ăn trong chiến dịch mùa khô. Chiếc tàu này rời cảng San Francisco ngày 8 tháng 8 năm 1966; nó vừa trải qua cuộc hành trình 15 ngày trên biển.

Baton Rouge là tên một thành phố Mỹ, trước đây là thuộc địa của Pháp, sau thực dân Anh chiếm. Vào những năm 70 của thế kỷ 18 tại đây đã xảy ra cuộc chiến đấu chống thực dân Anh giành lại quyền độc

lập cho Mỹ. Giờ đây vì dấy vào tội ác, cái « thần tượng chiến thắng Baton Rugier » bị chôn vùi trên một dòng sông Việt Nam. Quả đấm thực là bất ngờ, dịch gọi tất cả 7 kỹ sư Anh, Mỹ, Pháp, Nhật đến để xem xét hiện trường, dấu vết rất tỉ mỉ, nhưng chỉ kết luận được là: « Việt Cộng đã dùng vũ khí hiện đại ». Vài tháng sau, với kỹ thuật trực vớt hiện đại, chúng nó đã đưa cái quan tài thép rỉ này lên mặt nước để cho vào một lò tái sinh ở Nhật Bản.

Tất nhiên, về chuyện Baton Rugier Victory chúng nó cần rảnh mà chịu đau bởi vì ngay đến vụ Card vang dội tại Sài Gòn mà Mỹ còn kín miệng đến nỗi nhà văn, nhà báo Pháp Charles Fourniau còn phải than phiền: « Những cơ quan Mỹ không hề chịu hé răng chút nào về chuyện này ».



Sau những thất bại của thủy lôi tự tạo trên sông lớn, đường dây lại được buộc một chuỗi gạch để chìm xuống đáy nước. Nhưng những trận này lại báo cho ta biết, ở gần bờ sông, tàu rà của địch có thể cắt dưới mặt đất 2 centimét. Lòng quyết tâm dẫn đến những trận đánh chặn đầu khóa đuôi của súng trường bá đồ, B50, B40, B41, ĐKZ để không cho tàu quét mìn vào trận địa thủy lôi. Cách đánh này lại vấp phải những nhược điểm mới: tình bất ngờ không còn, súng của ta không đủ sức không chế dòng sông rộng trên dưới một nghìn mét.

Sau trận đánh tàu Baton Rugier Victory, Mỹ lại đưa thêm vào sông Lòng Tàu 15 tàu quét mìn. Cùng với sự có mặt của một lữ đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ, một chương trình khổng lồ chế mặt nước mang tên Game Warden đã

lấy Rừng Sắt làm nơi thí điểm và sau đó làm trọng điểm lâu dài của nó. Theo Oetmolen, chương trình Game Warden gồm 120 tàu tuần giăng của Mỹ hàng ngày đã khám xét trên hai ngàn xuống ghe trên các đường sông chằng chịt của Việt Nam... Một tàu LTS được cải tiến dùng làm tàu mẹ cho các tàu tuần tra và một đội máy bay lên thẳng vô trang của lục quân Mỹ (sau này do các đội của hải quân Mỹ điều khiển) sẽ được điều động di cứu mỗi khi các tàu tuần tra bị đánh. Các tàu tuần tra chạy bằng hai động cơ phản lực dưới nước có khả năng hoạt động ở trong sông nhỏ. Ở Rừng Sắt, tàu tuần tra hoạt động theo chương trình này thường xuyên theo nhóm nhỏ gồm tàu biệt kích của hải quân Mỹ và hải quân nguy gọi là các đội SEAL (trên biển, trên bộ, trên không), có thể vào lặn các luồng lạch...

Các tàu hộ tống, tàu quét mìn, giang thuyền nguy, giang thuyền Mỹ... đưa đến kết quả là vào những ngày căng thẳng có đến hàng trăm tàu xuống lớn nhỏ bu vào một khúc sông không đầy 50 kilômét.

Sau ngày 23 tháng 8 năm 1966, tàu rà, tàu tuần ngày đêm sẵn lòng vũ khí mới. Thực ra loại này không phải là lối thoát lâu dài trong trận đánh Rừng Sắt với bốn trái có duy nhất trong tay.

Trái thủy lôi sừng chạm thứ 3 được đưa ra sông Lòng Tàu. Tàu quét mìn phát hiện được. Dịch phân đoán « đây chính là bí mật, của trận đánh tàu Baton Rouge Victory ». Chúng dùng một tàu nhỏ đưa cả 7 nhân viên kỹ thuật đã từng xem xét hiện trường ngã ba Vàm Cống đến để vớt « vũ khí bí mật », nhưng do ý, cái sừng chạm bị gãy, khi chiếc tàu vừa lao tới. Cả bọn tan xác theo tàu. Trái K5 thứ tư lại được đưa ra sông lớn nhưng nó đã giạt vào quần cảng Nhà Bè. Dịch lấy được. Tại Nhà Bè, chúng nó đã tìm về một cuộc triển lãm « vũ khí mới bắt được của đặc công Rừng Sắt ».

Trong khi thủy lôi đường dây trên sông Lòng Tàu vẫn chưa tìm ra lối thoát, thì đầu năm 1967, tại sông Lát Giang, trong một trận đánh can, đồng chí Bạch, hạ sĩ đại đội 2, dùng trái thủy 30 kilô nhận chìm một chiếc tàu há mồm chở một đại đội Mỹ. Sự kiện này xác minh hiệu lực của thủy lôi tự tạo đánh bằng đường dây trên sông nhỏ, trong từng chiến trận, trong khi trên sông Lòng Tàu nó chỉ gây cản trở cho đối phương. Thủy lôi tự tạo tiếp tục đứng trên sông Lòng Tàu cùng với thủy lôi giả để tạo điều kiện cho pháo mang vác và những họng súng bắn tỉa phát huy sức mạnh. Trong hoàn cảnh đó, tháng 8 năm 1967 hai trung đội công binh nước phải chuyển nghề.

Cuối năm 1967, việc chống tàu rà trên sông Lòng Tàu tưởng chừng như giải quyết được khi ở sông Đồng Nai, một đơn vị công binh nước đã tìm ra được một sáng kiến mới. Ở đây chiến sĩ ta đã luôn dây điện vào ruột những đoạn thân cau rồi thả xuống sông, dụng cụ móc rà của tàu rà có đường kính nhỏ nên không móc được cây cau, thủy lôi hạ đúng đối tượng của nó. Nhưng thực tế trên sông Lòng Tàu lại trả lời: so với sông Đồng Nai, sông Lòng Tàu nước chảy mạnh hơn, đất dưới đáy sông cứng hơn nước, dụng cụ rà của địch ở đây lại có đường kính lớn hơn nên vẫn cắt được dây điện trong thân cau.



Pháo Rừng Sắt thời kỳ đánh Mỹ bắt đầu từ những khẩu B50 năm 1966, nó ra trận đầu cùng với những cây súng trường bá đở ở khu vực sông Giàn Nây, Chàng Hảng. Hơn tám năm trời sau đó, tầm cỡ súng không vượt quá những khẩu ĐKZ 75, cối 81, cái hiện đại không có gì hơn những trái ĐKB, H12 trong điều kiện phải dẫn đo từng viên một, từng mục tiêu một.

Trận đánh pháo đài ngày diễn ra trên sông Bà Nghĩa, Giàn Xay, Chàng Hăng ngay sau khi đặc khu Rừng Sát mới hình thành. Những khẩu ĐKZ 75, B50, trường bá độ đã bám được bờ sông lớn rộng rãi suốt nửa tháng chống chọi với cả giặc dưới nước, trên bộ và trên không. Các đồng chí chỉ huy là Sáu Tao, Mười Thà. Trận đánh trở thành một thử nghiệm về hiệu lực của pháo mang vác trên sông lớn và cũng là một phúc họa đầu tiên về pháo bám trụ. Thực tế cho biết trên dòng sông rộng trên dưới ngàn thước, các loại này khó làm chìm tàu lớn được, nhưng có thể gây nên những đám cháy lớn, có hiệu quả tiêu diệt đối với tàu chở xăng dầu, trong khi ở đây nó chính là đối tượng hàng đầu của chiến sĩ Rừng Sát. Trong quá trình tìm tòi cách phát huy sức mạnh có hạn của mình trên sông lớn, pháo đã gặp gỡ thủy lôi đường dây trong khi chính phương tiện này đang gặp nhiều cản trở. Từ thủy lôi thật cộng với pháo, đồng chí Hai Nhã đề nghị tăng thêm thủy lôi giả. Những trận địa thủy lôi khi thật, khi giả xen kẽ gây cản trở cho đối phương tạo điều kiện cho pháo bắn tỉa ngắm vào các mục tiêu họa tiêu, lái tàu, thùng xăng máy..., những nơi mà khi trúng đạn thì kẻ địch bắt đầu rối loạn. Khi đó, ngay đến cây súng trường bá độ cũng trở nên đáng sợ. Pháo đã gây được ám ảnh « tử thần trên sông Lòng Tàu » và quá trình tiêu hao đáng sợ đối với kẻ thù trên sông này.

Từ trận địa mặt sông, pháo Rừng Sát đã đặt chân lên bộ với một quả đấm hẹn giờ ở ngay giữa thành phố Sài Gòn. Chỉ 12 phát đạn ĐK nhưng tiếng vang của nó vượt xa ngoài biên giới.

Từ tháng chín năm 1966, các cơ quan tâm lý chiến Sài Gòn đã bắt đầu rùm beng về cái gọi là kỷ niệm « Quốc khánh nền đệ nhị cộng hòa 41-11 ». Trước khi

Thiệu, Kỳ đi gặp Giôn-Xơn để nhận chỉ thị ở « hội nghị thượng đỉnh Manila » tên trung tướng Nguyễn Vĩnh Lộc đã được giao nhiệm vụ đốc thúc bốn lĩnh và mọi ngành, mọi giới khẩn trương chuẩn bị cho ngày lễ lớn nhất, biểu thị đầy đủ « sự vững chắc của nền đệ nhị cộng hòa », « sức mạnh của quân đội cộng hòa và đồng minh » đồng thời « ăn mừng chiến thắng Astonbo ». Sự thật đây là một cuộc lễ trấn an. Trên sân khấu chính trị, hai con ngựa Kỳ, Thiệu đang bị ghép một chuồng dưới sức ép của chủ đề tạm dẹp qua cơn khủng hoảng đảo chính liên miên trong cuộc chạy đua giành đô la của bầy tay sai. Trên chiến trường, gần 2800 tên Mỹ nguy vừa bị loại khỏi vòng chiến ở ngay trên cửa ngõ tây bắc Sài Gòn trong trận càn Astonbo của gần một vạn lính nguy và 300 quân lính Mỹ. Trong nội đô thì các khách sạn Mỹ cho đến tổng nha nguy cứ lần lượt bị ấn bom của biệt động.

Lúc này, các tượng thánh tổ các binh chủng « quân lực Việt Nam Cộng Hòa » đã được nặn đắp công phu và nhất loạt khánh thành tại bến Bạch Đằng, chợ Bến Thành, đầu đường Gia Long, Chợ Lớn. Bên cạnh tượng Thánh Gióng, Trần Hưng Đạo... người ta còn thấy tượng « thánh Misen », một người đàn bà mặt xanh mũi lõ được tôn làm « tổ sư » của sư đoàn dù, đứa con cưng nhất của Thiệu.

Theo kế hoạch, hàng ngàn quân « đồng minh » cùng 21 tiểu đoàn Việt Nam Cộng Hòa mang phù hiệu mới, quân hàm mới trên mũ, trên vai sẽ tham gia một cuộc diễu hành lớn « chưa từng thấy » tại đại lộ Thống Nhất. Tham gia duyệt binh còn có các đoàn cơ giới tối tân và cuộc phi diễn oai phong của « thần sấm », « con ma », « phượng hoàng », « ong lửa »... đội ngũ cán bộ binh định, những người nhái, đoàn nữ binh và đội quân chó.

Gần cuối tháng 10, ở nhan nhản các phố Sài Gòn...
Chợ Lớn lại xuất hiện yết thị có hình đầu lâu :

YẾT THỊ CỦA TỔNG NHA CẢNH SÁT ĐÔ THÀNH SÀI GÒN

Kể từ tháng 9 năm 1966, nha cảnh sát đô thành
trần trọng thông báo treo thưởng 10.000 đồng cho
nhân viên nào bắt hay giết được một tên Việt Cộng
có võ trang để bảo vệ cho ngày quốc khánh 1
tháng 11.

Các quân nhân kẻ cả địa phương quân và nghĩa
quân ngoài giờ hành quân trong đơn vị, nếu bắt được
Việt Cộng đặc công trong thủ đô cũng lãnh giải thưởng
nói trên, cứ mỗi đầu giặc là 10.000 đồng.

Ngoài ra, với tư cách Ủy ban an ninh hỗn hợp Sài
Gòn — Gia Định, trung tá giám đốc cảnh sát đô thành
cũng lưu ý : đồng bào nào tự tay hạ sát hay chỉ cho cơ
quan an ninh bắt được Việt Cộng đặc công sẽ được
tặng thưởng từ 50.000 đến 100.000 đồng.

Sài Gòn, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Giám đốc cảnh sát quốc gia đô thành Sài Gòn
Trung tá Nguyễn Văn Luận

Giòn-Xon đã dặn dò hết các chuyện và chia tay
Thiệu, Kỳ ở Manila, xong vẫn cứ thấy như đứng đồng
lửa, ngồi đồng than trước tình hình miền Nam. Đến
ngày 28 tháng 10 năm 1966, tên tổng thống Mỹ phải bỏ
dở kế hoạch viếng thăm viện lúa gạo quốc tế Lót — Ba-
nốt và bất thần bay đến Cam Ranh để bị mặt gặp hai
tay sai đầu sỏ thêm hai giờ trước khi ra mắt chớp nhoáng
một đơn vị Mỹ, cũng tại Cam Ranh. Lần này, Giòn-xon

hứa tiếp tục tăng quân ở ạt và còn báo chỗ biết. Lần này phải tỏ rõ cho dân chúng Việt Nam biết sức mạnh của đồng minh ».

Gần đến ngày 1 tháng 11, một khán đài dài 40 mét cao 2 mét, 6 bậc thang do đoàn công binh « Việt Mỹ », thiết kế tại khu vực nhà thờ Đức Mẹ ở trung tâm Sài Gòn. Dịch dã cho canh gác khu vực lễ đài một tháng trước 1 tháng 11. Từ tối 31 tháng 10, tất cả các ngã xung quanh đều có chận các hàng rào dây kẽm gai. Cảnh sát nhung nhúc, cúi cùi trong tay. Cảnh sát chìm, mặt thắm lảng vảng khắp phố. Ở Thủ Đức, tiểu đoàn 30 biệt động quân nguy rải quân án ngữ trục lộ 33, tỏa ra lưng sục hai bên. Tất cả những giếng, gò định trên bản đồ bưng sáu xã đều có quân Mỹ đổ bộ bằng máy bay lên thẳng.

Cũng vào những ngày này, ở Rừng Sắt, một khẩu đội pháo do đồng chí Hai Nga chỉ huy và Nhật khẩu đội trưởng nhận nhiệm vụ phối hợp tác chiến với biệt động Sài Gòn « cho chúng một bài học nhớ đời về tính kiên cường và khoáng lạc ».

Suốt ngày 31 tháng 10, trinh sát mặt đất và trinh sát nhân dân nắm chắc tình hình hoạt động của địch trên đường hành quân từ Rừng Sắt ra trận địa.

Mặt trời lặn, địch trên đường 33 co lại, các chiến sĩ du kích Thủ Đức và một bộ phận tiểu đoàn Thủ Đức chốt ngay trên các ngã ba sông rạch, lộ, bao vây đồn bót.

Đồng chí Hai Nga, Nhật, sáu chiến sĩ Luyện, Linh, Chiến, Thành, Nga B, Đinh khần trương hành quân luồn qua hàng chục đồn bót trước đêm 31 tháng 10. Đêm đó, đồng chí Nam Bình chỉ huy biệt động ở Thủ Đức đã chỉ huy 12 chiến sĩ biệt động Thủ Đức đưa khẩu đội pháo an toàn đến vị trí chiến đấu. Qua quá

trình trình sát, đo đạc kỹ, đồng chí Tư Tùng, cán bộ biệt động Sài Gòn và đồng chí Nam Bình đã chọn một trận địa cách mục tiêu 5387 mét về phía đông bắc, từ nơi đó, nhìn thấy được tháp chuông nhà thờ Đức Mẹ. Đó là một nền nhà cũ nằm ngay trên bờ Rạch Vát, ấp An Phú, xã An Phú, quận Thủ Đức. Để chuẩn bị cho trận đánh, nhân dân ở đây đã mua ba ghe cát vào sẵn trong một ngàn cái bao để làm hệ bắn. Bao cát thì nhận lớp có nước ở phía dưới, ruột xe hơi đổ ở trên, trận địa chỉ cách lộ 33 có hai trăm mét và không xa xa lộ Sài Gòn Biên Hòa, xung quanh là những bụi tràm bầu, những cây bình bát, hai bên bờ kênh là dừa nước lòa xòa trên mặt nước. Điều bất ngờ chính ở chỗ nó quá gần địch.

Trận đánh này còn một mũi thứ hai do một khẩu đội ĐKZ 75 của tiểu đoàn 6 bộ đội địa phương Bình Tân đảm nhận. Trận địa đặt trong khu vực Nhà Bè. Theo hợp đồng, mũi này sẽ nổ súng lúc buổi lễ khai mạc. Trận địa Thủ Đức nổ súng lúc chúng nó bắt đầu duyệt binh.

Mọi việc đã hoàn tất trước khi mặt trời ló dạng. Bọn tiểu đoàn 30 biệt động quân nguy vẫn bung ra ăn ngử đường 33 như thường lệ. Lực lượng địa phương và du kích ém sát đường, theo dõi hành động của chúng.

Trên trận địa Thủ Đức bên nòng pháo đã sẵn sàng, các chiến sĩ yên lặng và trang trọng tiếp nhận lời đồng chí Hai Nga :

— Từ lúc ra đi, các đồng chí vẫn chưa biết rõ ràng sẽ đánh ở đâu, bây giờ thì mục tiêu đã nhìn thấy nhưng có thể các đồng chí chưa hình dung nổi tầm cỡ tiếng nổ của chúng ta, -- một quả dấm chính trị mà sức mạnh của nó chưa lường hết được. Cả nước đang chờ tiếng nổ đúng lúc nhất, đúng chỗ nhất. Vì lẽ đó

chúng ta đang đứng nơi đây dù biết rõ đây là giữa vòng vây quân thù... Giờ hành động sắp đến rồi, anh em ta sống chết có nhau, còn người còn đánh, đánh đến hơi thở cuối cùng!

Không có tiếng vỗ tay, không có lời đáp, chỉ có ánh mắt rực lửa và nòng súng đang hướng về kẻ thù.

6 giờ 30 phút (giờ Sài Gòn), đài phát thanh Sài Gòn bắt đầu tường thuật tại chỗ. Một giọng nữ kỳ kỳ từng tiếng, xưng từng tên « quý quan khách ». Không vắng mặt tên đầu sỏ nào từ Cabottlot, Oétmolen đến Thiệu, Kỳ, Hương. Tên Kỳ với cương vị « Chủ tịch ủy ban hành pháp trung ương đọc diễn văn » đứng vào lúc hẳn đang trình trọng: « Hỡi... hỡi... thưa thưa...!!... » trận địa Nhà Bè của tiểu đoàn 6 Bình Tân bắt đầu rung lên, 12 phát đạn lần lượt lao vút về phía lễ đài nguy. Lập tức pháo địch dồn dập bắn trả. Chỉ 15 phút sau, bốn máy bay lên thẳng vô trang đã xuất hiện. Bốn tiểu đoàn thủy quân lục chiến nguy ra tay ở phía Nhà Bè.

Phản ứng của địch lan về phía Thủ Đức. 7 giờ 15 phút, 5 máy bay lên thẳng đến dọn bãi đồ 40 tên lính Mỹ xuống gò đất sau lưng trận địa pháo ta có 150 mét. Chúng nó nằm một chỗ bắn liên hồi. Pháo địch bắn rải khắp vùng bưng 6 xã. 4 máy bay lên thẳng vô trang đến quần thấp. Chiến sĩ ta phải níu chặt cành cây bình bát, tàu dừa nước để che khẩu pháo. Đài phát thanh nguy vẫn tường thuật như không có chuyện gì. 7 giờ 20 phút tên Nguyễn Vĩnh Lộc lên tiếng, cuộc điều binh bắt đầu. Lập tức đồng chí Tư Tăng phát lệnh qua máy PRC 25. Đồng chí Hai Nga ra âm hiệu nổ súng. Trên trận địa bị kẹp chặt giữa 40 tên lính Mỹ và tiểu đoàn nguy, trong vòng 5 phút, 12 phát đạn lại lần lượt lao vút khỏi nòng pháo. Tiếng nổ của

pháo chen lẫn trong tiếng nổ của 6 trận địa bộc phá nghi binh của các chiến sĩ du kích, pháo địch dồn dập trút xuống vùng bưng 6 xã Bộ đội địa phương và du kích kèm sát 40 tên Mỹ và liên đoàn nguy hiểm cho chúng không xê dịch được. Một tổ du kích hành quân kéo địch về hướng Thủ Thiêm. Trong cảnh hoảng loạn, bọn bảo an và biệt động nguy hại nã súng vào nhau, một số tên đã tử vong.

Các pháo thủ ta nhìn thấy khói bốc ngay trên nóc chuông nhà thờ Đức Mẹ. Lúc này tình mạng cần hơn «thề diện quốc gia». Bọn đầu sỏ Mỹ nguy nằm soài ngay dưới sập. Trên bàn chủ tịch cả Thiệu, Hương đều thụt đầu lục cục dưới bục. Bên phía «quý khách»: Caiótlót, đại sứ Úc, Tàn Tây Lan... đều lồm ngồm bỏ. Chủ khách xô lẫn nhau. Riêng Oétmôlen không biết đã biến đi từ lúc nào. Đài quan sát bí mật của biệt động Sài Gòn nhìn thấy rõ: một trái đạn trúng ngay cột ăng ten trên nóc nhà thờ, một trái rớt trúng ngay đầu hàng quân danh dự của quân lực Hoa Kỳ. Tên đại tá hải quân Mỹ Edorixor Risot vật vã trên vũng máu. Trong khi đài Sài Gòn vẫn tưởng thuật «dùng văn bản định trước» thì tại hiện trường tên trung tướng Vĩnh Lộc hét lên: «Tất cả đứng yên tại chỗ, xin đừng lộn xộn». Mặc hănla, khối nữ binh co chân chạy trước, đoàn biểu tình tan rã như kiến vỡ tổ. Tên Nguyễn Ngọc Loan giám đốc sở cảnh sát quốc gia, mặc bộ đồ cảnh sát dã chiến, đích thân ra dẹp loạn trên đường Thống Nhất (tức đường 30 tháng 4 ngày nay). Theo đường này, một chiếc M113 lao vào lễ đài vực ngài đại sứ Mỹ đi chạy trốn.

Hết tiếng nổ, tên Nguyễn Cao Kỳ lại xuất hiện trên lễ đài. Mọi người thấy mặt tên «tướng gà chọi» tái hăn, có lẽ vì giận hơn là vì sợ. Đáng lẽ phải tuyên bố một cái gì thì hăn bật thành tiếng rủa.

Sàn bay Tân Sơn Nhất được lệnh khẩn cấp. Máy bay phản lực trình sát L19, lên thẳng võ trang bay loạn xạ trên bầu trời Sài Gòn. Dưới đất bọn cảnh sát, mặt vu, sức sạo hết các nhà, các tầng khả nghi, trèo lên cả nóc chuông nhà thờ. Trên quân cảng, các tàu xuồng chiến đấu được lệnh xuất kích. Chúng tập trung về hướng Thủ Thiêm, Nhơn Trạch, Nhà Bè.

Mười hai chiến sĩ biệt động Thủ Đức bảo vệ khẩu đội pháo cầm tử nhanh chóng thay vào quần áo của những người đi bắt cua, lấy củi ở Rừng Sát. Sau 12 tiếng nổ, họ xuống ba chiếc xuồng, lao về đêm hện. Đồng chí Nam Bình gặp lại làm pháo thủ Rừng Sát trong một đám dừa nước. Đồng chí cho biết, trong lúc đám khói chưa tan trên trận địa, có một chiếc xe Jeep phanh kít trên đường, có thể chúng nó đã nhìn thấy... những đo hoảng loạn, lúng lúng vì hoạt động của du kích nên phản ứng tràn lan. Ngày 2 tháng 11 máy bay lên thẳng mới đổ quân ngay trận địa. Một cánh quân khác gồm hai tiểu đoàn đã đổ xuống ấp Gốc Tre Lớn, ấp Lò Lu xã Phong Phú quận Thủ Đức, chặn đứng đường rút của chiến sĩ ta. 12 chiến sĩ biệt động khiêng xuồng qua ấp Gốc Tre Bè. Khiêng xong trời đã tối. Trăng mờ, xuồng thả trôi qua cầu sắt, rẽ vào Nước Trong rồi ghé bến Phú Hội. Tối hôm đó, cả khẩu đội luồn về nhà má Tư ấp Một xã Phú Hội, quận Nhơn Trạch. Sáng hôm sau lại có hiện tượng địch sắp đánh tới, phải rời nhà má Tư vào căn cứ quận Nhơn Trạch rồi tiếp tục hành quân.

Đường về Rạch Tràm còn xa. Rời nhà má Tư đã một ngày một đêm mà cuộc truy lùng của địch vẫn còn dang cũng. Lúc bấy giờ có một chiếc xuồng máy của một đôi vợ chồng đang chạy, một trái cối rớt trước xuồng, người chồng bị thương. Người vợ xé vạt áo băng cho chồng rồi tạm nép xuồng vô bờ. Không ngờ

xuống ghè tròng chỗ các chiến sĩ ta đang đứng ở đó. Người vợ biến sắc vì không hiểu biết kìa nguy hại là ta. Đồng chí Hai Nga bước xuống xem vết thương của người bị nạn : một mảnh đạn cỡi phang vào đùi xuyết nửa tròng xương. Các chiến sĩ xúm lại băng bó. Người vợ đã lấy lại bình tĩnh hỏi :

— Có phải hôm qua các chú ở nhà mà Tư không ?

Người chồng nhanh nhẩu trả lời thay các chiến sĩ :

— Thấy người đã biết, bà còn phải hỏi, bà không nghe thằng Thiệu thằng Kỳ, thằng Lốt bỏ càn, bỏ niềng ra ở nhà thờ Đức Mẹ đó à !

Các chiến sĩ nháy nhau cười mỉm :

— Mọi hết thấy các chú xuống đây, tôi sẽ đưa các chú về Rạch Tràm.

Hai tiếng Rạch Tràm chứng tỏ bà vợ cũng hiểu biết chẳng kém gì người chồng.

Qua mấy ngày băng lầy, bơi sông quá mệt, các chiến sĩ lặng yên chờ ý kiến Hai Nga. Câu trả lời của Hai Nga làm cho cả chủ lẫn khách đều trở nên hồ hởi :

— Dạ thim giúp được xin cảm ơn !

Ở Rừng Sát, chiến sĩ ta vẫn thường gặp những người không quen biết mà « tự nhiên nhập cuộc » như vậy. Chỉ cần có một điều : họ biết đó là chiến sĩ giải phóng.

Trước khi chia tay, người vợ cố nhét vào hông các chiến sĩ một gói giấy to, tròn :

— Dưa hấu sớm, biếu các chú ăn mừng chiến thắng, cầu trời cho mau độc lập để các chú đỡ vất vả !

Trên bờ, dưới kênh, những cánh tay giơ cao vẫy cho đến khi hai bên không còn thấy nhau nữa.

Đêm 7 tháng 11 là một đêm vui của Rừng Sắt sau một cuộc hành trình 9 ngày của tám chiến sĩ pháo cảm tử. Kẻ ở người về ôm chầm lấy nhau. Không có lửa trại, không có tiếng hát, tiếng vỗ tay, chỉ có ánh đèn mờ trên nhà sàn, nhưng có đưa hẫu và tin chiến thắng. Có lẽ người mừng nhất là đồng chí Hai Nhã, đồng chí cho biết, tiếng nổ đã vang dội trên thế giới. Các đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, đài phát thanh giải phóng, buổi phát thanh quân đội nhân dân Việt Nam, hai ngày 2 và 3 tháng 11 năm 1966 đều ca ngợi nhiệt liệt trận đánh 1 tháng 11 của quân giải phóng Sài Gòn Gia Định : « Một quả dăm kỳ diệu » « chiến công oanh liệt », « chuyển được đại bác vào Sài Gòn », « tải xuất quỹ nhập thần của các chiến sĩ võ trang Sài Gòn Gia Định »... Các hãng thông tin phương tây thừa nhận : « ... Lúc 6 giờ 30 sáng (giờ Sài Gòn) đợt súng đầu tiên đã rơi vào khu vực làm lễ kỷ niệm quốc khánh của Việt Nam Cộng Hòa... hàng ngàn quân lính hoang mang, cuống cuống bỏ chạy... sau đó khoảng tám giờ 30 phút, đại bác 75 milimét lại nã vào khu vực đang diễn binh, nhiều nhà lãnh đạo Mỹ, Việt Nam Cộng Hòa sợ quá, trốn cúi xuống bọc lễ đài ».

Phòng viên hãng AFP nhận xét : « Đường đạn đại bác đã bắn rất chính xác trong chu vi đường kính 300 mét thuộc khu diễn binh ». Cũng AFP : « Đây là một đòn lớn đánh vào các kế hoạch của chính phủ định phổ trương ở thành phố » (chính phủ nguy quyền), « cuộc pháo kích đã gây ra những cảnh hoảng sợ khủng khiếp và chứng tỏ rằng Việt Cộng đã có thể mang vũ khí nặng vào thủ đô Nam Việt Nam ».

Báo chí Sài Gòn cho biết rằng : từ lúc xảy ra trận pháo kích cho đến mấy ngày sau đó, những người cầm đầu chính phủ Việt Nam và ngài đại sứ Hoa Kỳ

Cabotlốt, thống tướng Oétmôlen không dám gặp nhau. Họ muốn tránh gặp nhau và tránh tất cả. Hình như cả hai bên đều xấu hổ, ngưng ngưng bởi những biện pháp an ninh mà họ nói là sẽ đặc biệt hữu hiệu đã trở thành vô hiệu.

Hơn 10 năm sau, ngồi nhớ lại và suy nghĩ về chiến tranh Việt Nam, Oétmôlen không quên kỷ niệm chua cay này : (1-11-1966) Việt Cộng đã bắn 14 loạt đạn súng không giật trong buổi lễ diễu hành, đủ để nhắc nhở mọi người là còn phải tiếp tục chiến tranh». «Mọi người» ở đây, tất nhiên trước hết Oétmôlen ám chỉ nhà trắng, đến lâu năm góc rồi «lâu năm góc phương đông», những nơi mà trước đó vài năm còn tin vào kế hoạch bình định miền Nam mười tám tháng của Stalay-Taylor, kế hoạch hai năm của Giônson — Mac Namara và cho đến bây giờ vẫn tưởng cứ tăng quân ở at thì chiến tranh sẽ sớm kết thúc trong tiếng kèn thắng trận.

Với chiến công này, hai khẩu đội pháo cầm tử, khẩu đội ĐKZ 75 của tiểu đoàn 6 bộ đội địa phương Bình Tân và khẩu đội ĐKZ 75 của đoàn 10 Rừng Sắt được thưởng huân chương chiến công hạng nhất, mỗi pháo thủ được thưởng huân chương chiến công hạng ba.

Quả dấm pháo hẹn giờ ngày 1 tháng 11 năm 1966 đã cho hình ảnh về pháo luồn sâu trong trận đánh Rừng Sắt. Từ đó, những kho tàng, bến cảng đông nam Sài Gòn trở thành mục tiêu của B10, ĐKZ 75, cối 81 của chiến sĩ đoàn 10. Ngày 13 và sau đó ngày 15 tháng 8 năm 1967, kho Shell Nhà Bè bị trúng đạn, trên một triệu lít xăng bị thiêu hủy.

Bắn tru luân sâu là quá trình chạy đua với giặc về thủ đoạn. Trên sông Lòng Tàu, pháo từ phục kích,

đào hầm bí mật đến vận động theo thời cơ. Hầm bí mật được phủ bằng những cây lá vớt được trên sông, chiến sĩ tốc lên bần vào chiếc tàu giặc, lập tức họ trở thành mục tiêu tập trung của tàu hộ tống, máy bay lên thẳng và không loại trừ một cuộc bao vây.

Năm 1966 một lần thất cũng là một bài học xương máu còn ghi lại trong lịch sử Rừng Sắt : trên 30 chiến sĩ đại đội 3 hy sinh trên chốt củ lao sông Lôi Giang.

Tại đây một tàu giặc đã bị bắn cháy, nhưng trận địa là một củ lao hoàn toàn bị cô lập. Sau tiếng nổ, địch gọi một đàn máy bay lên thẳng đến vây chặt củ lao suốt một giờ liền. Tiếp đó là một cuộc đổ bộ đường không ở ạt, từ sau lưng ta đánh tới.

Với lực lượng không cân sức, chiến sĩ ta đã hy sinh nhiều nhưng không còn cách nào khác, phải đánh, quyết tử mà đánh vì đây là yết hầu của một cuộc chiến tranh tội ác. Khi địch đã dọn trắng bờ sông, những trận đánh tàu lại càng gay go hơn. Mỗi lần nổ súng chiến sĩ ta không còn có gì chống đỡ được ngoài cái nhanh nhẹn và chính xác. Nhắm vào lúc bọn hộ tống chưa tới hoặc nó vừa đi qua, anh em ta từ mép rừng xa vác súng chạy ra... tấn công chớp nhoáng, rút lui quyết liệt, nhưng cũng không rút xa được vì đây là củ lao. Pháo thủ ta thường bị vây cả bằng pháo mặt đất và máy bay lên thẳng. Cùng với quá trình đặc công hóa pháo luôn sâu lên đất liền, đây là quá trình đặc công hóa pháo đánh trên những dòng sông « Đặc công hóa pháo thủ, pháo thủ hóa đặc công » vừa là một yêu cầu đề tồn tại vừa là để làm nên sức mạnh của pháo mang vác đang đứng ở một chiến khu trên mặt nước.

Trong cuộc chiến đấu ở Rừng Sắt, một vấn đề luôn luôn can thiệp và chi phối mọi suy nghĩ và hành động : chúng ta ở ngay phía sau và sát đầu

nhào đối phương, vừa ở trong vòng vây vừa cải răng lược với chúng nó. Chiến khu trải qua bao năm tháng cơm lo từng bữa, đạn súng dần do từng trận. Trong khi đó đối phương có khả năng sau một tiếng nổ hình thành ngay một trận bao vây, ít nhất cũng bằng máy bay lên thẳng. Nhưng có thể nói không gì đánh đổi được bản thân sự tồn tại một chiến khu như vậy. Một đối thủ áp sau lưng là đối thủ nguy hiểm, nhưng đối thủ đó phải có cách đánh của người áp sau lưng.

Thế nào là đòn sau lưng? Đó chính là câu hỏi của Rừng Sắt. Quá trình chiến đấu đã cho thấy thủy lôi tự tạo không phải là một đáp số. Pháo đặc công đã tự khẳng định là một mũi tấn công lợi hại, nhưng không thể giải quyết được nhiều yêu cầu rất lớn của chiến trường. Lịch sử đã đi qua trận đánh tàu Card ngày 2 tháng 5 năm 1961 của biệt động Sài Gòn. Trong khi đó Rừng Sắt đang trong quá trình đặc công hóa toàn bộ trận đánh và đang đứng trước những quân cảng, những kho tàng lớn nhất của đối phương. Lịch sử và hoàn cảnh đã tự khẳng định giải đáp cho chặng đường bước tiếp của chiến khu này.

Cùng với việc đặc công hóa pháo thủ, đặc công hóa hai trung đội công binh nước đánh thủy lôi đường dây, tháng 6 năm 1967, một đơn vị đặc công nước gồm 59 chiến sĩ do đại đội trưởng Năm Loan chỉ huy đã đến Rừng Sắt sau bảy tháng vượt Trường Sơn. Đó là đại đội 5.

Lúc này bảy cảng quân sự ở sông Sài Gòn đã thật sự thay thế cảng Sài Gòn về mặt tiếp nhận hàng quân sự. Quân cảng và kho Nhà Bè trở thành nơi tiếp nhận và tàng trữ xăng dầu lớn nhất ở miền Nam Việt Nam. Ở đây có thể cùng một lúc có từ 6 đến 8

tàu trên dưới 10 ngàn tấn đậu tại cảng. Cảng và kho Thành Tuy Hạ, Cát Lái là nơi nhận và tàng trữ một khối lượng khổng lồ phương tiện chiến tranh. Phía nam sông Lòng Tàu lại có cảng và kho Rạch Dừa là nơi tiếp nhận và tàng trữ hàng quân sự. Mục tiêu hàng đầu của trận đánh ở Rừng Sát bấy giờ không chỉ là sông Lòng Tàu mà còn kho tàng và quân cảng.

Trận tổng công kích Mậu Thân sắp bùng nổ lúc chiến sĩ đại đội 5 chưa dứt sốt rét Trường Sơn. Anh em viết đơn tình nguyện xin được ôm chặt nổ vào quân cảng, áp mạn tàu giặc. Một « Bài ca ra trận » ra đời :

*Lương khô, cơm nắm, gạo rang lên đường,
Lòng căm thù giặc sâu sắc, quyết nhận chìm tàu
vạn tấn trên đường sông A.*

Ba người được chọn đi đột phá quân cảng là Bùi Hữu Loan, Trịnh Xuân Bằng, Nguyễn Văn Hưởng và do Bùi Hữu Loan chỉ huy.

Quân cảng Nhà Bè đang ở trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu sau trận đánh của đơn vị bạn năm 1965 và những hoạt động mới của ta. Ngoài hải quân nguy, ở đây vừa được tăng cường hải quân Mỹ. Đêm 25 tháng 12 năm 1967, sau ba ngày đêm vật lộn với sông nước, ba chiến sĩ đã lọt được vào quân cảng, áp trái vào mạn tàu 10 ngàn tấn. Khối nổ 100 kilô đã làm nứt dòi và nhận chìm chiếc tàu.

Tiếng nổ này đã mở màn « chiến dịch Card » ở Rừng Sát. Đại đội 5 trở thành đơn vị đột phá quân cảng của đoàn 10. Trận đánh đã làm xuất hiện một chiến sĩ có bản lĩnh chiến đấu ngoan cường, táo bạo đã bắt đầu quá trình trở thành anh hùng: Trịnh Xuân Bằng.

Lệnh tổng công kích Mậu Thân đã phát trong khi về hỏa lực trong tay đoàn 10 còn có 14 trái đạn B41, 12 trái DKZ. Các trận đánh pháo phải bắt đầu bằng việc vận chuyển từ bên kia đường 15.

Một lần nữa, thủy lôi đường dây lại tìm đường ra trận trên sông Lòng Tàu. Những khối thuốc nổ 30 kilô, 100 kilô, 500 kilô, đã được kéo ra bờ sông và bố trí theo yêu cầu kỹ thuật. Lại có hàng loạt lá đơn thỉnh nguyện dùng xuống máy chở thuốc nổ, cầm chắc tay lái lao thẳng vào tàu giặc. Nhưng các đồng chí công binh nước đứng ra xin thay thế bằng một cách khác. Lần này anh em tìm những thân cau thật to để luôn dây điện, đồng thời chọn người lặn thật giỏi để lặn xuống đáy sông đào đất chôn dây. Trên bờ, các trận địa B40, B41 đặt cả hai bên sông để đánh tàu ra. Nhưng lần thử nghiệm cuối cùng này lại không đưa đến kết quả. Số lượng người lặn, B40, B41 không đủ sức không chế một dòng sông rộng gần một kilômét trong khi địch trôi hơn hẳn về số lượng lẫn kỹ thuật.

Pháo Rừng Sắt vào mùa tổng công kích vừa vận chuyển vừa đánh thọc sâu. Các quân cảng, kho tàng quân sự Nhà Bè, Cát Lái, Thành Tuy Hạ lần lượt trúng đòn. Ngày 23 tháng 1 năm 1968, kho xăng Nhà Bè bị cháy lớn. Ngày 14 tháng 2 chiếc tàu Roasis 10 ngàn tấn bị bắn cháy trên sông Lòng Tàu.

Đêm 17 tháng 3 năm 1968, pháo đặc công đại đội 2 áp sát ba chiếc tàu hàng quân sự đang đậu tại cảng Cát Lái. Pháo thủ nhìn thấy rõ tên chúng : Efflo, Tourit, Anava US. Cả ba chiếc đều bị trúng đạn và bốc cháy. Nửa tháng sau cảng này không hoạt động được trong lúc kho Cát Lái tiếp tục bị pháo kích.

Ngày 26 tháng 7 năm 1968, ta phá vỡ kích vị trí pháo binh Mỹ trong quận 8 Sài Gòn và kho xăng Esso làm cháy 40 ngàn lít.

Một đại đội đánh pháo giới đã xuất hiện từ năm 1967 với chiến công bắn cháy tàu tám ngàn tấn trên sông Lôi Giang và lại nổi tiếng trận tháng tư năm 1968 với quả dấm phủ dầu một trận đồ chụp của 3 chiếc tàu LCM của lữ đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ 199. Đó là đại đội 2. Dịch phát hiện một sở chỉ huy của đặc khu Bình Sát trên sông Ông Kèo, và định dùng một đại đội đánh tiêu diệt. Ba chiếc tàu LCM xuất hiện vào lúc chín giờ đêm có ý định bắt thần đánh úp khi nước lớn. Tại sở chỉ huy có mặt đồng chí Lê Bá Ước, phó chính ủy kiêm chủ nhiệm chính trị đoàn 10. Đồng chí quyết định hành động trước vừa tranh chấp thời gian với địch và tranh thủ thời cơ dòng nước còn đang ở mức thấp. Nhưng tình hình đạn và pháo lúc này bảo rằng chỉ cần vài phát không trúng là phải « chôn súng ». Đồng chí cùng một chiến sĩ ngồi xuống đến tận đơn vị điều động súng và chỉ thị mục tiêu. ĐK áp sát, bắn phát nào trúng phát ấy. Hoàn tàu vừa chìm vừa cháy tại chỗ. Gần một đại đội Mỹ bị chìm xuống sông trước khi hành động.

Trên sông Lòng Tàu ngày 19 tháng 5 năm 1968, kỷ niệm lần thứ 69 ngày sinh nhật Bác, một trận đánh lịch sử đã diễn ra trên một đoạn sông dài 3 km giữa Độ Hòa và Rạch Bàng. Trận này có sự phối hợp chỉ huy của các đồng chí Hai Diệp, đại đội trưởng đại đội 2, đồng chí Tư Thế, đại đội trưởng trinh sát, và một đồng chí cán bộ đại đội đoàn pháo 74 của phân khu 4. Bốn trái ĐKB đã được thay đầu đạn bằng khối thuốc nổ 100 kilô lần đầu xuất hiện trên sông. Trong vòng 30 phút chiến đấu, đại đội 2 bắn cháy một tàu dầu 10

ngàn tấn và bắn chìm một tàu hàng (quần sự 7 ngàn tấn. Loại đạn ĐKB cũng thuộc nỗ này sau tiếp tục hạ một đoàn tàu LCM và một tàu dầu 7 ngàn tấn trên đoạn sông ngũ ba Đồng Tranh Phước Khánh.



Mùa hè năm 1968 địch bắt đầu phản kích quyết liệt. Đặc công Rừng Sát mất đối mặt quân Mỹ ngay trong hậu cứ. Sau trận ngày 19 tháng 5 trên sông Lòng Tàu, địch bắt đầu mở trận cao lớn vào sông Ông Kèo với vai trò chủ công là lực đoàn 199 lính thủy đánh bộ Mỹ.

Từ các trận càn lên cù lao Ba Do, lịch Trận năm 1966, đây là trận càn vào hàng lớn nhất Rừng Sát và là một điển hình về sự huy động sức mạnh theo kiểu Mỹ trên một trận địa không lớn. Địch khoác lác : « Dùng B52 bừa, sau đó cử một bộ phận 3 binh Việt Mỹ không mang theo vũ khí mà mang đồ tay vào sông Ông Kèo để ghi thành tích ». Nhưng trận đánh đã không kết thúc sớm sủa trong tiếng kẻ thắng trận như ý muốn của chúng mà phải kéo dài tới 40 ngày liền với 4 đợt huy động sức mạnh ngày càng lớn, mở rộng khắp vùng đông bắc Rừng Sát. Ngày 24 tháng 6 năm 1966 trận phản kích quyết định số phận của toàn bộ trận càn dài ngày, lực đoàn 199 nếm âm đòn đau nhất ở Rừng Sát.

Cuộc dọn bãi đã bắt đầu từ 4 giờ sáng ngày 24 tháng 6 năm 1969 với tất cả sức mạnh thừa thãi của B52 và pháo binh. Hơn một giờ liền B52 rồi đến pháo bầy nối tiếp nhau bắn vằm mịt đất vùng sông Ông Kèo và rải rác khắp Rừng Sát.

Xem cách hành động dọn bãi của nó, các đồng chí chỉ huy đại đội 1 và đại đội 2 đã thấy trước một cuộc đổ sức quyết liệt sẽ diễn ra ngay trên chỗ đứng chân. Trong lúc pháo địch đang nổ các phân đội nhanh chóng chiếm lĩnh vị trí chiến đấu theo hiệp đồng. Các tổ B40, B41, ĐKZ do đồng chí Năm Thạch, chính trị viên đại đội 1 chỉ huy được bố trí hai bên sông Ông Kèo, đón địch từ sông Lòng Tàu vào. Tại cửa sông đồng chí Trần Văn An chỉ huy một tổ đánh mìn khóa đuôi. Phía bắc đồng chí Tư Hương đại đội trưởng đại đội 2 chỉ huy lực lượng đánh bộ binh từ hướng đường 15 vào.

Mờ sáng, trên trận địa sông Ông Kèo đã bị B52 và pháo bảy năm văm, bốn máy bay lên thẳng vô trung lại tiếp tục chà xát một lần nữa. Ngay từ loạt đầu, đồng chí Yên đã ngã xuống bờ công sự tại ngã ba sông Ông Kèo. Tổ khóa đuôi mất một tay súng.

Địch đã vào đúng như dự đoán. Phía bắc, một tiểu đoàn nguy hiểm qua ấp Soài Minh tiến về sông Ông Kèo. Phía tây nam, hai tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ trên mười hai chiếc tàu há mồm LCM từ sông Lòng Tàu lần lượt rẽ vào sông Ông Kèo.

Bên đồng đội hy sinh, An nắm chắc cái công tắc đèn ngoéo nổi ra quả mìn đặt ở cửa sông, chờ đủ 11 chiếc tàu đi qua. Chiếc thứ 12 vừa vào đúng trận địa, An bấm công tắc. Hai quả mìn cùng nổ một lúc. Chiếc tàu thứ 12 bị quán tính cộng với sức nổ xô về phía trước, cùng vào chiếc thứ 11. Cả hai chiếc cùng xuống đáy sông. 10 chiếc còn lại đi trước không quay đầu lại được, chỉ còn cách sống chết lao tới, càng lao càng sâu vào tử địa.

Trận địa của đồng chí Năm Thạch bùng lên một hơi lửa vây chặt 10 chiếc tàu. Bảy tàu há mồm lần lượt bốc cháy.

Trong lúc đó, trên trận địa đại đội 2, bộ binh nguy đông gấp bội đã tràn qua được trận địa. Đánh nhau quyết liệt từ 12 giờ đến 15 giờ. Ta tổn thất khá nặng. Một số chiến sĩ đại đội 1 chạy sang chi viện. Máy bay lên thẳng rần rồ kéo tới bao vây trận địa đồng chí Năm Thạch. Trong khi đó, một chiếc tàu « khả nghi » lờn vờn ngoài cửa sông. Một tổ B41 gồm Hai Phần trung đội phó, Chín Bà, Sáu Môm, Dới và Ki với 2 B41, 2AK được lệnh xuất kích tiêu diệt chiếc tàu này. Các chiến sĩ vượt qua lưới lửa máy bay lên thẳng và địch mặt đất, len theo mép nước tiến ra cửa sông. Sáu đang rẽ B41 theo chiếc tàu « khả nghi » để lấy đường ngầm bỗng nghe tay Bà cào nhẹ vào gáy :

— Kia, kia !

Bà vừa nói vừa ra dấu chỉ điểm một mục tiêu trên không : một chiếc máy bay lên thẳng khác hẳn những chiếc máy bay lên thẳng khác, sơn màu trắng đang lơ lửng chững lại. Sau một hồi lâu đứng nguyên tại chỗ nó từ từ hạ xuống chiếc tàu « khả nghi » đang đậu ở cửa sông. Đường ngầm B41 của đồng chí Sáu lại theo đuôi chiếc máy bay. Cái cẳng của nó vừa chạm boong tàu, Sáu siết cò, lấp đạn bởi tiếp. Cùng lúc đó, Bà lại dành cho nó một băng AK. Chiếc máy bay lên thẳng lật nghiêng, méo mó trên boong tàu. Đai chỉ huy bị cánh quạt đập bung ra từng mảnh. Từ trên máy bay có một tên giặc văng ra boong tàu nằm bất động. Sau này mới biết qua đài tiếng nói Hoa Kỳ, đó chính là tên tướng hai sao Đêvít lữ trưởng lữ 199. Theo các phóng viên Mỹ, hắn bị gãy cột sống.

Cuộc bao vây tiêu diệt đối phương bảy giờ chuyển sang trọng tâm cứu tàu chỉ huy và tên tướng Đêvít. Từng đàn phản lực rầm rầm kéo tới trút bom xuống Rừng Sắt. Một đoàn tàu tuần tiễu và chiến hạm quây chặt lấy ngã ba sông Ông Kèo. Chiếc tàu chỉ huy phải

nhờ một tàu kéo đê ngược nước về Sài Gòn. Trên boong tàu vẫn còn chiếc máy bay lên thẳng nằm méo mó. Tên tướng Devil được lên một máy bay lên thẳng khác để đi cấp cứu trước khi được đưa về Mỹ. Toàn bộ trận đánh chấm dứt lúc 18 giờ.

Sau 40 ngày đánh vào sông Ông Kèo, lữ đoàn 199 lính thủy đánh bộ Mỹ phải ôm đầu máu với 30 chiếc tàu bị bắn cháy và chìm, gần 100 tên lính Mỹ chết chìm và chết cháy.

Cũng cần lưu ý : số phận những tên chỉ huy là 199 lính thủy đánh bộ Mỹ thật « không may ». Sau vụ Devil bị gãy cột sống, ngày 20 tháng 4 năm 1970, tên Cyliaun Bon, tướng hai sao tư lệnh lữ 199 lính thủy đánh bộ Mỹ lại bị bắn chết tại tỉnh Bình Tây.

Những đợt phản kích quyết liệt của địch vào miền bắc năm 1968 không ngăn được những trận đòn đau vẫn tiếp tục giáng từ phía đông nam.

Tháng 8 năm 1968, theo chỉ thị của bộ chỉ huy B2, Rừng Sát phải giáng một đòn sọ não từ hướng đông nam giáng tới. Lần này ĐKB lại được chọn đối tượng xứng đáng nhất : dinh Độc Lập và tòa đại sứ Mỹ. 2.5 lữ đoàn phải vác từ bên kia đường 15 vượt qua tuyến ngăn chặn của các đơn vị Mỹ, Úc và ngụy. Qua đường 15, đồng chí phó chính ủy kiêm chủ nhiệm chính trị Lê Bá Ước, người chỉ huy trực tiếp trận đánh, ngồi trên chiếc xuồng trinh sát, vạch đường luồng qua các chốt chặn hải quân Mỹ. Sau khi được vác bộ qua đường 15, đơn vị xuống xuống rồi lại xuống hẳn dưới nước, 14 chuyến hàng ĐKB, với sức kéo của chiến sĩ đại đội 3 ngược dòng nước chảy xiết, hướng về Sài Gòn.

Sau trận đòn 1 tháng 11 năm 1966, tên Nguyễn Cao Kỳ cạy cò cầm cái compa lấy dinh Độc Lập làm

tầm, vạch một vòng tròn trên bản đồ bá kinh ứng với 15 mét trên thực địa, hung hồ tuyên bố **Đây là cái vòng tròn an toàn, cái vòng tròn không có pháo cộng sản»** Để đảm bảo cho lời tuyên bố, tên kỳ biến Sài Gòn thành trại canh sát, trại lính khố rỗng. Nhưng không đợi đến xuân 1968, hẳn đã bị biệt động Sài Gòn đâm vào mồm. Giờ đây những trái ĐK của đặc công Rừng Sát lại nằm trong cái «vòng tròn an toàn»: trận địa Phước Lương và Đập Đất xã huyện Khánh chỉ cách dinh Độc Lập trên 10 kilômét.

Đồng chí Sung chỉ huy trận địa Đập Đất, đồng chí Tùng chỉ huy trận địa Phước Lương. Đồng chí Bảy Ước chỉ huy chung, có mặt tại trận địa Đập Đất. Cùng trong lúc đó cũng trên mảnh đất xã huyện Khánh đồng chí Sáu Tao chỉ huy hai khẩu đội KZ, có nhiệm vụ kèm chế pháo Nhà Bè và sân máy bay lên thẳng trong căn cứ đặc khu Rừng Sát của địch.

Sau những ngày đêm vật lộn với dòn nước ngược, tàu tuần và pháo của địch từ nhiều hướng, ĐKB đã đến trận địa kịp đêm 21 tháng 8 nhưng không kịp giờ G, theo qui định là giờ 24. Điều này dẫn đến tình huống nếu nổ súng, chiến sĩ ta sẽ bị bao vây. Đồng chí Bảy Ước hỏi hai đồng chí Sung và Chính: «Các anh tính sao?». Đồng chí Sung trả lời «Cho én mai đánh». Đồng chí Chính: «Mệnh lệnh phải chấp hành!». Đồng chí Ước kết luận: «Đồng chí Chính nó đúng. Đêm nay Tân Sơn Nhất kho Long Bình cần được Rừng Sát chia lửa. 5 giờ sáng chúng ta nổ súng, trong vòng vây cũng đánh, quyết tử mà đánh!».

24 giờ ngày 21 tháng 8 năm 1968, sắp chớp bùng nổ ở hướng kho Long Bình và sân bay Tân Sơn Nhất. Căn cứ hợp đồng kết hợp mắt thấy, đồng chí Sáu Tao phát lệnh nổ súng. Pháo Nhà Bè, Phú Hữu của địch,

ĐKZ Phước Khánh của Rừng Sát rông rã đối đầu một giờ liền trong khi ĐKB của đồng chí Bảy Ước vẫn đang hi hục thiết kế trận địa. 5 giờ kém 10 và tiếp đó 10 phút sáng 22 tháng 8 trận địa Đập Đất, Phước Lương lần lượt lên tiếng. Những phát đạn 122mm lần lượt lao vút. Khu vực dinh Độc Lập và tòa đại sứ Mỹ đều bị trúng đạn ĐKB. Đám khói màu da cam trên các trận địa đã trở thành mục tiêu của một cuộc bao vây lớn. Khu vực Nhà Bè náo động trong tiếng động cơ máy bay, tàu và tiếng nổ của pháo. Một bộ phận các chiến sĩ Đập Đất vừa thoát ra đến sở Dừa thì địch đã đổ chụp trận địa Phước Lương. Cuộc chiến đấu trở nên ác liệt. Một số bă con giống An Đông sau khi gặp gỡ đồng chí Bảy Ước, lập tức mang cơm nước, lao về hướng địch đang bao vây tìm anh em. Bộ tổng tham mưu nguy giục chỉ khu Nhà Bè : « Phải bắt sống đặc công Rừng Sát bằng bất cứ giá nào ! » Nhưng đến ngày thứ ba, chúng đã phải nhận một báo cáo cay cú : « Bọn đặc công Rừng Sát đã biến mất ». Cũng chính lúc ấy, toàn bộ các chiến sĩ dự trận vừa thoát khỏi vòng vây.

Ngày 21 và 22 tháng 8 năm 1968, Rừng Sát đánh một trận hiệp đồng lịch sử. Trong khi dinh Độc Lập bị giáng đòn thì trên sông Lòng Tàu, 5 chiếc tàu quân sự 7 đến 10 ngàn tấn bị đánh cháy, trong đó có một chiếc chìm tại cảng Cát Lái, địch phải đổ một tiểu đoàn Mỹ, một tiểu đoàn diệt động nguy xuống khu vực này và bị giam chân rông rã một tháng.

Ngày 10 tháng 10 và 4 tháng 12 năm 1968, tại cảng Nhà Bè, hai chiếc tàu 13 ngàn tấn tương đương 30 triệu lít vừa cập bến hãng Caltex đã bị đặc công Rừng Sát áp chất nổ, cả hai chìm tại chỗ.

Sau xuân 68, toàn bộ Rừng Sát biến thành trận địa. Chiến sĩ ta đã phải vượt qua những thử thách gay go

nhất đề chiến thắng. Đội 1, đội 2, đội 7... từng đợt rồng rã ăn cháo bằm trú mười lăm, hai mươi ngày. Trong hoàn cảnh đó đại đội 5 giành danh hiệu thành đồng quyết thắng và trên đường trở thành đơn vị anh hùng với chiến công đứng hàng đầu thành tích đánh chìm tàu hàng quân sự lớn trong quân cảng : đánh chìm 5 tàu 10 đến 13 ngàn tấn và 12 xà lan bằng kỹ thuật bình chũng trong quân cảng Nhà Bè và Cát Lái, kéo 73 chuyến hàng nặng, 25 lần qua sông Lòng Tàu, 14 chuyến hàng ngược nước lên vùng sâu. Trong lúc đó, đội một chiếm đầu hững về chiến công đánh tàu trên sông : trong 1 năm đánh chìm, cháy, trọng thương 67 tàu, trong đó có 10 tàu 7 đến 10 ngàn tấn, đội 2 đang trên đường chiếm kỹ lục hạ tàu bằng pháo, đạt danh hiệu thành đồng quyết ; thắng : đánh chìm, cháy, trọng thương 53 tàu, trong đó có 17 tàu 6 đến 13 ngàn tấn, diệt một đại đội Mỹ. Đội 6 với điều kiện bằm trú chiến đấu hết sức quyết liệt, đánh cháy và trọng thương 26 tàu, trong đó có 3 tàu 3 đến 12 ngàn tấn. Đội 3 vác pháo lườn sâu, áp sát mục tiêu đất liền, hủy nhiều phương tiện chiến tranh và sinh lực địch.

Từ sau trận đột phá vào quân cảng Nhà Bè đêm 25 tháng 12 năm 1967, quân cảng Nhà Bè, Cát Lái trở thành hai mục tiêu tấn công ráo riết của « chiến sĩ người nhái ». Có đêm hai cảng cùng bị dòn. Trong một tháng quân cảng Nhà Bè chịu hai trận, chìm hai tàu 10 ngàn tấn. Khi má kẻ địch bắt đầu trận phản kích quyết liệt, dài ngày, Rừng Sát đã xuất hiện người anh hùng đầu tiên : Trịnh Xuân Bằng. Sau trận Nhà Bè, Trịnh Xuân Bằng đương đầu với một thử thách gay go hơn đánh một chiếc tàu Mỹ chở vũ khí cỡ lớn trên sông Đồng Nai. Chiếc tàu này được canh phòng nghiêm ngặt, xung quanh có một hàng rào xà beng và xà lan, đèn pha, dưới nước có dây

thép gai và mìn chống đặc công bao bọc, trên không máy bay lên thẳng xoay quanh soi đèn. Trịnh Xuân Bằng ngấm mình dưới nước sáu giờ liền, không ăn, không uống, áp được chắt nỏ vào mạn tàu. Trong một mùa chiến dịch, Trịnh Xuân Bằng cùng tổ chiến đấu nhận chìm ba chiếc tàu hàng quân sự 7 đến 10 ngàn tấn. Chiến công này xác nhận khả năng hiệp đồng tiếng nổ tầm cỡ một mũi tấn công lớn mà chỉ cần một vài chiến sĩ đặc công điêu luyện. Trước hệ thống phòng thủ không ngừng tăng cường và đổi mới của các quân cảng hai đầu sông Lòng Tàu, hình ảnh Trịnh Xuân Bằng có sức mạnh một niềm tin chiến thắng đối với những chiến sĩ ôm mình trong lòng nước của Rừng Sát.

Bên cạnh sự xuất hiện anh hùng Trịnh Xuân Bằng, Lê Công Nghĩa nổi tiếng tái xuất quý nháp thần. Lê Công Nghĩa trung đội trưởng thuộc trung đội 5 đã nhiều lần đương đầu với cả ba đối tượng trên sông Lòng Tàu : kẻ thù, sóng to, cá sấu. Một lần cùng với đồng đội kéo vũ khí qua sông Lòng Tàu, trên đường về, lúc 3 giờ sáng đụng đầu đoàn tàu kéo của giặc, nó thả lưới tóm Nghĩa kéo đi vài cây số. Tàu vừa cập bến, Nghĩa cũng vừa gỡ lưới chui ra được. Anh lại phát hiện ra một dịp làm ăn : chùng nó lên bờ, lên đồn chơi, một tên gác ngồi lơ đãng ở cuối lầu. Nghĩa trèo lên cướp cây AK15, đập chết tên gác, mở dây dõ, nhưng tàu bên cạnh đã phát hiện, cả bọn trên đồn cùng kéo xuống, định bắt sống « đặc công Việt Cộng ». Nghĩa nhắm vào cụm giặc đông nhất xả hết đạn, ôm luôn cây AK15 nhảy xuống sông. Trong một chuyến đi trinh sát trên địa, Nghĩa và đồng chí Công, cán bộ chỉ huy, bị tàu địch bao vây trong khi đang lénh dánh giữa dòng sông lớn. Vốn là con người của sông nước, Nghĩa đã nhanh chóng lặn vào bờ, rút dao đâm chết hai tên giặc, thoát vòng vây. Đồng chí Công thì bị kẹt lại. Trong tay không có súng, Nghĩa

móc đất trong bờ ném ra la lớn : « lựu đạn » ! Nhưng địch đã khép chặt vòng vây quyết bắt sống , đồng chí Công không thoát được. Nghĩa đã có ý định làm một cái gì sau tồn thất thì thời cơ đã đến : Trong chuyến đi nghiên cứu Nhà Bè, một đội Binh định đang ngủ trông mê mệt trong ấp, có một cặp dưng tiền lương to phình đê hờ hững. Nghĩa bước qua rồi đi luôn, anh tiếc quay lại, lại thấy khẩu các-bin và khẩu đại liên Mã Lai cùng với thùng đạn 250 viên hấp dẫn hơn. Anh phải bỏ qua cặp tiền mà vác những thứ này ra đi. Đến giữa sông, sức kiệt, có nguy cơ lả giữa đường, Nghĩa đành bỏ khẩu đại liên. Về nhà, thấy anh em không có ăn, tiếc quá, hôm sau anh lại vô ấp tìm cái cặp, nhưng nó đã phát lương mất rồi, không còn cái gì hờ hững, chừng nó canh gác rất cẩn mật. Anh lại trở ra lặn vớt lên cây đại liên Mã Lai. Trong trận đánh cuối cùng, con người xuất quỷ nhập thần ấy đã gặp một đối thủ nguy hiểm đã nhiều lần chạm trán chiến sĩ ta trên sông này : một con cá sấu hung hãn. Hôm ấy, Nghĩa, Mươi và Bạch trên đường công tác phải qua một đoạn sông gần ngã ba Đồng Tranh. Anh em gọi đây là đầu cầu của hành lang qua sông Lòng Tàu. Chỗ này nguy hiểm lắm, nhưng không có một lối nào khác nếu phải đi từ bên này qua bên kia sông Lòng Tàu. Ba người dàn hàng ngang để sẵn sàng ứng cứu nhau. Ra giữa dòng, họ phát hiện một con cá sấu đang lờn vờn trước mặt... Cả ba lùi lại, vòng trái. Vừa bơi được một khoảng, con cá sấu đuổi theo. Chưa kịp hành động, con cá sấu đã nhào tới gặp Nghĩa trên mặt nước. Ba tháng sau, cái hông con và dây lưng của Nghĩa giật lên bờ, trong hông còn nguyên 130 ngàn đồng, tiền ăn của đơn vị. Lê Công Nghĩa được truy tặng hành động anh hùng.

Có những con người chỉ giáp mặt quân thù có một lần, nhưng trong khoảnh khắc ấy họ đã bộc lộ toàn bộ lý tưởng, cuộc sống như trường hợp hai nữ quân nhân Kim Dung và Thương. Kim Dung là nữ chiến sĩ quân trang, Thương là nữ chiến sĩ quân giới, hai người hai cơ quan khác nhau nhưng giống nhau về tình huống và cách xử sự. Họ giáp mặt quân thù khi đã bị thương nặng và nó đã chiếm căn cứ. Chúng nó kêu : « Hàng thì sống ! » Nhưng hai nữ chiến sĩ đã chọn lấy cái chết trên chỗ đứng của một quân lữ : « Người cách mạng chúng tao không biết hàng quân bán nước ».

Trên một mảnh đất đầy thử thách gian lao đứng sát lưng kẻ thù, đặc khu Rừng Sắt đã hiệp đồng tiếng súng lồng công kích 1968 với một trận giao thông chiến quyết liệt, dài ngày, làm gián đoạn thời gian mọi việc lưu thông của địch trên sông Lòng Tàu, đánh trúng yết hầu và da dày chiến tranh, đồng thời góp vào những tiếng nổ hện giờ giáng xuống đầu não chúng nó. Các trận đánh từ sông nước đã lan vào các quân cảng và đặt chân lên đất liền. Tất cả quân cảng, kho tàng đông nam Sài Gòn đều trở nên mất an toàn. Địch công đánh đi rồi đánh lại.

Trên mặt trận những dòng sông và quân cảng, năm 1968 Rừng Sắt đánh chìm và cháy, bị thương 197 tàu, xà lan (55 chìm, 47 cháy, 95 bị thương), trong đó có 55 tàu vận tải quân sự và tàu dầu trọng tải 7 đến 13 ngàn tấn (số tàu dầu tương đương 100 triệu lít xăng).

Với một quá trình đặc công hóa toàn bộ trận đánh, chưa đầy 3 năm sau ngày thành lập đặc khu, đây là điều khẳng định sức mạnh của một đối thủ áp sau lưng.

Công việc « thay màu da trên xác chết » của Mỹ đã được thực hiện với quá trình « Phi Mỹ hóa chiến tranh » rồi « Việt Nam hóa chiến tranh ». Nếu khi quân Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, sông Lòng Tàu là một trong những chặng đường xâm nhập ồ ạt thì khi « Phi Mỹ hóa chiến tranh » nơi đây lại là một cái đầu cầu chúng nó chen chúc thảo thân khỏi một cuộc chiến không có lối thoát, đầy chết chóc. Muốn thảo thân thì phải dọn đường. Rừng Sát đứng trước những thử thách quyết liệt của những năm 1969, 1970, 1971, thời gian mà một chiến lực giã chết cuối cùng đang thay thế cho một chiến lực đã chết.

Không giống như bất kỳ một chiến khu nào từ Trường Sơn đến Tây Nguyên, từ chiến khu D tới Đồng Tháp, chiến khu Rừng Sát đã tồn tại trên một nước mặn, quân thú lại vây bốn mặt, quân thú xen chính giữm, cá sấu sông to cản lối ngấn đường. .

Nói về những người lính Mỹ ở khu rừng này, Oét-môlen đã viết trong « Bản tường trình người lính » : « Ở đây (Rừng Sát), lính Mỹ đã phải trải qua những điều kiện gay go và khắc nghiệt mà chưa một người lính Mỹ nào đã phải trải qua. Vì binh lính Mỹ phải đi tuần tra hàng mấy giờ, thậm chí hàng mấy ngày liền dầm mình trong nước nên các đại đội phải thay đổi thường xuyên, luân phiên nhau để tránh bệnh ở chân và ở da cho binh lính. Binh lính ngủ trên các đệm bơm không khí và đặc biệt trong lúc nước thủy triều lên cao, họ phải thức để khỏi bị ngập nước. Những cái sân bằng gỗ đặt cao hơn một nước thủy triều đúng làm bãi cho trực thăng đổ... đây là một cuộc chiến đấu kỳ lạ trong một cuộc chiến tranh kỳ lạ ». Những tên lính Mỹ ở đây thuộc từ đoàn 199 lính thủy đánh bộ, loại mà theo Oét-môlen, ba lính thường mới chọn được một, những tên

lính đã lừng danh trong những cuộc đổ bộ ở Thái Bình Dương và châu Âu trong chiến tranh thế giới thứ hai !

Thứ hai, trong những điều kiện như vậy, điều kiện mà những tên lính «giỏi đang nhất» của nước Mỹ phải liên tục luân phiên nhau, với tất cả những phương tiện hiện đại mới chọi nổi, thì đối phương, tức chúng ta đã tồn tại như thế nào suốt mười lăm năm, hai mươi năm ròng rã, nếu kể đến những chiến sĩ đã bám trụ Rừng Sắt từ 1954.

Các hồ sơ mật của bộ tổng tham mưu ngày để lại, trong đó có công văn tuyệt mật mang số 1821/TTM/P3/2 ngày 20 tháng 2 năm 1961, các biên bản về chiến dịch rải chất độc mang ký hiệu « hành quân DTCC — 1 » và « DTCC — 61 » do một viên tướng MAAG trình bày tại bộ tổng tham mưu ngày 3 tháng 1 năm 1962, xác nhận Rừng Sắt là nơi thí nghiệm chất độc hóa học màu da cam từ tháng 11 và tháng 12 năm 1961, sau đó là chiến dịch rải ô ạt xuống Rừng Sắt — Long Thành năm 1962.

« Hành quân DTCC — 1 » là kế hoạch cụ thể của toàn bộ chiến dịch rải chất độc xuống biệt khu Rừng Sắt — Sài Gòn — Gia Định — Biên Hòa — Phước Tuy và ven quốc lộ 15. « DTCC — 61 » là kế hoạch thi hành liên tiếp vào những ngày 11, 12, 13 tháng 1 năm 1962 với việc thực hiện như sau : tất cả những vùng sẽ rải chất độc đều được hoạch định trên không ảnh và do máy bay trinh sát L49 dẫn đường chỉ điểm, bốn máy bay vận tải C123 lắp trang bị ép hơi phân lực phun chất độc hóa học, trên phi đoàn có mặt của sĩ quan bộ tổng tham mưu MAAG, USAID, chuyên viên canh nông, y tế Hoa Kỳ và Việt Nam, nhiều đội máy bay lên thẳng, thiết giáp... yểm trợ và phi đội A1H6 túc trực trên sân bay Biên Hòa sẵn sàng yểm trợ khi cần thiết.

Cán bộ chuyên môn được huy động đầy đủ như vậy không có mục đích nào hơn là: làm sao tăng cường tính hủy diệt của chất độc.

Từ sau trận đánh tàu Baton Rouge Victory, những hoạt động trục xuất đoàn 10 ra khỏi Rừng Sát để tiêu diệt ngày càng ráo riết. Một trận mưa dầm chất độc đã trút xuống đầy ròng rã 15 ngày. Kế tiếp đến, B52 và pháo bầy mặt đất, hạm đội 7, những trận « ruồi xe », « ong ruồi », súng phun lửa và chất độc lại dội xuống, dần mòn giết chết một khu rừng từng nổi tiếng âm u, tĩnh mịch. Về kỹ thuật tàn phá, quả thật Mỹ có kinh nghiệm đúng như Oétmôlen đã viết với niềm tự hào trong « bằng chứng trình người lính » khi tả quang cảnh vùng ven Sài Gòn: « Cây cối và bụi rậm đều bị đốt cháy trụi, khiến cho du kích Việt Cộng không còn nơi ẩn nấp ».

Sau toàn thắng 1975, các tài liệu ta bắt được trong căn cứ « Đặc khu Rừng Sát » của địch chứng tỏ sau quá trình theo dõi ráo riết và dùng dầu liên miên, chúng nó biết rất rõ đối phương từ lực lượng, chỗ ở đến nhiệm vụ, phương châm, phương thức... Điều này cắt nghĩa cho những tháng năm vô cùng ác liệt trong cuộc chiến đấu trên một diện tích không bằng một phần mười của Đồng Tháp. Để đảm bảo cho cái « đầu cầu rút quân » an toàn, mỗi tháng ít nhất có 25 ngày chúng nó đánh phía sau lưng chúng ta. Trừ những chỗ đầy gai gổ, chùm lè đã bị ném cối, lìa đạn « cực nhanh », không còn một cù lao nào không có dấu chân của địch, sông Lòng Tàu lúc này, ngoài tàu và địch ra, không còn một bóng thuyền, một bóng người. Từ sông Nhà Bè xuống dọc sông Lòng Tàu trung bình 10 mét có một tên lính, 10 phút có một tàu rà, tàu quét, hoặc tàu tuần đi qua. Để tiêu diệt một mục tiêu, địch có thể huy động sức mạnh bằng bất cứ giá nào. Cù lao

Ba Dọt Rach Tràm, gò Chà Là, sông Ông Kèo, Rạch Lá... là những nơi còn ghi dấu những trận đồ quân hàng sau bảy chục lượt máy bay lên thẳng hoặc tám mươi đến 100 tàu đồ quân. Chúng ta muốn đánh được địch trước hết phải tự bảo vệ lấy mình, tự vệ hàng ngày trong một tháng, hàng giờ trong một ngày...

Cho đến cuối 1968, trên mảnh đất Rừng Sắt bị lột da, cuộc sống từ những ngôi nhà sàn nối nhau qua cầu khi đã được đưa xuống mặt đất ở độ cao không quá mặt nước lớn. Khó tìm dấu ra hình ảnh một vùng căn cứ mặc dù nó vẫn là một sự thực tồn tại. Lúc đó ở bên kia sông Lòng Tàu, Tắc Kỳ, sông Tiền, cảnh khô cằn cháy, các chiến sĩ quân y Rừng Sắt đã điều trị, nuôi dưỡng thương binh trong hầm bí mật ẩn dưới mặt nước lớn, sàn lót trên mặt bùn, họ dùng nilon vật lộn với từng cơn nước. Ở đây một lần khói nhỏ vọt lên khỏi ngọn cây cũng có thể kéo đến một trận « ong ruồi » hay một cuộc bao vây quyết liệt, « ruồi xe », « ong ruồi », « xe », « quạt » thổi lỏi hết lùm cây ngọn cỏ. Cho nên cái « hầm bí mật » ở đây chính là nước. Những chiến thương không xuống nước được phải nằm trên vông nilon bồng bênh treo trên những cánh tay người đề long sang sông... Đây cũng chính là cách đưa chiến thương qua sông Lòng Tàu. Trong hoàn cảnh như vậy người lính quân y thực sự trở thành người chiến sĩ. Trận địa này đã trải qua những đau thương mất mát, nhưng còn để lại những tên người đã đi vào lịch sử Rừng Sắt. Với cháo rau từng bữa, nước cất từng giọt, nữ y tá Kim Dung một mình nhận nuôi hai chục thương bệnh binh ròng rã ngày này qua ngày khác. Địch tràn tới căn cứ, đồng chí là người ở lại sau cùng với người thương binh sau cùng. Đồng chí đã ngã xuống trong tư thế lấy thân mình che cho đồng đội. Ngày 20 tháng 1 năm 1970, tại Tắc Kỳ, một

máy bay lên thẳng đã phát hiện căn cứ của đại đội quân y. Đầu tiên, hai trái bom màu chàm hai đầu, khoanh khu vực rất chính xác. Tất cả bác sĩ, y tá, hộ lý... cấp tốc lao vào các hầm điều thương binh ra khỏi trận địa. Nhưng dàn máy bay lên thẳng vô trang đã rần rần áp đến. Từng thấp, từng cao, chúng nó bắn và phóng rốc két xối xả. Đồng chí Tư Mến, nữ y sĩ đại đội phó, đồng chí Quang, bác sĩ cùng với hai y tá và ba thương binh ngã xuống tại trận. Dàn máy bay đi rồi, tư thế hy sinh của các đồng chí vẫn còn nguyên đó : nữ đồng chí Tư Mến nằm trên chân của một đồng chí thương binh, đồng chí Quang và các y tá đều nằm bên cạnh các chiến thương của mình. Giở ba lô của đồng chí Mến ra, chiến sĩ ta nhìn thấy ba cái áo gối dành cho ba đứa con đang theo dỡ. Đồng chí Hùng, chính trị viên đại đội đã ghi lại những hình ảnh này, báo cho những người còn sống biết, trong đó có đồng chí Bảy Ước là chồng của đồng chí Tư Mến. Hùng năm ngày sau, đích lại đánh lớn một trận thứ hai vào đại đội quân y. Đồng chí Hùng lại ngã xuống trong tư thế của những người đã mất. Năm năm trời, từ 1968 đến 1973, trên trận địa quân y của đoàn 10 bốn bác sĩ Răng, Luân, Quang, Bá và một nữ quân y sĩ (Tư Mến) đã ngã xuống. Gian khổ, hy sinh gần bó lính đồng đội, tình cảm chiến trường. Cũng tại trạm quân y này, có một lần ban chỉ huy đoàn 10 đặt vấn đề đưa số anh em đang yếu sức trở lại quê hương đất liền, anh em từ chối « chúng tôi không đi, Đảng phân công chúng tôi về Rừng Sát thì sống chết ở Rừng Sát, chúng tôi không đi ! »

Sau chiến dịch mùa xuân 1968, một vấn đề gay gắt đã đặt ra từng ngày từng giờ cho chiến sĩ Rừng Sát : « ruồi xé », « ong ruồi » một kiểu đánh mới của máy bay lên thẳng vô trang Mỹ đi bầy OH6, OH58, AH1G.

UHI... sau khi các kiểu gọi là « Phượng Hoàng vỗ mồi », « di soi », « di xét » đã hết thời làm mưa làm gió trước những đòn giáng trả có hiệu quả từ mặt đất. Năm 1968 Rừng Sát đã vớt cổ 6 máy bay lên thẳng, nhưng OH6 vẫn còn là một thách thức chưa vượt qua được. OH6 vừa « xe » vừa « quạt » thổi lòi cả những miệng hầm nửa chìm nửa nổi cao hơn mặt nước lớn một cái đầu. Nó buộc cối thông dây dưng miệng hầm, từng chiếc hầm vỡ tung. Từ trên cao AHIG, UHI... tiếp tục phóng rốc két hủy diệt những gì còn lại. Chiến sĩ ta đã hy sinh nhiều. Những trận « xe », « quạt », « ong ruồi » liên miên đã đặt cho chúng ta một sự lựa chọn dứt khoát : « Hoặc có máy không tao, hoặc có tao không máy ». Anh em đã chọn cái thứ nhất. Vấn đề đặt ra không phải chỉ có dũng mà còn phải có trí. Đầu năm 1969 trên sông Thị Vải, hai trận đột phá « xe », « quạt » đã nổ. Ở đây, một tổ hậu cần đang trên đường công tác đã đụng đầu với OH58. Chỉ có AK trong tay, nhưng anh em đã xác định không bắn nó thì nó bắn mình, đứng run tay « nhắm thẳng vào nó mà bắn ». Bị cú dấm bất ngờ, chiếc OH58 không kịp tháo thân. Trong khi đó, tại trận địa đã chiến của trình sát đoàn 10, OH6, OH58 lại gặp đối thủ không chịu nhịn. Hai bên đã nhìn thấy nhau, nhưng chiến sĩ ta chủ động tấn công trước, chiếc OH6 bị quạt nhào. Anh em lại củng cố trận địa, tiếp tục giáng trả các đợt phản kích từ trên không. Hai máy bay lên thẳng nữa bị trúng đạn, bổ xác tại trận. Cũng chính vào những ngày này, tại rạch Cát Tân, đồng chí Huỳnh Văn Minh, vệ binh đoàn 10 đã đánh một trận độc đáo. Nhìn cách « xe » và « quạt » của OH6, Minh nghĩ ra một cái bày đơn giản : một trái DH10 buộc trên một thân cây, hướng chếch lên trời. Quen thói kiên căng, chiếc OH6 lao vào ngay « tử địa », lĩnh nguyên cả trái DH10 tan xác tại

chỗ. Tiếp sau lời kêu gọi hạ máy bay lên thẳng của bộ chỉ huy Miền, những trận đánh này trở nên những xác minh tại chỗ về khả năng đánh bại chiến thuật võ trang mới của Mỹ với tất cả phương tiện hiện có. OH6 đã gặp thách thức nguy hiểm trước một đối thủ đã tìm ra thế đứng. Những chiến công hạ OH6 trên toàn Miền đã chấm dứt thời kỳ làm mưa làm gió của thứ vũ khí từng là niềm tự hào của tướng Oétmôlen. Năm 1969, có một ngày trên toàn Rừng Sắt hạ 3 chiếc OH6, có một đợt chiến đấu hạ 9 chiếc cả « cá rô » (OH6), bồ nông (UH1), « cá lẹp » (AHIG). Du kích Long Sơn hạ 1 chiếc ngay tại trận, 27 máy bay lên thẳng đã bị bắn rơi trong năm 1969 trên toàn Rừng Sắt.

Thời đánh Mỹ, rau kẹm là món quà tặng đặc biệt của thiên nhiên đối với chiến khu. Khi bình thường người ta có thể quên nó, nhưng khi đói, người ta thấy nó xuất hiện, chào mời cùng nơi khắp chốn. Đó là một thứ dây leo của rừng cây nước mặn, sau những trận mưa dầm chắt độc, nó lại leo lan tràn. Lá rau kẹm về mùa khô hơi đắng, nhưng về mùa mưa có vị ngọt bùi như lá bét. Qua hai mùa kháng chiến, lá rau kẹm đã đi vào lịch sử Rừng Sắt cũng như củ mài, củ chup trong lịch sử Trường Sơn, Tây Nguyên, lá bét, rau tàu bay trong lịch sử chiến khu đất liền miền Đông Nam Bộ.

Gia tài của người chiến sĩ đặc công Rừng Sắt thật giản dị ngoài cái để đánh giặc ra, phần còn lại là một chiếc dao găm, một bình toong, một chiếc khăn đùm cơm vắt, một tấm nilon, một cái xoong. Mỗi một món vật chiếm một chỗ đứng trong cuộc sống và chiến đấu. Bao nhiêu đó không thừa không thiếu... Nhưng đó không phải chỉ là phương tiện mà nó là hình ảnh của những vấn đề lớn hơn: tấm nilon, đó là chiếc

xuông của một chiến khu trên mặt nước, cái bình loong, đó là phần nước ngọt sống chết cuối cùng trong vòng vây nước mặn và quân thù, cái khăn trùm cơm vắt, đó là phần gạo trên đường ra trận, cái mà nhân dân Rừng Sắt đã lần tảo, chắt chiu bằng cả mồ hôi và máu, chiếc dao găm và cái xoong đó là cái để con người tồn tại được trong cánh Rừng Sắt hoang vu không cơm không nước... Có cái xoong : có nước ngọt dù là từng giọt, có cái xoong : có nồi cháo rau kèm, có nồi ốc luộc. Ở rừng đất liền, người ta có thể ôm cái xoong mà chết đói, nhưng ở Rừng Sắt thì cái xoong giúp con người cầm cự được với cuộc sống ngày này qua ngày khác.

Người ta có thể hiểu vì sao trải qua những tháng năm ròng rã của thời kỳ sau 1968 đến 1971, chiến khu Rừng Sắt coi như đã hoàn toàn bị bao vây mà vẫn tồn tại và chiến thắng.

Thời đánh Mỹ, cuộc chiến tranh nước ở Rừng Sắt vẫn tiếp tục nhưng quyết liệt hơn cả thời đánh Pháp. Cát nước bây giờ rất dễ kéo đến một trận « ong ruồi » một trận bom hoặc đổ chup. Chúng nó đứng trên núi Vũng Tàu, trên máy bay, trên chuồng cu trên sông Lòng Tàu, mà sẵn lòng từng sợi khói, từng ánh lửa nhỏ của Rừng Sắt.

Bên cạnh gạo, nước là vấn đề có mặt trong mọi nghị quyết hậu cần và phương án chiến đấu. Nghị quyết đầu tiên của ban cán sự Rừng Sắt nêu rõ : « Hậu cần lấy việc tạo cơ sở vật chất, lương thực, nước ngọt và vũ khí làm trọng tâm công tác hậu cần ». Văn kiện số 10/BC ngày 26 tháng 2 năm 1967 lại ghi : « Vấn đề gạo, muối, nước phải khắc phục trong mọi hoàn cảnh và tiền chi để dự trữ gạo, nước ngọt từ 20 ngày đến 30 ngày ». Chiến sĩ Rừng Sắt thường gọi những

năm 1969, 1970, 1971 là thời kỳ « bắt cá, mò cua, mua gạo », « thời cháo rau kềm ».

Hằng ngày 4 giờ sáng : việc nấu nướng cho một ngày ăn phải xong, tất cả phương tiện không cần cho đánh càn gói hết vào nilon đập xuống bùn, xóa dấu vết, trời vừa rạng sáng đã nghe tàu hú xung quanh cù lao, trên không lại bắt đầu ỉ xèo : chúng nó đang hình thành một trận bao vây hay đồ chụp. Đó là một ngày đánh càn. Tám chín giờ sáng mà giặc chưa vô vẫn chưa chắc là một ngày không đánh càn, nhưng phải bắt đầu mọi công việc khoét rừng vớt nước.

Khi mặt trời sắp tắt, mỗi người đem về lò ẩm phần chiến công trong ngày của mình : một rổ rau kềm, một gánh cua, một thùng cá... Cua, cá tôm, sò, vọp, đường chà là... đó không chỉ là bữa ăn mà là tất cả cơm, áo, gạo tiền, nôi niêu, xoong chảo và cả áo quần, thuốc men. Họ phải phân ra phần để ăn, phần để bán. Những người dân Phước Thái, Phước Hòa, Phú Mỹ, Bình Khánh, Lý Nhơn... đảm nhận cái « nghề mua bán » nguy hiểm này : cua cá từ chiến khu ra Sài Gòn, Nhà Bè, Vũng Tàu... rồi gạo, vải, thuốc men... từ Sài Gòn, Nhà Bè, Vũng Tàu... trở lại chiến khu. Chỉ cần nhìn các buộc xâu cua, dịch ở Rừng Sát có thể phân biệt được xâu nào của dân, xâu nào của chiến sĩ giải phóng... Nhưng nguy hiểm hơn hết vẫn là việc đem hàng trở lại chiến khu. Nếu bắt cá, mò cua là trận địa phía sau thì cái nghề « buôn bán » ấy là trận địa phía trước.

Mùa khô, ở nơi cắt nước trung bình mỗi ngày mỗi người ba lon. Nước phải phân chia tỉ mỉ : nước ăn, trước mắt, nước để đánh, nước ra trận, nước chống càn... Mỗi thứ chiếm một bậc ưu tiên. Người ra trận phải được uống no hơn người ở nhà, nước

chống cần phải được ưu tiên hơn nước trước mắt, đã là nước-uống thì không được nấu ăn... Nước ăn đã thế thì cái phát minh của người chiến sĩ vệ quốc năm xưa bần chín giặt áo, bần non gội đầu vẫn là một đóng góp quý giá đối với người chiến sĩ giải phóng quân. Hơn 40 chị em quân nhân Rừng Sắt về mùa khô cũng thường tắm giặt như vậy, nhưng có thể được ưu tiên hơn một chút : Khi có xà phòng thơm thì mỗi chị được dành cho một phần nước ngọt để gội đầu. Những người anh hùng Rừng Sắt Trịnh Xuân Bằng, Nguyễn Chặt Xé, Trần Văn Dần, Nguyễn Hồng Thế... cũng như các chiến sĩ đặc công Rừng Sắt đều nếm trải những lần nhắm mắt nuốt nước mặn trên trận địa.

Trong cuộc chiến đấu ở Rừng Sắt, có những tình huống đặt ra mặc dù không có đồ máu, nhưng không có cái « gan vàng dạ sắt » của người chiến sĩ thì không thể nào vượt qua nổi. Ai từng lọt vào cái « trận đồ bát quái » của Rừng Sắt với những hang động chà là bịt bùng, những « mái nhà rán » mệnh mông có đất mà không có trời, với vòng vây trùng điệp của muối mòng, nước mặn, gai góc... mới hiểu được những trận đánh tay không của những chiến sĩ lạc rừng. Dừng giữa vòng vây đó người ta sống ra sao? Mỗi người mỗi trường hợp khác nhau, mỗi chỗ khác nhau, thế mà, từ thời đánh Pháp cho đến thời đánh Mỹ, lại giống nhau ở chỗ nhờ đợt chà là, rau kềm, cua sống, sò vộp mà đáp đối qua ngày. Cua sống bẻ càng, nhai nuốt. Sò, vộp đập vào báng súng, thân cây cho nước ngọt chảy ra, ngửa cổ hứng... vắt cho hết nước rồi cho vào họng, nhắm mắt nuốt luôn. Đợt chà là ăn được, nhưng phải có sức giặt tuột bẹ mới lấy được. Cho nên, với những chiến sĩ kiệt sức chỉ nhìn đợt chà là mà chịu đói. Nếu không kể trận lưu lạc Rừng Sắt của đồng chí Minh, đại đội 4, từ tháng 8 năm 1966 đến tháng 2 năm 1967,

thì con người chiếm kỷ lục về sức chịu đựng ròng rã với đợt chà là, cua sống là đồng chí Chu Văn Khi, một chiến sĩ mới của đại đội 1. Bất ngờ bị địch tấn công khi đang ngồi trên một chiếc xuồng, Khi chỉ kịp chộp được một chiếc máy ngấm B41... Thế là cuộc sống phút chốc trở nên hoang dã. Một mình, một gậy... một máy ngấm, cuộc vật lộn với cái đói, cái khát mỗi lúc thêm quyết liệt. Đêm trèo ngọn cây nghe tiếng bước của heo rừng, ngày xuống đất làm bạn với muối... Đợt chà là ban đầu còn bứt được, sau chỉ nắm gốc cây mà nhìn. Mỗi ngày trời qua thêm một thách thức quyết liệt trong cuộc tranh chấp giữa cái sống và cái chết, giữa dao động và nghị lực. Ngày thứ hai mươi bốn, Khi gặp lại đơn vị trong tình trạng kiệt sức trầm trọng. Không có một bản báo cáo nào về những ý nghĩ trên đường rừng của một chiến sĩ trẻ mới đến chiến trường gian khổ, nhưng chiếc máy ngấm B41 còn nguyên vẹn đã nói lên tất cả. Lạc rừng ở đây cũng không thể nói là cuộc chiến đấu không có màu. Ở đại đội 1, đồng chí Hoàng lâm vào tình huống lạc rừng sau một trận đụng đầu với địch. Thoát khỏi vòng vây địch mặt đất lại sa vào vòng vây của máy bay lên thẳng. Trong hoàn cảnh như vậy lại phát hiện một đồng đội vừa bị bắn gãy chân. Hoàng xốc đồng chí lên lưng băng qua lưới lửa từ trên không. Cái vòng vây cuối cùng là rừng hoang và nước mặn. Họ vật lộn với đói, khát và vết thương ba ngày ba đêm ròng rã bằng cả rau kèm và cua sống. Trường hợp của đồng chí Hiệp đội 7 cũng không kém gay go. Trong khi đang lạc rừng không cơm không nước lại sa vào một trận địa phục kích của địch. Chúng nó vừa gọi hàng và bắn rất rát. Hiệp thoát được nhờ tài lặn, nhưng vừa thoát vòng vây thì một bất ngờ lại đến : phía trước mặt có bốn chiến sĩ ta hy sinh đang nằm giữa rừng. Từ thời cho biết các đồng chí bị địch bắn cách đây đã vài ngày.

Hiệp lại nuốt rau kèm đề lấy thêm sức rồi dùng tay moi đất chôn bốn đồng đội trước khi tiếp tục cuộc hành trình đầy gian nan để tìm về đơn vị.

X
X X

Những năm 1969, 1970, 1971 cũng chính là thời kỳ chiến khu Rừng Sát đứng trước thử thách gay gắt nhất về phương tiện chiến đấu.

Xưởng quân giới — được gọi là đội 8, là một trong những bộ phận được hình thành cùng với sự hình thành của đặc khu Rừng Sát, theo yêu cầu góp phần bảo đảm vật chất chiến đấu trong điều kiện hành lang vận chuyển tiếp tế luôn luôn căng thẳng và bị cắt đứt từng thời gian dài. Từ một tổ sửa chữa với một số thương binh không còn đủ sức ra phía trước và một vài đồng chí biết kỹ thuật nó đã trở thành một xưởng quân giới có một kỹ sư, 20 công nhân. Đồng chí Tư Tiên xưởng trưởng, đồng chí Mười Thiện, kỹ sư là những chiến sĩ quân giới luôn suy nghĩ và có mặt trong mọi công việc từ việc sửa trái bom trở đi. Quá trình phát triển của xưởng cũng là quá trình phát minh sáng chế gắn liền với yêu cầu chiến đấu trên mặt nước. Từ những trái thủy lôi, mìn đánh tàu tự tạo, các loại kíp nổ điện... đã học được từ những xưởng quân giới kháng chiến, xưởng Long An, xưởng đoàn 10 đã chế ra được bộ phóng B72, đồng hồ định giờ đơn giản và tiện lợi bằng hóa chất, cải tiến DH10, ĐKB, H12, B11, mìn K69... Trái DH10 tăng lượng thuốc nổ đã có sức công phá tàu trong sông nhỏ. Khẩu súng B41 tầm chính xác trên 150 mét, trở thành khẩu súng bắn tỉa trên sông Lòng Tàu rộng trên dưới 1000mét. Trái đạn ĐKB bắn lủi chỉ trúng tàu mà không chìm, nhưng khi bỏ đầu đạn, thay vào khối nổ 100 kilô, nó

trở thành trái « bom bay » hạ ngay tại trận chiếc tàu 7.000 tấn đến 10.000 tấn trên sông Lòng Tàu.

Cuối năm 1968, từ ý nghĩ phèn chua tan trong nước rất giống kim loại bị ăn mòn trong acid, đồng chí Mười Thiện và Tư Tiên thí nghiệm mìn định giờ 3 kilô ngòi phèn chua. Giờ giắc ở đây chính là độ lớn của ngòi phèn chua. Trái mìn nổ đúng tính toán. Lúc ấy có một chiến sĩ của đại đội 5 còn cất trong ba lô một từ trường của một trái bom từ trường Mỹ lép ở miền Bắc. Từ trường này đưa vào xưởng, được khống chế bằng ngòi phèn chua trở thành kíp định giờ có hiệu lực của từ trường. Một trái thủy lôi ngòi phèn chua khống chế từ trường 4 tiếng đồng hồ đã ra đời cuối năm 1968 tại gò Chà Là. Trái đi vào trận hiệp đồng tiếng súng săn bay Tân Sơn Nhứt và kho Long Bình. Chiếc tàu 10.000 tấn đã được theo dõi từ ngoài khơi Vũng Tàu. Trái thủy lôi ra đón nó tại khúc sông giữa Độ Hòa và Đồng Tranh, chỗ sâu 38 mét. Nhưng một điều bất ngờ đã đến : tiếng nổ Long Bình, Tân Sơn Nhứt làm cho địch lo ngại trên sông Lòng Tàu, chúng nó cho một chiếc tàu « thập ác » (loại tàu LCI đồ quân đại đội) đi trước, tàu 10.000 tấn đi sau. Chiếc tàu « thập ác » bị thủy lôi 1 tấn ngòi phèn chua húc, tan xác không còn để lại một mảnh, một dấu vết nào trên sông Lòng Tàu. Từ đó, những trái thủy lôi ngòi phèn chua lần lượt ra đời ở Rừng Sát. Năm 1969 một sự kiện đã đặt ra trong suy nghĩ của đồng chí Tư Tiên và Mười Thiện : trong một trận đánh mìn K69 trong quần cảng, đồng chí Ất, đội 24 hy sinh vì chính mìn K69. Đây là loại mìn định giờ, có từ tính của Liên Xô, rất tiện lợi cho việc áp mạn tàu, nhưng phải diêm hỏa trên khô trước khi lao vào tàu địch. Điều này quý định ngặt nghèo cho thời gian dành cho những hành động trước tàu giắc, chiến sĩ ta khó vượt qua

nổi trong những tình huống bất ngờ và phức tạp, và chính đó là trường hợp đồng chí Ất hy sinh. Để tránh được nhược điểm này, xưởng công binh đoàn 10 vẫn giữ từ tính, nhưng thay đồng hồ định giờ bằng ngòi phèn chua : trái mìn K69 cải tiến đã ra đời. Nó hơn hẳn mìn K69 định giờ ở chỗ áp vào mạn tàu xong mới điểm hỏa, giờ giắc có thể chế tạo theo ý muốn. Các anh hùng Trịnh Xuân Bằng, Nguyễn Chát Xè, Trần Văn Dân... các chiến sĩ đặc công Rừng Sắt đều ưa thích ngòi phèn chua hơn các ngòi khác. Mìn ngòi phèn chua đã đi vào các trận đánh trong quần cảng Nhà Bè, Cát Lái, Thành Tuy Hạ, Rạch Dừa, nhận chìm tàu 6 đến 12 ngàn tấn.

Vũ khí ngòi phèn chua chưa có trong danh sách « mìn cộng sản » của rìoa Kỳ, vì vậy nó đã làm một tiếng nổ nhờ đời đời với công binh Mỹ tại căn cứ đặc khu Rừng Sắt nguy. Lúc đó, tháng 8 năm 1969, trên đường hành quân đánh kho Shell Nhà Bè, ba chiến sĩ đặc công đội 5 bị địch phát hiện và bao vây ở đoạn sông ngang xã Phước Khánh. Trong tình huống khẩn cấp, trước khi thoát vòng vây, 3 chiến sĩ để lại quả mìn 100 kilô ngòi phèn chua sau khi đã tháo chốt bảo hiểm. Chúng nó không bắt được người nhưng bắt được quả mìn. Tin về một quả mìn lạ đã được nhanh chóng báo về Sài Gòn. Mìn được kéo về cảng hải quân của đặc khu Rừng Sắt, doi Nhà Bè. Bộ chỉ huy công binh Mỹ phải xuống một chiếc xe con cóc, một máy bay lên thẳng chở một đại tá Mỹ và 11 sĩ quan kỹ thuật công binh Mỹ. Tên đại tá chủ trì cuộc khảo sát quả mìn lạ của cộng sản trước mặt gần 100 tên lính, sĩ quan công binh và hải quân Mỹ ngồi vòng quanh. Quan kỹ thuật Mỹ, tên kỹ sư công binh rút chốt an toàn phía dưới tưởng là còn chốt an toàn thứ hai nằm trên. Không ngờ lượng phèn chua cách điện đã tan hết từ trước, chốt vừa ra khỏi trái

mạch điện đã được nối. Quả mìn nổ. Gần 100 tên lính, sĩ quan Mỹ nằm sóng soài trước sức mạnh của khối nổ 100 kilô. Riêng tên đại tá chỉ còn hai cái chân. Chiếc xe con cóc vỡ lung và chiếc máy bay lên thẳng lật nhào xuống sông Nhà Bè. Ba chiếc xe vận tải tức tốc lao đến rồi vội vã chạy đi, thân xe trùm kín mít. Ít ai biết được trên đó chôn chắt bao nhiêu xác Mỹ.

Cuối năm 1969, một trái bom 750 cân Anh rơi trước ban chính trị đoàn 10 mà không nổ. Đồng chí Bảy Ước phát hiện và báo với các đồng chí Tư Tiên, Mười Thiện. Cuộc gặp gỡ đề bàn về việc dùng quả bom này có mặt đồng chí Tám Sơn (đoàn trưởng), đồng chí Bảy Ước (chính ủy), Năm Loan, Tư Ngọt (ban chỉ huy đại đội 5). Các đồng chí Tư Tiên, Mười Thiện nhận phần biến quả bom thành trái hẹn giờ ngòi phèn chua. Năm Loan và Ngọt nhận phần đưa trái bom vào quân cảng Nhà Bè. Trái bom được đưa từ tắt Hông về gò Ông Trúc để biến thành trái hẹn giờ ngòi phèn chua. Từ đây nó về Rạch Lá. Chiến sĩ đại đội 5 lại từ Rạch Lá kéo đi hàng chục cây số nữa. Lúc ấy trong quân cảng Nhà Bè có hai chiếc tàu 10 ngàn tấn đang đậu. Một trong hai chiếc bị áp bom. Quả bom nổ, chiếc tàu này chìm tại chỗ, chiếc thứ hai bị bẻ mũi. Sau trận đánh này, đoàn 10 nhận được điện của đồng chí Tư Chi (tức Trần Văn Trà, tư lệnh B2):

« R khen ngợi đoàn 10. Quyết định tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba cho thành tích khắc phục khó khăn, sử dụng một trái bom 750 cân Anh chỏ đặc công thủy kéo áp mạn đánh chìm tại chỗ một tàu vận tải của Mỹ và cùng lúc gây trọng thương một chiếc khác. Thiếu thuốc TNT, các đồng chí đã phát huy sáng kiến, tự lực tìm bom lép là rất tốt, cần phát huy ».

Điện đồng chí Mười Khang (tức Hoàng Văn Thái, phái viên bộ tổng tham mưu tại B2) :

« R rất thông cảm với hoàn cảnh khó khăn về ăn, ở, uống, vũ khí của các đồng chí. Dịch phản kích ác liệt, liên tục, nhưng đoàn 10 bằng mọi giá phải bám chặt địa bàn Rừng Sắt, đánh liên tục trên sông Lòng Tàu, bên cạnh đề phối hợp chiến trường toàn Miền đang tiến công ».

Kể từ đó, những trái bom pháo lép trở thành đối tượng tìm kiếm của chiến sĩ Rừng Sắt. Những người dân đi bắt cá, lấy củi thấy bom pháo lép cũng moi lên, chở đến cho đoàn 10.

Từ giữa năm 1970 đến tháng 11 năm 1971, không chỉ cơm, áo, gạo, tiền cung cấp bị cắt đứt mà súng đạn cũng không đến được Rừng Sắt. Giữa năm 1970, B41 chỉ còn bốn trái, thuốc nổ còn ở hai trái bom lép đủ cho hai trái CK2, Đảng ủy đoàn 10 ra lời kêu gọi : « Quân chúng, đảng viên, chiến sĩ, cán bộ hãy tự làm vũ khí, tự kiếm vũ khí để đánh địch, đánh địch để kiếm vũ khí ». Lầy bùn Rừng Sắt dưới tọa độ B52 và pháo binh Mỹ trở thành nơi vùi xác nhiều trái bom và pháo lép nhưng lấy mãi rồi nguồn cũng cạn. Ban chỉ huy đoàn ra « giải thưởng » : « Đồng chí nào phát hiện được một trái bom sẽ được tặng một gói trà và một gói ruby ». Địch lại phát hiện chiến sĩ Rừng Sắt cưa bom, pháo lép. Chúng cho máy bay lên thẳng lưng sục cùnh nơi khắp chốn tìm bom pháo lép để hủy diệt. Việc này trở thành một « cuộc tranh chấp ». Nghe bom rơi không nổ ở đâu, chiến sĩ ta đến nguy trang ngay. Tìm kiếm, nguy trang, đào rồi cưa... nhiều đồng chí đã ngã xuống trong những công việc này. Tính đồ đồng mỗi người trong xưởng đã cưa ít ra hai trái

hom hoặc pháo, lấy được tất cả 4275 kilô thuốc nổ, trị giá 8.140.000 đồng tiền ngụy lúc đó.

Tuyển tải và đường dây dùng kẻ thù hỗn hường, sông to, cá sấu cản lối ngăn đường, khó phân biệt được đường nào ra phía trước, ngã nào về phía sau. Lúc địch đông ken, đường về chiến khu Đ qua sông Thị Vải và bốn con đường chiến lược số 15, số 1, số 20, số 2, mất một thời gian bằng vài lần thời gian vượt Trường Sơn. Đường về phía tây, vừa lùa đồng bằng phải qua con sông Soài Rạp, sông Bạc Đầu, cái tên đã có từ thời đánh Pháp. Sông Lòng Tàu chia đôi Rừng Sắt, chia đôi đoàn 10. Có thể nói, mỗi chuyến hàng qua sông, mỗi trận « đặc công nước ». Nơi đây thời chống Pháp có một nữ chiến sĩ giao liên tên là Oanh thường qua lại với một cây mít-ca-tông. Ngày nay cô chị Bảy Nga (người mà chiến sĩ Rừng Sắt gọi là chị Bảy phản lực), một xuống một chèo luôn lách tàu tuần của địch để đưa công văn, cán bộ qua sông. Chị Bảy đã ngã xuống trên đường chiến đấu vì một quả pháo của địch. Những chuyến đi quan trọng ở đây không thể không kể đến vai trò của những người dân vùng ven Rừng Sắt. Có những gia đình đã trở thành điểm chốt trong lòng địch như gia đình ông Năm ở Quán Chim đường 15. Ông Năm là người Bến Tre dựng nhà ở Quán Chim sinh sống nghề mò cua, bắt ốc và bán mặt cửa nên chiến sĩ Rừng Sắt gọi là « Ông Năm Mặt Cửa ». Cô bé Cát con ông, thường ngày ra mò cua bắt ốc ven rừng, nhưng không phải chỉ có bắt cua ốc mà còn nghe ngóng, bắt liên lạc với cán bộ, chiến sĩ vượt quốc lộ 15 và vào ấp chiến lược. Có người đến, cô vào báo tin cho cha. Bà Năm chuẩn bị nước mời đón anh em về. Ông Năm xách đèn đi thăm dò đường xá. Ban ngày thì kiểm soát vô chi khu xin giấy xin tờ đề xem thẳng

giặc nó làm gì... ông Năm còn có một mạng lưới những người xung quanh. Ông đã nói « đi được » là mọi người yên tâm. Nơi đây trở thành điểm chốt an toàn chỉ dành cho những chuyến đi quan trọng, khi mà anh em đoàn 10 gọi là phải « xuất tướng » — ông tướng « Mặt Cưa » ra trận.

Đến giữa năm 1970, các chiến sĩ dùi đường về chiến khu Đ đều hy sinh. Đến tháng 6 năm 1971 đội tải bằm địa bàn chạy gạo hy sinh trên một phần ba. Đòi vai, sức kéo, người chiến sĩ và nilon dần thay thế cho xuồng ghe với hàng ngàn tấn hàng qua sông Lòng Tàu, đi ngược nước lên các trận địa đồng nam Sài Gòn. Những chiến sĩ, những hành động anh hùng đã xuất hiện trên trận địa đầy gian lao này. Bên cạnh câu chuyện hy sinh của đồng chí Nghĩa, một đặc công có tài « xuất quỷ nhập thần » đã bị cá sấu cướp đi, chiến sĩ, nhân dân Rừng Sắt thường nhắc đến cái chết của đồng chí Huấn, đồng chí Liêm. Huấn là một trong những chiến sĩ đặc công đã vượt sông Nhà Bè đánh tàu địch trong quần cảng vào những trận đầu. Một đêm, vào ấp thuộc xã Phước Khánh lấy gạo, Huấn đã gặp bất trắc. Vào nhà thím Tám Mập lấy gạo vừa xong, ra đến bờ kênh không may Huấn bị trượt ngã. Chỗ sủa. Bọn dân vệ thấy động, la hét om sòm. Thím Tám chạy ra kéo Huấn vào hầm bí mật, nhưng địch đã ở sau lưng, đốt đuốc dò lùng. Huấn không chịu chạy theo thím Tám vì sợ liên lụy đến gia đình, đã chết dần lại mất cơ sở. Huấn vừa đập bồng gạo xuống bùn xóa dấu vết thì địch đã ập tới. Chúng nó quyết định bắt sống để lập công, nhưng Huấn đã chọn con đường hy sinh. Hai tên giặc bị hạ trước khi anh ngã xuống. Đồng chí Liêm là trung đội trưởng trung đội vận tải. Trong một chuyến đi thơ hỏa tốc cùng với hai đồng đội qua Bà Kỳ quốc lộ 15 (Long Thành), tổ

bị lọt vào trận địa phục kích của địch. hũ đồng đội hy sinh ngay từ đầu, Liêm còn lại một mình nhưng lại bị thương nặng. Biết rằng sẽ phải trn lại đây, đồng chí lấy lá thư xé nát trước khi xảmững viên đạn chống trả cuối cùng. Cho đến ngày miền Nam giải phóng, ở Phước Khánh còn có bàn thờ của đồng chí Huân, ở Bà Kỳ, nhiều người dân còn nhắc đến một chiến sĩ xé thư trước khi chết với tất cả lòng thương tiếc và khâm phục.

x
x x

1969 — 1971, ba năm trời, ba trăm ha mười bốn chiến sĩ đã ngã xuống trên mảnh đất Rừng Sát! Con số hy sinh đó chiếm gần một nửa số liệt Rừng Sát trong tám năm (1966 — 1975). Ở phía đông sông Lòng Tàu, đội 2, đội 3, đội 4, 8... ở phía tây sông Lòng Tàu, đội 6, đội 5 tồn thất hai phần ba số uân. Đội 5 sau một trận đánh can hy sinh phân nửa. Ban đại đội còn chín tay súng, mỗi điểm trụ còn hai cm ba chiến sĩ. Ở phía đông sông, ban chỉ huy đơn 10 nhận được từ những chuyển liên lạc « quyết tử những lá thư « quyết tử bám trụ » ở phía tây sông Lòng Tàu. Lá thư hằng máu của đội 6 viết: « Chúng tôi một tấc không di, một ly không rời khi chưa lệnh, còn người còn chiến đấu, còn người còn trận ịa ». Đây chính là những ngày tháng mà chiến sĩ Rừng Sát gọi là thời kỳ « đánh giặc theo xũ luận đại ».

Nhưng chính trong ba năm đầy gian khổ, đầy mất mát, hy sinh ấy lại là lúc nảy nở anh hùng Rừng Sát, là thời kỳ chiến công và huân chương. Nếu như Oétmolen tự hào bao nhiêu về kỹ thuật tàn phá Mỹ « cây cối, bụi rậm đều bị đốt cháy trụi. khin cho Việt Cộng không còn nơi ẩn nấp » thì hẳn càng cay cú,

dau dầu bấy nhiêu trước một thực tế « với rốc kết, súng cối và đặc công, họ có thể trói chặt ngày càng nhiều quân vào công tác phòng thủ » (« Tường trình người lính » của Oétmôlen). Đó là một thực tế chung trên chiến trường miền Nam. Nhưng đối với Rừng Sắt, nó lại càng đặc biệt hơn : « Một cuộc chiến đấu kỳ lạ trong một cuộc chiến tranh kỳ lạ » (đoạn nói về Rừng Sắt trong « Bảng tường trình người lính »).

Nghị quyết đại hội 3 Đảng bộ đoàn 10 ra đời lúc cuộc chiến đấu đi vào thời kỳ ác liệt nhất. Ở đây, nhiệm vụ và quyết tâm đã trở thành một « bài ca ra trận ».

*Rừng Sắt là nhà
Sông Lòng Tàu là trận địa
Bến cảng, kho tàng, tàu địch là quyết chiến
điềm
Có lệnh là đi hoàn cảnh nào cũng đánh, đánh
là thắng*

Đại đội 5 đặc công, một đơn vị thành đồng quyết thắng đã chiếm kỷ lục về huân chương ngay từ năm 1969, đơn vị nổi tiếng đánh là chìm tàu lớn, luôn luôn đảm nhận và hoàn thành những nhiệm vụ lao khổ nhất. Với đại đội 5.

*Sông Lòng Tàu là trận địa
Quán cảng Nhà Bè là quyết chiến điềm
Và từ trận địa cháo rau kèm, những lần ra đi :
Lương khô, cơm nắm, gạo rang lên đường.
Lòng căm thù giặc sâu sắc, nhận tàu vạn tấn trên
đường sông A.*

(Những câu thơ truyền thống của ĐĐ 5)

Đôi đầu với kẻ thù, sóng to, cá sấu, rồng rã một năm trời, 25 tấn hàng đã qua vai và sức kéo người chiến

sĩ đại đội 5 qua sông Lòng Tàu. Đạn lướt i trên hàng chục cây số sinh lầy dễ đến trận địa kịp ở G.

« Đêm N » bao giờ cũng là mệnh lệnh sớm một. Ngày 5 tháng 10 năm 1969 đơn vị nhận nhiệm vụ đánh hai mục tiêu lúc trong tay chỉ còn 9 tay súng. Thế là cả chín « bỏ trại mà đi ». Trên đường hành quân lại một bất ngờ xảy ra : biệt kích chặn đánh, một chiến sĩ bị thương nặng, không còn cách nào khác phải đưa chiến thương trở lại phía sau cùng với hai chiến sĩ bảo vệ. Việc giải quyết tưởng chừng khó khăn. Nhưng cuộc bàn bạc ngắn cho thấy không có ý kiến xin giảm mục tiêu mà chỉ có ý kiến xin càng thêm việc của những người vắng mặt : Năm người chia lại chất nổ, thay thế công việc của chín người. Đêm đó, trong quân cảng Nhà Bè, một chiếc tàu 13 ngàn tấn bị đánh đắm, một chiếc mười ngàn tấn bị trọng thương.

Tại quân cảng Nhà Bè, Ngọt và Kỳ đi đội 5 đã một lần gặp thử thách « lương tâm » người chiến sĩ. Hai người vượt 10 cây số sông rạch, ngấm mình dưới nước mặn, đến trận địa đúng giờ hẹn. Mọi việc tưởng chừng rất êm xuôi nhưng lại rất gay go : đây không có đối tượng để đánh. Gạo rang nước uống không còn đủ để kéo dài sự chờ đợi. Ở lại là phần chìm nước, phải nhịn cơm, nhịn nước và đối mặt hàng ngày với kẻ thù. Họ chấp nhận tất cả để đánh cho được một trận. Một đêm, hai đêm rồi ba đêm... càng đói, càng khát càng quyết đánh, đêm thứ tư quân cảng xuất hiện chiếc tàu 10 ngàn tấn. Hai con cá kình đang phục kích lao đến mục tiêu. Một tiếng nổ làm rung chuyển sông Nhà Bè. Pháo sáng, đèn pha soi rõ chiếc tàu 10 ngàn tấn đã bị chìm xuống đáy sông. Ngọt vượt khỏi vòng vây, ôm bụng đói long đong, băng sinh mười cây số nữa.

Điểm quyết chiến là nơi những anh hùng gặp nhau. Đêm 10 tháng 11 năm 1969, tại quân cảng Nhà Bè, một trận đánh làm xuất hiện một lúc hai con người đang trên đường trở thành anh hùng: Nguyễn Chặt Xê — Trần Văn Dần. Ngày ra đi hai người nói với nhau: « Chết không sợ, chỉ sợ đánh mà địch không đau ». Đêm N lại là đêm nước ngược, địch rải nhiều chốt dã chiến trên đường ra trận. Hai người có lúc chỉ cách chúng nó một mép nước, Dần, Xê phải tranh chấp thời gian tính từng phút. Chặt Xê ngã vào mạn tàu giặc lúc trời đã gần sáng. Nhưng vừa điểm hỏa xong, một chiếc tàu lớn khác chở đầy hàng lại xuất hiện. Thời cơ chỉ dành cho một thời gian hết sức eo hẹp, nhưng hai chí hường đã gặp nhau ngay từ đầu: phải thay đổi mục tiêu. Trong khoảnh khắc còn lại, công việc đó có nghĩa là phải đánh lại một trận thứ hai nguy hiểm gấp nhiều lần: trời đang rạng sáng, phải trở lại tàu giặc, phải tranh chấp với nước ngược, tranh chấp từng giây trời qua nhích gần đến tiếng nổ dữ dội của khối mìn 100 kilô ôm trong người... Đánh rồi phải thoát ra như thế nào đây? Dần cắt dây, tháo trái nổ từ mạn tàu giặc, một tay nâng một tay giữ ngòi nổ để tránh chấn động, chỉ còn hai cái chân vạt lộn với nước ngược... Chiếc tàu 10 ngàn tấn bị nhận chìm lúc trời đã rạng sáng. Còi báo động, pháo, hò ho, xuống chiến đấu... trong phút chốc hình thành một vòng vây trên sông Nhà Bè. Không thể thoát ra ngay được, hai người anh hùng chia nhau gạo rang, nước uống, mỗi người một ngã « chém vè » ngay trong vòng vây chúng nó. Cuộc lùng sục kéo dài một ngày trời. Không còn một sông cũng, một tắt hẻm nào xung quanh quân cảng Nhà Bè mà địch không tới. Nhưng chúng nó bỏ sót hai chân hàng rào của hai cái đồn. Từ nơi đây, hai chiến

sĩ đặc công trở lại điểm hẹn lúc trời vừa tối. Họ lại chia gạo rang, uống nước mặn hành quân.

Nguyễn Chất Xé, và Trần Văn Dần đều có điểm giống Lê Công Nghĩa : thấy giặc là muốn lao vào đánh và đã đánh là tay phải sờ đúng mục tiêu, trái áp đúng chỗ.

Dần đã ba lần lọt vào một cụm pháo địch để truy theo một khẩu 105 luôn luôn dờn chỗ vì sợ đặc công. Lần thứ ba mới tìm thấy và sờ được. Một khối nổ được áp vào ngay bộ phận máy của súng, một khối khác dành cho bốn pháo thủ đang ngủ. Cả hai mục tiêu này nổ bùng cùng một lúc. Một lần, trên đường về ngang Độ Hòa sau một trận đánh trong quân cảng, Dần thấy một chốt đại đội địch mới đóng. Anh dừng lại xem xét kỹ, phát hiện ra chò lử. liền về đơn vị xin một tổ ra đi ngay trống đêm đó. Dần chỉ huy tổ, dũi vào trận địa cối, áp chặt nổ vào khẩu 81 và trại lính. Ba năm gian khổ, ác liệt nhất ở Rừng Sắt, Trần Văn Dần chỉ huy tổ chiến đấu, nhận chìm 8 tàu hàng quân sự trọng tải 7 đến 10 ngàn tấn, 23 lần kéo đạn ngược sông Lòng Tàu, một mình thay cho hai người kéo ĐKB đĩnh dinh Độc Lập.

Nguyễn Chất Xé xuất hiện với hình ảnh người anh hùng cỡi trên lưng sông dữ. Chiến sĩ đoàn 10 gọi Xé là con người « sống để chiến thắng, chết để chiến thắng ». Ở quân cảng Nhà Bè mỗi lần gặp khó khăn Nguyễn Chất Xé nhận phần lên phía trước. Cho đến trận đánh cuối cùng vẫn là như vậy. Lần đó, toàn phân đội bị bao vây trên sông, Xé cầm một trái lựu đạn cố ý xuất hiện cho địch thấy mình. Vòng vây xiết lại ở điểm xuất hiện này. Đồng đội lặn ra ngoài được, nhưng Xé bị bắt. Trên tàu, chúng nó hí hửng bu lại xem một đặc công Rừng Sắt bị bắt, nhưng không ngờ đã lầm mưu người anh hùng trong cảnh

sa cơ thất thế. Xé rút chốt lựu đạn quyết tử, hàng chục tên giặc ngã ngựa ra nhưng không kịp nữa. Cái chết của Nguyễn Chặt Xé mang dáng dấp hành động anh hùng của Lê Công Nghĩa trong trận bị bao vây với đồng chí Công và dũng khí những cái chết bất tử của Huân, Liêm, Dung, Thương... Tin Nguyễn Chặt Xé hy sinh làm xúc động đoàn 10. Từ đó, tên Nguyễn Chặt Xé thường được nhắc đến trước giờ ra trận.

Bị sức áp của chiến sĩ đại đội 5, quân cảng Nhà Bè phải hoạt động trong tình trạng căng thẳng. Có những lúc chúng phải tản cư tàu về ban đêm. Ngày bốc dỡ chưa xong thì đêm cũng tạm dừng. Tản ra sông rồi phải chạy «tử thần». Tại điểm quyết chiến này có những trận đánh một người mà có sức công phá của một mũi tấn công. Đồng chí Nguyễn Trọng Phát một mình, một khối nổ 30 kilô nhận chìm chiếc tàu 6 ngàn tấn trong quân cảng. Ba năm lửa thử vàng gian nan thử sức, đại đội 5 đã xuất hiện ba anh hùng, hai hành động anh hùng và dần dần về huân chương : hai huân chương quân công hạng ba, ba huân chương chiến công hạng nhất...

Năm 1969, trên vùng sông Ông Kèo, một trong những đơn vị ăn cháo bằm trụ gian lao nhất đã trở thành đơn vị đứng đầu Rừng Sắt về chiến công đánh tàu bằng pháo trên sông, nhận cờ quyết chiến quyết thắng của quân khu miền Đông Nam Bộ. Đó là đại đội 2, đại đội đã nổi tiếng đánh pháo từ trận đánh tàu tám ngàn tấn trên sông Lôi Giang, nhận cờ luân lưu của đặc khu Rừng Sắt năm 1967 và đạt danh hiệu thành đồng quyết thắng năm 1968. Trong quá trình chạy đua với giặc về thủ đoạn tác chiến trên sông, hiệu suất chiến đấu của đại đội hai tăng theo chiều tăng của khó khăn, gian khổ ác liệt. Năm 1968 đánh chìm, cháy, trọng thương 23 tàu từ 7 đến 13 ngàn

tấn trên sông Lòng Tàu. Năm 1969, ăn cháo rau kền dài ngày, bầm trọt ngày càng quyết liệt hơn, đánh cháy và trọng thương 26 tàu từ 8 đến 13 ngàn tấn cũng trên sông đó.

Kẻ thù không ngờ được sau những cuộc đồ quân hàng sáu mươi bảy mươi lượt chiếc máy bay lên thẳng ở phía sau lưng đối phương, lại có những ngày như ngày 6 tháng 6 năm 1969, sáu chiếc tàu hàng quân sự từ 6 đến 12 ngàn tấn bị trúng đạn và một chiếc tàu dầu 10 ngàn tấn bị bom cặp mạn và nhận chìm, trong 16 ngày từ 5 đến 21 tháng 6 năm 1969 có 29 tàu bị đánh chìm và cháy (trong đó có 23 tàu vận tải quân sự 6 đến 13 ngàn tấn, 6 chiếc I.CM).

Những trận đánh diễn ra trên trận địa phía sau thường diễn ra với tình huống một chọi mười, một chọi hai mươi... trong điều kiện chiến sĩ ta phải dẫn do từng viên đạn, cũng có khi phải kết thúc giữa chừng bằng cách chôn súng vì hết đạn. Hình thức chiến thuật của Rừng Sắt với những tút, bún, cựa gà « bất khả xâm phạm » đã tạo ra thế đứng tốt cho chiến sĩ Rừng Sắt, nhưng cái « bất khả xâm phạm » quyết định ở đây vẫn là con người. Trận địa một người của đồng chí Nam đội 4 đứng trước sức tấn công của tàu chiến đấu Mỹ. Nam vẫn bình tĩnh, nhanh nhẹn tìm lợi thế giáng trả địch cho đến viên đạn cuối cùng. Địch đã lui rồi, vết thương chưa lành hẳn cũng chính người chiến sĩ đó lại tiếp tục xin ra trận. Hoàn cảnh đã đặt ra cho chiến sĩ Rừng Sắt không còn một cách nào khác để giữ được chỗ đứng và thắng địch là con đường « Một người cũng tấn công » « Còn người còn trận địa ». Họ tấn công từ xa như Trịnh Xuân Bằng, Nguyễn Trọng Phát, Lê Công Nghĩa, Trần Văn Dần... và các đồng chí Chín Nghĩa, cán bộ chỉ huy đội 5, đồng chí Cán, chiến sĩ đội 1... Một người một B41 đi đón tàu, một

người một DH10 ra trận... Trong tình huống địch đã chủ động tràn vào căn cứ, chúng ta có những chiến sĩ kiên cường như An, Nhu, Nam, Cường... quyết chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, hơi thở cuối cùng. Tám phát đạn B41 liên tục của đồng chí Nhu đã làm cho đồng chí choáng váng, nhưng trận địa đã đứng được. Đồng chí Kiệt, đội trưởng, người cuối cùng trên trận địa, bị địch bắn gãy lìa một khúc chân, đã huy động tất cả sức lực còn lại bẻ gãy 5 đợt xung phong của địch.

Tháng 6 năm 1971, tại rạch Cá Tán xã Phước Thái, gần Bến Dầu lại xảy ra một trận bao vây của địch dùng vào nơi Đảng ủy đoàn 10 đang họp. Đứng ở đây có thể nghe tiếng còi xe trên quốc lộ 15, địch « bước một bước » là tới. Chúng nó tràn đến cả dưới nước, trên bộ, trên không. Tình thế nguy hiểm. Đồng chí Bảy Ước (đoàn trưởng kiêm chính ủy) cầm 300 ngàn đồng tiền gạo còn lại của đơn vị trong tay nói với đồng chí Tư Hương (phó chính ủy) :

— Với số tiền này, nếu tôi nắm hết trong tay mà có bề gì thì cả đơn vị sẽ đói. Vậy tôi chia cho anh giữ một trăm ngàn, anh Tám Lập (Đảng ủy viên) giữ một trăm ngàn. Anh dẫn các đồng chí ra bờ sông êm, còn tôi ở lại đây với anh Tám Lập.

Biết nơi này sẽ làm điểm quyết chiến, đồng chí Tư Hương không muốn rời đồng đội, mắt rưng rưng :

— Tôi phải ở lại đây với các anh, dành một cái đã...

Ra đến trận địa thông tin cơ yếu, đồng chí Tư Hương ở lại thất. Đánh nhau với địch vài tiếng đồng hồ, đồng chí Bảy Ước nhận được tin : Tư Hương cùng với đồng chí Ba, bác sĩ Đảng ủy viên và đồng chí trung đội trưởng cơ yếu hy sinh tại trận. Địch lấy được điện đài, một trăm ngàn đồng. Địch tiếp

lực kiệt vong vảy. Chúng chiếm được cũ luo, sức sạo suốt ngày, phá hủy toàn bộ căn cứ chỉ huy trung đoàn. Đồng chí Bảy Ước và đồng chí Tâm Lập (phó chính ủy) cùng số anh em còn lại mở đường máu về Bà Râu.

Đồng chí Bảy Ước nói với đồng chí Tâm Lập :

Bây giờ mình không còn diện dui, phải lấy tiếng súng mà báo cáo với R. Đánh không lệnh mà đánh sào thì ở trên khắc biết !

Trong tay lúc ấy còn 4 trái ĐKB cuối cùng. Đồng chí Bảy Ước quyết định : hai trái để đánh, hai trái dành cho dinh Độc Lập, đồng thời phải cho đại đội 5 vô quân cảng Nhà Bè... trả thù !

Hai trái ĐKB lại lên trận địa Phước Khánh. Đêm nỏ, sáng ra đã nghe đài BBC « la ». Tin này thực ra cũng khó biết là « của ai » vì nhiều khẩu đội ĐKB vẫn hướng về Sài Gòn. Tại căn cứ T7, đồng chí Hồng Lâm (lúc ấy là tư lệnh T7, bây giờ là thiếu tướng phó tư lệnh quân khu 7) hỏi đồng chí Mười Thà (tư lệnh phân khu 4, trước đó là chỉ huy phó đặc khu Rừng Sắt) :

— Ai đánh dinh Độc Lập ?

Nắm chắc là đạn nỏ từ hướng đông nam, đồng chí Mười Thà tỏ ra dilt khoát :

— Bảy Ước chứ ai ?

Đồng chí Hồng Lâm reo lên, mừng như vừa bắt được một tín hiệu đang sốt ruột tìm kiếm :

- À... vậy là nó còn sống !

« Đánh giặc theo tin tức yâ xã luận đài », đó là một kiểu hiệp đồng tiếng súng ở một chiến khu thương

bị bao vây và bị chia cắt, bị mất liên lạc cả tin hiệu diện dài từ củ lao này sang củ lao kia, từ dòng sang tây sông Lòng Tàu, từ Rừng Sắt về R...

Với những trận đánh không cân lực lượng diễn ra từng ngày, từng giờ, máu chiến sĩ ta đã loang đỏ sông rạch Rừng Sắt. Cuộc vật lộn này không tránh khỏi những tổn thất lớn, nhưng cho đến những ngày ác liệt nhất, chúng ta vẫn giữ được cái qui giá nhất : một chiến khu tồn tại ở sát sào huyết quân thù, một đối thủ nguy hiểm mà suốt hàng chục năm, với mọi cố gắng, chúng nó vẫn không loại ra được.

ĐẶC CÔNG RỪNG SÁT LÊN ĐẤT LIỀN

Rừng Sát đi vào mùa tấn công chiến lược đưa đến hiệp định Paris với nhiệm vụ của một mũi trong đội hình cánh đông nam Sài Gòn. Trận đánh ở đây diễn ra liên tục với ba giai đoạn gối đầu nhau theo hiệp đồng tiếng súng trên cả nước, đánh dấu bằng những cao điểm dài ngày theo những mức độ tấn công khác nhau về nhiệm vụ gắn liền với sự phát triển lực lượng.

Giai đoạn tấn công thứ nhất bắt đầu từ đêm 30 tháng 3 kéo dài đến ngày 30 tháng 5 năm 1972, đoàn 10 Rừng Sát được cục tham mưu B2 xác định nhiệm vụ : đứng vững trên địa bàn Rừng Sát cánh đông nam Sài Gòn, dùng lực lượng hiện có, tấn công liên tục vào các mục tiêu bến cảng, sông Lòng Tàu. Chọn đối tượng tàu hàng quân sự chở xăng dầu, bom đạn và dụng cụ chiến tranh là chủ yếu, đánh trong cảng Nhà Bè, Rạch Dừa, đánh chìm tại chỗ, đánh trên sông Lòng Tàu, đánh thường xuyên liên tục làm cản trở, gián đoạn vận chuyển trên sông Lòng Tàu tiến tới có thể làm gián đoạn trong một thời gian nhất định.

Sau những năm dài bị bao vây, đây là một thử thách, cả nhiệm vụ « vững địa bàn » lẫn nhiệm vụ tấn công. Cái được gọi là « lực lượng sẵn có » đang ở vào thời kỳ thấp nhất và có thể tóm tắt trong một bản thống kê hết sức đơn giản :

— 3 đội B41, quân số từ 16 đến 17, tổng số đạn còn 80 trái B41.

— 2 đội đặc công, quân số 20 và 25, chất nổ còn 4 trái 100kg.

- Một đội tải, quân số 13.

— Một trạm xá.

— Ba cơ quan đoàn bộ, mỗi cơ quan còn 12 đến 16 người.

Về súng AK, nếu tập trung cho phía trước thì ở phía sau mỗi điểm đứng chân chỉ còn 1 đến 2 khẩu để đánh cản.

Người, súng, đạn đắp chỗ này hờ chỗ kia. Nhưng không còn cách nào khác, để vừa đảm bảo hoạt động lâu dài vừa hoàn thành nhiệm vụ giai đoạn một, bộ chỉ huy đoàn quyết định hớt 20 đồng chí ở cơ quan để tăng cường đội tải, đồng thời ưu tiên vũ khí cho phía trước.

Tổ chức một trận đánh vào cảng thời kỳ này không đơn giản. Có khi đánh theo nước ròng, có khi đánh theo nước lớn, xoay chuyển theo chu kỳ hai cơn nước mỗi tháng. Nhưng khi đã có lệnh hiệp đồng thì dù ngược nước cũng phải đánh. Thời gian ở đây là một sự tranh chấp từng phút, từng giờ với quân thù và cả dòng nước trong khi với điều kiện thuận lợi nhất, từ các điểm xuất phát đi đến các mục tiêu phải mất ít nhất từ 3 đến 5 ngày đêm.

Đánh một trận trên sông Lòng Tàu vào thời kỳ năm 1972 không thể bằng cách phục kích hay đào hầm bí mật trên bờ sông như trước. Đây là một sự giành giật thời cơ giây phút quyết liệt với kẻ thù trên bộ, trên mặt nước, với máy bay lên thẳng ngay trước, trong và sau khi nổ súng...

Tiếng nổ hện giờ của Rừng Sát đặt trước những thách thức tưởng chừng không vượt nổi nhất là về thời điểm. Chiến sĩ ta đã dày dạn bao nhiêu thì kẻ địch cũng kịp thời đổi mới về thủ đoạn hoạt động và phòng thủ bấy nhiêu.

Ngay từ đầu chiến dịch, các mục tiêu chủ yếu: quân cảng Nhà Bè, Rạch Dừa và sông Lòng Tàu đã nằm trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

Một lần nữa đội 5 lại xác định vai trò mũi nhọn và chủ công của mình. Đêm cuối tháng 3, lúc toàn Miền đã vào chiến dịch, một tổ chiến đấu 3 người do Cao Hồng Ngọt chỉ huy đã chọc thủng mạng lưới phòng thủ quân cảng Nhà Bè. Một chiếc tàu hàng quân sự 10.000 tấn đậu tại cảng đã bị khối nổ 100kg cặp mạn và chịu số phận của bao nhiêu tàu vận tải khác cũng chính tại nơi đây trước sức công phá của những khối nổ «cắm tử quyết thắng». Đây là một quả đấm không chỉ mạnh về trọng lượng mà còn mạnh về thời điểm: tiếng nổ hiệp đồng chiến dịch.

Kể từ đêm đột phá quân cảng Nhà Bè cuối 1967 cho đến đầu chiến dịch đồng khởi 72, với 80 trận vừa tải vừa đánh, đại đội 5 đã làm chìm, cháy, trọng thương 53 tàu, trong đó có 30 chiếc trọng tải 8 đến 13 ngàn tấn bị chìm tại trận, thiếu hụt 15 triệu lít xăng.

Đã chuẩn bị ma vẫn bất ngờ, những cái bất ngờ lặp đi lặp lại. Địch lộng lộn tung lực lượng đặc khu vào các khu vực mà chúng cho rằng, không còn một điểm xuất quân nào khác: Phú Hữu, Phước Khánh, sông Ông Kèo, Rạch Lá. Nhưng chính vào những ngày đó, hàng chục tàu hàng quân sự cỡ lớn trên sông Lòng Tàu đã phải đụng đầu với B41, một số tàu đồ quân bị trưng trị ở sông Đồng Tranh, sông Ông Kèo, tắt Bài... Đêm 17 tháng 4 và sau đó, tháng 5 lần lượt 2

chiếc tàu 13 ngàn tấn và 8 ngàn tấn bị nhận chìm trong quần cảng Nhà Bè.

Trong quần cảng Rạch Dừa, hai chiến sĩ ta hy sinh, nhưng đội 19 chưa vào được, địch lại đánh mạnh vào diềm đứng chân.

Trong 2 tháng đầy thử thách, với 4 khối thuốc nổ 100kg và 80 trái B41 có trong tay. Rừng Sát đã đánh đắm 3 tàu hàng quân sự từ 8 đến 13 ngàn tấn, đánh trúng 10 tàu hàng quân sự 10 đến 12 ngàn tấn, cháy và chìm 4 tàu LCM, 1 tàu quét mìn. Đây là một chứng minh về khả năng của đặc khu Rừng Sát, là cơ sở để bộ chỉ huy và cục tham mưu B2 giao cho những nhiệm vụ nặng nề và phức tạp mới.

Giai đoạn 2 của chiến dịch diễn ra từ 1 tháng 6 đến 30 tháng 10 năm 1972 trong thế trận tấn công toàn miền và hành lang ngăn chặn phía đông của địch đã bị chọc thủng. Tháng 6 năm 1972, chiến khu Rừng Sát được bổ sung một đội đặc công nước, một đội đặc công bộ và nước, một đại đội hỏa lực và một đại đội bộ binh để chuẩn bị cho nhiệm vụ theo phương án chồm lên.

Trên cơ sở mục tiêu tấn công cũ, Rừng Sát đi vào giai đoạn thứ hai với nhiệm vụ nâng gấp đôi về trọng lượng tổn thất của địch, đồng thời mở thêm hai mũi tấn công vào cảng Cát Lái và cảng Thành Tuy Hạ.

Tháng 9 năm 1972, lúc cao điểm 2 trên cả nước đang quyết liệt thì tình hình khẩn trương trên mặt trận ngoại giao ở bàn hội nghị Paris lại đòi hỏi những quả đấm lớn trên chiến trường. Chỉ thị của cục tham mưu B2 xác định nhiệm vụ mới của Rừng Sát phát triển thế công của đoàn thành một diện rộng ở hậu cứ của địch, phối hợp hoạt động chung trên chiến trường toàn miền. Dùng lực lượng đặc công bộ đánh

vào kho xăng Nhà Bè, kho Thành Tuy Hạ, kho Rạch Dừa, kho Cát Lái. Lấy nhiệm vụ đánh kho xăng Nhà Bè làm nhiệm vụ chủ yếu số một và kho Thành Tuy Hạ là nhiệm vụ chủ yếu số hai, tập trung đánh hủy diệt từ 70 phần trăm đến 80 phần trăm bom đạn, xăng dầu và phương tiện chiến tranh, coi đánh bom đạn và xăng dầu là chủ yếu.

Từ tháng 9 năm 1972, Rừng Sát đã hình thành các mũi tấn công tất cả quân cảng, kho tàng quân sự phía đông nam Sài Gòn và tàu hàng quân sự trên sông Lòng Tàu; khống chế các đoạn sông Rạch Tràm-Vũng Gấm, Đồng Tranh, Bàn Thạch... tổng cộng trên 40 ki-lômet đường sông, sẵn sàng chồm lên hỗ trợ nhân dân làm chủ ấp chiến lược.

Sau tiếng nổ đầu mùa chiến dịch của đội 5 trong quân cảng Nhà Bè, một « chiến trận Card » phía đông nam Sài Gòn lại trở nên dữ dội hơn bất kỳ thời gian nào trước đây. Kể từ tháng 6 năm 1972 không còn một quân cảng nào ở hai đầu sông Lòng Tàu không bị đòn đặc công và pháo đặc công Rừng Sát. 5 tháng trước khi đặc công đặt chân lên bệ pháo đánh vào cảng Nhà Bè 10 trận, cảng Thành Tuy Hạ 3 trận, cảng Cát Lái 2 trận trong vòng 10 ngày. Riêng ở cảng Rạch Dừa sự tồn thất ban đầu đã đặt ra cho ta nhiều thách thức. Sau một thời gian đấu tranh với hiện tượng khống chế trung thành với kỹ thuật đánh oấp mạn, không trực diện mắt thấy tay sờ, đội 19 đã đột được vào quân cảng và khi đó những trận đánh ở đây lại dữ dội hơn ở cảng Cát Lái và Thành Tuy Hạ. Tháng 7 năm 1972, 3 dũng sĩ đại đội 19 Niêm, Dũng, Điều đã áp được khối nổ 100kg vào mạn tàu 12 ngàn tấn đậu cách cảng Rạch Dừa 2km. Đây là chiếc tàu hàng quân sự lớn đầu tiên bị đánh ở khu vực cảng này. Kể từ đêm đó đến cuối chiến dịch

đồng khởi, 10 chiếc tàu hàng quân sự trên dưới 10.000 tấn đã bị đánh đắm ở đây. Tháng 9 rồi tiếp đến tháng 10 năm 1972, đội 19 giữ là cơ đơn vị đột phá kỷ lục về nhịp độ tấn công trong quân cảng : mỗi tháng nhận chìm trong quân cảng 3 tàu hàng quân sự trên dưới 10.000 tấn.

Nhìn lại lịch sử « chiến trận Card » ở Rừng Sát, đây là thời kỳ phát triển mạnh nhất: đặc chủng dưới nước hoạt động trong quân cảng của đối phương. Nếu trong giai đoạn 1, trung bình một tháng có 1,5 tàu vận tải bị đánh đắm trong cảng thì ở giai đoạn 2 con số đó là 4 chiếc, kỷ lục về nhịp độ đánh chìm tại một cảng trong một tháng 2 chiếc đã bị phá vỡ. Chiến thắng cả về thời điểm những tiếng nổ bùng lên đã tạo thành thế chia lửa rất kịp thời : cùng đêm 21 tháng 8 cảng Thành Tuy Hạ, cảng Rạch Dừa, đều bị đánh. Từ 22 đến 24 tháng 9 vừa đánh chìm tàu trong cảng Nhà Bè vừa đánh cháy tàu trên sông Lòng Tàu. Từ 15 đến 7 tháng 10 vừa đánh tàu trong cảng Cát Lái, cảng Rạch Dừa, vừa đánh cháy tàu trên sông Lòng Tàu.

Trên mặt trận đường sông, với hơn 40 cây số đường sông bị khống chế, các chiến sĩ pháo đặc công Rừng Sát giữ được thế chủ động 5 tháng đánh chìm, cháy, bị thương 42 tàu, có 20 tàu trên dưới 10 ngàn tấn bị thương và cháy.

Đứng ở thời điểm cuối cùng của chiến dịch đồng khởi 1972 để nhìn lại trận đánh Rừng Sát kể từ khi chiếc tàu 10.000 tấn mang tên Baton Rouge Victory bị hạ trên sông Lòng Tàu, ta thấy hiện lên hai quá trình lịch sử đánh tàu : quá trình tấn công đặc chủng nhận chìm tàu hàng quân sự 8 đến 13.000 tấn trong các quân cảng, quá trình đánh thủy lôi và « pháo đặc công » đánh tàu trên các dòng sông Rừng Sát. Quá trình thứ

nhất là một « chiến trận Card » dài ngày. Dãy số liệt kê sau đây (về số tàu từ 8 đến 13.000 tấn bị đánh chìm trong các quân cảng là một chứng minh về nhịp độ phát triển của nó :

— Từ 25 tháng 12 năm 1967 đến tháng 12 năm 1968 :
chìm 6 tàu.

— Từ tháng 1 năm 1969 đến tháng 12 năm 1971 :
chìm 19 tàu (có 1 tàu 6000 tấn)

— Riêng năm 1972 : chìm 25 tàu (không kể trọng thương 2)

Thực tế chiến trường đã tạo nên những con người dày dạn. Trong quân cảng, dù cách quân thù một mép nước nhưng anh em biết rõ không có sức mạnh nào hơn là sức mạnh xem tận mắt rõ tận tay. Có những lúc địch không thả neo ở mũi mà thả neo ngay trên bờ thì lợi dụng chân cầu cảng với chân vịt của tàu để buộc khởi nổ. Với tàu vạn tấn ban đầu phải đánh bằng khối nổ 100 kilô hoặc 2 đến 3 quả mìn K69, anh em phát hiện ra trong quá trình đánh chỉ cần đến trái CK2 30 kilô hoặc 1 K69 cộng thêm 10 kí lô C4 và 1 kip nổ.

Về mặt số lượng tàu trên dưới 10.000 tấn bị đánh phần của pháo trên sông lớn hơn phần của đặc công trong cảng. Năm 1972 có 43 tàu hàng quân sự lớn bị đánh trên sông, trong khi có 25 chiếc bị đặc công đánh trong cảng, nhưng về mặt tầm vóc thì « chiến tranh đặc chủng » vẫn là mũi nhọn chủ công vì đối với tàu lớn trên sông phần lớn pháo chỉ gây thương vấ cháy.

Đối với quân thù, nếu quá trình đánh pháo trên sông đã gây một điệp khúc « Tử thần trên sông Lòng Tàu » và chảy máu « xăng dầu » vì tàu dầu bị bắn, cháy không chữa nổi thì « chiến trận Card » lại là những quả dấm thối óc về sự bất lực của hệ thống

phòng thủ hiện đại và sự mất mát lớn lao đối với tất cả các loại phương tiện chiến tranh. Máu xăng dầu của quân thù đã không ngừng chảy trên sông nước Rừng Sắt. Riêng năm 1972, 16 tàu chở xăng dầu 8 đến 13 ngàn tấn đã bị đánh chìm và cháy trên mặt trận Rừng Sắt, tương đương 2045 triệu lít.

Năm 1972 chỉ còn 20 đến 30 phần trăm tàu hàng quân sự ra vào sông Lòng Tàu. Tháng 8 năm 1972 trung bình mỗi ngày trên sông chỉ còn 16 đến 18 tàu vận tải quân sự cỡ lớn ra vào trong khi trước kia con số đó là 25 đến 30 chiếc. Giống như những thời kỳ căng thẳng của địch trước đây ở Rừng Sắt, càng về cuối năm 1972 càng nhiều tàu hàng ở đông nam Sài Gòn phải tản cư về ban đêm. Những tàu năm sáu ngàn tấn phải mở đường theo sông Soài Rạp.

Cùng với những hoạt động đặc chủng trên sông Cửa Việt, Đồng Hà, Hàm Luông, Đồng Nai... những hoạt động đặc chủng trên mặt nước đông nam Sài Gòn đã hình thành thế hiệp đồng tấn công trên sông nước từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau. Tiếng dội từ sông nước đã có lần cỡ vượt đại dương khi mà những xác tàu chìm mang đủ các nhãn hiệu Mỹ, Nhật, Pháp, Hà Lan, Đài Loan, Nam Triều Tiên, Tây Đức ...

Đặc công Rừng Sắt đặt chân lên bộ vào thời gian những trận đánh đặc chủng trên mặt nước của năm 1972 đang tiếp diễn. Tháng 11 năm 1972, lúc tên tổng thống Mỹ Nixon trở lại không chịu ký hiệp định dừng thời gian thỏa thuận, một mặt ráo riết chuẩn bị trận tập kích chiến lược ra miền Bắc, Rừng Sắt nhận mệnh lệnh phải đánh bằng được kho xăng Nhà Bè và kho bom Thành Tuy Hạ.

Các mũi tấn công kho xăng Nhà Bè, kho Thành Tuy Hạ đều gặp khó khăn trước một kẻ thù đã được

bão động không chỉ qua những trận đòn dưới nước, pháo trên bộ mà còn qua những dấu vết đặc công để lại trong các lớp hàng rào : Trận đột nhập bị địch phát hiện lúc vượt rào 2,5 mét của đội 21 ở kho xăng Nhà Bè, quả mìn hẹn giờ chưa nổ của đội 19 bị địch phát hiện ở kho Rạch Dừa, chiếc dèp rơi lại hàng rào của đội 32 ở kho Thành Tuy Hạ ... đều trở nên những thách thức cả về hai phía. Kẻ thù biết rõ mọi cố gắng của chúng đã không đỡ nổi những trận đòn dưới nước thì trên bộ, số phận của những kho tàng chiến tranh lớn nhất sẽ không có gì khác hơn. Nhưng về phía đặc công Rừng Sắt, cái quan trọng nhất của kỹ thuật đặc chủng đã bị đánh mất : yếu tố bất ngờ. Hai trường hợp bỏ lỡ cơ hội đến mục tiêu của hai lần đột nhập kho xăng Rạch Dừa và kho xăng Nhà Bè cách nhau 25 ngày trong tháng 10 năm 1972 tuy không hoàn toàn giống nhau về hoàn cảnh nhưng cùng đặt ra một vấn đề suy nghĩ về cách xử trí của người chỉ huy trực tiếp ở tổ chiến đấu trước thử thách về cái sống và cái chết ở ngay trong tình huống phức tạp đang diễn ra giữa sào huyệt quân thù. Ở hoàn cảnh này quá trình hoạt động dưới nước trong các quân cảng đã trở nên một bài học không có sức thuyết phục nào hơn : trong cái mất bất ngờ vẫn còn tồn tại cái bất ngờ. Quá trình đó đã lặp đi lặp lại trong các quân cảng.

Tình hình đang khẩn trương, bộ chỉ huy quyết định phân tán cán bộ chỉ huy của đoàn về trực tiếp chỉ đạo các mũi tấn công chủ yếu.

Đồng chí Lê Bá Ước, chính ủy kiêm đoàn trưởng trực tiếp chỉ đạo mũi Thành Tuy Hạ.

Trong quá trình thi đua nước rút giữa đội 21 và đội 32 để vào kho xăng Nhà Bè và kho bom Thành Tuy Hạ, đội 32 đã đến mục tiêu trước.

Ở kho Thành Tuy Hạ, ngoài 7 hàng rào tổng hợp bằng dây thép gai còn có nhiều hàng rào đơn và có

một hệ thống min và lựu đạn, pháo sáng dày đặc, có một bờ đê cao 3 mét dựng đứng như một bức tường. Dưới chân đê có hào sâu ngập nước. Phía trong cùng là hai lớp rào thép chôn và ngồng (khác với trước đây, lần này từng toán chôn được thay nhau thả rong). Cùng với hệ thống đèn cực sáng, mỗi trăm mét có một bót canh. Địch còn lấy thùng đại liên đổ đầy dầu ma-dút làm đèn, cách 3 mét đặt một cái. Kề cạnh kho là quân căng, từ lâu là một trong những quyết chiến điểm của đặc công.

Đồng chí Quyết, đội trưởng đội 32 là người trực tiếp chỉ huy quá trình đánh Thành Tuy Hạ.

Đêm 12 tháng 10 tổ điều nghiên đột hướng tây nam. Khởi vòng rào thứ ba, đập trái sáng. Địch phát hiện có đặc công đột nhập.

Đêm 13 và 14 tháng 10 đột hướng nam. Qua khỏi 11 lớp rào, phát hiện có bộ binh đang phục kích, không qua được.

Đêm 25 tháng 10 đột hướng đông bắc, gặp một bãi mìn lớn, không qua được, ém lại cách mục tiêu 300 mét. Đêm 27 tháng 10 tiếp tục vượt được 1 lớp rào, lại phát hiện bộ binh địch đang phục kích.

Đêm 2 tháng 11, đột hướng tây, gặp địch phục kích. Rút ra để rơi lại một chiếc dép. Lờ hướng.

Qua 6 đêm đột 4 hướng không tìm ra được chỗ hở. Bộ chỉ huy nhận định : các hướng này ta đã ra vào nhiều lần, địch đã chú ý. Phải tìm cái bất ngờ ở hướng khác.

Đêm 7 rạng 8 tháng 11, hai tổ điều nghiên lại ra đi.

Một tổ hai đồng chí, đêm 7 tháng 11 vào hướng tây — tây bắc, qua được 8 lớp rào, ém lại. Đêm 8 tháng

11 đợt được vào căn cứ phát hiện kho thuốc nổ hóa chất và bom napan.

Cùng đêm 8 tháng 11, tổ thứ hai đợt hướng nam, đến lớp rào thứ 3 gặp bộ binh địch phục kích, lui trở ra, đồng chí Bèo dùng trái nỏ dử hai chân, cõng ra ngoài hy sinh.

Kết quả 8 lần đợt nhập, một chiến sĩ đã ngã xuống! Khu vực bom Thanh Tuy Hạ vẫn còn nằm trong vòng bí mật. Nhưng qua kết quả của tổ tây-bắc đêm 8 tháng 11. Bộ chỉ huy đoàn quyết định hành động. Trận mở màn này là một quả dấm, đồng thời cũng là một giải đáp dành cho những trận khác lớn hơn.

Đêm 11 rạng 12 tháng 11, 4 đồng chí do Hòa chỉ huy với 16 khối thuốc nổ, mỗi khối nặng 1,5 kilô đã đợt nhập khu vực thuốc nổ hóa chất và bom napan.

16 khối thuốc nổ đều đã được áp sát mục tiêu. Một tiếng nổ vang dội Sài Gòn. Chất nổ và bom napan tạo thành một đám cháy khổng lồ cả một vùng trời đen ngịt lửa khói suốt hai ngày đêm. 23 nhà kho chứa đầy thuốc nổ tương đương 23.000 mét khối và 9 nhà chứa đầy bom napan khoảng 200.000 trái đã bị hủy diệt.

Trong 4 chiến sĩ đặc công ra đi, đồng chí Tinh hy sinh, trận đánh được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất.

Nếu với trận đánh 25 tháng 12 năm 1967 ở cảng Nhà Bè đại đội 5 trở thành đơn vị mở màn « Chiến trận Card » thì với trận đánh kho Thanh Tuy Hạ đêm 12 tháng 11 năm 1972, đại đội 32 đã trở thành đơn vị đợt phá lên đất liền của đặc công Rừng Sát.

Trận đầu đã có sức công phá lớn, nhưng có điều lớn lao hơn : nó đã tạo ra 1 tiền lệ nguy hiểm cho kẻ thù. Trong quá trình lịch sử, Rừng Sát luôn luôn đặt

ra những tiền lệ. Đã có mở màn ắt có kế tiếp, cái kế tiếp thường là dữ dội hơn... Phương án đánh Thành Tuy Hạ lần thứ hai đã được xét duyệt và thông qua sa bàn trên một khí thế và niềm tin khác hẳn ngày mà đồng chí Bèo đã để lại đôi chân giữa lớp rào thứ năm của kho Thành Tuy Hạ. Lần này đồng chí Hai làm mũi trưởng, Hòa mũi phó. Chiến đấu viên gồm có ba : Sáng, Chữ, Thắng.

Tiền lệ gây nguy hiểm lớn hơn cho kẻ thù, nhưng tiền lệ cũng lại đặt cho ta những thách thức mới. Những lần đột nhập cho trận thứ hai ở Thành Tuy Hạ bắt đầu từ đêm 22 tháng 11 đến đêm 30 tháng 11 qua các hướng đông, tây-nam và nam đều không lọt. Cũng giống như ở kho xăng Nhà Bè, ở đây lại gặp những cản trở mà trận thứ nhất chưa có : một hàng rào thiếc cao 2,5 mét chôn sâu từ 2 đến 3 tấc, không thể cắt được. Ngoài ra ở hướng đông và hướng nam, lính phục kích giữa hai hàng rào, đèn dầu dọc đường chiến thuật 15 cứ 15 mét một cây, cứ 3 ngọn đèn dầu lại có hai lính gác.

Bộ chỉ huy đoàn nhận định : hướng tây bắc và bắc, hằng ngày địch tập nập ra vào, bên ngoài là sông ngòi, quân cảng... chỗ địch dày, chỗ ta thừa đến ắt là có sơ hở...

Ngày 4 tháng 12 tổ điều nghiên ra đi. Đêm 8 tháng 12 chọc thủng được hệ thống hàng rào nhưng trở ra không kịp. Một ngày ở trong căn cứ địch, anh em sống với gạo rang, cơm nắm, dầu nóng và mứt gừng của hậu phương. Đêm 9 tháng 12 từ điểm ém tỏa ra, các chiến sĩ lại phát hiện kho hóa chất mà không tìm ra được kho bom.

Bộ chỉ huy đặc khu nhận định : mặc dù chưa đến mục tiêu, nhưng thời cơ đã đến, khẩn trương xuất kích.

nhưng phải tìm bằng được kho bom ! Thời gian dành cho chuẩn bị chỉ có hai ngày. Đồng chí Cát chính trị viên đội 32 phụ trách tổ đưa đón, phục vụ. Ba chiến sĩ biệt động thị đội Nhơn Trạch dẫn đường xuyên qua các ấp chiến lược. Chết nổ : mỗi người 25 khối 1,5kilô. Hướng đột nhập là mép con đường từ cảng vào kho, nơi mà ngày đêm xe vận tải quân sự ra vào như mắc cửi. Trước 4 giờ sáng đêm 12 tháng 12 năm 1972, tất cả lọt vào Thành, hội ý chớp nhoáng ngay trong Thành : Hòa một mũi, Hai một mũi, tìm bằng được kho bom, chưa gặp kho bom, chưa bị lộ, chưa hành động. Chỉ còn không đầy một giờ trời đã sáng rõ : thời gian đã không cho phép hành động. Lệnh mỗi người một kho ém một ngày. Nhắc lại qui ước : bị lộ đánh ngay. Tiếng nổ đầu là mệnh lệnh, quyết tử mà đánh, không ai được bị bắt !

Trong ánh sáng mờ, hiện lên một đám cỏ tranh rộng chừng 30 đến 40 mét vuông lọt thỏm giữa bốn bên là kho. Đám tranh cháy trong trận trước nay mọc lên cao quá đầu gối. Nằm ở đây cũng không kín đáo gì nhưng vẫn hơn ở kho, nếu chuyện đổ vỡ thì từ đây có thể lao ngay vào kho đánh được. Năm người nằm giấu chân, đầu tỏa ra năm hướng, âm hiệu thay lời nói. Trời sáng rõ, căn cứ Thành Tuy Hạ rầm rầm tiếng nổ của hàng chục chiếc máy xúc đang làm công việc dọn dẹp hậu quả của trận đánh trước. Dọn đến đâu, kho mới mọc đến đó. Có tiếng rú ga gần : Một chiếc máy xúc đang lù lù tiến về hướng bãi tranh. Đóng sắt công queo và gạch vụn, nhích dần đến tổ đặc công Rừng Sát. Không ra tay sớm thì hoặc tên lái xe sẽ thấy trước, hoặc cả năm sẽ bị chôn vùi. Hòa xin ý kiến của Hai và bắt đầu hành động. Lưng giắt một thủ pháo, anh đứng dậy đón đầu tên lái xe xúc. Tên lính giắt này người, định nhảy, nhưng Hòa ra hiệu cho nó

ngồi yên. Anh nhìn nó, một tay bịt mồm, một tay chỉ trái thủ pháo trên bụng. Tên lính hiệu ra : « Cầm mồm, yên lặng, nếu không thì chết ! » Hòa chọn đồng sắt, gạch vụn làm nơi giấu sắt tên lính. Nó cầm cui làm việc. Thỉnh thoảng dòi mắt lăm lét của nó bắt gặp cái nhìn nghiêm khắc của Hòa.

Mười giờ đêm. Theo lệnh của Hòa, tên lính không dám rời xe trong lúc tổ đặc công đang chia tay tỏa về hướng nam, nơi nghi là khu vực chứa bom. Hòa ở lại sau, trèo lên xe xúc. Tên lính sợ toát mồ hôi, miệng run lập cập :

— Dạ thưa... Ông tha cho... em có vợ, có 9 con dại...

— Muốn sống với vợ con, anh phải ở đây, không được gặp bất kỳ ai. 1 giờ sáng anh tìm cách thoát khỏi nơi này.

Hai Hòa vừa đi vừa nhìn lại chiếc xe xúc. Anh lao về hướng nam, nơi có tháp nước, 55 mét nữa. Một dãy nhà lù lù xuất hiện. Hòa sung sướng đến nỗi như không tin vào mắt mình : kho bom ! Bom chồng, bom dày đặc, những quả bom trần trụi, đen bóng... Mỗi kho 8 dãy bom, dài 66 trái, cao 6 trái. Hòa, Chử và Hai gặp nhau ở kho bom 7 lần. Trong lúc đó, Thằng, Sáng cũng đang mài miết cần kíp ở một kho xa hơn. Trước 1 giờ sáng anh em gặp nhau đông đủ. Mỗi người cần hết 25 kíp, mỗi nhà kho cấp 2 kíp. Tất cả rời kho bom lúc 1 giờ.

2 giờ 55 phút, lúc tổ đặc công đã ra đến Bàu Sền, trận bùng nổ bắt đầu. Tiếng nổ dày chuyền của hàng trăm ngàn quả bom làm rung chuyển mặt đất, kéo dài như một tràng sấm liên hồi. Kho bom Thành Tuy Hạ bị chìm dưới những quầng lửa khổng lồ, khói, lửa bùng lên suốt 3 ngày đêm.

Các dũng sĩ đánh Thành Tuy Hạ cho biết những kho đã đặt chất nổ : 8 dãy nhà, mỗi dãy 8 kho, tổng cộng 80 kho gồm :

19 nhà kho chứa bom. Mỗi nhà chứa 8 hàng bom, mỗi hàng dài 66 trái, cao 6 trái. Như vậy mỗi nhà 3.168 trái bom, 15 nhà 60.192 trái tương đương 18.057 tấn.

15 nhà kho chứa loại thùng kích thước 1m 1,6m x 0,3m, mỗi kho 15 thùng. Như vậy 15 kho chứa 33.937 mét khối. Sau này đại kỹ thuật địch nói đó là bom CBU thả ở độ cao phá địa hình (1).

17 kho đạn pháo 105 ly, mỗi kho có kích thước 18m x 3,7m x 3,5m tương đương 2.262 mét khối. Như vậy 47 kho chứa 106.217 mét khối.

Ngoài ra còn thiệt hại của các kho khác ở gần bị kích thích.

Toàn khu kho Thành Tuy Hạ bị phá hủy 60 phần trăm trở lên. Riêng khu kho bom bị phá hủy 80 phần trăm.

Toàn bộ chương ngại vật phía nam bị quét sạch.

Khu vực nổ có một tiểu đoàn bảo an, một tiểu đoàn lính quân cụ, một tiểu đoàn chó Berger khoảng 100 con.

(1) Lời chú thích về loại bom CBU của sĩ quan cao cấp CIA Mỹ Frank-Snepp trong sách "Khoảng cách thời gian vừa phải" như sau :

Còn CBU là loại bom khủng khiếp hơn so với bom Daisy Culter), nó ở độ cao đã định trước, tạo ra một đám mây lỏng có đường kính đến 100 mét và dày đến hơn 2 mét. Gặp lửa, đám mây này tỏa ra một nhiệt lượng lớn và áp lực mạnh, thốc xuống mặt đất nặng tới hàng tấn trên một centimét vuông, có thể phá tan mọi thứ. Con người đầu thoát khỏi vòm lửa này, cũng vẫn bị chết ngạt sau tiếng nổ của trái bom, vì nó tạo ra một khoảng chân không lớn. Trong kho vũ khí của Mỹ, bom CBU là một trong những loại sát thương tàn ác nhất ngoài vũ khí hạt nhân".

Bọn Mỹ thú nhận qua báo chí : hơn 100.000 tấn bom bị phá hủy.

Trong giờ phút chiến thắng, anh em trinh sát Thành Tuy Hạ vẫn nhớ một ông già Long Thành, ông già vô danh « tự nhiên mà nhập cuộc ». Hôm ấy, vào lúc trời gần sáng, anh em từ căn cứ dịch đi ra, bỗng có một ông già chạy đến về hốt hủi :

— Các chú đi đâu ?

Ông già nhìn anh em từ đầu đến chân vừa nghi hoặc, vừa bối rối :

— Các chú cần gì, tôi có thể giúp các chú được không ?

Nhìn thái độ ông già, anh em biết ngay sắp có chuyện nguy hiểm cần xử lý nhanh :

— Dạ, mấy cháu cần « ra ngoài ».

— Các chú theo tôi.

Ông già tiến lên phía trước rồi rẽ sang một bên. Khi chia tay, bác mới nói :

— Ở đây nó hay giả dạng mình nên qua phải coi chừng như vậy... Hồi nãy các chú sắp đi vô ổ phục kích của nó đó.

Sau trận đẫm công lần thứ hai, Thành Tuy Hạ vẫn là mục tiêu cho những trận kế tiếp lớn hơn. Lần này chiến sĩ ta lại đứng trước một thách đố mới : một bức tường tôn mới dựng bao bọc kho kèm với một hệ thống đèn dầu ngọn to dùng để phát hiện bóng người đột nhập.

Đây là một trong những nguyên do cho một phương án mới : « Phương án địa đạo », một cách đột nhập táo bạo, công phu được bàn bạc kỹ và trở thành quyết tâm cao từ chỉ huy đến chiến sĩ. Theo phương án địa đạo

sẽ dài khoảng 2 kilômét, từ rừng dầu khu lòng chảo Nhơn Trạch đâm qua các lớp rào để vào kho bom. Kế hoạch thực hiện chu đáo, tỉ mỉ. Từng kíp đào hầm ra đi với dụng cụ, súng đạn, lương khô, bánh mì, gạo rang, nước uống, thuốc trị phòng bệnh đầy đủ. Mỗi kíp xuống lòng đất làm việc ròng rã bảy ngày đêm. Địa đạo xuyên vào vùng địch kiểm soát, mỗi ngày mỗi đào sâu vào sâu huyết chúng nó, công việc càng trở nên hết sức phức tạp, nhất là phải tiêu thụ đất như thế nọ. Chiến sĩ ta rất dũng cảm và khấn trương. Qua bốn mươi chín ngày đêm đào bới căng thẳng, địa đạo đã kéo dài trên 1.800 mét, chiều sâu 1,4 mét, chiều rộng từ 0,8 đến 0,9 mét, xuyên qua 11 lớp rào kẽm gai, chuẩn bị vượt rào thứ mười hai và bước vào tường tôn là đã đến kho bom. Mọi bí mật vẫn nguyên vẹn. Nhưng sau ngày thứ năm mươi, một tình cờ của địch lại dẫn đến một thất bại cho ta : một chiếc xe ô tô đất bị sụp địa đạo trong khi đang búc cây chồi và ụ mìn như thường ngày vẫn làm. Địa đạo bị phát hiện.

Kể từ tháng 10 năm 1972 theo chỉ thị của bộ chỉ huy Miền B2, kho xăng Nhà Bè trở thành mục tiêu số 1 của đặc công Rừng Sắt.

Tháng 11 năm 1972 những trận đột nhập của đội 21 đã bắt đầu. Từ đó, suốt 7 tháng trời thử thách, mục tiêu này luôn đặt ra những bài toán chưa có đáp số. Đội 21 từng ở lại được ban ngày giữa những lớp rào, nhưng cuối cùng không vượt nổi hàng rào song sắt.

Cảng và kho Nhà Bè chỉ cách Sài Gòn 8 kilômét theo đường chim bay về phía đông nam. Từ một thương cảng của Pháp từ trước cách mạng tháng 8, Mỹ đã xây dựng thành quân cảng lớn để tiếp nhận phương tiện chiến tranh, đặc biệt là xăng dầu. Bên cạnh cảng là một hệ thống kho hoàn chỉnh của 3 hãng Caltex, Shell

và Esso. Cùng một lúc có thể cho một số tàu 8 đến 13 ngàn tấn vào bơm dầu trong cảng Nhà Bè. Kho Shell là kho lớn nhất, rộng 14 hecta có 72 bồn, phần nửa số bồn này có sức chứa trên 10 triệu lít. Đây cũng là kho Shell lớn nhất ở Việt Nam, cung cấp 60 phần trăm lượng xăng dầu cho dân sự và quân sự ở miền Nam Việt Nam.

Do tầm quan trọng đặc biệt, kho Shell cũng được bảo vệ đặc biệt. Trông 12 lớp rào các kiểu bao bọc, có loại đã thách thức đặc công qua hàng chục lần đột nhập: hàng rào song sắt không cắt được, hàng rào chẽ ba thẽ bùng nhùng cao 3,5 mét. Ở đây, ngoài chó, ngỗng, mìn, trái sáng, hệ thống đèn pha, tháp canh... cũng như tất cả căn cứ quan trọng khác, còn có tường cao từ 2,5 mét và một hệ thống đường tuần tra bộ, xe đạp, xe honda, xe ô tô.

Nhưng đặc biệt hơn, sự phòng thủ ở đây là cả một hệ thống liên hoàn từ cách bố trí lực lượng của Mỹ nguy đến cả điều kiện địa hình.

Lực lượng trực tiếp bảo vệ trên bộ, dưới nước và trên không đặt sở chỉ huy phía tây, dưới quyền của tên trung tá Nguyễn Bá Di quận trưởng kiêm chỉ khu trưởng chỉ khu Nhà Bè. Trên bộ có tiểu đoàn địa phương 835 do tên thiếu tá Quách Vĩnh Chung làm tiểu đoàn trưởng, một tên ác ôn khét tiếng ở Nhà Bè và Sài Gòn đã được thưởng 3 huân chương «anh dũng bội tinh» của ngụy và huân chương của Hoa Kỳ. Ở dưới nước có giang đoàn xung phong số 30 với 11 chiếc tàu tuần tiểu và tiến công. Trên không có một máy bay trinh sát L-19, 4 máy bay lên thẳng vũ trang.

Bên cạnh lực lượng bảo vệ trực tiếp và lực lượng thuộc bộ lỏng tham mưu ngụy và quân đoàn 3 ngụy sẵn sàng ứng cứu.

Qua hai rạch và hai bãi trồng về hướng nam là cảng và kho xăng Caltex, cảng hải quân. Trên cảng hải quân là căn cứ đặc khu Rừng Sắt của nguy với 3 liên đội bảo an, gồm 10 đại đội chốt giữ hệ sông Lòng Tàu do tên đại tá Hà Hữu Nhân chỉ huy. Lực lượng thường trực của đặc khu gồm 2 phi đội HCLIA vận tải và võ trang, một máy bay chỉ huy, một đại đội cảnh sát dã chiến, 1 đại đội bảo an, 1 đại đội pháo binh 4 khẩu 105, 2 khẩu 155 ly, 1 giang đoàn với 16 tàu tuần và tàu chở quân.

Cảng hải quân có giang đoàn 15, 16 tàu thường trực bảo vệ tàu dầu tại cảng.

Hướng bắc là khu nhân viên nối liền với bắc — tây bắc gồm 200 gia đình công nhân hãng Shell, có trục lộ mặt cảng, rạch qua cảng và kho Esso nối liền vàm sông Sài Gòn và kho, cảng quân sự Cát Lái cách 8 kilômét.

Cách phòng thủ của địch có kết hợp từ xa đến gần. Có những thời điểm chúng tung ra đến 13 chốt nhỏ. Ban ngày L19 xoi mói, ban đêm máy bay lên thẳng pha đèn các ngã ba sông.

Cách tổ chức ra vào ở đây cũng hết sức chặt chẽ. Mọi người ra vào làm việc phải đeo thẻ nhận dạng do hãng Shell cấp sau khi đã được cảnh sát quốc gia quận Nhà Bè điều tra nghiên cứu chặt chẽ lý lịch. Vào khỏi cổng chính 100 mét lại là một trạm kiểm soát mà người qua ngoài thẻ nhận dạng còn phải có giấy phép đặc biệt do cảnh sát yếu khu cấp. Khu vực bốn chùa lại còn chặt chẽ hơn nữa. Ở đây có 7 công nhân bơm dầu dưới sự kiểm soát của 13 tên an ninh riêng của hãng đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của giám đốc hãng. 7 công nhân bơm dầu và 13 tên này đều là người nhà hoặc thân cận của tên giám đốc Võ Hoài Nam.

Kho Nhà Bè cách điểm xuất phát của đặc công Rừng Sát 20km và cách rừng thưa 8km. Địa hình ở đây cách trở sông rạch, nhiều sinh lũy. Sông Nhà Bè rộng 1300 mét. Điều này gây cho ta nhiều khó khăn nhưng cũng tạo điều kiện cho ta ém được nhiều ngày ngay trong vòng vây của đối phương.

Sau nhiều lần chiến sĩ đặc công đội 21 bị chững lại ở trước hàng rào chẻ 3 cao 3,5 mét chứa bùng nhùng, đêm 14 rạng 15 tháng 12 năm 1972, anh em vác B41 bắn lùi từ hàng rào và cối 82 bắn vòng cần từ ngoài vào kho Nhà Bè. Nhưng B41 không lùi được vì hàng rào cao, cối 82 làm cháy 32 thùng xăng.

Cuối tháng 3 năm 1973 đoàn Rừng Sát lại được lệnh đánh kho Shell. Tháng 6 năm 1973 đội 21 bàn giao mục tiêu kho Nhà Bè cho đội 5, lúc đó do đồng chí Cao Hồng Ngọt làm đại đội trưởng, đồng thời tăng cường cho đội 5 một số đặc công giỏi như Hà Quang Vóc, người đã đột nhập kho Rạch Dừa tháng 5 năm 1972, Nguyễn Hồng Thế, người đã chỉ huy đánh cầu Rạch Muối, Rạch Miếu trên đường 15 Sài Gòn — Nhà Bè.

Từ Cát Lái chuyển về mục tiêu quan trọng số 1, tất cả cán bộ chiến sĩ đội 5 đều xin ra trận. Có người viết đơn đến ba bốn lần. Qua nhiều lần do của ban chỉ huy đại đội, cuối cùng một danh sách gồm 7 đảng viên và một đoàn viên đối tượng Đảng đã được xét duyệt:

- 1) -- Hà Quang Vóc, đại đội phó
- 2) — Nguyễn Hồng Thế, trung đội trưởng trung đội 3
- 3) — Nguyễn Công Bao, trung đội phó
- 4) — Nguyễn Văn Rục, cán bộ tiền đội

- 5) -- Trần Ngọc Sĩ, cán bộ tiểu đội
- 6) — Hoàng Hữu Hình, cán bộ tiểu đội
- 7) — Phạm Văn Tiềm, cán bộ tiểu đội
- 8) — Đỗ Hải Quân, cán bộ tiểu đội

Hà Quang Vóc trực tiếp chỉ huy trận đánh.

Phụ trách toàn bộ trận đánh : đồng chí Cao Hồng Ngọt, đại đội trưởng đại đội 5, người chỉ đạo trực tiếp : đồng chí Lê Bá Ước.

Thế và Quân là hai người ra đi đầu tiên với 1 khẩu K51 và 7 viên đạn. Lọt được vào hàng rào thứ nhất thì trời đã gần sáng. Hai người ém dưới một đám lác giữa hai lớp rào, một ngày trời dầm nước, nhin khát. Đêm thứ hai từ hàng rào thứ nhất đột qua hàng rào thứ hai và thứ ba, lại ém trong vòng rào thứ ba một ngày nữa. Chuyến đi này đã mang về những kết luận đầu tiên về hệ thống phòng thủ vòng ngoài của kho Shell và rút ra một phương pháp đột nhập mới.

Cơm nắm, gạo rang, năng, khát và giá rét suốt 6 tháng trời, cả 4 hướng kho Shell đều mòn dấu chân người chiến sĩ đội 5. Có lần 2 người có lúc 4 người ra đi. Có khi 2 ngày, có khi 4 ngày đêm liên tục nằm ở vị trí nhìn rõ mặt quân thù. Nguyễn Hồng Thế, người ra đi đầu tiên cũng là người có mặt cho đến chuyến cuối cùng. Hà Quang Vóc người chỉ huy trận đánh, một lần sốt dọc đường, không quay lại chỉ viết thư về trên xin tạm dừng 3 hôm cho qua cơn rồi tiếp tục hành quân. Quá trình chuẩn bị đã bị lộ kể từ khi địch phát hiện 1 hầm bí mật. Hôm sau, khi Vóc và Thế trở lại, đã nhìn thấy trước những cái đầu địch lúc nhúc dưới hầm. Công việc trở nên vô cùng khó khăn. Hàng rào chỉ 3 cao 3,5 mét vẫn là một bức tường có biểu quả của địch. Chuyến đi thứ 13 ngày 18 tháng 11 gặp địch dùng dao

phát cổ gần dung dầu, anh em phải lùi ra 10 mét cũng chính là lần phát hiện ra chỗ hở của hàng rào 3,5 mét và quá trình đến đây đã đem lại đủ tài liệu kết luận về qui luật hoạt động tuần tra, canh gác của địch. Lần thứ 14 vượt được hàng rào 3,5 mét.

14 chuyển đi xác định đường đột nhập từ hướng nam, luồn qua giữa kho Shell, và cảng, kho Caltex, cảng hải quân và sở chỉ huy đặc khu Rừng Sát.

Toàn bộ kế hoạch của trận đánh đã được đồng chí Tư Chi, tư lệnh B2 (bây giờ là thượng tướng Trần Văn Trà) kiểm tra đến mọi chi tiết. Bộ chỉ huy Miền đã nhận được điện báo cáo của đồng chí Bảy Ước «Đội được phân công đánh, có hơn 10 anh em cán bộ và chiến sĩ đã vào nghiên cứu tận bên trong khu kho, đã đi đến từng bồn nhiên liệu. Chúng tôi đảm bảo trận này chắc thắng ».

Căn cứ quyết tâm của cấp ủy và ban chỉ huy đội 5, Đảng ủy thủ trưởng đoàn đặc công Rừng Sát hạ quyết tâm phá hủy 80 đến 90 phần trăm kho Shell vào đêm 2 rạng 3 tháng 12 năm 1973 trước bộ chỉ huy Miền và đoàn 27 (sư đoàn đặc công).

Điện số 205/ZN ngày 27 tháng 11 của bộ chỉ huy Miền do đồng chí Tư Nguyễn ký, điện số 270/ZN ngày 29 tháng 11 do đồng chí Ba Kính ký, phê chuẩn quyết tâm và phương án tác chiến của bộ chỉ huy đoàn 10.

Tư tưởng chỉ đạo tác chiến : tận dụng sơ hở của địch để «mặt tập» hành động táo bạo, bí mật, bất ngờ, luồn sâu, áp sát, đánh trúng, đánh hủy diệt bằng trái lựu và ngòi nổ hẹn giờ, lui quân bí mật, an toàn.

Thủ đoạn đánh phá : Tổ chức thành hai tổ, 1 mũi, 1 hướng, luồn sâu lột sát, đặt trái diêm hỏa từ trong ra ngoài, ra cửa mở, lui quân bí mật, an toàn.

Tổ 1, 4 đồng chí : Vóc, mũi trưởng kiêm tổ trưởng.

Bực, số 2

Quán, số 3

Hình, số 4

Tổ 2, 4 đồng chí : Bao, mũi phó kiêm tổ trưởng

Sĩ, số 2

Tiền, số 3

Thế, số 4

Nhiệm vụ từng tổ : giao trên sa bàn và sẽ nhắc lại sau khi vào đến mục tiêu.

Có 11 tình huống được dự kiến, mỗi tình huống là một phương án lao lên phía trước hành động quyết liệt, không có phương án rút lui nữa chừng. Kịp nu xóc và bộc phá ổng đảm bảo tình huống chuyển từ mật tập sang cường tập.

Ngày 30 tháng 11 lễ xuất quân. Hội trường giản dị mà thiêng liêng. Chân dung Bác Hồ đặt giữa lá cờ Tổ quốc. Dưới bình hoa, một hàng chữ trắng nổi bật trên nền vải đỏ « Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh ». Hai bên hai băng chữ « Ra quân mang chiến thắng trở về », « Đội 5 anh hùng ». Đoàn trưởng Lê Bá Ước đọc mệnh lệnh chiến đấu. Hà Quang Vóc nhận nhiệm vụ và hạ quyết tâm : « Chưa đốt cháy kho Shell chưa trở về ». Đồng chí Bảy Ước ôm hôn tám dũng sĩ. Đại đội trưởng Cao Hồng Ngọt tiễn anh em đến tận bờ sông Nhà Bè.

Đêm 2 tháng 12, lúc 20 giờ 15 phút ở cảng Caltex, tàu hộ bo pha đèn trúng vào đội hình của tổ. Thoát được, ra đến giữa dòng sông, Bao nhìn thấy rõ kho xăng Nhà Bè, phấn khởi quá, khẽ vỗ tay, miệng nói nhỏ : « Mày phải chết, lát nữa chúng tao hủy diệt chúng mày về cái tội giết đồng bào ».

21g30, bữa cơm vừa xong bên hàng rào căn cứ địch. Tám dũng sĩ nắm chặt tay nhau, nhìn nhau trong ánh mắt : « Đồng đội quyết tử ! » Câu nói cuối cùng của họ : « Đồng chí nào về được nhắn lời thăm anh em ở nhà và bà con Rừng Sắt ». Thế lên vị trí đầu mũi nhọn lần lượt đến Vóc, Quân, Rực, Hình, Sỹ, Tiềm, Báo. Mất 30 phút quan sát động tĩnh trước hàng rào chống B41. Thế lao lên, vừa cắt đến mắt thứ 6 thì nhận được tin hiệu báo động của Vóc, phải lùi trở lại một con đường. 3 tên địch đi tới. Một tên tự nhiên dừng lại.

— Xẹt, xẹt, xẹt !

Một quả pháo sáng lao khỏi ống phóng trên tay tên lính, bung dù, sáng rực cả một vùng.

— Việt Cộng ! Dừng lại !

Tất cả vẫn nằm im, nhưng đã sẵn sàng. Có thể đây là tình huống 6 : bộc phá ống quét rào, xung phong đồng loạt, đánh bằng kip nư xóc theo kiểu « gió lốc », cũng có thể là tình huống 8 : vọt ngã ngay 3 tên lính, ém xác, tiếp tục nhiệm vụ... Nhưng chỉ vài phút sau 3 tên giặc lại lẳng lẳng bước đi. Thì ra đây chỉ là thủ đoạn của những tên lính đi tuần.

Thế lại vượt qua khoảng trống... 5 phút sau, hàng rào chống B40 bị thủng lỗ. Toàn đội hình vượt khỏi rào, qua một khoảng trống 200m dưới ánh sáng điện. Vừa được nửa bãi lại có một tốp lính đi xe đạp cách 10m trước mặt. Bọn này vừa khuất lưng. Thế lại lao lên vượt một con đường - nữa, cắt rào 1m5. Thế, Vóc, Quân vừa qua được hàng rào thứ 5 chuẩn bị đến Rực thì vệt sáng đèn pha chiếu ngang mặt. Hai tốp quân cảnh đang đi tới, có hai tên đi honda. Bọn này đã chia hai đội hình của tám dũng sĩ. Phía trong, Thế đang ở hàng rào mặt tường. Đến ngang chỗ Thế, đột nhiên chiếc honda phanh két lại. Hai tên lính trên xe

nhảy xuống. Quân lại sẵn sàng bọc phá ống, chuẩn bị tình huống 6. Nhưng khi cách đội hình ba bước, những tên lính lại quay lại mặt đường. Chúng nó vừa quay lưng, Thế đã đặt kim cắt lên, hàng rào mặt tường, hàng rào cuối cùng.

0 giờ, tất cả đã nhảy xuống khỏi mặt tường cuối cùng. Tám dũng sĩ nhìn nhau không nói nên lời mà đọc rõ niềm vui sướng trên từng ánh mắt. Lần cuối cùng, Vóc nhắc lại nhiệm vụ của từng số và chỉ thị mục tiêu butagaz cho Thế. Tờ 1 xuất phát. Vóc chỉ rõ cho Hình 6 hờn, Quân 7 hờn, Rực 7 hờn... Tờ hai gặp địa hình phức tạp, nhưng anh em rất thuộc sa bàn, áp trái diêm hỏa dùng dự kiến. 0 giờ 20 phút, 7 dũng sĩ đã áp hết trái, lần lượt ra khỏi hàng rào 3m5. Riêng Quân trong khi áp trái đã gặp 3 tên giặc đi tới, phải tạm dừng một lúc lâu không kịp ra dùng hện.

0 giờ 35 phút, kho Nhà Bè bùng nổ. Còi báo động rúc inh ỏi. Trung liên, M79 của địch bắn xối xả về phía cửa mở. Hò bo, tàu xuống chiến đấu chạy loạn xạ trên dòng sông. Bầu trời lần lượt xuất hiện máy bay lên thẳng võ trang rồi C47 pha đèn thả pháo sáng, bắn từng chuỗi đạn dài đỏ rực. Có tiếng địch la hét ngoài sông : « Bắt sống lấy nò, bắt sống ! ». Ở giữa dòng sông, Bao, Tiềm, hai chiến sĩ ra trước tiên bị làm vào giữa vòng vây tàu địch mỗi lúc thêm khép chặt. Sỹ, Hình, Rực, tốp ra thứ hai, địch phát hiện lúc họ ra đến 1 phần ba dòng sông. Quyết bắt sống, chúng ném lựu đạn và bắn ba chiến sĩ lung lên khỏi mặt nước... 3 đồng chí nhanh chóng cõng dây liên kết, mỗi người thoát ra một ngã. Lúc bùng nổ, Quân vẫn còn trong hàng rào 3m5. Lợi dụng địch đang nhốn nháo, vượt qua rào. Nhưng ra đến bờ sông lại chạm mặt 3 tên lính trên một chiếc xuồng. Chúng bắn trúng chân của

Quân, nhưng lập tức bị một quả lựu đạn ném trả, không kịp hành động gì thêm, Quân đã chạy thoát. Vóc, Thế đồn đồng đội ở cửa mở, ra sau cùng. Đến bờ sông thấy địch đã phong tỏa đường rút. Hai người ém lại khu vực cảng hải quân luôn 1 ngày.

Phía sau lưng 8 dũng sĩ, từ những tiếng nổ lục đục ban đầu kho Shell bốc lên từng cột khói, rồi cả một vùng lửa âm âm nổi lên như một cơn bão. Lửa mỗi lúc càng thêm dữ dội, sáng rực cả bầu trời Sài Gòn. Trận lửa vẫn cháy suốt 9 ngày đêm.

Ngày 11 tháng 12. — 8 ngày sau khi bùng nổ, lửa lại bắt sang một bồn dầu 11 triệu lít dầu mazout. Địch sợ lây sang hãng Caltex, Esso, phải mở khóa xả ống dẫn dầu. Dầu chảy lênh láng ra sông Sài Gòn, sông Lòng Tàu, sông Soài Rạp, chảy tới Vàm Láng, Gò Công.

Địch thú nhận qua các đài UPI, Manila, AFP, Sài Gòn, báo chí Sài Gòn... : Kho Shell hoàn toàn bị thiêu hủy, cháy 35 triệu gallon xăng dầu tương đương 140.000.000 lít, 12 bồn butagaz, 1 tàu dầu Hà Lan 12 ngàn tấn, 1 cơ sở lọc dầu, 1 cơ sở trộn nhớt, 1 khu chứa lương thực, 1 khu nhà lính... thiệt hại tổng cộng tương đương 20 triệu Mỹ kim.

Báo Đồng Phương (Sài Gòn) đưa tin : « Tổng trấn Sài Gòn — Gia Định ra lệnh đóng cửa tất cả trạm xăng ». Báo Đại Dân Tộc : « Mỹ hứa giúp đủ số xăng cháy bằng đó là, Việt Nam Cộng Hòa phải tự mua lấy... chỉ chờ dầu đến Việt Nam khi mượn được bể chứa Esso do Mỹ để lại ».

Địch tung lực lượng đặc khu Rừng Sát phong tỏa đường rút của tám dũng sĩ và các bộ phận phục vụ. Nhưng trừ hai đồng chí Bao, Tiềm hy sinh, tất cả bộ phận chiến đấu, phục vụ chiến đấu của đặc khu Rừng Sát trở về vị trí an toàn. Vóc, Thế là những người cuối

cùng đã tới bàn đạp lúc 6 giờ 30 ngày 3 tháng 12 năm 1973.

Theo tin bọn lính nói lại với nhân dân Nhà Bè : Bao, Tiềm bị 7 chiếc tàu vây chặt, chúng định bắt sống, nhưng khi áp lại, hai trái lựu đạn quyết tử của hai dũng sĩ đã nổ, hàng chục tên giặc chết ngay trên tàu.

Không kể đến nỗi thốn óc vì bị mất một khối lượng « chất đốt » cho chiến tranh quá lớn, chỉ nói riêng về mặt phòng thủ, trận đánh này đã làm đau đầu bộ quốc phòng, bộ tổng tham mưu nguy về những dấu hỏi : « ai đánh », « đánh bằng cách nào ». Báo Độc Lập (Sài Gòn) đưa một tit lớn ở trang đầu : « Rạng sáng thứ hai 3 tháng 12 năm 1973 kho xăng Nhà Bè bị pháo kích 49 quả đạn... ». Báo Đồng Phương (Sài Gòn) thì nêu lên một câu hỏi bằng một hàng chữ nổi bật : « Chưa rõ Việt Cộng đặt súng ở đâu ». Các báo Sài Gòn khác còn cho biết : sau vụ nổ kho Nhà Bè lại có sắp xếp một tổ chỉ huy quân sự. Tướng Thuận có thể bị thay.

Ngay sau vụ bùng nổ, bộ quốc phòng nguy triệu tập một cuộc họp khẩn cấp và thành lập một Ủy ban điều tra hỗn hợp gồm những tên tai to mặt lớn của bộ quốc phòng, bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia, bộ chỉ huy cảnh sát thủ đô, biệt khu thủ đô, cục an ninh quân đội do tên tướng Lê Nguyên Khang cầm đầu. Công việc điều tra này đặt dưới sự kiểm soát và phối hợp chặt chẽ của cơ quan tình báo Mỹ tại Sài Gòn, 400 công nhân của hãng Shell và hàng trăm người có liên quan đều bị lập hồ sơ điều tra. Cuộc điều tra kéo dài đến tháng 12 năm 1974 vẫn chưa chấm dứt. Nhưng chính vào những ngày cuộc điều tra vẫn còn đang ráo riết đó, 4 dũng sĩ « cầm tử » « quyết thắng » của đội 5 do mũi trưởng Trần Ngọc Sĩ và 3 chiến đấu viên Hoàng Hữu Sinh, Nguyễn Văn Rực, Hoàng Văn Hoạt, với lựu

dạn, súng ngắn, AK, thủ pháo, chọc qua vòng vây kén
đầy của địch lại đột nhập vào kho Caltex, thiêu hủy
50 triệu lít xăng.

Trận đánh kho xăng Nhà Bè chấn động thế giới
làm nức lòng cả nước và nhân dân Sài Gòn. Sau ngày 3
tháng 12 năm 1973, đặc công Rừng Sắt đã nhận nhiều
món quà Sài Gòn, trong đó có một lá thư :

Kính gửi đơn vị quân giải phóng đốt kho xăng
Nhà Bè.

Anh em công nhân chúng tôi vô cùng phấn khởi
được chứng kiến cảnh hỗn loạn của đô thành Sài Gòn
ngày 3 tháng 12 năm 1973 khi các anh đốt cháy kho
xăng Nhà Bè.

Vô cùng khâm phục và ngưỡng mộ lòng dũng cảm,
tài trí của anh em, bằng cách nào mà lọt được vào khu
vực kho với sự phòng ngự tối tân của Mỹ, Anh ở một
khu chứa nhiên liệu quốc phòng lớn ở miền Nam. Anh
em công nhân Sài Gòn chúng tôi xin nguyện kết đoàn
đấu tranh chống bất công của chính quyền Thiệu cùng
quân giải phóng, buộc bọn chúng phải thi hành đúng
hiệp định Ba Lê.

Sau đây chúng tôi có món quà 500 đồng gửi tặng
các anh trong ngày vui chiến thắng.

Thay mặt anh em công nhân Sài Gòn
TU CÔNG NHÂN

Kính nhờ lĩnh Biên Hòa chuyển gửi
cho đơn vị nào đốt kho xăng Nhà Bè

Trận đốt kho lịch sử ngày 3 tháng 12 năm 1973 đã
được tặng thưởng huân chương quân công giải phóng
hạng nhì.

Tặng danh hiệu anh hùng quân đội và huân chương chiến công hạng nhất cho các đồng chí Hà Quang Vóc, Nguyễn Hồng Thế

Tuyên dương hành động anh hùng cho các liệt sĩ :

Nguyễn Công Bao
Phạm Văn Tiềm

Tặng huân chương chiến công hạng 3 cho các dũng sĩ :

Nguyễn Văn Rực
Trần Ngọc Sĩ
Hoàng Hữu Hình
Đỗ Hải Quân.

Không kể số xăng dầu bị cháy trên các tàu chở xăng dầu bị đánh, tính đến trận Nhà Bè đêm tháng 5 năm 1974 (cháy 50 triệu lít xăng), đội 5 đã bắn cháy trong kho và đốt 265 triệu lít xăng của địch.

Sau ngày giải phóng, khi vào tiếp quản cơ quan bộ quốc phòng nguy (số 63 Gia Long nay là 63 Lý Tự Trọng), chiến sĩ ta phát hiện hồ sơ vụ án kho Shell Nhà Bè chất đầy 1 tủ sắt. Qua hàng trăm dấu hỏi trong 4 tủ sắt hồ sơ, chúng đã rút ra được một số kết luận : còn « bảo lưu », nhưng mới chỉ dùng suốt soát một nửa : « Đây là một trận đánh do nội tuyến kết hợp với đặc công Việt Cộng thực hiện » (Kết luận trong biên bản mang ký hiệu 0481/TTLQ/ĐT).

ĐÁNH CÁ SẤU

« Cọp Biên Hòa, ma Rừng Sắt »... « Ma Rừng Sắt » đối với người dân xưa ở đây không loại trừ hạm (cọp), beo, « thần sấu », thường luồng (trăn nước)... « Cọp Biên Hòa » đã hết một thời vang bóng khi mà con cọp

ba móng ác ôn khét tiếng miền Đông bị chiến sĩ vệ quốc đoàn giết chết, nhưng loài « chúa nước » thì vẫn nhe-nanh múa vuốt ở ngã ba sông Đồng Tranh, sông Ông Kèo, sông Rach Lá sông Vàm Sát, tắt Bà Nghĩa... và ở thời đánh Mỹ cho đến ngày nay.

Một huyền thoại kể rằng: Xưa có vợ chồng thần sấu mũi đỏ vợ cắt một đoạn đuôi, cư ngụ ở ngã ba Vàm Ô cách bến dò Cát Lái hai cây số. Nguyên là hồi còn trẻ sấu bà rất hung dữ, chuyên đi xung quanh các ghe xuống thấy người ngồi vô ý là lấy đuôi quạt cho rơi xuống nước bắt ăn thịt. Với kiêu bắt người như vậy, một lần sấu bà đã gặp phải một ông già võ nghệ cao cường. Nghe tiếng ~~tiếng~~ của đuôi sấu mà ông già né kịp, tay trái thộp luôn cái đuôi, tay phải chộp cái búa, chặt một phát, một khúc đuôi còn trong tay, còn sấu bà thì chuồn mất. Máu loang ra dòng nước. Sấu ông thương tình cứ húc mũi vào đuôi sấu bà để xoa nên máu thấm thành mũi đỏ.

Hồi đó, ai thấy « ông bà » ấy mà về không cúng thì cả nhà chết hết. Con bày, cháu đồng của « ông bà » kéo nhau xuống Rừng Sát, chúng nó đều giống bà ở tính hung dữ... Đó chỉ là huyền thoại, nhưng qua đó đủ biết « trận đánh cá sấu » ở Rừng Sát đã bắt đầu từ xa xưa. Con người đã lăm chặt cả đuôi « thần », nhưng chưa diệt nổi « thần ».

Thời đánh Mỹ, những câu chuyện đánh cá sấu của chiến sĩ Rừng Sát xảy ra nhiều nhất ở vùng sông Ông Kèo.

Sông Ông Kèo là một con sông nhỏ, đổ ra sông Lòng Tàu và đi vào đường 19 miệt Vũng Gấm — Xoài Ninh. Vùng này xưa kia cây cối um tùm, hoang vu, dòng nước tương đối sâu, chảy chậm, lòng sông nhiều đá ngầm với vô vàn hang hốc. Hai bên mép nước cây

cỏ rể phủ đầy. Cá tôm nhiều vô kể. Với những điều kiện đó, sông Ông Kèo trở thành xứ sở của loài cá sấu. Từ thời đánh Mỹ, vùng này là một trong những điểm căn cứ và hành lang của chiến khu. Nhiều trận độ sức đã xảy ra ở đây. Lớn nhất là trận ngày 21 tháng 6 năm 1968 (trận đánh gây xương sống lên tướng hai sao lữ trưởng lữ 199 lính thủy đánh bộ Mỹ - - Dê-vít). Trước đó, chiến sĩ Rừng Sắt đã qua lại sông Ông Kèo nhiều lần gặp cá sấu, nhưng hình như nó không quan tâm nhiều đến người. Còn ở sông Giữa, Rạch Lá, sông Tiền, cá sấu thấy người lội ào ào dưới nước lại bỏ chạy. Nhưng rồi những xác lính Mỹ bỏ lại sông Ông Kèo sau trận đánh ngày 24 tháng 6 năm 1968 đã gây một hậu quả tai hại : con thú dữ trong lòng nước đã tìm ra một nguồn thức ăn mà những thế hệ trước nó cũng không lạ gì. Từ đó cá sấu vùng sông Ông Kèo trở nên hung hãn.

Một đêm, cuối tháng 6 cùng năm, lúc gần sáng, trăng mờ, một tổ chiến đấu từ phía bắc về, vượt qua rạch Vọp. Như mọi khi, những người đi trước đã lên bờ một cách bình thường. Bỗng có tiếng kêu từ dưới rạch :

— Ối !...

Mọi người hoảng hốt quay lại, chẳng thấy Ngô đàn, chỉ thấy dọn sông còn lại trên mặt nước. Mấy ngày sau đó, Khét và Tư đi kéo cá trên sông Ông Kèo, lưới đang vầy bầy cá đối, Khét bơi ra giữa sông. Bỗng « rầm » một cái. Dưới cá sấu quất trúng người Khét... Khét mất tăm. Trần Khét, người Long An, là một cán bộ chỉ huy đánh tàu bằng B41. Cả đại đội 2 sức tìm khắp khu vực. Năm ngày sau mới phát hiện xác Khét đã bị cá sấu ăn gần hết.

Trong những người từng vật lộn với cá sấu có một anh hùng. Đó là Lương Văn Mười. Trước khi trở

thành anh hùng, anh đã làm một chuyến đi thư đàm màu. Đi tắt từ bót Độ Hòa về Rạch Lã, anh đến bờ sông lớn khi trời vừa sáng. Trên trời, mặt sông lúc này là lúc địch hay đến bắt thằn lằn, dưới nước thì có thể có cá sấu đang nằm im thin thít rình mồi dầu đó. Trong tay chỉ có một đoạn cây chà là dài hơn một thước, xỏ vào mang một con cá nặng hơn 3 kilô, Mưôt quyết định vượt sông. Vừa ra khỏi mép bờ, nước lên tới bắp vế, Mưôt đã nhìn thấy hai mắt cá sấu đỏ lừ. Anh định trở lại, nhưng không kịp nữa rồi, con cá sấu nhào tới, hai hàm răng cắn phập vào đùi phải. Chần chờ để nó lòi tuột ra chỗ sâu thì thất thế. Mưôt nhanh chóng trở đầu gậy nhằm thẳng mắt trái dúi thủ bỏ xuống. Bị đòn hiểm, con cá sấu nhả mồi giáng trả đòn đuôi, vó cũng không quên cướp luôn con cá trên tay trước khi bỏ chạy. Máu người, máu cá sấu lặn trong dòng nước. Mưôt trở lại, trèo được lên bờ thì quỵ xuống. Nhìn lại thấy răng cá sấu kéo những đường loạc dãi từ đùi xuống bắp chân. Vết thương nghiêm độc, Mưôt nằm mê man trong một bụi rậm. Anh em đại đội 5 tìm suốt 3 ngày trời không thấy tăm hơi, đã đánh điện buồn về trung đoàn. Nhưng chính lúc ấy Mưôt đã tỉnh lại, bứt rau rừng nhai đắp, không ngờ các vết thương lại đỡ đau. Không còn nhớ đường, nhưng nhờ tiếng chuông nhà thờ buổi sáng trên đường 19 mà xác định được hướng. Muốn về đại đội, không còn một cách nào khác là phải trở lại nơi giao chiến với cá sấu. Ngồi trên bến đã đổ máu, may dầu lại thấy một bình xoong Mỹ rất to nổi lềnh bềnh trên mặt nước, Mưôt nghĩ ngay đến một cái phao, con cá sấu nó trở lại thì cái phao này cũng tạo được cái thế đánh trả. Mưôt khua nước thử không thấy động tĩnh gì, anh lại lao xuống, mỗi lúc một ra xa... Chuyến liên lạc đàm màu này được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba.

Dân Rừng Sát thường nói rằng cá sấu không bắt người trong lòng nước mà nó thường đợi thời cơ tấn công trên mặt nước. Với những con háu ăn, khi phát hiện người nó đuổi theo, nếu bất thần chĩa một khúc gậy lên khỏi mặt nước lập tức nó nhào tới dớp liền. Vì vậy cần chú ý khi lên xuống bờ và ngay khi đứng trên chỗ nước cạn. Khi dớp mồi, con vật có thể nuốt luôn nhưng cũng có khi còn vờn mồi như mèo vờn chuột cho đến khi mồi mệt như. Cá sấu có sức mạnh nhờ một cái đuôi vừa cứng vừa dẻo, có gai sắc cạnh, vì vậy có thể bắt thằn lằn cái đuôi quật ngã đối phương trước rồi mới quay lại tấn. Giữa hai hàm răng cá sấu con người không đủ bình tĩnh thì sẽ chết. Cũng như Lương Văn Mươi, Hoàng Chương giữ được cái bình tĩnh này. Hôm ấy, với nhiệm vụ dò đường vận chuyển vũ khí, Chương phải đi qua ngã ba Thiêng Liêng. Bọn biệt kích đã phục sẵn ở đây. Xuồng của Hoàng Chương đã bị tấn công bất thần. Anh nhảy xuống sông, nhanh chóng lao ra giữa dòng nước sang bên kia bờ. Vừa ra khỏi ổ phục kích của địch thì một con cá sấu từ đầu lao tới. Nó chồm lên quắp cánh tay phải gần sát vai trong khi Chương đang sải trên mặt nước. Có thể đây là một con cá sấu muốn vờn mồi hay vì nó chưa tập được vào đúng chỗ đề đối phương khó vùng vẫy. Từng chập một, Chương im thì nó ngoi lên, vùng vẫy thì nó nhận xuống, càng vẫy càng lao sâu, Chương lại nghĩ đến con mắt cá sấu. Khi chân vừa chạm bùn, anh đã mò được từ mũi đến hốc mắt. Mắt bị một phát câu mạnh, con cá sấu tụt nhả mồi, nhưng nó vẫn đuổi theo. Lần này đợi Chương vừa nổi lên, nó dớp ngang bụng. Cái chết đã trông thấy, nhưng Chương còn đủ bình tĩnh nhớ đến cái dao găm và trái lựu đạn ở thắt lưng. Lựu đạn là giải pháp cuối cùng chia đôi, trước hết hãy dùng con dao. Tay phải đã rút được con dao,

tay trái lại lần đến con mắt đối thủ. Con dao cầm pháp đứng hốc mắt. Cá sấu buộc phải buồng mồi. Khi đã treo được lên bờ, Chương vẫn nhìn thấy con cá sấu đang vùng vẫy lờng lộn trong dòng nước pha máu, cho đến khi ngất lịm. Khi tỉnh dậy mới thấy toàn thân bết máu, ế ẩm trong tay vẫn còn con dao. Bây giờ anh bỗng nhớ lại, đây chính là con dao mà cha anh đã lăm trong chiến hào bao vây đồi Độc Lập ở Điện Biên Phủ và đã trao cho anh trước khi vượt Trường Sơn. Bộ phận đi sau Chương, sau trận phục kích, đã cho từng nhóm đến trận địa để tìm. Mãi đến 3 giờ sáng hôm sau mới thấy Chương đang nằm trên một nếp bùn. Tại trạm quân y trung đoàn, bác sĩ Quang, nữ y sĩ Tư Mến và anh chị em tận tình chăm sóc, mười ngày sau các vết thương phía trên mới kéo da non, còn từ mông trở xuống bàn chân, các vết răng cá sấu 1 tháng sau vẫn còn cứng mủ.

Một trận đánh cá sấu mới nghe khó tin, nhưng có thật. Đó là trận của đồng chí Mười Một, một vệ binh đoàn 10 vốn là dân chài lưới Phước Hải. Hôm đó sau trận đụng biệt kích trên đường hỏa tốc từ trung đoàn lên tuyến một ở Rạch Lá, Mười với một vết thương vì trúng đạn địch, thả theo dòng nước để trở về đơn vị. Mùi tanh máu loang đã thu hút cá sấu đến. Đến chỗ nước xoáy tròn, nó ngoạm Mười ngang mông, lợi xuôi, vòn mồi. Mười nhớ được chuyện Hoàng Chương, tay mò đến thất lạng, nhưng không có con dao, mà chỉ có một cây « đèn ngoéo » Mỹ. Cây đèn ngoéo không chọc mắt cá sấu được, anh tọng vào cổ họng con vật, đứng đứng cây đèn. Nó ngậm miệng không được, phải buồng mồi, dòng mắt. Mười trườn lên bờ, mình mẩy đầy máu, các vết răng cá sấu xé thành những đường loét từ mông đến chân.

Để đảm bảo nhiệm vụ, vấn đề cá sấu không thể bỏ qua được. Ban chỉ huy đoàn lệnh cho phép nổ súng

khi gặp cá sấu và phát động một chiến dịch săn lùng. Chiến sĩ phân công nhau tuần tra, lùng sục các hồ bom, địa, hang hốc. Một hồ bom ở Rạch Lá có sáu con mới nở bị phát hiện. Chúng nó mới bằng bắp tay mà mỏ dài, răng nhọn hoắt, hỏn như chó dữ. Chiến sĩ ta cởi ngay quần dài dang mặc quấn vào cánh tay nhẩy xuống hồ bom, khua động. Sáu con hỏn xược lao vào cắn, răng nhọn dính luôn vào vẩy, cứ như vậy hết con này đến con khác lần lượt vào thùng ! Chiến sĩ đại đội 12 còn bắt gặp một ổ cá sấu hơn trăm trứng. Trứng cá sấu to bằng trứng ngỗng, có lòng đỏ, lòng trắng, nhưng lòng trắng luộc không bao giờ đặc. Được trứng cá sấu ngon anh em không quên bà con trong ấp chiến lược. Những bác già ấp Phước Thạnh đã được « nhận » trứng cá sấu của anh em đoàn 10 sau này vẫn nhắc mãi cái hương vị thơm ngon của nó. Nhiều thú rừng, cá lớn bắt được đã dành cho bảy sáu. Trung đoàn trưởng Tâm Sơn bàn với vệ binh, đột vào ấp chiến lược Quới Thạnh mua một con vịt bầu, cặp vào cánh vịt hai bánh thuốc nổ TNT, có gấn nư xóc, luồn dây cột vào chân vịt, thả lên dòng sông Ông Kèo. Các chiến sĩ thay nhau rình. Ngày thứ nhất, rồi ngày thứ hai vẫn chưa thấy gì. Anh em bỏ về, bỗng nghe một tiếng « ùng ». Con vịt đã bị chủ cá sấu gấp chạy, dây căng nư xóc, khối thuốc đã nổ. Ít nhất đã vỡ mồm một tên chúa nước. Sau đó, con-mồi thường đề ở mép nước trong những dòng kênh nhiều cá sấu, kèm theo mìn hoặc lựu đạn gài. Nhiều cá sấu đã bị toác miệng vì háu ăn. Nhưng cũng lắm trận nổ trái chỉ đủ « gãi ngứa » cho cá sấu và lại cho nó một bài học cảnh giác. Những con thoát chết tình khôn đến mức khi thấy mồi thì lấy đuôi khều, mìn nổ, chúng ung dung trườn xuống nước. Bảy cá sấu ngày càng tỏ ra kém hiệu lực. Lại phải dùng cách chủ động và kiên quyết hơn : tìm đề

diệt. Cách này cũng không phải dễ. Ở đại đội 12, một con cá sấu tám mươi kilô bị một trái B40, nó vẫn ngoi đầu, ngoác miệng, phải bồi thêm một trái lựu đạn mới hạ được nó. Trận đánh của trung đội phó Hùng lại càng gay go hơn. Đối thủ đứng vào hàng « cừ » trong làng cá sấu ở Rừng Sát. Hùng phát hiện nó ở rạch Bào Thái trong khi đi tuần tra bọn thám kích. « Cừ sấu » đang trầm tư bên mép nước dưới trời nắng (đây là một kiểu cách của họ nhà sấu : nằm im tưởng chừng như đã chết để đánh lừa con mồi), đuôi chầm mép nước, chân choãi, đầu húc vào một bụi rậm. Mới nhìn tưởng như một chiếc xuống con lật úp, dài khoảng sáu mét, lưng đầy rêu mốc meo. Hùng dựa vào một gốc mắm cách xa khoảng 5 mét, để lấy tư thế bắn. Anh lấy mắt cá sấu làm điểm ngắm, nhưng sợ bắn xuyên ngang dễ trượt qua đầu, nên chọn đường ngắm chéo qua bụng, nếu không trúng mắt thì cả đồng thit không lỗ kia khó tránh được đường đạn. Hùng dành cho tên chúa nước nguyên một băng AK. Không hiểu vì giạt mình hay trúng đạn, con sấu quật mạnh đuôi lao xuống dòng nước. Hùng bồi thêm một trái lựu đạn. Con vật bị đẩy vọt sang bờ bên kia. Hùng buông súng lao ngay tới, chộp ngay khúc đuôi đưa vào họng cần chặt đồng thời rút lê đâm ngang để tạo chỗ cầm. Cá sấu bị gãy xương sống không quay đầu lại được, nhưng giãy giụa hung hãn. Cả một khoảng bờ rộng cỏ cây nhàu nát, bùn bắn tung tóe. Nó lại lao đầu được xuống nước. Lại một trái lựu đạn ném vào đầu, nhưng không nổ. Trời thứ hai bồi tiếp, kích thích cả hai cùng nổ. Đầu cá sấu bị loác. Chiến sĩ đại đội 2 nghe tiếng súng tưởng dụng giặc, ra ứng cứu, thấy Hùng vẫn đang ôm chặt con cá sấu, răng vẫn ngoạm vào đuôi. Anh em phải đem xuống sáu lá rau nhai chìm rồi luồn dưới bụng cá sấu, đỡ xuống nổi dần lên rồi tát nước, đầu đuôi sấu

vẫn lòi ra ở mũi và lái. Con cá sấu nặng khoảng 400 kilô, làm ra được hơn 300 kilô thịt tươi. Anh em ở tuyến hai, tuyến ba, một số bà con trong ấp chiến lược đều được hưởng bữa thịt cá sấu thỏa mãn. Da được gửi vào Sài Gòn để đổi gạo. Hai chiến sĩ trinh sát chở nguyên cái bao tử ra sông, rạch ra xem thử mới biết trong đó : một con heo rừng hai chục kilô, một ít tóc người, một đoạn lưới có dính cá, vẫn còn nguyên.

Chiến dịch tìm và diệt cá sấu không thu được nhiều kết quả. Con vật tinh khôn này không phải lúc nào cũng gặp, nhưng đã gặp thì lại bị nó tấn công trước trong tình huống bất ngờ. Trận vật lộn với loài cá dữ này vẫn dai dẳng. Đó là một cuộc chiến đấu âm thầm, gian khổ, kéo dài cho đến ngày kết thúc chiến tranh.

RỪNG SẮT LÀ NHÀ

Quôn thù muốn lột da Rừng Sắt, nhưng chuỗi rẽ cách mạng đã ở trong lòng người thì chúng nó không thể đào bới được như đã đào bới cây được, cây mầm. Trên vùng đất trắng Bà Bông vẫn tồn tại một đội du kích dưới hầm bí mật và bà Ba, người mẹ của một chiến sĩ đã hy sinh bám trụ ở đây dù chỉ một cây chuối và một cái chòi. Địch cũng không thể nào gom được những con người như bác Năm Hồ Cần Giở. Bác Năm Hồ người cha trên sáu mươi tuổi của bốn đứa con trai, kéo cả nhà vào chiến khu đầu quân từ khi giặc Mỹ ào ạt kéo vào đất nước qua sông Lòng Tàu. Bốn người con lần lượt ngã xuống trong cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt trên mảnh đất này. Anh em bộ đội khuyên : « Bác đã già, cứ yên lòng mà nghỉ ». Bác trả lời : « Tôi vô đây là để đánh giặc, giặc còn thì

tôi sống ở đây, chết cũng ở đây ». Bắc Năm trở thành người chiến sĩ cuối cùng của gia đình, còn lại cho đến ngày giải phóng đất nước.

Chiến sĩ du kích Rừng Sắt ăn rau kèm mà bám trụ. Ở một số xã như Đồng Hòa, Long Thành, Long Sơn, người ta còn tình được hai ba lớp du kích nối tiếp nhau, nhưng ở nhiều xã khác như Lý Nhơn, Phú Hữu, Phước Khánh, Bà Bông... khó tình được là bao nhiêu lớp du kích đã nối tiếp nhau. Có những xã đến ngày giải phóng, chỉ còn một bí thư một du kích. Ở Lý Nhơn, số gia đình liệt sĩ lên đến tám chục phần trăm của gần 100 hộ với 1200 dân.

Nhưng trận đánh lâu dài, gian lao có quan hệ nhất đối với sự tồn tại chiến khu Rừng Sắt chính là việc chén cơm manh áo người chiến sĩ.

Người ta hỏi, một trung đoàn quân giải phóng cùng với bao nhiêu cơ quan nằm trên một chiến khu và đảo triều đã tồn tại như thế nào trong vòng vây quân thù và nước mặn suốt cả trận đụng đầu lịch sử vô cùng quyết liệt ?

Bà mẹ Rừng Sắt thường hay nói : « Đoàn 10 là một khúc ruột của mình ». Lịch sử đoàn 10 Rừng Sắt ghi : « Hơn tám năm chiến đấu, đoàn đã xây dựng được 184 cơ sở hậu cần ngay trong các ấp chiến lược. Nhân dân đã mua sắm, đóng góp và đưa ra chiến khu hàng ngàn tấn gạo, 40.000 mét vải, may 8.000 bộ quần áo, chăn màn, tất cả thuốc men, vật dụng đủ dùng, đảm bảo sinh hoạt, đời sống... » Những con số này gắn liền với bao nhiêu trận đánh thầm lặng, bao nhiêu của cải, tù tội và cả xương máu của người Rừng Sắt.

Người Rừng Sắt lo cho chiến khu với cái lần tảo, chặt chiu của một người mẹ, nhưng đồng thời cũng với cái quyết liệt của người chiến sĩ trên trận địa.

Một câu chuyện nhỏ hồi tết Mậu Thân đã vẽ lên đúng tình cảm của người mẹ đó. Lúc ấy vào 29 tết, mấy ngàn quân Mỹ tập trung ở Đồng Lớn — cầu Ông Trúc. Nhân dân xã Phước Thọ biết ngay là chúng nó sắp đánh vào Rừng Sắt, vớt ngay một lúc ba con heo, gấp rút gói bánh tét cho chiến khu. Ngày mồng năm địch hành động đúng như dự đoán, nhưng bánh tét đã đến tay người chiến sĩ trước khi chúng nó vào Rừng Sắt.

Năm 1970, lúc mà Rừng Sắt đang trải qua những ngày gay go nhất, có một tổ chức gọi là « Hội anh chiến sĩ » đã hình thành. Đầu tiên, đây là một « Hội ăn thề » của những người nông dân ở ấp chiến lược Ăn Thịt và hàng ngày ra làm ăn ở chiến khu, có nguyện vọng được nhận việc cách mạng. Tại một gốc cây xã Bà Bông trong một buổi lễ tụ có đồng chí Lê Bá Ước, chính ủy đoàn 10 Rừng Sắt, ông Bảy Cóc, anh Hai Trám và những người nông dân này đã « ăn thề » : « Ai gia nhập hội mà phản bội thì sẽ bị cách mạng trừng trị ». Điều lệ, tôn chỉ, mục đích của hội có thể tóm tắt là : chống Mỹ cứu nước, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng giao phó. Chứng chỉ hội viên là giấy mạng chữ ký Lê Ước (Lê Bá Ước), nhưng trước tiên chính là phải giữ đúng lời thề danh dự. Ông Bảy Cóc, anh Hai Trám là những người đứng ra công khai việc tổ chức, hội họp. Ông Bảy Cóc là chủ tịch. Với mặt hiệu « Ăn Thịt, bữa nay bán 2 Nhà Bè gọi », trong vòng vài giờ, mệnh lệnh đã truyền đi trong các ấp chiến lược. Với lệnh huy động khẩn cấp của hội, trong vòng một con nước có thể vài tạ gạo đã về tới tay chiến sĩ Rừng Sắt. Chỉ là những công việc « lử » và « lủ », nhưng chỉ với mục đích là « được giao nhiệm vụ cách mạng », hội anh chiến sĩ đã có sức thuyết phục, từ Ăn Thịt lan ra các xã Thạnh An, Lý Nhơn và đã lập những chiến công quan trọng trên mặt trận hậu cần tại chỗ lúc chiến khu Rừng Sắt đang bị bao vây quyết liệt nhất.

Có những người dân người ta không rõ tên tuổi thật nhưng khi nhắc đến « biệt hiệu » của họ, anh em đoàn 10 hình dung ra ngay đó là những người chiến sĩ trên trận địa hơn là những người dân bình thường : Bà Hai Trầu, ông Năm Mạt Cưa, ông Năm Dầu Tóc, anh Bảy Dừa Khô, anh Tư Mập... Họ không là chiến sĩ, nhưng « có lệnh là đi, khó khăn nào cũng vượt » « mệnh lệnh » ở đây chính là cái mà anh em giải phóng đang cần.

Ông Năm Mạt Cưa, một người nông dân không biết chữ nhưt nhưng mặt hiệu thuộc lâu từng câu từng chữ, am hiểu địch, xử lý tình huống phức tạp với tất cả tay chân hàng xóm, trong nhà như một người chỉ huy có tài trên trận địa. Các đồng chí đoàn 10 thường dùng chữ « xuất tướng » mỗi khi cần đến ông Năm Mạt Cưa vì như lúc chuẩn bị đánh kho xăng Nhà Bè, kho bom Thành Tuy Hạ là lúc « xuất tướng ». Một trận đánh hậu cần thăm lặng mà quyết liệt đã bắt đầu từ khi đồng chí Bảy Ước nói với ông Năm Mạt Cưa :

— Anh nói với anh Bảy Dừa Khô, dùng rằm tháng này lên gặp tôi cũng đình Phước Hòa... dùng rằm không sai, tôi trông lắm đó.

Ông Năm Mạt Cưa là người nông dân có thêm nghề bần mạt cưa ở Quán Chim đường 15. Anh Bảy Dừa Khô làm nghề đem dừa khô đi bán, nhà ở tận Cai Lậy. Hai người ở cách nhau hàng trăm cây số, thế mà anh Bảy Dừa Khô vừa thấy mặt ông Năm Mạt Cưa là biết ngay có việc « xuất tướng ». Quả thật không sai, mặt hiệu đã báo cho biết đoàn 10 đang cần 20 tấn gạo dân kho. Anh Bảy Dừa Khô tức tốc lên đường. Lúc này là lúc tên Thiệu đang nhai đi nhai lại : « Bao vây kinh tế cộng sản », « Không cho Việt Cộng vô tiệm ăn hú tiếu », « Một lít gạo cho Việt Cộng là tử hình »...

Anh Bảy Dừa Khô vốn là người thàng nào cũng không quên ngày chay ngày lành, nhưng từ và từ không sợ bằng việc anh em đang cần mà mình làm không xong. Chơ tàu « ăn gạo » ở đâu ? Kẻ địch đang rình rập tất cả các nơi bán gạo, các hành lang gạo về chiến khu. Anh Bảy biết một người hàng xay nhỏ ở Bến Tre. Đó là chị Tư, có chồng làm nghề dạy học. Anh chưa từng nói với chị lần nào là mua gạo chơ đi đâu, nhưng qua nhiều lần, anh biết chị Tư đã nhận ra. Chị Tư cũng không cần hỏi, nhưng mỗi lần thấy tàu, anh Bảy cặp bẹn là chị lộ rõ niềm tự hào. Khi đó tất cả chồng, con, cháu trong nhà kín đáo đứng ra làm thay mọi công việc của người ngoài. Lúc tàu anh Bảy đang rẽ sông ngoài khơi thì ở Rừng Sát, các chiến sĩ đặc công thủy lội, diện dài đã ra chiếm lĩnh vị trí. Các tổ B41 ra chốt ngã ba Đồng Tranh, Thiềng Liềng, tắt Hồng, Thạnh An, bằm sát các hành động của giặc trên sông. Các tổ này đã được lệnh khi có tín hiệu tàu gạo vượt qua thì bằng mọi giá phải đánh chìm, đánh cháy, đánh bật các tàu xuống của địch lai vãng. Chiếc tàu của anh Bảy sẽ được chiếc « tàu hoa tiêu » của anh Mười Chuột, cán bộ cửa khẩu, anh Bạch Yến phó ban hậu cần và anh Tư Khê dẫn đường.

12 tấn gạo trên tàu của anh Bảy Dừa Khô như một khối thuốc nổ khổng lồ có thể bùng nổ vào bất cứ lúc nào. Trên gạo còn chứa chất những « ngòi nổ » không kém phần nguy hiểm : thuốc kháng sinh, mầu khô, thuốc té, băng gạc... Một lớp lá dừa nước chống xom và những buồng dừa tươi dần lên như đề giải thích tại sao chiếc tàu lại khẳm dư.

Tên ác ôn Bình Đại thấy tàu chơ là mà lại khẳm liền nhảy xuống lấy chĩa xom. May dầu chĩa của nó chưa thọc đúng chỗ. Hết ác ôn Bình Đại đến tàu hải quân nguy đến ngay cửa biển và cặp tàu gạo. Anh Bảy

lớn cho lên thuyền trưởng 20 ngàn đồng để nó khỏi ra lệnh dỡ dĩa dỡ lá. Đến xã Lý Nhơn thì tình huống lại càng rắc rối. Anh Bảy đã cấp 5 ngàn đồng vào giấy phép vận chuyển, nhưng ác thay, thằng « xếp » bót lại gửi xuống hai tên lính « có giang ». Anh Bảy ngầm báo hiệu cho con trai cùng đi : có bề gì thì cha một thằng, con một thằng... chúi luôn xuống nước. Nhưng để tránh tình huống xấu nhất này, anh Bảy bày ra can rượu để Mỹ Tho và mấy con khô mực. Hai tên lính cùng ông chủ tàu lai rai hết lít này đến lít khác, cho đến khi chúng nó « quên hết sự đời ». Quyết liệt hơn hết vẫn là cái bót Đồng Hòa. Ở đây có thằng thiếu úy ác ôn. Gặp tàu anh chở lá mã khảm, nổ diêm huyết trúng phóc : « Tàu này chở gạo cho Việt Cộng ». Nó quát bọn lính : « Tụi bây ra tọc chiếc tàu gạo này ». Anh Bảy Dừa Khô tỏ ra một con người rất dày dạn :

Xin thiếu úy dừng vội, việc đầu còn có đó, đi uống cà phê cái đã...

Trong quán trước mặt tên ác ôn đang cầm ly cà phê, anh đã trộm thử với nó cái giá 20 ngàn đồng để đánh đổi việc nó không tọc tàu. Nó vẫn lạnh lùng như không :

— Từ, từ hay mấy chục ngàn đồng, tùy ông tính !

Nó đã nắm đấng cán rồi. Hai tiếng « từ -- từ » cũng không có gì lạ tai cho lắm, nhưng nó đánh đúng vào chỗ đang lo của anh Bảy : nếu như 12 tấn gạo không đến được anh em Rừng Sắt thì tình hình sẽ ra sao ? Cái giá cuối cùng đã phải ngã là 50 ngàn đồng.

Trước khi gặp chiếc tàu « Hoa tiêu » của anh Mười Chuột, ông chủ tàu gạo còn phải « lai rai » một lít với « xếp » bót Bà Nghĩa. Anh Bảy vốn biết tình tên này : vừa thích quà biếu lại tỏ ra cảm phục những người kháng

chiến. Anh đưa cho nó một kilô mực khô và một chai rượu dùng « Toa Cù Hồ »

Chiếc tàu gạo nhận ra tin hiệu của anh Mười Chuột, nó rẽ trái theo làn « Hoa tiêu » đi vào vòng « lử địa ».

Cuộc hành trình chưa có tiếng nổ nhưng có sức bùng nổ thật dữ dội. Không có phút nào vui hơn là khi gạo đã vào kho.

Trận này thắng, nhưng trận tới còn gay go hơn. Đồng chí Bảy Ước nói với anh Bảy Dừa Khô :

— Sắp tới anh rán nâng lên 15 tấn và chạy cho 500 lô pin, 200 thước vải nilon, 500 đôi giày bata mắt cua, 200.000 đồng thuốc tây nhưt là nước truyền, máu khô và kháng sinh...

Anh Bảy Dừa Khô cho biết khó nhưt là pin với thuốc tây, nhưng không từ chối :

— Nói vậy thôi chứ các anh yên trí, nó nắm thóp của tui, tui cũng biết thóp chúng nó chứ !

Đồng chí Bảy Ước bàn với anh Bảy Dừa Khô kế « mua » một khúc sông Lòng Tàu :

— Việc làm ăn của mình còn dài, sống chết gì mình cũng không tránh được bót Đồng Hòa, Bà Nghĩa. Sắp tới phải chịu không một chuyến. Anh chỉ chở dừa khô cho thật khăm, khịch thẳng ác ôn Đồng Hòa tốc tàu rồi lại « xoa bóp » nó bằng dừa tươi với rượu đế Mỹ Tho « nguyên chất », còn thẳng « xếp » ở Bà Nghĩa thì tặng cho vợ nó một bao cám miền Tây, một chai rượu thuốc của quán y ở đây pha chế, nói với nó « Toa Cù Hồ » chính cống của anh em giải phóng tặng đó...

Anh Bảy Dừa Khô gật gù khen kế hay.

Trên mặt trận hậu cần, nhân dân Rừng Sắt có không biết bao nhiêu trận lớn, trận nhỏ theo kiểu của

anh Bảy Dừa Khò, « mặt tập » có, « cường tập » có. « Mặt tập » tức là luôn lách tránh né địch mà đi. « Cường tập » tức là có trình sát nhân dân, trình sát bộ đội, có chốt nút sẵn sàng nổ súng trong trường hợp bất trắc.

Ở đường 15, những người « linh » trong trận không ai khác là những em bé mười ba mười bốn tuổi cho đến những ông bà già năm sáu mươi. Kẻ địch ở Rừng Sát bắt của những người đi lấy củi từng lon gạo thừa, từng gói trà, gói thuốc... Nhìn cách xâu cua, chúng phân biệt được xâu nào của dân, xâu nào của bộ đội gởi đi đòi gạo. Nhưng nhân dân Rừng Sát vẫn có cách qua mắt chúng nó. Gạo ngoài những chuyến lớn có trăm ngàn chuyến năm bảy ký. Gạo bọc trong nilon gấp bốn biệt kích đập luôn xuống nước, cũng có khi nạo luôn dưới bụng xuống.

Hàng lang gạo của anh Bảy Dừa Khò cũng không phải là hành lang dài nhất, bởi vì Rừng Sát còn hành lang gạo bắt đầu tận Long Xuyên, Châu Đốc. Còn biết bao nhiêu người như anh Bảy Dừa Khò : Ông Năm Đầu Tóc, bà Hai Trầu Vững Tàu, anh Hai Cam, anh Tư Mập...

Ông Ba Chà, biệt hiệu là ông Năm Đầu Tóc là một võ sĩ đạo. Ông Trần ở Bà Trao, vốn là một người làm muối nghèo, nổi tiếng khảng khái, bản lĩnh, đã nói một là một, hai là hai, của cách mạng không tơ hào một xu một cắc. Với mỗi tuần một chuyến gạo Bến Tre về từ 80 đến 100 bao chỉ xanh, có khi hai ba ngày một chuyến mà chỉ nhận một khoản thù lao đủ ăn đường, bác Ba đã trở thành một người chiến sĩ già trên biển cả.

Người chiến sĩ hậu cần cao tuổi đời, cao nhất tuổi nghề, đã vào sanh ra tử, đã nếm trải đau thương, tan nát ở đây chính là bà Hai Trầu Vững Tàu. Đó là bà Đỗ

Thị Trị, quê xã Phước Thọ, Long Thành, người đã « vào nghề » từ thuở Rừng Sát có đồng bạc Cu Hồ. Kẻ thù đã nhiều lần « gặp gỡ » bà mẹ này.

Một ngày cuối năm 1968, tại văn phòng tên thiếu tá an ninh quân đoàn 3 nguy... Trước mặt hắn, tên thiếu tá an ninh, là một bà mẹ gần sáu mươi tuổi, bị bắt vì tội chở hàng quốc cấm vào Rừng Sát. Bên cạnh hắn còn có hai tên lính chuyên nghề tra tấn mà bà mẹ đã nhận mặt sau những trận đòn hèo, trấn nước, chàm điện...

Tên thiếu tá nhìn bà mẹ quắc mắt :

— Bà vào Rừng Sát làm gì ?

— Tui vô thăm con tui, nó ở đoàn 10

— Đoàn 10 đóng ở đâu ?

— Ở Rừng Sát !

Tên thiếu tá nổi nóng gần từng tiếng :

— Tôi hỏi bà nó ở kênh nào, rạch nào, bà giao hàng ở đâu ?

Bà mẹ vẫn ung dung :

— Đoàn 10 ở khắp Rừng Sát, tui đi gặp chỗ nào, giao chỗ đó !

Tên thiếu tá đập bàn :

— Tại sao người ta đánh bà như đánh nhai mà bà không khai ?

Bà mẹ phản trần :

— Thì tui khai thiệt rồi, đoàn 10 ở Rừng Sát, các ông cứ xuống mà coi, nếu không đúng thì cứ chặt đầu tui, tui đem đồ cho con tui ở Rừng Sát, nó đi giải phóng là phần nó, còn việc cho đồ cho con thì người mẹ nào mà không làm !

Biết làm căng cũng vô ích, tên thiếu tá hạ giọng, chuyển hướng :

— Con bà nói với bà những gì ?

— Nó nói nhiều lắm... (Bà mẹ nhìn sang hai tên đồ tể) nhưng bây giờ mà tui nói thiệt mấy ông đánh chết.

Tên thiếu tá nhanh nhẩu :

— Nếu bà nói thật, chúng tôi không đánh !

— Ông bảo đảm chứ ?

— Bảo đảm !

Bà mẹ nhìn thẳng mặt tên thiếu tá, « xả » luôn một tràng :

— Nó nói mấy ông có học thức mà bán nước buôn dân lấy đô la, uốn gối lòn tròn không biết nhục, công rắn cắn gà nhà không biết đau...

Quay sang hai tên đồ tể mắt đang long sông sọc, bà mẹ « xả » tiếp :

— Nó còn nói mấy ông chỉ là kẻ đánh thuê giết mướn, chuyên nghề lấy máu đồng loại đổi đô la !

Cả bọn tái mặt. Biết đã thua mưu bà mẹ, càng dè lâu càng khó gỡ, tên thiếu tá lại đập bàn

— Đem bà già cứng cổ này đi mau !

Quả thật bà mẹ ấy có hai con ruột là chiến sĩ đoàn 10, nhưng với mẹ thì chiến sĩ đoàn 10 ai cũng con nên ở đây ai cũng gọi là má, « Má Hai Trầu Vàng Tàu ». Thời đánh Mỹ, má vừa là một chiến sĩ quân báo vừa là một chiến sĩ hậu cần. Những chuyến hàng bí mật từ Sài Gòn vô Rừng Sát không có con đường nào hơn là đường 15 Sài Gòn — Vũng Tàu, Sài Gòn — Nhà Bè và sông Lòng Tàu. Bà mẹ đã lập nên một mạng

lưỡi cơ sở của mình với đủ phương tiện xe lam, xe be, xe dò, ca nô. Mỗi chuyến đi là một lần ra trận, đối thủ gồm đủ các sắc lính nguy, Mỹ, Úc, Thái Lan. Có những trận thắng giòn giã. Nhưng cũng có những trận đưa đến kết quả là tù. Tính ra thời đánh Mỹ mẹ đã 6 lần vào tù. Thấy công việc của mẹ nguy hiểm, một lần anh em đoàn 10 định cấp cho một khẩu súng bỏ túi. Bà mẹ trả lời : « Tụi bây đánh giặc bằng súng, còn tao đánh giặc bằng cái lưỡi ». Cái lưỡi ấy không biết kiêng nể bất kỳ một tên giặc nào, nhưng mà Hai có cái tài chửi mà chúng nó không làm gì được. Một lần ra tòa của nguy vì tội vẽ bản đồ sân bay Biên Hòa, chúng nó tuyên án 5 năm tù ở, bà mẹ ưng dung :

— 5 năm tù, tôi ở 1 năm, còn lại 4 năm để dành cho các ông.

Bọn quan tòa trở mặt ngạc nhiên. Lúc ấy là đầu năm 1969, lúc mà chúng nó đang huênh hoang : « Việt Cộng đã không còn khả năng giành chiến thắng ».

Bà mẹ thường nói với chị em xung quanh : « Trong tù không đấu tranh không vui, ra ngoài không công tác thì có khác gì người lính đang thời giặc giã mà lại dễ súng sét ! »

Lần vẽ bản đồ sân bay Biên Hòa, kẻ địch không bắt được một chứng cứ nào và với đủ các kiểu tra tấn chúng cũng không moi được một điều gì ngoài một lời khai của bà mẹ « Văn phòng chỉ huy Việt Cộng ở trong đầu gối ».

Lần vẽ bản đồ thứ hai không bị bắt, nhưng lại phải bắt đầu từ một sự việc đồ máu. Hôm đó, giặc Mỹ bắn pháo ven Rừng Sát. Nhiều bà con chết và bị thương, trong đó có má Hai Trần. Tức quá, bà mẹ kêu bà con xúm ra nín áo bọn Mỹ phải bắt đền. Thấy lấp liếm

không xong, bọn Mỹ buộc phải đưa người cầm đầu cuộc đấu tranh — má Hai vào ngay căn cứ Nước Trong (Biên Hòa) để điều trị. Thật là một cơ hội có một không hai ! Bà mẹ không dờ vết thương lành, ngày ngày chống gậy đi loanh quanh. Giặc Mỹ không tưởng tượng nổi những gì đang sắp xếp trong đầu óc một bà mẹ Việt Nam người nhỏ nhắn, phong trần, đầu đã bạc gần hết. Đêm cuối cùng, mẹ cầm theo cả cái ngoáy trầu. Thế là một sơ đồ căn cứ giặc đã hình thành, những nét vẽ màu đỏ của cây ngoáy quết với trầu hiện trên một tấm giấy mà chúng nó đưa bà mẹ để đi cầu. Tấm giấy đã vẽ căn cứ một cách an toàn trong một cái ruột heo.

Bà mẹ có một cách thắng địch bằng một lối thường dùng như chính mẹ thường nói : « Thấy thám báo theo mình rồi thì chẳng những đừng run mà còn phải xáp vào nó ! ». Chính vì vậy có lần ra bến xe thấy chiếc xe lò có đến sáu thằng công an, bà mẹ không ngần ngại, bước ngay lên chiếc xe này với dáng điệu một bà già nghèo đi buôn vật. Nhưng có lúc cũng phải đóng vai giàu có, dám chơi, nó ăn gì mình ăn nấy. Đó là những khi phải ngồi trên những bánh hàng khổng lồ. Với những kiểu cách như vậy, bà mẹ rất quan tâm đến việc dùng xe địch chở hàng cho giải phóng : xe hồng thập tự, xe loa, hậu cần. Một chuyến xe GMC của hậu cần của quân đoàn 3 nguy đã đi từ kho Long Bình về Chợ Lớn, đồ hàng xuống điểm hẹn đi Rừng Sát. Bọn lính mặc áo rằn ri giả hiển binh, vượt qua tất cả các trạm kiểm soát. Sau « trận » đó, chiến sĩ đoàn 10 được cấp dây nịt Mỹ, giày hổ, binh toong mới, đèn ngoéo Mỹ, lăm dấp bằng dù thả người, dù thả xe tăng ... Nhưng cũng có biết bao nhiêu lần, nếu không có những người « tự nhiên mà nhập cuộc » thì quả thật má Hai cũng khó vượt qua. Có nhiều nơi, thấy mặt bà má Hai, người ta

đã biết. Nhờ vậy, một chuyến hàng quan trọng đã không lọt vào ổ phục kích của bọn Thái Lan trên đường 15. Hôm đó, xe đến bót Mối, bà con ở đây có người quen, có người không quen, xúm lại, mỗi người một thùng vác chạy đi giấu. Trong chớp nhoáng kẻ địch đã ập đến, nhưng chúng chỉ thấy còn trơ một chiếc xe không.

Sáu lần bị bắt, hầu hết các kiện tra tấn đều đã ném trái các nhà lao Thủ Đức, Biên Hòa, Côn Đảo đều đã qua, một lần mà Hai tướng chết là lúc nó dặt ra một cái hố đã đào sẵn. Dưới hố đầy phân người. Nó kê súng nờ một phát ngang lỗ tai rồi đập mẹ nhào xuống hố. Nó lại kéo lên rồi đi rửa. Hóa ra nó hù dọa để moi tin tức. Trước mặt quân thù mẹ chưa bao giờ nhỏ một giọt nước mắt, mẹ chỉ khóc khi nghe Rừng Sắt bị bao vây, anh em đoàn 10 ăn rau kèm đánh giặc... Mẹ rút ra một « kết luận » sau khi đã ném đủ cực hình, thường nói với anh em đoàn 10 : « Hèo tao không ngán bằng lâu ngâm (nhắm chân chực dầu vào nước chợ đến khi sôi tìm mới kéo người bị trấn lên, lại đập giày lên bụng cho nước ọc ra), đi lâu ngâm không ngán bằng bị lột hết quần áo rồi bị gi lên thau trụng hồ, như vậy cũng chưa ngán bằng bị nó dút lươn vào người rồi gi điện vào đuôi lươn... Nhưng như vậy cũng chưa ngán bằng phải nhìn chúng nó hành hạ con gái mình cũng như thấy chúng bay phải ăn rau mà đánh giặc... nhưng ngán thì ngán, trước chúng nó mà tái mặt là coi như thua ». Sau trận đánh cuối cùng trước ngày giải phóng mẹ đã gặp phải một trong hai điều « ngán » nhất.

Lúc ấy vào khoảng giữa 1972, trong một chuyến đi « buôn » mẹ đã bị bắt. Cô Chín Tiến, con gái 19 tuổi của mẹ ra thay. Cô Tiến có một cô-bạn trang lứa là Diệp, đều là những chiến sĩ quân báo, cùng dựng một tiệm may ở chợ Long Thành. Lần này cô Tiến và Diệp

nhận lên Sài Gòn « buôn » một chuyến hàng một triệu ba trăm ngàn đồng về Rừng Sát. Người chịu ghe và cũng là lái ghe là chú Hai Cam. Chú Hai Cam vốn là dân Long An về Tam Thôn Hiệp làm ăn với một chiếc ghe cào rồi trở thành 1 cơ sở hậu cần của đoàn 10. Chuyến đi bắt đầu từ Tam Thôn Hiệp. Trên ghe chở tôm, cá. Đến Sài Gòn bỗng có một tàu tuần của giặc xán lói. Bọn lính say rượu xin tôm, xin cá rồi hoành bệ dòi tọc ghe. Chúng nhảy lên bời hết các thùng cá. Một triệu ba trăm ngàn đồng chôn trong thùng cá bị lỏi lên. Toàn bộ chiếc ghe bị tịch thu. Cả ba người vào tù. Trước hết dịch tra tấn chú Hai Cam nhưng sau đó nó chỉ giữ lại cô Diệp và cô Tiến. Diệp bị đẩy ra Côn Đảo (cho đến ngày giải phóng), Tiến vào nhà lao Thủ Đức. Ác thay ở đây Tiến lại gặp mẹ. Cuộc gặp gỡ này chính là điều mà dịch đang cần và triệt để khai thác. Từ trong phòng tra tấn bên này mẹ nghe tiếng thét của con đang bị gi diện ở phòng bên kia. Ở phòng bên kia con cũng nghe rõ tiếng roi chùng nó quất vào mẹ ở phòng bên này. Cô Tiến cũng bị đi tàu ngầm, ngồi thau trụng hồ, đủ kiểu, lúc vào tù nặng sáu mươi cân, khi gặp mẹ thì thân thể tan nát. Dịch ra điều kiện : nếu mẹ ký vào bản lý khai thì mẹ con được đoàn tụ. Đối với một người mẹ, quả thật cực hình này không có gì cao hơn. Tình trạng sức khỏe của cô Tiến ngày càng tồi tệ, nguy hiểm. Sau những cơn giạt xùi bọt mép, cô nằm mê man. Chị Ba T, — người cùng phòng giam với mẹ, nói với mẹ trong nước mắt :

— Chị Hai, chị cứ tạm ký để con sống, rồi mình sẽ tính kế khác, chị em ở đây đều biết chị rồi...

Mắt mẹ rung rung :

— Tôi theo cách mạng gần ba mươi năm, con tôi năm nay mười chín tuổi, cả hai đều là máu thịt, tôi bỏ cách mạng cũng là bỏ con tôi, bỏ đoàn 10, bỏ cả chị em...

Chị T. ... và má Hai ôm nhau khóc.

Hết năm 72, rồi 73, 74... cô Chin Tiến chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần. Má Hai lại chịu hết trận đòn này đến trận đòn khác rồi đến một con « thiên nga » 19 tuổi đến bưng cơm, rót nước khóc lóc xin má nhận làm con nuôi để má khai rạ một điều gì hay cho một chữ ký... Nhưng đó là cái mà chúng nó không bao giờ xin được.

Tháng tư năm 1975, thấy chiến sĩ ta vào giải phóng nhà lao Tân Hiệp, cô Tiến hét lên :

— Hồ chúng bay, quân dã man,.. tao giết hết... giết hết...

Cô càng chửi bao nhiêu ; chiến sĩ ta càng đau lòng bấy nhiêu : Cô Tiến không nhận ra anh em mình nữa rồi. Má được giải phóng khỏi nhà lao Côn Đảo. Hai mẹ con lại gặp nhau trong chiến thắng. Nhưng đó chỉ là những ngày sum họp cuối cùng. Cô Tiến đã vĩnh viễn ngã xuống dù cách mạng đã hết tình chăm sóc.

X
X X

Gần hai mươi năm trời, tính từ những ngày tiêu đoàn Long An đầu tiên hình thành ở Rạch Rào, Rạch Sóc, cuộc chiến đấu thầm lặng, dai dẳng và hết sức gian lao của nhân dân Rừng Sắt đã giải thích cho sự tồn tại một chiến khu trong vòng vây quân thù và nước mặn.

Sống giữa lòng dân, chiến sĩ Rừng Sắt những người từ bốn phương của tổ quốc qui tụ về đây thường nhắc lên bốn tiếng « Rừng Sắt là nhà ». Rừng Sắt đã trở thành quê hương của niềm thương nỗi nhớ của những

chiến sĩ từ miền Rừng sâu nước mặn phèn ~~ch~~
lại đất liền.

X
X X

Tài liệu của Viện Hàn lâm khoa học quốc gia
Kỳ (1974) đã thừa nhận : « Có gần 57 phần trăm
lịch Rừng Sát bị phun thuốc diệt cỏ. Khi bay
quá Rừng Sát người ta có cảm tưởng như mộ
tông lớn đất trụi hay đồng lầy rải rác vài th
hoặc vài cụm cây ».

Thực trạng của một khu rừng nhiệt đới nỏ
cưa kia bây giờ là như vậy.

Máu của chiến sĩ ta đổ xuống Rừng Sát tron
lánh ba mươi năm lấy lưng của dân tộc đã là
nột tượng đài lịch sử hùng vĩ, một bản anh h
của một khu rừng ngập mặn với thiên nhiên v
lộc đảo.

Bên tượng đài lịch sử ấy, Rừng Sát không chỉ
nặng trở thành một khu vực kinh tế, công nông
giàu có mà còn có đủ điều kiện để trở thành mệ
âm du lịch với ánh nắng chan hòa, với màu x
dồn mùa nhiệt đới, với gió biển lành lành, mòng,
nước chim trời « riêng một cõi »...

Đó cũng là một phương án lớn ở Rừng S
những chặng đường kế tiếp.

Thành phố Hồ Chí Minh tháng 12 năm 1982

Chỉ đạo thực hiện : LƯƠNG VĂN NHƯ
Người viết : TRẦN PHẤN CHẤN



0000443406

Giá: 1M 0